|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 40/QĐ-ĐHKTQD ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CHƯƠNG TRÌNH  (PROGRAMME): | | **CỬ NHÂN KIỂM TOÁN**  (BACHELOR OF AUDITING) |
| TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO  (LEVEL OF EDUCATION): | **ĐẠI HỌC**  (UNDERGRADUATE) | |
| NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR): | **KIỂM TOÁN** (AUDITING) | |
| MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE): | **7.34.03.02** | |
| LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION): | **CHÍNH QUY** (FULL - TIME) | |

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và chính trị - xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kiểm toán, kế toán; có khả năng tham gia thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động hay kiểm toán tuân thủ trong doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán nhà nước hay kiểm toán nội bộ; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

***- Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:*** đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

***- Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:***

+ Kiểm toán viên trong Cơ quan Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập trong và ngoài nước; kiểm toán viên nội bộ trong các ngân hàng thương mại, tập đoàn kinh tế, công ty niêm yết hay các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc diện bắt buộc phải có kiểm toán nội bộ theo Nghị định số 05/2019/NĐ-CP. Cán bộ trong cơ quan thanh tra, cơ quan thuế, kho bạc nhà nước.

+ Cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kiểm toán hay kế toán tại các Trường, Học viện, Viện hay Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán, kế toán.

+ Cử nhân ngành Kiểm toán cũng có thể làm cán bộ kế toán, tài chính và thuế trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các ngân hàng thương mại, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.

+ Khi được trang bị chứng chỉ nghề nghiệp, cử nhân ngành Kiểm toán có thể tự tạo lập công ty dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn tài chính để phát triển các cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.

***- Trình độ ngoại ngữ và tin học:*** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA (theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT)

2.1. Kiến thức:

Cử nhân Kiểm toán được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và chính trị - xã hội; những kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kiểm toán và kế toán để thực hiện các loại hình kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động và tư vấn ở các chủ thể kiểm toán (doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán nội bộ, kiểm toán nhà nước,...); có ý thức đạo đức nghề nghiệp kiểm toán và trình độ chuyên môn để tối đa hóa lợi ích của đơn vị kiểm toán trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước.

2.2. Kỹ năng:

***Kỹ năng chuyên môn:***

+ Kỹ năng xử lý ghi nhận các giao dịch kinh tế phát sinh vào sổ sách kế toán

+ Kỹ năng lập và trình bày các báo cáo tài chính và các báo cáo kế toán quản trị theo yêu cầu cung cấp thông tin cho nhà quản lý

+ Kỹ năng thu thập bằng chứng và thực hiện các thủ tục kiểm toán trong hoạt động kiểm toán

+ Kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức, giám sát và đánh giá về kế toán, kiểm toán, tài chính

***Kỹ năng mềm:***

+ Kỹ năng làm việc độc lập: Khả năng tự học, và nghiên cứu khoa học độc lập, biết soạn thảo các văn bản kinh tế.

+ Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế xã hội.

+ Kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách khoa học.

+ Kỹ năng làm việc và tổ chức công việc theo nhóm.

+ Kỹ năng giao tiếp và trao đổi hiệu quả với đơn vị được kiểm toán.

+ Kỹ năng tư duy logic: kỹ năng nhìn nhận và phân tích các vấn đề trong mối quan hệ nhân quả. Kỹ năng này giúp nhận diện các rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và rủi ro kiểm toán dự kiến để tiến hành khoanh vùng và thực hiện kiểm toán.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Cử nhân Kiểm toán có đạo đức, trung thực, bản lĩnh và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về kiểm toán, kế toán; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** | | **131 tín chỉ** |
| **4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** | Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân. | |
| **5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO,**  **ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** | Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | |
| **6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** | Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ | |
| **7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY** | | |

**7.1. Cấu trúc kiến thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | **Khối lượng (Tín chỉ)** | **Ghi chú** |
| **1. Kiến thức giáo dục đại cương** | **44** |  |
| 1.1. Các học phần chung | 20 | Khoa học chính trị và Ngoại ngữ |
| 1.2. Các học phần của Trường | 12 | Trường quy định bắt buộc |
| 1.3. Các học phần của ngành | 12 | Khoa tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định |
| **2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** | **87** |  |
| **2.1. Kiến thức cơ sở ngành** | **12** |  |
| 2.1.1. Các học phần của Trường | 6 | Khoa tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định |
| 2.1.2. Các học phần của ngành | 6 | Khoa tự xây dựng |
| **2.2. Kiến thức ngành** | **47** |  |
| 2.2.1. Các học phần bắt buộc | 32 |  |
| 2.2.2. Các học phần tự chọn | 15 | SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần) |
| **2.3. Kiến thức chuyên sâu** | **18** | SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần) |
| **2.4. Chuyên đề thực tập** | **10** |  |
| **TỔNG SỐ** | **131** | Không kể GDQP-AN và GDTC |

**7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KIỂM TOÁN)** | | **MÃ HP/BM** | **SỐ TC** | **BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ** | | | | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
|  | **TỔNG SỐ** | |  | **131** | **18** | **17** | **18** | **20** | **15** | **17** | **16** | **10** |
|  | **1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | |  | **44** | **18** | **11** | **6** | **5** | **0** | **0** | **4** | **0** |
|  | **1.1. Các học phần chung** | |  | **20** | **6** | **5** | **3** | **2** | **0** | **0** | **4** | **0** |
| **1** | 1 | Triết học Mác-Lênin  Phylosophy of Maxism-Leninism | LLNL1105 | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism | LLNL1106 | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| **3** | 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology | LLTT1101 | 2 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| **4** | 4 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party | LLDL1102 | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **5** | 5 | Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism | LLNL1107 | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **6** | 6 | Ngoại ngữ Foreign Language | NNKC | 9 | 3 | 3 | 3 |  |  |  |  |  |
|  |  | Giáo dục thể chất Physical Education | GDTC | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education | GDQP | 8 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **1.2. Các học phần của Trường** | |  | **12** | **9** | **0** | **0** | **3** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **6** | 1 | Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics | TOCB1110 | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** | 2 | Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws | LUCS1129 | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** | 3 | Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1 | KHMI1101 | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| **9** | 4 | Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1 | KHMA1101 | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
|  | **1.3. Các học phần của ngành** | |  | **12** | **3** | **6** | **3** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **10** | 1 | Quản trị kinh doanh 1 Business Admistration 1 | QTTH1102 | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| **11** | 2 | Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories | NHLT1107 | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| **12** | 3 | Nguyên lý kế toán Accounting Principles | KTKE1101 | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| **13** | 4 | Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economic and Business | TKKD1129 | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
|  | **2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | |  | **87** | **0** | **6** | **12** | **15** | **15** | **17** | **12** | **10** |
|  | **2.1. Kiến thức cơ sở ngành** | |  | **12** | **0** | **6** | **6** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **14** | 1 | Kế toán tài chính 1  Financial Accounting 1 | KTTC1106 | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| **15** | 2 | Kế toán chi phí  Cost Accounting | KTQT1109 | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| **16** | 3 | Kế toán tài chính 2 Financial Accounting 2 | KTTC1107 | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| **17** | 4 | Kiểm toán căn bản Basic Auditing | KTKI1101 | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
|  | **2.2. Kiến thức ngành** | |  | **75** | **0** | **0** | **6** | **15** | **15** | **8** | **3** | **0** |
|  | ***2.2.1. Các học phần bắt buộc*** | |  | **32** | **0** | **0** | **3** | **9** | **9** | **8** | **3** | **0** |
| **18** | 1 | Kế toán tài chính 3 Financial Accounting 3 | KTTC1114 | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| **19** | 2 | Kế toán quản trị 1 Managerial Accounting 1 | KTQT1103 | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| **20** | 3 | Kế toán công 1 Accounting for Public Sector 1 | KTKE1109 | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| **21** | 4 | Kiểm toán hoạt động Operational Audit | KTKI1106 | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **22** | 5 | Phân tích báo cáo tài chính Financial Statement Analysis | KTTC1111 | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| **23** | 6 | Hệ thống thông tin kế toán 1 Accounting Information Systems 1 | KTHT1101 | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| **24** | 7 | Kiểm toán tài chính 1 Financial Auditing 1 | KTKI1108 | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| **25** | 8 | Kiểm toán nội bộ Internal Audit | KTKI1115 | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| **26** | 9 | Kiểm toán tài chính 2 Financial Auditing 2 | KTKI1109 | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| **27** | 10 | Thực tập kế toán Accounting Internship | KTTC1116 | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| **28** | 11 | Đề án môn học - Kiểm toán Essay on Auditing | KTKI1110 | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
|  | **2.2.2. Các học phần tự chọn (Sinh viên lựa chọn 5 học phần)** | |  | **15** | **0** | **0** | **3** | **6** | **6** | **0** | **0** | **0** |
| **29  30  31  32  33** | 1 | Lịch sử kinh tế Economic History | KHEH1105 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thẩm định dự án đầu tư Investment Project Appraisal | DTKT1170 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kiểm soát nội bộ Internal Control | KTKI1114 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Kế toán điều tra Forensic Accounting | KTKE1111 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Phân tích kinh doanh Business Analysis | KTQT1107 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Kế toán quản trị 2 Managerial Accounting 2 | KTQT1106 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Kế toán nâng cao 1 Advanced Accounting 1 | KTTC1117 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Phân tích dữ liệu trong kế toán Data Analytics in Accounting | KTHT1104 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Kiểm soát quản lý Management Control | KTKI1105 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Tiếng Anh ngành kế toán English for Accounting | KTTC1112 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Quản lý học 1 Essentials of Management 1 | QLKT1101 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **2.3. Kiến thức bắt buộc chuyên sâu (Sinh viên lựa chọn 6 học phần)** | |  | **18** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **9** | **9** | **0** |
| **34  35  36  37  38  39** | 1 | Kế toán nâng cao 2 Advanced Acconting 2 | KTTC1118 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hệ thống thông tin kế toán 2  Accounting Information Systems 2 | KTHT1102 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kế toán công 2 Accounting for Public Sector 2 | KTKE1110 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Kế toán ngân hàng Accounting for Banking | NHTM1107 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Kế toán dự án đầu tư Investment Project Accounting | KTKE1107 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Kế toán quốc tế International Accounting | KTKE1108 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính Practicing an Financial Audit | KTKI1116 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Quản trị tài chính Financial Management | NHTC1102 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Tài chính công Public Finance | NHCO1107 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Chuyên đề kiểm toán Contemporary Issues in Auditing | KTKI1118 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Thuế Taxation | NHCO1111 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Ngân hàng thương mại Commercial Bank | NHTM1121 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Kiểm toán tài chính 3 Financial Auditing 3 | KTKI1119 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **40** | **2.4** | **Chuyên đề thực tập (Internship Programme)** | KTKI1103 | **10** |  |  |  |  |  |  |  | **10** |
|  | **Đạt Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và GDQP & AN, GDTC theo quy định của Trường** | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8. Hướng dẫn thực hiện** | | |  | | | | | | | | | |
| - Chương trình đào tạo được thực hiện trong 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ. Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký. Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế.  - Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/ Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. - Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường. | | | | | | | | | | | | |

**8. Hướng dẫn thực hiện**

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ. Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký. Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/ Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

|  |  |
| --- | --- |
| **VIỆN TRƯỞNG**  **VIỆN KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**  **PGS.TS Nguyễn Hữu Ánh** | **HIỆU TRƯỞNG**  **PGS.TS Phạm Hồng Chương** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**  LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Toán cho các nhà kinh tế**

Tiếng Anh: **Mathematics for Economics**

Mã học phần: **TOCB 1110** Số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** **Toán cơ bản**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Không

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản của Đại số tuyến tính. Học phần là kiến thức đại số tối thiểu, cần thiết cho các nhà kinh tế. Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và công cụ tính toán hữu hiệu đối với hệ phương trình tuyến tính, ma trận, định thức, dạng toàn phương, xây dựng nền tảng toán học cơ bản cho nhiều môn học khác.

Học phần gồm 4 chương. Chương 1 trình bày về Không gian vectơ (số học) n chiều; Chương 2 đề cập đến Ma trận, Định thức; Chương 3 trình bày về lý thuyết Hệ phương trình tuyến tính và chương cuối trình bày các kiến thức cơ bản về Dạng toàn phương.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

\* Về kiến thức: Sinh viên cần nắm vững các khái niệm cơ bản liên quan đến không gian vectơ n chiều và có kỹ năng tính toán tốt đối với các phép toán vectơ, ma trận, định thức. Sinh viên cũng cần nắm vững các phương pháp giải, các kết quả định tính đối với hệ phương trình tuyến tính, phép biến đổi tuyến tính trong không gian vectơ n chiều. Sinh viên cũng cần tham khảo thêm chương Dạng toàn phương để hiểu sâu hơn các kết quả về bài toán cực trị hàm nhiều biến trong học phần Toán cho kinh tế 2.

\* Về thực hành: Kết thúc học phần này, sinh viên cần thực hiện tốt các phép toán đối với ma trận, định thức, giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính và biết cách áp dụng các kiến thức được trang bị vào một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế.

\* Về kỹ năng: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỔ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số tiết** | **Trong đó** | | **Ghi chú** |
| **Lý thuyết** | **Bài tập, thảo luận, kiểm tra** |
| 1 | Chương 1 | 8 | 6 | 2 |  |
| 2 | Chương 2 | 11 | 7 | 4 |  |
| 3 | Chương 3 | 5 | 3 | 2 |  |
| 4 | Chương 4 | 5 | 4 | 1 |  |
|  | Kiểm tra HP | 1 | 0 | 1 |  |
|  | **Cộng** | **30** | **20 10** | |  |

CHƯƠNG I: KHÔNG GIAN VECTƠ N CHIỀU

*Chương 1 trình bày các kiến thức cơ bản trong không gian vectơ n chiều: Các phép toán, các tính chất cơ bản của vectơ, khái niệm không gian vectơ, không gian con và cơ sở của không gian vectơ.*

* 1. **Hệ phương trình tuyến tính và phương pháp khử ẩn liên tiếp**
     1. Các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính
     2. 1.1.2. Phương pháp khử ẩn liên tiếp
  2. **Vectơ n chiều và không gian vectơ**

1.2.1. Khái niệm vectơ n chiều và các phép toán đối với vectơ

1.2.2 Khái niệm không gian vectơ n chiều - Không gian con

* 1. **Các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vectơ**

1.3.1. Khái niệm tổ hợp tuyến tính và biểu diễn tuyến tính

1.3.2. Sự độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính

1.3.3. Các định lý cơ bản về sự độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính

* 1. **Cơ sở của không gian vectơ**

1.4.1. Cơ sở của không gian vectơ n chiều và tọa độ của vectơ trong cơ sở

1.4.2. Cơ sở của không gian con

* 1. **Hạng của hệ vectơ**

1.5.1. Khái niệm cơ sở và hạng của hệ vectơ

1.5.2. Các định lý cơ bản về hạng của hệ vectơ

**Tài liệu tham khảo của chương 1:**

1) LÊ ĐÌNH THÚY, NGUYỄN QUỲNH LAN (2012), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, chương 2.

2) BỘ MÔN TOÁN CƠ BẢN (2011), Bài tập toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Thống kê.

3) NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐĨNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2008), Toán cao cấp 1, NXB Giáo dục, chương 5.

4) ALPHA C. CHIANG (1995), Fundamental Methods of Mathematical Economics, Third edition, Mc. Graw-Hill, Inc, chương 2.

5) MICHAEL HOY, JOHN LIVERNOIS, CHRIS MC KENNA, RAY REES, THANASIS STENGO S (2001), Mathematics for Economics, The MIT Press Cambrige, Massachusetts, London, England, chương 7.

CHƯƠNG II: MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC

*Chương 2 đề cập đến các khái niệm cơ bản và các phép toán đối với ma trận, định thức: Các phép toán cộng, trừ các ma trận, nhân một số với ma trận, nhân các ma trận, ma trận nghịch đảo, hạng của ma trận, giải phương trình ma trận, cách tính định thức cấp n và các tính chất của định thức.*

**2.1. Ma trận và các phép toán tuyến tính đối với ma trận**

2.1.1. Các khái niệm cơ bản về ma trận

2.1.2. Các phép toán tuyến tính đối với ma trận

2.1.3. Các phép biến đổi đối với ma trận

**2.2. Định thức**

2.2.1. Hoán vị của n số tự nhiên đầu tiên

2.2.2. Định nghĩa định thức cấp n

2.2.3. Các tính chất cơ bản của định thức

**2.3. Các phương pháp tính định thức**

2.3.1. Phương pháp khai triển

2.3.2. Phương pháp biến đổi

**2.4. Phép nhân ma trận và ma trận nghịch đảo**

2.4.1. Phép nhân các ma trận

2.4.2. Ma trận nghịch đảo

2.4.3. Ứng dụng để giải phương trình ma trận

**2.5. Hạng của ma trận**

2.5.1. Khái niệm hạng của ma trận

2.5.2. Các định lý về hạng của ma trận

2.5.3. Các phương pháp tìm hạng của ma trận và ứng dụng khảo sát hệ vectơ

**Tài liệu tham khảo của chương 2:**

1) LÊ ĐÌNH THÚY, NGUYỄN QUỲNH LAN (2012), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, chương 3.

2) BỘ MÔN TOÁN CƠ BẢN (2011), Bài tập toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Thống kê.

3) NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐĨNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2008), Toán cao cấp 1, NXB Giáo dục, chương 3.

4) ALPHA C. CHIANG (1995), Fundamental Methods of Mathematical Economics, Third edition, Mc. Graw-Hill, Inc, chương 2.

5) MICHAEL HOY, JOHN LIVERNOIS, CHRIS MC KENNA, RAY REES, THANASIS STENGO S (2001), Mathematics for Economics, The MIT Press Cambrige, Massachusetts, London, England, chương 8, chương 9.

CHƯƠNG III: HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH

*Chương 3 đề cập đến lý thuyết tổng quát về hệ phương trình tuyến tính: Định lý tồn tại nghiệm, phương pháp định thức giải hệ phương trình tuyến tính, không gian nghiệm của hệ phương trình tuyến tính thuần nhất và ứng dụng vào một số các mô hình tuyến tính trong kinh tế: mô hình cân bằng thị trường, mô hình IS – LM, mô hình Input- Output.*

**3.1. Hệ phương trình Cramer**

3.1.1. Hệ phương trình Cramer và phương pháp ma trận nghịch đảo

3.1.2. Quy tắc Cramer

**3.2. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát.**

3.2.1. Điều kiện tồn tại nghiệm

3.2.2. Phương pháp định thức giải hệ phương trình tuyến tính

**3.3. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất**

3.3.1. Điều kiện tồn tại nghiệm không tầm thường

3.3.2. Không gian con nghiệm - Hệ nghiệm cơ bản

3.3.3. Mối liên hệ với hệ không thuần nhất

**3.4. Một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế**

3.4.1. Mô hình cân bằng thị trường

3.4.2. Mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô và mô hình IS – LM (Tham khảo)

3.4.3. Mô hình Input-Output

**Tài liệu tham khảo của chương 3:**

1) LÊ ĐÌNH THÚY, NGUYỄN QUỲNH LAN (2012), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, chương 4.

2) BỘ MÔN TOÁN CƠ BẢN (2011), Bài tập toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Thống kê.

3) NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐĨNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2008), Toán cao cấp 1, NXB Giáo dục, chương 3.

4) ALPHA C. CHIANG (1995), Fundamental Methods of Mathematical Economics, Third edition, Mc. Graw-Hill, Inc, chương 2.

5) MICHAEL HOY, JOHN LIVERNOIS, CHRIS MC KENNA, RAY REES, THANASIS STENGO S (2001), Mathematics for Economics, The MIT Press Cambrige, Massachusetts, London, England, chương 7.

CHƯƠNG IV: DẠNG TOÀN PHƯƠNG (Tham khảo)

*Chương 4 đề cập đến các khái niệm cơ bản về phép biến đổi tuyến tính trong  và về dạng toàn phương: phép biến đổi tuyến tính không suy biến, phép biến đổi tuyến tính tích, phương pháp đưa một dạng toàn phương về dạng chính tắc và các tiêu chuẩn nhận biết dạng toàn phương xác định dương, xác định âm.*

**4.1. Các khái niệm cơ bản về dạng toàn phương**

4.1.1. Dạng toàn phương và biểu diễn ma trận của dạng toàn phương

4.1.2. Dạng toàn phương chính tắc

**4.2. Biến đổi dạng toàn phương về dạng chính tắc**

4.2.1. Biến đổi dạng toàn phương bằng các phép biến đổi tuyến tính

4.2.2. Phương pháp biến đổi dạng toàn phương về dạng chính tắc

4.2.3. Luật quán tính

**4.3. Dạng toàn phương xác định**

4.3.1. Khái niệm dạng toàn phương xác định

4.3.2. Giá trị riêng của ma trận

4.3.3. Các tiêu chuẩn nhận biết dạng toàn phương xác định

**Tài liệu tham khảo của chương 4:**

1) LÊ ĐÌNH THÚY, NGUYỄN QUỲNH LAN (2012), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, chương 5.

2) BỘ MÔN TOÁN CƠ BẢN (2011), Bài tập toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Thống kê.

3) NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐĨNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2008), Toán cao cấp 1, NXB Giáo dục, chương 8.

4) MICHAEL HOY, JOHN LIVERNOIS, CHRIS MC KENNA, RAY REES, THANASIS STENGO S (2001), Mathematics for Economics, The MIT Press Cambrige, Massachusetts, London, England, chương 10.

**7. GIÁO TRÌNH**

LÊ ĐÌNH THÚY, NGUYỄN QUỲNH LAN (2012), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1) BỘ MÔN TOÁN CƠ BẢN (2011), Bài tập toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Thống kê.

2) NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐĨNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2008), Toán cao cấp 1, NXB Giáo dục.

3) ALPHA C. CHIANG (1995), Fundamental Methods of Mathematical Economics, Third edition, Mc. Graw-Hill, Inc.

4) MICHAEL HOY, JOHN LIVERNOIS, CHRIS MC KENNA, RAY REES, THANASIS STENGO S (2001), Mathematics for Economics, The MIT Press Cambrige, Massachusetts, London, England.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Tham dự giờ giảng và làm bài tập: 10%

- Bài kiểm tra: 20%

- Bài thi cuối học kỳ: 70%

- Điều kiện dự thi hết học phần: Sinh viên không được nghỉ học quá 20% thời lượng học phần. Sinh viên nghỉ học vượt quá 20% thời lượng học phần thì phải học lại.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (đã ký)  **TS. Tống Thành Trung** |  | HIỆU TRƯỞNG  (đã ký)  **GS.TS. Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

Tiếng Anh: **Fundamentals of Laws**

|  |  |
| --- | --- |
| Mã học phần: LUCS1129 | Tổng số tín chỉ: **03** |

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** Pháp luật cơ sở

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC**: Không

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**:

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật: (1) Nguồn gốc, bản chất của nhà nước, kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử, nhà nước công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chức năng của nhà nước Việt Nam, hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2) Nguồn gốc của pháp luật, bản chất của pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; (3) Khái niệm về hình thức pháp luật, các hình thức pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam. (4) Giới thiệu cho người học về các lĩnh vực pháp luật của Việt Nam: pháp luật hành chính và tố tụng hành chính, pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; pháp luật hình sự và tố tụng hình sự; pháp luật kinh tế; pháp luật sở hữu trí tuệ; pháp luật lao động; pháp luật tài chính; pháp luật về đất đai và môi trường; và (5) trang bị cho người học kiến thức cơ bản của pháp luật quốc tế.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Trang bị cho sinh viên những khái niệm pháp lý cơ bản, những vấn đề thuộc kiến thức pháp lý có tổ chức nền tảng mà xã hội đòi hỏi mỗi công dân có trình độ đều phải có như: nguồn gốc, bản chất của nhà nước nói chung và nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng, xác định nội hàm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của mỗi cơ quan trong bộ máy nhà nước, mối quan hệ giữa nhà nước và các thiết chế khác trong hệ thống chính trị của Việt Nam. Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về pháp luật như: Khái niệm, bản chất của pháp luật, cơ sở hình thành pháp luật; sự tác động của pháp luật đến các mối quan hệ xã hội, hậu quả của việc áp dụng pháp luật; thẩm quyền và thủ tục áp dụng pháp luật; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam; các lĩnh vực pháp luật cơ bản của Việt Nam: quản lý nhà nước, công chức, viên chức, công vụ, vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; quyền và nghĩa vụ cơ bản của các chủ thể trong các quan hệ tài sản, nhân thân, vấn đề về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thừa kế, tội phạm, các loại tội phạm, tính chất của tội phạm, hình phạt và nguyên tắc áp dụng hình phạt trong hình sự; pháp luật về chủ thể kinh doanh và pháp luật điều chỉnh hành vi kinh doanh của các chủ thể kinh doanh; tài sản trí tuệ và các phương thức bảo vệ tài sản trí tuệ; pháp luật về ngân sách và phân bổ ngân sách; điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ sử dụng đất và bảo vệ môi trường; điều chỉnh pháp luật đối với quan hệ lao động, và những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế bao gồm: công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế.

**6. NỘI DUNG**

**PHÂN BỔ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | NỘI DUNG | TỔNG SỐ TIẾT | LÝ THUYẾT | BT, TL, KIỂM TRA | GHI CHÚ |
| 1 | Chương 1 | 5 | 3 | 2 |  |
| 2 | Chương 2 | 6 | 4 | 2 |  |
| 3 | Chương 3 | 8 | 4 | 4 |  |
| 4 | Chương 4 | 8 | 4 | 4 |  |
| 5 | Chương 5 | 3 | 2 | 1 |  |
|  | **TỔNG SỐ** | **30** | **17** | **13** |  |

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

*Tóm tắt nội dung của chương 1*

Chương 1 giới thiệu với người học những nội dung cơ bản nhất về nhà nước nói chung và nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Nguồn gốc của nhà nước, bản chất của nhà nước, kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử; nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự hình thành và phát triển của nhà nước Việt Nam, bản chất của nhà nước Việt Nam, các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của nhà nước Việt Nam, và hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam.

**1.1. Những vấn đề lý luận về nhà nước**

1.1.1. Nguồn gốc ra đời của nhà nước

1.1.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước

1.1.3. Chức năng của nhà nước

1.1.4. Kiểu nhà nước

1.1.5. Hình thức nhà nước

**1.2. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

1.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.2. Bản chất của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.3. Các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.4. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

*Tài liệu tham khảo chương 1:*

- Hiến pháp 2013;

- Luật tổ chức Quốc hội 2014 ;

- Luật tổ chức Chính phủ 2001;

- Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014;

- Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân 2014;

- Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân 2003;

Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

*Tóm tắt nội dung của chương 2*

Nội dung chương này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản như: nguồn gốc ra đời của pháp luật, khái niệm, các đặc điểm cơ bản của pháp luật; quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, chủ thể của quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

**2.1. Những vấn đề chung về pháp luật**

2.1.1. Nguồn gốc ra đời của pháp luật

2.1.2. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật

2.1.3. Vai trò của pháp luật

**2.2. Cơ chế điều chỉnh của pháp luật**

**2.2.1. Quy phạm pháp luật**

2.2.2.1. Khái niệm quy phạm pháp luật

2.2.2.2. Cơ cấu cuả quy phạm pháp luật

**2.2.3. Quan hệ pháp luật**

2.2.3.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật

2.2.3.2. Thành phần của quan hệ pháp luật

2.2.3.3. Sự kiện pháp lý

**2.2.4. Thực hiện pháp luật**

2.2.4.1. Khái niệm, đặc điểm của ý thức pháp luật

2.2.4.2. Vai trò của ý thức pháp luật đối với hoạt động thực hiện pháp luật

2.2.4.3. Giáo dục và hoàn thiện ý thức pháp luật

**2.2.5. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý**

2.2.5.1.Vi phạm pháp luật

2.2.5.1.1. Dấu hiệu của vi phạm pháp luật

2.2.5.1.2. Các loại vi phạm pháp luật

2.2.5.2. Trách nhiệm pháp lý

2.2.5.2.1. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý

2.2.5.2.2. Cơ sở áp dụng trách nhiệm pháp lý

2.2.5.2.3. Các loại trách nhiệm pháp lý

**2.3. Hình thức pháp luật**

2.3.1. Khái niệm hình thức pháp luật

2.3.2. Các hình thức pháp luật

2.3.3.Văn bản quy phạm pháp luật

2.3.3.1. Khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật

2.3.3.2. Nguyên tắc ban hành văn bản quy phạm pháp luật

2.3.3.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam

*Tài liệu tham khảo chương 2:*

- Luật xử lý vi phạm hành chính 2012

- Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009

- Bộ luật dân sự 2005

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008;

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008;

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân 2004.

Chương 3. LĨNH VỰC PHÁP LUẬT CÔNG

*Tóm tắt nội dung của chương 3*

Nội dung chương này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về lĩnh vực pháp luật công như: xác định được đối tượng, phương pháp điều chỉnh của hệ thống pháp luật công; các quan hệ pháp luật thuộc lĩnh vực pháp luật công, chủ thể của các quan hệ thuộc lĩnh vực pháp luật công,…: cơ quan hành chính, thủ tục hành chính, tố tụng hành chính; quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính; chủ thể quản lý đất đai, quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai; quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường; các loại tội phạm, hệ thống hình phạt theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, nguyên tắc áp dụng hình phạt, thủ tục áp dụng hình phạt; …

**3.1. Luật hành chính**

**3.1.1. Những vấn đề chung về luật hành chính**

3.1.1.1. Khái niệm chung về pháp luật Hành chính

3.1.1.1.1. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật Hành chính

3.1.1.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính

3.2.1.1.3. Hệ thống Luật Hành chính

3.1.1.1.4. Luật Hành chính với chương trình cải cách hành chính quốc gia

3.1.1.2. Quan hệ pháp luật hành chính

**3.1.2. Một số nội dung cơ bản của luật hành chính**

3.1.2.1. Cơ quan hành chính nhà nước

3.1.2.2. Quy chế pháp lý hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức

3.1.2.3. Quy chế pháp lý hành chính đối với tổ chức xã hội, công dân, người nước ngoài, người không quốc tịch

3.1.2.4. Thủ tục hành chính

3.1.2.5. Pháp luật về thực hành tiết kiệm và phòng chống tham nhũng

3.1.2.6. Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính

3.1.2.7. Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo

3.1.2.8. Pháp luật tố tụng hành chính

**3.2. Luật tố tụng hành chính**

3.2.1. Những vấn đề chung về tố tụng hành chính

3.2.1.1. Khiếu kiện hành chính

3.2.1.2. Pháp luật tố tụng hành chính

3.2.2. Thủ tục giải quyết các khiếu kiện hành chính (Vụ án hành chính)

**3.3. Luật tài chính**

**3.3.1. Khái quát về pháp luật tài chính**

3.3.1.1. Khái niệm pháp luật tài chính

3.3.1.2. Nguồn của luật tài chính

**3.3. 2. Các nội dung cơ bản của pháp luật tài chính**

3.3.2.1. Pháp luật ngân sách nhà nước

3.3.2.2 Pháp luật thuế

**3.4. Pháp luật đất đai**

**3.4.1. Những vấn đề chung về pháp luật đất đai**

3.4.1.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về đất đai

3.4.1.2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật về đất đai

**3.4.2. Nội dung cơ bản của pháp luật đất đai**

3.4.2.1 Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai và các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai

3.4.2.2 Người sử dụng đất, các hình thức sử dụng đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

3.4.2.3. Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai

**3.5. Pháp luật môi trường**

**3.5.1. Những vấn đề chung về Luật môi trường**

3.5.1.1. Khái niệm pháp luật về môi trường

3.5.1.2. Vai trò của pháp luật về môi trường

3.5.1.3. Nguyên tắc của pháp luật về môi trường

**3.5.2. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường**

3.5.2.1. Pháp luật về kiểm soát các lĩnh vực môi trường

3.5.2.2. Pháp luật về xử lý các vi phạm trong lĩnh vực môi trường

**3.6. Luật hình sự Việt Nam**

**3.6.1. Khái quát về Luật hình sự Việt Nam**

3.6.1.1. Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của LHSVN

3.6.1.2 Bộ luật hình sự Việt Nam

**3.6.2 . Tội phạm**

3.6.2.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại tội phạm.

3.6.2.2 Cấu thành tội phạm

3.6.2.3. Các giai đoạn thực hiện tội phạm.

3.6.2.4 Đồng phạm

3.6.2.5 Các tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi

3.6.2.6. Các tội phạm theo quy định của pháp luật Việt Nam

**3.6.3 Hình phạt và thi hành hình phạt**

3.6.3.1 Khái niệm, đặc điểm hình phạt

3.6.3.2 Hệ thống hình phạt và biện pháp tư pháp

3.6.3.3 Quyết định hình phạt

3.6.3.4 Các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt

3.6.3.5 Trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

**3.7. Luật tố tụng hình sự Việt Nam**

3.7.1 Khái quát chung về Luật tố tụng hình sự Việt Nam

3.7.2 Các giai đoạn của tố tụng hình sự

*Tài liệu tham khảo chương3:*

- Luật tổ chức Chính phủ 2003

- Luật xử lý vi phạm hành chính 2012

- Luật khiếu nại 2011

- Luật tố cáo 2011

- Luật tố tụng hành chính 2010

- Luật cán bộ công chức 2008

- Luật viên chức 2010

- Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí - 26/11/2013

- Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009;

- Bộ luật tố tụng hình sự 2003

- Luật đất đai 2013.

- Luật môi trường 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2014

Chương 4: LĨNH VỰC PHÁP LUẬT TƯ

*Tóm tắt nội dung của chương 4*

Nội dung chương này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất của lĩnh vực pháp luật tư như: Đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật dân sự; tài sản và quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự, trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nhận diện về tố tụng dân sự, thẩm quyền và thủ tục giải quyết vụ án dân sự; những kiến thức về pháp luật sở hữu trí tuệ như: quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, vật nuôi, nội dung bảo hộ các quyền này, xác định các hành vi vi phạm sở hữu trí tuệ và biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; những kiến thức cơ bản nhất về pháp luật lao động: nguyên tắc của quan hệ pháp luật lao động, chủ thể của quan hệ pháp luật lao động, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động, tiền lương, hợp đồng lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, tranh chấp lao động và vấn đề đình công, giải quyết đình công.

**4.1. Luật dân sự Việt Nam**

**4.1.1. Khái niệm chung về Luật dân sự**

4.1.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

4.1.2. Luật dân sự và hệ thống Luật dân sự

**4.1.2. Những nội dung cơ bản của luật dân sự**

4.1.2.1. Tài sản và quyền sở hữu

4.1.2.2. Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự

4.1.2.3. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**4.2. Luật tố tụng dân sự Việt Nam**

4.2.1.. Những vấn đề chung về luật Tố tụng dân sự

4.2.2. Chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự

4.2.3. Thẩm quyền của tòa án trong giải quyết vụ việc dân sự

4.2.4. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự

**4.3. Pháp luật sở hữu trí tuệ**

**4.3.1 Khái quát chung về pháp luật sở hữu trí tuệ**

4.3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về sở hữu trí tuệ

4.3.1.2. Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ

**4.3.2. Các nội dung cơ bản của pháp luật sở hữu trí tuệ**

4.3.2.1. Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan

4.3.2.2 Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

4.3.2.3 Bảo hộ quyền đối với giống cây trồng mới

4.3.2.4 Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

**4.4. Pháp luật lao động**

**4.4.1. Những vấn đề chung về pháp luật lao động**

4.4.1.1. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật lao động

4.4.1.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động.

4.4.1.3. Ngành luật lao động trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

**4.4.2. Các nội dung cơ bản của pháp luật lao động.**

4.4.2.1. Hợp đồng lao động.

4.4.2.2. Thỏa ước lao động

4.4.2.3. Tiền lương

4.4.2.4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

4.4.2.5. Kỷ luật lao động

4.4.2.6. Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động

4.4.2.7. Đình công và giải quyết đình công

**4.5. Pháp luật trong kinh doanh**

**4.5.1. Những vấn đề chung về chủ thể kinh doanh**

4.5.1.1. Một số khái niệm cơ bản: chủ thể kinh doanh, doanh nghiệp, kinh doanh

4.5.1.2. Phân loại chủ thể kinh doanh

4.5.1.3. Điều kiện, thủ tục thành lập doanh nghiệp

**4.5.2. Các hình thức tổ chức kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam**

4.5.2.1. Doanh nghiệp tư nhân

4.5.2.2. Công ty hợp danh

4.5.2.3. Công ty cổ phần

4.5.2.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

4.5.2.5. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

4.5.2.6. Các hình thức tổ chức kinh doanh khác

**4.5.3. Pháp luật về hợp đồng thương mại**

4.5.3.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thương mại

4.5.3.2. Các hợp đồng thương mại chủ yếu

*Tài liệu tham khảo chương 4:*

*-* Bộ luật dân sự 2005

- Bộ luật tố tụng dân sự 2004 được sửa đổi bổ sung một số điều năm 2011.

- Luật sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Bộ luật Lao động do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/6/2012.

- Bộ luật Dân sự do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005.

- Luật Bảo hiểm xã hội do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006.

- Luật doanh nghiệp 2005, 2014;

- Luật thương mại 2005

Chương 5: PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

*Tóm tắt nội dung của chương 5*

Nội dung chương này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất của pháp luật quốc tế: chủ thể của công pháp quốc tế, cơ chế thực thi các quy phạm của công pháp quốc tế, các nguyên tắc cơ bản của công pháp quốc tế; một số nội dung cơ bản của tư pháp quốc tế.

**5.1. Những vấn đề chung về pháp luật quốc tế**

**5.2. Công pháp quốc tế**

5.2.1 Những vấn đề chung về pháp luật quốc tế và công pháp quốc tế

5.2.1.1 Những vấn đề chung về pháp luật quốc tế

a. Khái niệm pháp luật quốc tế

b. Nguồn của pháp luật quốc tế

5.2.1.2 Những vấn đề chung về công pháp quốc tế

a. Khái niệm

b. Chủ thể của công pháp quốc tế

c. Cơ chế thực thi các quy phạm công pháp quốc tế

d. Các nguyên tắc cơ bản của công pháp quốc tế

5.2.2 Một số nội dung cơ bản của công pháp quốc tế

5.2.2.1. Dân cư trong luật quốc tế

5.2.2.2. Lãnh thổ quốc gia

5.2.2.3. Luật biển quốc tế

5.2.2.4. Luật hàng không quốc tế

5.2.2.5. Tổ chức quốc tế và Hội nghị quốc tế

5.2.2.6. Luật ngoại giao và lãnh sự

5.2.2.7. Giải quyết tranh chấp quốc tế và cơ quan tài phán quốc tế

5.2.2.8 Trách nhiệm pháp lý quốc tế

**5.3.** **Tư pháp quốc tế**

**5.3.1 Giới thiệu chung về Tư pháp quốc tế**

5.3.1.1. Khái niệm tư pháp quốc tế

a. Đối tượng điều chỉnh

b. Phạm vi điều chỉnh

c. Phương pháp điều chỉnh

5.3.1.2. Nguồn của tư pháp quốc tế

**5.3.2 Một số nội dung cơ bản của Tư pháp quốc tế**

5.3.2.1 Xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật

5.3.2.2 Xung đột thẩm quyền và giải quyết xung đột về thẩm quyền trong TPQT

5.3.2.3 Quyền sở hữu và thừa kế trong tư pháp quốc tế

5.3.2.4 Quan hệ lao động, hôn nhân gia đình trong tư pháp quốc tế

5.3.2.5 Tố tụng dân sự quốc tế

5.3.2.6 Giải quyết tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài bằng trọng tài

*Tài liệu tham khảo chương 5*

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008

- Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế 2005

- Bộ luật dân sự 2005

**7. GIÁO TRÌNH**

- Giáo trình pháp luật đại cương – Khoa Luật – đại học kinh tế quốc dân;

- Giáo trình Luật Lao động Việt Nam. Chủ biên: PGS. Nguyễn Hữu Viện, Th.s Hoàng Xuân Trường; NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2011.

- Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật – Khoa Luật đại học Quốc gia Hà Nội 1997

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Các văn bản pháp luật được chỉ dẫn ở phần tài liệu tham khảo cuối mỗi chương.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC**

Tham dự từ 80% số giờ học trên lớp trở lên là điều kiện dự thi kết thúc học phần của sinh viên.

Điểm học phần được tính trên cơ sở điểm đánh giá của giảng viên (10%), điểm trung bình của 2 lần kiểm tra định kỳ học phần (hoặc làm bài tập nhóm) (40%) và điểm thi kết thúc học phần (50%).

Việc chấm điểm sử dụng thang điểm 10. Điểm kiểm tra định kỳ học phần, điểm đánh giá của giảng viên lấy điểm nguyên. Điểm thi kết thúc học phần lấy lẻ đến 0,5. Điểm học phần lấy lẻ đến một chữ số thập phân.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | |  | *Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018* | |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (đã ký)  **TS. Nguyễn Thị Huệ** | |  | HIỆU TRƯỞNG  (đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** | |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | | | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Kinh tế vi mô 1**

Tiếng Anh: **Microeconomics 1**

Mã học phần: **KHMI1101** Số tín chỉ**: 03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** Kinh tế vi mô

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

Sinh viên đã được học các môn toán cao cấp, có một số lượng từ vựng tiếng Anh nhất định để hiểu được các khái niệm kinh tế học cơ bản.

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Ch­ương trình Kinh tế học vi mô 1 đư­ợc trình bày với mục tiêu giúp ngư­ời học nghiên cứu nắm bắt đu­ợc những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng đư­ợc trình bày đơn giản và hợp lý nhưng vẫn bảo đảm tính hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường, …

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần nắm bắt được những nguyên lý kinh tế vi mô, từ đó làm nền tảng cho việc nghiên cứu học phần Kinh tế vi mô 2. Ngoài ra, sinh viên còn có thể bước đầu vận dụng được lý thuyết vi mô để giải thích được một số vấn đề kinh tế của kinh tế thị trường.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỔ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Nội dung*** | ***Tổng số tiết*** | ***Trong đó*** | |
| ***Số giờ lý thuyết*** | ***Số giờ thực hành*** |
| 1 | **Tổng quan về Kinh tế học** | 4 | 3 | 1 |
| 2 | **Lý thuyết cung cầu** | 8 | 5 | 3 |
| 3 | **Co giãn của cầu và cung** | 4 | 3 | 1 |
| 4 | **Lý thuyết lợi ích** | 5 | 3 | 2 |
| 5 | **Sản xuất, chi phí, lợi nhuận** | 8 | 5 | 3 |
| 6 | **Cấu trúc thị trường** | 8 | 5 | 3 |
| 7 | **Thị trường lao động** | 4 | 3 | 1 |
| 8 | **Các thất bại của thị trường** | 4 | 3 | 1 |
|  | **Cộng** | **45** | **30** | **15** |

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC

Chương này giới thiệu tổng quan về kinh tế học nói chung và hai bộ phận cơ bản của nó là kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô. Mục đích chính của chương là giới thiệu vấn đề khan hiếm – một thực tế kinh tế của mọi xã hội và cách thức giải quyết vấn đề đó trong các cơ chế kinh tế khác nhau. Ngoài ra, chương này cũng giới thiệu các quy luật kinh tế chủ yếu tác động tới việc ra quyết định lựa chọn của các thành viên kinh tế.

***Nội dung:***

**1.1 Tổng quan về kinh tế học**

1. Kinh tế học và nền kinh tế
2. Các bộ phận của kinh tế học

**1.2 Nội dung và phương pháp nghiên cứu**

1.2.1. Nội dung của kinh tế vi mô

1.2.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô

**1.3 Lý thuyết lựa chọn kinh tế**

1.3.1. Quy luật khan hiếm

1.3.2. Chi phí cơ hội

1.3.3. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần

1.3.4. Đường giới hạn khả năng sản xuất

1.3.5. Phân tích cận biên - phương pháp lựa chọn tối ưu

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương I; trang 3 - 29
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương I; trang 5- 32
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế học vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương I
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, Nxb LĐ-XH, 2010: Chương I; trang 5 -21 các bài tập 1.1 – 1.15

CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT CUNG CẦU

Lý thuyết cung cầu là một trong những nội dung quan trọng nhất của kinh tế học, được xây dựng trên cơ sở của mô hình cung cầu. Mô hình cung cầu là một công cụ đơn giản song rất hữu ích trong phân tích kinh tế. Mô hình cung cầu mô tả sự tương tác giữa người sản xuất và người tiêu dùng để xác định giá và sản lượng của hàng hoá hay dịch vụ được mua bán trên thị trường. Ngoài ra, mô hình cung cầu còn giúp chúng ta hiểu về tác động của nhiều chính sách của chính phủ như chính sách giá, thương mại quốc tế…

***Nội dung:***

**2.1 Cầu (Demand)**

2.1.1 Tác động của giá tới lượng cầu

2.1.2 Tác động của các yếu tố khác tới cầu

2.1.3 Hàm cầu

2.1.4 Cầu cá nhân và cầu thị trường.

**2.2 Cung (Supply)**

2.2.1 Tác động của giá tới lượng cung

2.2.2 Tác động của các yếu tố khác đến cung

2.2.3 Hàm cung

2.2.4 Cung cá nhân và cung thị trường

**2.3 Cân bằng thị trường**

2.3.1 Xác định cân bằng thị trường bằng đồ thị.

2.3.2 Xác định cân bằng thị trường bằng toán học

2.3.3 Thị trường xác định cân bằng

**2.4. Thay đổi trạng thái cân bằng**

2.4.1 Tác động của sự dịch chuyển của cầu

2.4.2 Tác động của sự dịch chuyển của đường cung

2.4.3 Tác động của sự dịch chuyển của cả đường cầu và đường cung

**2.5. Tác động của sự can thiệp của chính phủ**

2.5.1 Tác động của chính sách thuế

## 2.5.2 Tác động của kiểm soát giá

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương II; trang 45 – 82
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương II; trang 33- 54
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế học vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương II
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương II; trang 22 -31 các bài tập 2.1 – 2.7

CHƯƠNG 3: CO GIÃN CỦA CẦU VÀ CUNG

Mô hình cung cầu cho thấy rằng cầu phụ thuộc vào giá của hàng hoá đó, cũng như thu nhập của người tiêu dùng và giá của các hàng hoá khác. Tương tự, cung phụ thuộc vào giá cũng như vào những nhân tố có ảnh hưởng tới chi phí sản xuất… Chương này sẽ nghiên cứu về co giãn của cầu và cung - định lượng sự thay đổi của lượng cầu và lượng cung khi có sự thay đổi của giá và các nhân tố ảnh hưởng khác đến người mua và người bán. Các loại co giãn chủ yếu được nghiên cứu bao gồm độ co giãn của cầu theo giá, độ co giãn của cầu theo giá chéo, độ co giãn của cầu theo thu nhập, và độ co giãn của cung theo giá.

***Nội dung:***

**3.1. Độ co giãn của cầu theo giá**

3.1.1. Khái niệm, công thức xác định

3.1.2. Phương pháp tính

3.1.3. Phân loại độ co giãn của cầu theo giá

3.1.4. Quan hệ giữa E­DP, P và TR

3.1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến co giãn của cầu theo giá

3.1.6. Ý nghĩa của độ co giãn của cầu theo giá

**3.2. Độ co giãn chéo của cầu**

3.2.1. Khái niệm, công thức xác định

3.2.2. Phương pháp tính

3.2.3. Phân loại độ co giãn chéo

3.2.4. Ý nghĩa của độ co giãn chéo của cầu

**3.3. Độ co giãn của cầu theo thu nhập**

3.3.1. Khái niệm, công thức xác định

3.3.2. Phương pháp tính

3.3.3. Phân loại độ co giãn của cầu theo thu nhập

3.3.4. Ý nghĩa của độ co giãn của cầu theo thu nhập

**3.4. Độ co giãn của cung theo giá**

3.4.1. Khái niệm, công thức xác định

3.4.2. Phương pháp tính

3.4.3. Phân loại độ co giãn của cung theo giá

3.4.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới độ co giãn của cung theo giá

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương III; trang 95– 123
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương II; trang 78- 92
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương III
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương III; trang 44 -59 các bài tập 3.1 – 3.20

CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT LỢI ÍCH

Chương này sẽ phân tích hành vi của người tiêu dùng hợp lý (các cá nhân, hộ gia đình) trên thị trường hàng hoá. Nội dung chính của chương đề cập đến một lý thuyết cơ bản về hành vi của người tiêu dùng đó là Lý thuyết lợi ích (Lý thuyết lợi ích đo được) còn các lý thuyết khác như Lý thuyết lợi ích có thể so sánh (Phân tích Bàng quan -Ngân sách), Lý thuyết sở thích bộc l... sẽ được nghiên cứu ở học phần Kinh tế vi mô 2. Lý thuyết lợi ích là một cách tiếp cận đơn giản và mặc dù còn có nhiều hạn chế nhưng vẫn giải thích được cách thức người tiêu dùng sử dụng thu nhập cho tiêu dùng như thế nào để tối đa hoá lợi ích trong điều kiện ràng buộc về ngân sách.

***Nội dung:***

**4.1. Các khái niệm và giả định cơ bản**

4.1.1. Khái niệm, công thức tính và giả định lợi ích đo được

4.1.3. Quy luật lợi ích cận biên giảm dần

4.1.4. Lợi ích cận biên và đường cầu

4.1.5. Thặng dư tiêu dùng

**4.2. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu**

4.2.1. Nguyên tắc tối đa hoá lợi ích của người tiêu dùng

4.2.2. Cân bằng của người tiêu dùng

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương IV; trang 125 – 139
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương III; trang 60- 70
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương IV
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VI; trang 60 -63 các bài tập 4.1 – 4.2

CHƯƠNG 5: SẢN XUẤT, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN

Các chương trước đã tập trung vào khía cạnh cầu của thị trường dựa vào việc phân tích hành vi của người tiêu dùng và chúng ta đã bỏ qua câu hỏi: các hàng hoá, dịch vụ đã được sản xuất ra như thế nào. Chương này nghiên cứu khía cạnh cung, hành vi của người sản xuất và các quyết định cung nhằm thực hiện mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp.

***Nội dung:***

**5.1. Lý thuyết sản xuất**

5.1.1. Hàm sản xuất

5.1.2. Sản xuất với 1 đầu vào biến đổi

**5.2. Lý thuyết chi phí**

5.2.1. Các chi phí về tài nguyên

5.2.2. Chi phí kinh tế và chi phí tính toán

5.2.3. Chi phí ngắn hạn

**5.3. Lợi nhuận**

5.3.1. Khái niệm và công thức tính

5.3.2. Lợi nhuận kinh tế và lợi nhuận tính toán

5.3.3. Những yếu tố tác động đến lợi nhuận

5.3.4. Nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương VI; trang 215- 220; 229 -239; 249 -255
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐHvà Cao đẳng, Nxb Giáo dục, 2010: Chương IV;trang 93-99 và 106 -113
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, Nxb LĐ-XH, 2010: Chương V
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, Nxb LĐ-XH, 2010: Chương V; trang 77 -88 các bài tập 5.1 – 5.7

CHƯƠNG 6: CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG

Trong chương này chúng ta sẽ nghiên cứu các cấu trúc thị trường truyền thống và xem xét việc ra quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường này. Nội dung của chương sẽ chủ yếu tập trung vào hai cấu trúc là thị trường cạnh tranh và thị trường độc quyền. Đồng thời, chương này cũng có đề cập đến những đặc điểm và nội dung cơ bản nhất của hai cấu trúc thị trường cạnh tranh độc quyền và độc quyền tập đoàn; những nội dung chi tiết và sâu hơn về hai cấu trúc này sẽ được nghiên cứu tiếp ở Học phần Kinh tế vi mô 2.

## Nội dung:

**6.1. Các loại thị trường**

6.1.1. Các khái niệm cơ bản

6.1.2. Phân loại thị trường

**6.2. Cạnh tranh hoàn hảo**

6.2.1. Những đặc điểm của cạnh tranh hoàn hảo

6.2.2. Lựa chọn sản lượng của hãng cạnh tranh trong ngắn hạn

6.2.3. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất

6.2.4. Đường cung của hãng cạnh tranh và của thị trường trong ngắn hạn

6.2.5. Phân tích các tác động khi chính phủ can thiệp vào thị trường

**6.3. Độc quyền**

6.3.1. Những đặc điểm của thị trường độc quyền

6.3.2. Các nguyên nhân dẫn đến độc quyền

6.3.3. Đường cầu và đường doanh thu cận biên trong độc quyền

6.3.4. Quyết định sản xuất của độc quyền

**6.4. Các thị trường cạnh tranh không hoàn hảo**

6.4.1. Đặc điểm và nội dung cơ bản của thị trường cạnh tranh độc quyền

6.4.2. Đặc điểm và nội dung cơ bản của thị trường độc quyền tập đoàn

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương VII; trang 285- 298, 305-319; chương VIII; trang 329 -340
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương V; trang 138- 141 và 141- 144, 153 -155 và 166 -167, 174 -175
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VI
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VI; trang 100 -135 các bài tập 6.1 – 6.11 và 6.15 -6.27

CHƯƠNG 7: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Chương này nghiên cứu về thị trường đầu vào quan trọng của doanh nghiệp, đó là thị trường lao động. Chương này sẽ nghiên cứu nguyên tắc sử dụng lao động tối ưu, quan hệ giữa đường sản phẩm doanh thu cận biên và đường cầu lao động của doanh nghiệp; nghiên cứu các tính chất của đường cung lao động cá nhân và cung lao động thị trường. Đồng thời, chương này cũng phân tích trạng thái cân bằng của thị trường lao động cạnh tranh.

***Nội dung:***

**7.1. Cầu lao động**

7.1.1. Cầu lao động của cá nhân hãng

7.1.2. Đường cầu lao động thị trường

7.1.3. Sự dịch chuyển của đường cầu lao động

**7.2. Cung lao động**

7.2.1. Cung lao động cá nhân

7.2.2. Đường cung lao động của thị trường

7.2.3. Sự dịch chuyển của đường cung lao động

**7.3. Cân bằng trong thị trường lao động cạnh tranh**

7.3.1 Cân bằng thị trường lao động cạnh tranh

7.3.2. Sự thay đổi của trạng thái cân bằng trong thị trường lao động

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương XI; trang 411 - 417; 421 - 426
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương VI; trang 177 -201
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VII
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VII; trang 136 -152 các bài tập 7.1 – 7.14

CHƯƠNG 8: CÁC THẤT BẠI CỦA THỊ TRƯỜNG

Trong các chương trước chúng ta nghiên cứu kinh tế thị trường hoạt động trên cơ sở tương tác của các lực lượng cung và cầu, theo đó, nền kinh tế thị trường hoạt động hiệu quả và giải quyết tương đối tốt ba vấn đề kinh tế cơ bản. Tuy nhiên, có một số trường hợp mà bản thân kinh tế thị trường không thể giải quyết được để đạt được trạng thái tối ưu nhất mà cần phải có sự can thiệp của Chính phủ. Chương này sẽ nghiên cứu các tình huống (thất bại thị trường) cần có vai trò can thiệp của Chính phủ.

***Nội dung:***

**8.1. Hoạt động của thị trường**

8.1.1. Điểm hiệu quả Pareto

8.1.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường

**8.2. Các thất bại của thị trường và cách khắc phục của Chính phủ**

8.2.1. Các ngoại ứng

8.2.2. Hàng hoá công cộng

8.2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

8.2.4. Phân phối thu nhập không công bằng

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương XI; trang 495-530
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐHvà Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương VII; trang 218- 227
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương XIII
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VIII; trang 153 -162 các bài tập 8.1 – 8.6
5. **GIÁO TRÌNH:**
6. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
7. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010
8. **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**
9. David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Doorbusch, Econonmics, XB lần thứ ba, 1991, McGraw Hill
10. Michasl Parkin, Microeconmics - XB lần thứ tư,1990, Addison-Wesley
11. Robert S. Pindyck, DanielL. Rubinfeld, Microeconomics, XB lần thứ hai, 1992, Macmillan
12. Paul A. Samuelson&William D. Nordhaus, Economics, XB lần thứ 14, Mc Gran Hill,1992
13. Bradley R. Schiller, The Microeconomy today, XB lần thứ tư, Randan House, 1989
14. **PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN:**

Kết quả môn học dựa trên điểm thi hết môn (70%), bài kiểm tra giữa kỳ (20%) và điểm tham gia thảo luận trên lớp (10%).

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (Đã ký)  **PGS.TS. Tô Trung Thành** | *Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018*  HIỆU TRƯỞNG  (Đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Kinh tế Vĩ mô 1**

Tiếng Anh: **Macroeconomics 1**

Mã học phần: **KHMA1101** Số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** Kinh tế Vĩ mô

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Không

**4. MÔ TẢ MÔN HỌC:**

Học phần này giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán. Ngoài ra, sinh viên cũng được tiếp cận với những mô hình đơn giản nhất và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong việc xác định thu nhập, lạm phát hay thất nghiệp trong nền kinh tế.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục tiêu chính của học phần nhằm giúp sinh viên làm quen với các thuật ngữ và nguyên lý cơ bản về hoạt động của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên cũng sẽ được trang bị công cụ để mô tả và giải thích các vấn đề trên.

Cụ thể, mục đích của học phần là giúp sinh viên:

- Hiểu được khái niệm, đo lường và các nhân tố quyết định tăng trưởng, lạm phát và thất nghiệp.

- Hiểu được những ý tưởng ban đầu về vai trò của các chính sách tài khóa, tiền tệ và tỷ giá hối đoái trong nền kinh tế thị trường.

- Có cách nhìn các vấn đề qua lăng kính của nhà kinh tế học.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Nội dung*** | ***Tổng số***  ***tiết*** | ***Trong đó*** | | ***Ghi chú*** |
| ***Lý thuyết*** | ***Chữa bài tập, thảo luận, kiểm tra*** |  |
| 1  2  3  4  5  6  7  8 | Chương 1  Chương 2  Chương 3  Chương 4  Chương 5  Chương 6  Chương 7  Chương 8 | 3  7  6  7  7  5  5  5 | 3  4  4  4  4  3  3  3 | 0  3  2  3  3  2  2  2 | Giảng đường cần có micro và máy chiếu |
|  | **Cộng** | **45** | **28** | **17** |  |

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH VĨ MÔ

Chương này giới thiệu các vấn đề cơ bản nhất về kinh tế vĩ mô: đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế vĩ mô.

* 1. Đối tượng và nội dung
  2. Phương pháp nghiên cứu

CHƯƠNG 2: ĐO LƯỜNG SẢN LƯỢNG VÀ MỨC GIÁ

Chương này giới thiệu định nghĩa, đo lường, cách tính GDP và CPI và cách sử dụng hai chỉ tiêu này trong phân tích kinh tế

**2.1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)**

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các phương pháp tính GDP

2.1.3. Các thước đo khác về thu nhập quốc dân: GNP, NNP, Thu nhập quốc dân, và thu nhập khả dụng.

2.1.4. GDP danh nghĩa, thực tế và chỉ số điều chỉnh GDP

2.1.5. GDP thực tế và phúc lợi kinh tế

**2.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)**

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Phương pháp tính CPI

2.2.3. Phân biệt CPI và chỉ số điều chỉnh GDP

2.2.4. Bài tập thực hành

**Tài liệu tham khảo:**

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 14
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 2
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 23 & 24.

CHƯƠNG 3 : TỔNG CUNG VÀ TỔNG CẦU

Chương này giới thiệu mô hình tổng cung- tổng cầu và cách sử dụng mô hình này để giải thích những biến động kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và vai trò của các chính sách nhằm bình ổn nền kinh tế

**3.1. Mô hình tổng cung và tổng cầu**

1. Tổng cầu của nền kinh tế
2. Tổng cung của nền kinh tế
3. Xác định sản lượng và mức giá

**3.2. Giải thích biến động kinh tế và vai trò của các chính sách ổn định**

1. Các cú sốc cầu
2. Các cú sốc cung

**Tài liệu tham khảo:**

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 18
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 6
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 33.

CHƯƠNG 4 : TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Chương này đi sâu giải thích tổng cầu của nền kinh tế: Các thành tố của tổng cầu, các nhân tố quyết định tổng cầu và vai trò của tổng cầu trong việc quyết định sản lượng khi nền kinh tế còn nhiều nguồn lực nhàn rỗi. Những ý tưởng ban đầu về chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ cũng được đề cập trong chương này.

**4.1. Mô hình giao điểm Keynes**

4.1.1. Đường AE và xác định sản lượng cân bằng

4.1.1. Số nhân chi tiêu

**4.2. Các nhân tố quyết định tổng chi tiêu**

4.2.1. Tiêu dùng

4.2.2. Đầu tư

4.2.3. Chi tiêu chính phủ

4.2.4. Xuất khẩu ròng

**4.3. Mô hình AE và xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn**

4.3.1. Đường AE

4.3.2. Sản lượng cân bằng

4.3.3. Số nhân chi tiêu

**4.4. Mô hình AE và xác định sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ**

4.4.1. Đường AE

4.4.2. Sản lượng cân bằng

4.4.3. Số nhân chi tiêu và số nhân thuế

**4.5. Mô hình AE và xác định sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế mở**

4.5.1. Đường AE

4.5.2. Sản lượng cân bằng

4.5.3. Số nhân chi tiêu

**4.6. Chính sách tài khóa**

4.6.1. Chính sách tài khóa chủ động

4.6.2. Chính sách tài khóa và thâm hụt ngân sách chính phủ

4.6.3. Các biện pháp tài trợ thâm hụt ngân sách

**Tài liệu tham khảo:**

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 19
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 7
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 34.

CHƯƠNG 5 : TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

Chương này thảo luận một số vấn đề cơ bản về tiền, cấu trúc của hệ thống tiền tệ, vai trò của ngân hàng trung ương trong việc kiểm soát cung tiền và tác động của sự thay đổi trong cung ứng tiền tệ tới các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như lãi suất, đầu tư, tổng cầu, sản lượng và mức giá.

**5.1. Giới thiệu tổng quan về tiền**

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Các chức năng

5.1.3. Các loại tiền

5.1.4. Đo lường tổng lượng tiền

**5.2. Cung tiền**

5.2.1. Ngân hàng thương mại và cung ứng tiền tệ

5.2.2. Mô hình về cung tiền

5.2.3. Các công cụ điều tiết cung tiền của ngân hàng trung ương.

**5.3. Cầu tiền**

5.3.1. Các động cơ giữ tiền

5.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu về tiền

5.4. Thị trường tiền tệ và xác định lãi suất

* + 1. Đường cung tiền
    2. Đường cầu tiền
    3. Xác định lãi suất cân bằng

**5.5. Chính sách tiền tệ**

5.5.1. Tác động của sự thay đổi cung tiền đến lãi suất, đầu tư, sản lượng và mức giá

5.5.2. Các nhân tố quyết định hiệu quả của chính sách tiền tệ

**Tài liệu tham khảo:**

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 20
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 8
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 34.

CHƯƠNG 6 : THẤT NGHIỆP

Chương này bàn về định nghĩa, đo lường và các nguyên nhân gây ra thấp nghiệp cũng như tác động của thấp nghiệp đến nền kinh tế.

**6.1. Khái niệm và đo lường**

6.2. Thất nghiệp tự nhiên

6.2.1. Thất nghiệp tạm thời

6.2.2. Thất nghiệp cơ cấu

6.2.3. Thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển

**6.3. Thất nghiệp chu kỳ**

**6.4. Tác động của thất nghiệp**

**Tài liệu tham khảo:**

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 17
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 5
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 28.

CHƯƠNG 7: LẠM PHÁT

Chương này bàn về định nghĩa, đo lường và các nguyên nhân gây ra lạm phát cũng như tác động của lạm phát đến nền kinh tế.

**7.1. Khái niệm và Đo lường**

**7.2. Các nguyên nhân gây ra lạm phát**

7.2.1. Lạm phát do cầu kéo

7.2.2. Lạm phát do chi phí đẩy

7.2.3. Lạm phát dự kiến

7.2.4. Tiền tệ và lạm phát

**7.3. Tác động của lạm phát:**

7.3.1. Chi phí của lạm phát

7.3.1. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

**Tài liệu tham khảo:**

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 22
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 9
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 29.

CHƯƠNG 8: KINH TẾ VĨ MÔ VỀ NỀN KINH TẾ MỞ

Chương này giới thiệu những khái niệm cơ bản về nền kinh tế mở như cán cân thanh toán, thị trường ngoại hối và tỉ giá hối đoái, tác động của sự thay đổi tỉ giá hối đoái đến nền kinh tế.

**8.1. Cán cân thanh toán**

**8.2. Tỉ giá hối đoái**

8.2.1. Tỷ giá hối đoái danh nghĩa và tỷ giá hối đoái thực tế

8.2.2. Thị trường ngoại hối và xác định tỉ giá hối đoái

8.2.3. Tác động của sự thay đổi tỉ giá hối đoái đến nền kinh tế

**8.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái.**

8.3.1. Hệ thống tỷ giá thả nổi

8.3.2. Hệ thống tỷ giá cố định

8.3.3. Hệ thống tỷ giá thả nổi có quản lý

**Tài liệu tham khảo:**

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 27
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 10
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 30.

**7. GIÁO TRÌNH:**

Giáo trình Kinh tế học, Tập II,Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

* Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012
* N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004.
* Joseph E. Stiglitz & Carl E. Walsh, Economics, Third Edition, Norton & Company, 2002.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN:**

Kết quả học phần dựa trên điểm chuyên cần (10%), 1 bài kiểm tra giữa kỳ (20%) và điểm thi hết môn (70%).

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (Đã ký)  **TS. Phạm Thế Anh** | *Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018*  HIỆU TRƯỞNG  (Đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**  LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh 1**

Tiếng Anh: **Business Management 1**

Mã học phần: **QTTH1102** Số tín chỉ: 3

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** Quản trị kinh doanh tổng hợp

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Kinh tế vi mô 1

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Quản trị kinh doanh 1 là học phần ở mức đại cương, chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ sở về kinh doanh và quản trị kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Đó là những kiến thức chung nhất làm cơ sở để sinh viên có thể nghiên cứu sâu các kỹ năng cụ thể ở các học phần khác. Hai vấn đề cơ bản được nghiên cứu là kinh doanh và quản trị kinh doanh:

* Các vấn đề chung về kinh doanh: đối tượng thực hiện hoạt động kinh doanh, các vấn đề gắn với kinh doanh, môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh doanh.
* Các kiến thức quản trị kinh doanh cơ sở như khái niệm, thực chất, nguyên tắc, phương pháp quản trị; kỹ năng, nghệ thuật và phong cách của các nhà quản trị; khái niệm, cách thức, phương pháp ra quyết định và các vấn đề về cấu trúc tổ chức doanh nghiệp.

Học phần Quản trị kinh doanh 1 được coi là cầu nối giữa các kiến thức lý thuyết (sinh viên đã được trang bị ở các học phần khoa học cơ bản như toán học, kinh tế học,…) với các học phần khoa học trang bị các kỹ năng cụ thể cho sinh viên như khởi sự kinh doanh, chiến lược kinh doanh, quản trị tác nghiệp, quản trị chất lượng, quản trị nhân lực, quản trị hậu cần, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính, quản trị chi phí kinh doanh,…

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở cần thiết về kinh doanh và quản trị kinh doanh, làm nền tảng để sinh viên có khả năng nghiên cứu và tiếp thu các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu thuộc các lĩnh vực đào tạo cử nhân kinh tế, quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế.

Vì là cầu nối nên học phần Quản trị kinh doanh 1 không dừng ở mức trình bày các nguyên lý lý thuyết mang tính phổ biến và cũng không đi sâu vào các kỹ năng quản trị cụ thể mà trang bị cho sinh viên các kiến thức “cụ thể” đủ mức cần thiết để sinh viên có cơ sở tiếp thu các kiến thức quản trị chuyên sâu (kỹ năng cụ thể) ở các học phần khác.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Trong phạm vi thiết kế 3 tín chỉ cho học phần Quản trị kinh doanh 1 và căn cứ vào kiến thức cơ sở mà sinh viên cần am hiểu trước khi nghiên cứu sâu các kỹ năng quản trị kinh doanh, trong học phần Quản trị kinh doanh 1, sinh viên bắt buộc nghiên cứu 8 chương sau của Giáo trình Quản trị kinh doanh:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Phần/**  **Chương** | **Tên**  **phần/chương** | **Phân bổ thời gian** | | |
| **Tổng số** | **Giảng** | **Bài tập, thảo luận, kiểm tra** |
| 1 | Chương 1 | Nhập môn quản trị kinh doanh | 1 | 1 | 0 |
| 2 | Chương 2 | Kinh doanh | 6 | 3 | 3 |
| 3 | Chương 3 | Môi trường kinh doanh | 7 | 4 | 3 |
| 4 | Chương 4 | Hiệu quả kinh doanh | 6 | 3 | 3 |
| 5 | Chương 5 | Khái lược về quản trị kinh doanh | 7 | 4 | 3 |
| 6 | Chương 6 | Nhà quản trị | 6 | 3 | 3 |
| 7 | Chương 7 | Ra quyết định quản trị | 6 | 3 | 3 |
| 8 | Chương 8 | Cấu trúc tổ chức kinh doanh | 6 | 3 | 3 |
| *Tổng thời gian* | | | 45 | 24 | 21 |

*Chương 1.*  NHẬP MÔN QUẢN TRỊ KINH DOANH

***Giới thiệu khái quát chương***

*Chương 1 bao hàm các kiến thức “nhập môn” với những nội dung rất cơ bản như đối tượng nghiên cứu của môn học Quản trị kinh doanh là các hoạt động kinh doanh do một doanh nghiệp tiến hành. Giải thích thực chất, nhiệm vụ cũng như vị trí của môn khoa học Quản trị kinh doanh trong hệ thống khoa học quản trị nói riêng và khoa học xã hội nói riêng. Chương này cũng đề cập đến lịch sử phát triển môn học, cho người đọc bức tranh về sự phát triển tri thức của loài người về quản trị kinh doanh từ khi manh nha cho đến nay.*

* 1. **Đối tượng nghiên cứu của môn học quản trị kinh doanh**
     1. *Đối tượng nghiên cứu của môn học*
     2. *Kinh tế và nguyên tắc kinh tế*
  2. **Quản trị kinh doanh với tư cách một môn khoa học**
     1. *Thực chất và nhiệm vụ của môn khoa học quản trị kinh doanh*
     2. *Vị trí của môn học quản trị kinh doanh trong hệ thống các môn khoa học xã hội*
  3. **Quản trị kinh doanh với tư cách môn khoa học lý thuyết và ứng dụng**
     1. *Phương pháp nghiên cứu của môn khoa học quản trị kinh doanh lý thuyết*
     2. *Nguyên tắc lựa chọn của môn khoa học quản trị kinh doanh ứng dụng*
  4. **Lịch sử phát triển môn học quản trị kinh doanh**
     1. *Trước khi xuất hiện quản trị kinh doanh với tư cách môn khoa học độc lập*
     2. *Quản trị kinh doanh phát triển với tư cách môn khoa học độc lập*

***Tài liệu tham khảo của chương***

1. Nguyễn Cảnh Chất (dịch và biên soạn): Tinh hoa quản lí, Nxb Lao động-xã hội 2002

2. Drucker: Management. Revised ed. New York: HarperCollins, 2008

3. Gareth R. Jones, Jennifer M. George và Charles W. L. Hill: Management, second edition, 2000, Irwin McGraw-Hill

4. Harold Koontz, Cyril Odonnnell, Heinz Weihrich: Những vấn đề cốt yếu của quản lý, Nxb Khoa học - kỹ thuật 1994, chương 1, tr.19-31

5. Subir Chowdhury: Quản lý trong thế kỷ 21, Nxb GTVT, 2006

6. Williams: Principles of Management. 3rd ed. Mason, OH: South-Western, 2011

*Chương 2.* KINH DOANH

***Giới thiệu chương***

*Để hiểu rõ hơn bản chất, nội dung và phương pháp quản trị kinh doanh, việc nắm vững bản chất, nội dung các thuật ngữ: kinh doanh, doanh nhân, doanh nghiệp, quản trị kinh doanh và môi trường kinh doanh là hết sức quan trọng. Với cách tiếp cận đó, chương 2 sẽ tập trung làm rõ một số vấn đề cơ bản về kinh doanh như: bản chất và mục tiêu hoạt động kinh doanh; phân loại hoạt động kinh doanh; chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp; mô hình kinh doanh và xu thế phát triển kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu cầu*.

* 1. **Hoạt động kinh doanh**
     1. *Quan niệm về kinh doanh*
     2. *Mục đích kinh doanh*
     3. *Tư duy kinh doanh*
  2. **Phân loại hoạt động kinh doanh**
     1. *Phân loại theo ngành kinh tế - kỹ thuật*
     2. *Phân loại theo loại hình sản xuất*
     3. *Phân loại theo phương pháp tổ chức sản xuất*
     4. *Phân loại theo hình thức pháp lý*
     5. *Phân loại theo tính chất sở hữu*
     6. *Phân loại theo tính chất đơn hay đa ngành*
     7. *Phân loại theo tính chất kinh doanh trong nước hoặc quốc tế*
  3. **Chu kỳ kinh doanh**
     1. *Chu kỳ kinh tế*
     2. *Chu kỳ kinh doanh*
  4. **Mô hình kinh doanh**
     1. *Khái niệm mô hình kinh doanh*
     2. *Các yếu tố cầu thành mô hình kinh doanh*

***Tài liệu tham khảo của chương***

1. ISIC Rev.4 – Hệ thống Phân ngành chuẩn quốc tế đã được Ủy ban Thống kê Liên hiệp quốc thông qua tháng 3/2006.

2. Fritscher B, Pigneur Y (2010). Supporting business model modelling: A compromise between creativity and constraints. Lecture Notes in Computer Science, 5963, Springer-Verlag: 28-43.

3. Luật doanh nghiệp 2005 và Nghị định 139/2007/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp.

4. Luật hợp tác xã 2003 và Nghị định 88/2005/NĐ-CP về chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

5. Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, Tổng cục Thống kê, 2007.

Chương 3. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

***Giới thiệu chương***

*Doanh nghiệp là một hệ thống mở nên chịu tác động từ môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong nó. Môi trường kinh doanh với nhiều cấp độ khác nhau từ môi trường vĩ mô, môi trường vi mô và chính ngay bản thân môi trường nội bộ doanh nghiệp. Mỗi loại môi trường đó sẽ có những tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó mục tiêu của chương môi trường gồm:*

*- Hiểu được khái niệm môi trường kinh doanh và sự cần thiết của nghiên cứu môi trường kinh doanh;*

*- Nắm bắt được các cấp độ môi trường kinh doanh và nội dung nghiên cứu tương ứng: môi trường vĩ mô, môi trường vi mô, đặc biệt là môi trường kinh doanh toàn cầu hiện nay;*

*- Nhận dạng được một số đặc điểm của môi trường kinh doanh hiện nay ở Việt Nam. Từ đó có những suy nghĩ cho việc phải hoàn thiện môi kinh doanh theo hướng tạo thuận lợi cho kinh doanh của doanh nghiệp.*

**3.1. Khái lược về môi trường kinh doanh**

*3.1.1. Khái niệm môi trường kinh doanh*

*3.1.2. Sự cần thiết phải nhận thức đúng đắn môi trường kinh doanh*

**3.2. Các đặc trưng cơ bản của môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nước ta**

*3.2.1. Nền kinh tế nước ta xây dựng mang bản chất nền kinh tế thị trường*

*3.2.2. Các yếu tố thị trường ở nước ta đang được hình thành*

*3.2.3. Tư duy còn manh mún, truyền thống, cũ kĩ*

*3.2.4. Môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế*

***Tài liệu tham khảo***

1. Nguyễn Ngọc Huyền, Bàn về qui mô kinh doanh với vấn đề hiệu quả, Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 10/2001, trang 4-6

2. PGS.TS.Nguyễn Ngọc Huyền (2009): Chiến lược kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân

3. La gestion moderne, Une vision globale et intégrée, Pierre G.Bergeron- Suzie Marquis, Ed. Gaëtan Morin, 2004

4. Kinh doanh (Báo cáo phát triển Việt Nam 2006 – Báo cáo chung của các nhà tài trợ cho hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam, Hà Nội ngày 6-7 tháng 12 năm 2005

5. Nguyễn Hải Sản (2005): Quản trị học, Nxb Thống kê

6. Lawrence R. Jauch et William F.Glueck, Ed.Chenelière/McGraw-Hill: Management strtégique et politique générale

Chương 4. HIỆU QUẢ KINH DOANH

***Giới thiệu chương***

*Chương 4 đề cập đến kết quả và hiệu quả kinh doanh từ khái niệm, bản chất, phân biệt các phạm trù hiệu quả và nhận thức rõ kinh doanh gắn với đánh giá hiệu quả kinh doanh và hiệu quả đầu tư kinh doanh cũng như sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả kinh doanh. Nội dung tiếp theo liên quan đến phân tích các nhân tố tác động tới hiệu quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh.*

*Học xong chương này người học nhận thức rõ ràng tầm quan trọng của không phải chỉ là kết quả đạt được mà còn là hiệu quả kinh doanh cao; có kỹ năng không chỉ tính toán, phân tích hiệu quả kinh doanh mà còn trên cơ sở các nhân tố tác động để tìm kiếm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.*

* 1. **Khái lược về hiệu quả kinh doanh**
     1. *Khái niệm*
     2. *Bản chất phạm trù hiệu quả*
     3. *Phân biệt các loại hiệu quả*
  2. **Hệ thống chỉ tiêu và tiêu chuẩn hiệu quả kinh doanh**
     1. *Hệ thống chỉ tiêu và tiêu chuẩn hiệu quả kinh doanh*
        1. *Chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh*
        2. *Tiêu chuẩn hiệu quả kinh doanh*
     2. *Hiệu quả đầu tư*
  3. **Các nhân tố tác động đến hiệu quả kinh doanh**
     1. *Nhóm nhân tố bên trong doanh nghiệp*
     2. *Nhóm nhân tố bên ngoài doanh nghiệp*

***Tài liệu tham khảo của chương***

1. Chỉ thị 868/CT/BTC ngày 26.03.1998 của Bộ Tài chính về việc đánh giá, phân tích và phân loại sắp xếp lại DNNN

2. Công văn 02/ KK/ TW ngày 24/3/2000 của Ban chỉ đạo kiểm kê TƯ về phân tích, đánh giá hiệu qủa kinh doanh và tình hình tài chính của DNNN

3. PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên) (2009): Thay đổi và phát triển doanh nghiệp, Nxb Phụ nữ

4. Nguyễn Ngọc Huyền: Bàn về qui mô kinh doanh với vấn đề hiệu quả, Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 10/2001, trang 4-6

5. Nguyễn Ngọc Huyền: Giá thành sản phẩm và qui mô kinh doanh có hiệu quả, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 9/2001 (341), trang 23-26

6. Nguyễn Ngọc Huyền: Về đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 3/2003 (359), trang 11-12

7. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06.10.2006 về việc ban hành qui chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước

Chương 5. KHÁI LƯỢC VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

***Giới thiệu chương***

*Chuơng năm đề cập đến những vấn đề chung về quản trị kinh doanh nhằm tạo cơ sở cho việc nghiên cứu các chương tiếp theo của môn học. Nội dung chủ yếu của chương đề cập đến những vấn đề như khái niệm, mục đích và đặc điểm quản trị kinh doanh; cơ sở hình thành mô hình và tổ chức hoạt động quản trị kinh doanh; các nguyên tắc cơ bản trong quản trị kinh doanh; các phương pháp quản trị kinh doanh và các trường phái lý thuyết quản trị chủ yếu.*

*Sau khi học xong chương này, người học có thể:*

* *Nêu được khái niệm quản trị kinh doanh*
* *Mô tả được xu hướng phát triển của mô hình quản trị kinh doanh*
* *Nêu được các nguyên tắc của quản trị kinh doanh*
* *Trình bày được các phương pháp quản trị kinh doanh*
* *Nêu được các trường phái lý thuyết quản trị chủ yếu.*
  1. **Khái niệm, mục đích và đặc điểm quản trị kinh doanh**
     1. Khái niệm quản trị kinh doanh
     2. Mục đích của quản trị kinh doanh
     3. Đặc điểm của quản trị kinh doanh
  2. **Cơ sở tổ chức hoạt động quản trị**
     1. Quản trị kinh doanh trên cơ sở tuyệt đối hóa ưu điểm của chuyên môn hóa
     2. Quản trị kinh doanh trên cơ sở đảm bảo tính thống nhất của các quá trình kinh doanh
  3. **Các nguyên tắc cơ bản trong quản trị kinh doanh**
     1. Cơ sở hình thành các nguyên tắc
     2. Yêu cầu đối với hệ thống nguyên tắc
     3. Các nguyên tắc của quản trị kinh doanh chủ yếu
  4. **Các phương pháp quản trị**
     1. Khái lược về phương pháp quản trị
     2. Các phương pháp quản trị phổ biến
  5. **Các trường phái lý thuyết quản trị chủ yếu**

*6.5.1.* Trường phái lý thuyết quản trị khoa học cổ điển

6.5.2. Trường phái lí thuyết quản trị hành chính

6.5.3. Trường phái hành vi

6.5.4. Trường phái quản trị khoa học

6.5.5. Trường phái tiếp cận hệ thống

6.5.6. Trường phái lý luận tình huống

6.5.7. Một số quan điểm quản trị phương Đông

6.5.8. Trường phái quản trị định lượng

9.5.9. Một số hướng quản trị hiện đại

***Tài liệu tham khảo của chương***

1. Arun Kumar Rachana Sharma (2000), Principles of Business Management, Atlantic Publishers and Distributors, New Delhi, India.

2. David E. Farrar (2006), Process- Based management: A winning strategy, OMG

3. Nguyễn Cảnh Chất (dịch và biên soạn, 2002), Tinh hoa quản lí, Nhà xuất bản Lao động- xã hội, Hà Nội.

4. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (2011): Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, chương 5

5. Harold Koontz, Cyril Odonnnell, Heinz Weihrich (1994): Những vấn đề cốt yếu của quản lý, Nhà xuất bản Khoa học - kỹ thuật, Hà Nội.

6. Jay Heizer and Barry Render, Operations Management (2011), Pearson Education, Inc.

7. Stephen P. Robbins (2012), Oranizational Behavior (15th ed.), Prentice- Hall Inc.

*Chương 6.* NHÀ QUẢN TRỊ

***Giới thiệu chương***

*Đội ngũ các nhà quản trị thực hiện các nhiệm vụ quản trị các hoạt động kinh doanh ở các doanh nghiệp. Chương bảy bàn về đội ngũ các nhà quản trị doanh nghiệp bao gồm các vấn đề cơ bản như:*

*- Ai là nhà quản trị? Họ cần có các tiêu chuẩn gì? Phải hoàn thành nhiệm vụ gì? Nhằm mục tiêu gì?...*

*- Các kỹ năng chủ yếu của đội ngũ các nhà quản trị là những kỹ năng gì và cần làm gì để có được các kỹ năng đó*

*- Thế nào là phong cách quản trị? Có các phong cách quản trị chủ yếu nào và phong cách mà nhà quản trị thể hiện trong quá trình hoàn thành nhiệm vụ quản trị của mình nên như thế nào?*

*- Nghệ thuật mà nhà quản trị cần có và vận dụng trong quá trình hoàn thiện bản thân cũng như tiếp xúc với các đối tác có liên quan.*

* 1. **Nhà quản trị**
     1. Khái niệm
     2. Các cách phân loại nhà quản trị
     3. Yêu cầu và tiêu chuẩn đối với nhà quản trị
  2. **Kỹ năng quản trị**
     1. Khái niệm
     2. Các kỹ năng quản trị
     3. Quan hệ giữa các kỹ năng với các cấp quản trị
  3. **Phong cách quản trị**
     1. Khái niệm và các nhân tố ảnh hưởng
     2. Các phong cách quản trị chủ yếu
  4. **Nghệ thuật quản trị**
     1. Khái niệm
     2. Một số nghệ thuật quản trị chủ yếu

***Tài liệu tham khảo của chương***

1. Dale Carnegie (1994): Đắc nhân tâm - Bí quyết của thành công (bản dịch), Nxb Tổng hợp, Đồng Tháp

2. Nguyễn Cảnh Chất (dịch và biên soạn, 2002): Tinh hoa quản lí, Nxb Lao động-xã hội, Hà Nội

3. Ph.D.Kenneth Blanchard-M.D.Spencer Johnson (1996): Ba bí mật của quản lý, Nxb Trung tâm thông tin KHKT Hoá chất

4. Vũ Đình Phòng (biên soạn theo Napoleon Hill, 1996): Bí quyết KD để trở thành giàu có và hạnh phúc, Nxb Thống kê

5. Lê Thụ (1994): 100 tình huống của GĐ, Nxb Thống kê

6. Trần Quang Tuệ (biên dịch, 2000): Nhân sự - chìa khoá của sự thành công, Nxb Tp Hồ Chí Minh

7. Hoàng Xuân Việt (1995): Nghệ thuật dùng người, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh

8. Các trang mạng: Đất Việt, *Thứ Ba, 07/02/2012;* Thanh Niên, Thứ năm, 11/1/2007, 09:01 GMT+7

*Chương 7.* RA QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ

***Giới thiệu chương***

*Ra những quyết định tốt, được mọi người ủng hộ và thực thi là cả một nghệ thuật mà tất cả các nhà quản trị đều phải học. Điều này lại càng có ý nghĩa quan trọng đối với một doanh nhân.*

*Khi mới khởi nghiệp, bạn thường chỉ có một mình và phải tự quán xuyến mọi việc của doanh nghiệp. Khi đó, bạn sẽ chịu trách nhiệm về mọi quyết định của mình, cả về mặt chiến lược lẫn chiến thuật.*

*Nhưng khi doanh nghiệp phát triển, để vận hành nó, bạn cần phải có sự hợp sức của nhiều người khác. Lúc này, bạn đã cân nhắc đến ý kiến của người khác khi ra quyết định hay chưa? Và bạn có nên làm điều này hay không?*

*Sẽ không có một câu trả lời dứt khoát cho câu hỏi trên. Chính vì vậy mà việc ra những quyết định tốt là cả một nghệ thuật. Tùy theo tình huống mà việc ra quyết định có thể dựa trên sự độc đoán hay trên sự đồng thuận của tất cả mọi người. Lúc nào cũng dựa trên sự độc đoán hay luôn bao biện là một cách ra quyết định cực đoan và nguy hiểm. Những người ra quyết định giỏi nhất là những người linh hoạt. Họ biết khi nào phải độc đoán, khi nào phải đi tìm tiếng nói chung của mọi người trong tổ chức và khi nào nên ở giũa hai cực này.*

*Chương tám giới thiệu một số khái niệm, cách thức phân loại, và phương pháp ra quyết định trong quản trị kinh doanh.*

* 1. **Khái lược về ra quyết định trong quản trị kinh doanh**
     1. *Một số khái niệm*
     2. *Yêu cầu đối với việc ra quyết định*
  2. **Phân loại quyết định**
     1. *Theo tính chất quan trọng của quyết định*
     2. *Theo độ dài thời gian*
     3. *Theo tính chất quan trọng của quyết định*
     4. *Theo tính chất ổn định của quyết định*
     5. *Theo chủ thể ra quyết định*
     6. *Theo cấp ban hành quyết định*
     7. *Theo đối tượng quyết định*
     8. *Theo hình thức ban hành quyết định*
     9. *Theo cách thức tác động tới đối tượng thực hiện quyết định*
     10. *Theo tính chất đúng đắn của quyết định*
  3. **Căn cứ và quy trình ra quyết định**
     1. *Căn cứ để ra quyết định*
     2. *Quy trình ra quyết định*
  4. **Một số phương pháp ra quyết định**
     1. *Phương pháp định tính*
     2. *Phương pháp định lượng*

***Tài liệu tham khảo của chương***

1. PGS.TS Trần Việt Lâm (2010), “Giáo trình Phương pháp tối ưu trong kinh doanh”, Đại học Kinh tế quốc dân.

2. TS. Nguyễn Xuân Thủy (2005), “Phân tích định lượng trong quản trị”, Nxb Thống kê.

3. Trần Túc (2001), Quy hoạch tuyến tính, Nxb ĐH KTQD.

4. “Kỹ năng ra quyết định” (2008), Cẩm nang Kinh doanh Harvard

5. Nguyễn Khắc Minh (2002), Nhập môn Lý thuyết trò chơi và ứng dụng trong kinh doanh, Nxb Khoa học kĩ thuật.

6. Morgenstern,Ọ: Lý thuyết trò chơi, in trong “Từ điển khoa học xã hội, tập 9, Stuttgart-Tưbingen-Goetingen 1956” [tr.707].

Chương 8. CẤU TRÚC TỔ CHỨC KINH DOANH

**Giới thiệu chương**

Chương 8 giới thiệu cấu trúc của các tổ chức kinh doanh bao gồm nhiều nội dung liên quan đến cấu trúc tổ chức, các mô hình cấu trúc tổ chức, các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tổ chức và các kỹ năng cơ bản gắn với việc hình thành hay hoàn thiện cấu trúc tổ chức doanh nghiệp. Người học và người đọct ìm thấy ở chương này các kiến thức cơ bản cũng như các kiến thức phát triển về cấu trúc tổ chức.

**8.1. Khái lược về cấu trúc tổ chức**

Tổ chức chính thức và tổ chức phi chính thức

* + 1. *Cơ cấu tổ chức chính thức*
    2. *Vai trò của cấu trúc tổ chức chính thức*
    3. *Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tổ chức chính thức*
  1. **Các kiểu cơ cấu tổ chức trong doanh nghiệp**
     1. *Các hệ thống tổ chức ở một bộ phận trong doanh nghiệp*
        1. *Hệ thống tổ chức kiểu chức năng*
        2. *Hệ thống tổ chức hình sao*
     2. *Các hệ thống tổ chức trong toàn doanh nghiệp*
        1. *Hệ thống tổ chức kiểu trực tuyến*
        2. *Hệ thống tổ chức kiểu trực tuyến - tư vấn*
        3. *Hệ thống tổ chức kiểu trực tuyến - chức năng*
        4. *Hệ thống tổ chức kiểu ma trận*
        5. *Hệ thống tổ chức theo nhóm*
        6. *Hệ thống tổ chức mạng lưới*
  2. **Xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức chính thức**

## Khái lược

## Các yêu cầu chủ yếu

## Các nguyên tắc tổ chức hoạt động

## Hình thành/thiết kế lại các nơi làm việc

## Xác định quyền hạn, quyền lực và trách nhiệm

## Xây dựng và hoàn thiện nội qui, qui chế

***Tài liệu tham khảo của chương***

1. Barnatt, C. “Office Space, Cyberspace, and Virtual Organization”. Journal of General Management, Summer 1995, pp. 78-91

2. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (2012): Giáo trình Khởi sự kinh doanh, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân

3. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (2011): Những bài học về quản lý và quản trị tập đoàn kinh tế nhà nước nhìn từ góc độ Vinashin, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Mô hình tổ chức và hoạt động của các tập đoàn kinh tế VN” Đề tài độc lập cấp NN ĐTĐL.2010.T/34, trang 239-248

4. Handy, C. “Trust and the Virtual Organization”, Harvard Business Review, May/June 1995, pp 40-50.

5. Jones and Deckro. “Strategic Decision Processes in Matrix Organization”. European Journal of Operatioanal Research, October 1994, pp. 192-203

**7. GIÁO TRÌNH**

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên), 2013, Giáo trình QUẢN TRỊ KINH DOANH, tập 1 – Nxb Đại học Kinh tế quốc dân

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ngô Trần Ánh: Kinh tế và quản lý doanh nghiệp, Nxb Thống kê 2000

#### 2. TS. Trương Đình Chiến: Quản trị marketing trong doanh nghiệp, Nxb Thống kê Hà Nội 2000

#### 3. PGS. TS. Trương Đình Chiến (chủ biên): Quản trị quan hệ khách hàng, Nxb Phụ nữ 2009

4. Ciaran Walsh (Trần Thị Thu Hằng dịch): Các chỉ số cốt yếu trong quản lý, bwportal.com.vn 22.8.2011

5. GS.TS. Nguyễn Thành Độ và PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên) 2012, Giáo trình Quản trị kinh doanh, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân

6. Harold Koontz, Cyril Odonnnell, Heinz Weihrich: Những vấn đề cốt yếu của quản lý, Nxb Khoa học - kỹ thuật 1994

7. Harold Koontz, Heinz Weihrich (2009), Essentials of Management: An International Perspective, 8/e, Tata McGraw-Hill Education Private Limited.

8. PGS.TS. Lê Công Hoa và PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên): Quản trị kinh doanh đương đại, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân 2011, trang 241-264

9. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên): Giáo trình Quản trị kinh doanh, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân 2012

10. Học cách lập kế hoạch kinh doanh, TBKTSG 06/01/2003

11. PGS.TS. Nguyễn Thành Hưng: Kỹ năng lãnh đạo trong doanh nghiệp, Nxb Phụ nữ 2009

12. Jeffrey J.Fox: Nghệ thuật quản lý - Những nguyên tắc để thu dụng và giữ được nhân viên giỏi nhất, Nxb Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh 2004

13. Kỹ năng lập kế hoạch, [nqcentre](http://nqcenter.wordpress.com) on Tháng Mười Một 1, 2008

14. Lê Hồng Lĩnh: Đánh giá hiệu quả làm việc nhóm [HongLinh](http://quantri.com.vn/index.php?area=1&p=user&id=1)06-08-2007, 16:50:00

15. Nguyễn Tuyết Mai: 12 phẩm chất cần thiết cho nhà lãnh đạo, bwportal.com 26.11.2004

16. Mellerowicz,K.: Kinh tế xí nghiệp đại cương, tập 3, xuất bản lần thứ 12, Berlin 1967

17. Trần Phương Minh (Dịch từ Entrepreneur): Những mật pháp tiết kiệm tài chính hiệu quả, bwportal.com.vn 4.5.2007

18. PGS.TS. Lưu Văn Nghiêm: marketing dịch vụ, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, trang 5-21

19. Nguyên tắc phát triển chiến lược cạnh tranh khu biệt, Đầu Tư Thứ tư, 3/11/2004, 11:48 GMT+75

20. Nguyễn Hải Sản: Quản trị học, Nxb Thống kê 1998

21. Stephen P. Robbins and Mary Coulter (2002), Management (Active book), 7/e, Prentice-Hall, Inc

22. Thomas J.Robbins - Wayne D.Morrison: Quản lý và kỹ thuật quản lý, Nxb Giao thông vận tải 1999

23. Hàn Viết Thuận (1997), “Phương pháp thiết kế hệ thống thông tin tin học hóa   
trong quản lý doanh nghiệp”, Tạp chí Kinh tế và dự báo Bộ Khoa học - đầu tư, Hà Nội

24. Hàn Viết Thuận (2000), Phân tích thiết kế và cài đặt hệ thống thông tin quản lý, Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý CFVG, Hà Nội, đọc phần thiết kế hệ thống thông tin

25. Trương Văn Tú - Trần Thị Song Minh (2000), Hệ thống thông tin quản lý, Giáo trình, NXB Thống Kê, Hà Nội

26. Vũ Quốc Tuấn: Về với thị trường sáu mươi hai triệu dânwww.SAGA.vn l DNSGCT - 18/07/2008

27. Nguyễn Văn Vỵ (2002), Phân tích thiết kế các hệ thống thông tin hiện đại hướng cấu trúc và hướng đối tượng, NXB Thống kê, Hà Nội

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. **Điều kiện dự thi kết thúc học phần**
* Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% thời lượng giảng lý thuyết
* Phải tham gia làm và nộp đầy đủ bài kiểm tra bắt buộc giữa kỳ
* Không có điểm số tối thiểu đối với bài kiểm tra
  1. **Hình thức kiểm tra đánh giá Trọng số**
* Chuyên cần 10%
* Bài tập nhóm 20%
* Bài kiểm tra cá nhân 20%
* Thi kết thúc học phần: 50%
* Thang điểm 10

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  *(đã ký)*  **TS NGÔ THỊ VIỆT NGA** |  | *Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018*  HIỆU TRƯỞNG  *(đã ký)*  **GS.TS TRẦN THỌ ĐẠT** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Lý thuyết tài chính tiền tệ**

Tiếng Anh: **Monetary and Financial Theories**

Mã học phần: **NHLT1101**số tín chỉ: 3

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Lý thuyết Tài chính tiền tệ**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

- Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin

- Kinh tế vi mô 1

- Kinh tế vĩ mô 1

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 là học phần thuộc phần kiến thức bắt buộc của trường. Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tài chính - tiền tệ, ngân sách nhà nước, tín dụng, lãi suất cũng như các hoạt động trên thị trường tài chính, hoạt động của ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản vể tài chính tiền tệ. Trên cơ sở đó sinh viên có được các kiến thức căn bản cần thiết để nghiên cứu các học phần chuyên sâu theo mỗi chuyên ngành đào tạo.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Nội dung* | *Tổng số*  *tiết* | *Trong đó* | | *Ghi chú* |
| *Lý thuyết* | *Bài tập, thảo luận, kiểm tra* |
| 1  2  3  4  5  6  7  8 | Chương 1  Chương 2  Chương 3  Chương 4  Chương 5  Chương 6  Chương 7  Chương 8 | 5  3  5  4  7  7  7  7 | 3  2  3  3  4  5  5  5 | 2  1  2  1  3  2  2  2 |  |
|  | **Cộng** | **45** | **30** | **15** |  |

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

*Tiền tệ và tài chính là những phạm trù kinh tế gắn liền với nền sản xuất và lưu thông hàng hoá. Nó có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình phát triển nền kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Để thấy rõ vai trò đó, chương này cho phép chúng ta hiểu một cách cơ bản các khái niệm về tiền tệ và tài chính. Qua đó nhận thức được quá trình ra đời, phát triển của tiền tệ và tài chính.*

* 1. **Bản chất của tiền tệ**

1.1.1. Sự ra đời của tiền tệ

* + 1. Bản chất của tiền tệ

**1.2. Chức năng của tiền tệ**

1.2.1. Chức năng của tiền tệ theo quan điểm K.Marx

1.2.2. Chức năng của tiền tệ theo quan điểm kinh tế học hiện đại

**1.3. Sự phát triển các hình thái tiền tệ**

1.3.1. Tiền bằng hàng hoá

1.3.2. Tiền giấy

1.3.3. Tiền ghi sổ

**1.4. Chế độ tiền tệ**

1.4.1. Chế độ song bản vị

1.4.2. Chế độ bản vị tiền vàng

1.4.3. Chế độ bản vị vàng thỏi

1.4.4. Chế độ bản vị vàng hối đoái

1.4.5. Chế độ bản vị ngoại tệ

1.4.6. Chế độ bản vị tiền giấy không chuyển đổi ra vàng

**1.5. Khối tiền tệ**

1.5.1. Khái niệm

1.5.2. Cách đo lường

**1.6. Bản chất của tài chính**

1.6.1. Sự ra đời của phạm trù tài chính

1.6.2. Bản chất của tài chính

**1.7. Chức năng của tài chính**

1.7.1. Chức năng phân phối

1.7.2. Chức năng giám đốc

**Tài liệu tham khảo:**

1. Chương 1 “Đại cương về tài chính và tiền tệ”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. Lê Vinh Danh (1996), Tiền và hoạt động ngân hàng, NXB Chính trị Quốc gia

4. Các trang Web về các ngân hàng và các tổ chức tài chính

5. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG TÀI CHÍNH

*Chương này sẽ giới thiệu về chức năng, vai trò của hệ thống tài chính đối với nền kinh tế. Cấu trúc và quan hệ của từng bộ phận trong hệ thống tài chính cũng như chính sách điều hành của chính phủ đối với hệ thống tài chính quốc gia như thế nào.*

**2.1. Tổng quan về hệ thống tài chính**

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Mô hình hệ thống tài chính trong nền kinh tế

2.1.3. Các cấu phần của hệ thống tài chính

**2.2. Chức năng và vai trò của hệ thống tài chính**

2.2.1. Chức năng của hệ thống tài chính

2.2.2. Vai trò của hệ thống tài chính đối với sự phát triển nền kinh tế

**2.3. Quản lý Nhà nước đối với hệ thống tài chính**

2.3.1. Mục tiêu

2.3.2. Nội dung quản lý

**Tài liệu tham khảo:**

1. Chương 2 “Tổng quan về hệ thống tài chính”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. Các trang Web về các ngân hàng và các tổ chức tài chính

4. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 3: NGÂN SÁCH HÀ NƯỚC

*Chương này sẽ tìm hiểu về nguồn kinh phí được sử dụng để tài trợ cho sự tồn tại và hoạt động của bộ máy nhà nước, cho việc cung cấp các hàng hoá công cộng. Nhà nước sử dụng nguồn kinh phí đó như thế nào và tổ chức quản lý điều hành việc huy động và sử dụng nguồn kinh phí đó ra sao. Đó chính là những nội dung cơ bản mà chương này sẽ đề cập đến.*

**3.1. Tổng quan về Ngân sách nhà nước**

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Vai trò

**3.2. Thu Ngân sách nhà nước**

3.2.1. Khái niệm

3.2.2. Đặc điểm

3.2.3. Nội dung

**3.3. Chi Ngân sách nhà nước**

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Đặc điểm

3.3.3. Nội dung

**3.4. Thâm hụt Ngân sách nhà nước**

3.4.1. Khái niệm

3.4.2. Nguyên nhân

3.4.3. Tác động

3.4.4. Biện pháp khắc phục

**3.5. Tổ chức hệ thống Ngân sách nhà nước - Phân cấp NSNN**

3.5.1. Tổ chức hệ thống Ngân sách nhà nước

3.5.2. Phân cấp Ngân sách nhà nước

**3.6. Năm ngân sách và chu trình Ngân sách Nhà nước**

3.6.1. Năm ngân sách

3.6.2. Chu trình ngân sách

**3.7. Chính sách tài khóa**

3.7.1. Khái niệm

3.7.2. Mục tiêu

3.7.3. Công cụ

**Tài liệu tham khảo:**

1. Chương 3 “Ngân sách nhà nước”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Các trang web của Chính phủ, các ngân hàng và các tổ chức tài chính.

3. Các trang web của bộ tài chính, tổng cục thuế, tổng cục hải quan.

4. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 4: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

*Chương này giúp chúng ta tìm hiểu về vốn, vai trò của vốn đối với doanh nghiệp. Các nguồn và phương thức tạo vốn của doanh nghiệp như thế nào cũng như cách quản lý và sử dụng vốn trong doanh nghiệp như thế nào có hiệu quả.*

**4.1. Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp**

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Vai trò

**4.2. Nguồn vốn của doanh nghiệp**

4.2.1. Nguồn vốn chủ sở hữu

4.2.2. Nguồn vốn nợ

**4.3. Quản lý tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp**

4.3.1. Khái niệm và phân loại tài sản ngắn hạn

4.3.2. Quản lý tài sản ngắn hạn

4.4. Quản lý tài sản dài hạn của doanh nghiệp

4.4.1. Khái niệm và phân loại tài sản dài hạn

4.4.2. Quản lý tài sản dài hạn

**Tài liệu tham khảo:**

1. Chương 4 “Tài chính doanh nghiệp”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Chương 1 “Tổng quan về tài chính doanh nghiệp”

Chương 5 “Nguồn vốn của doanh nghiệp”

Chương 6 “Quản lý tài sản trong doanh nghiệp”

PGS.TS Lưu Thị Hương, PGS.TS Vũ Duy Hào, 2013, Giáo trình tài chính doanh nghiệp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 5: TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

*Tín dụng và lãi suất luôn song hành cùng với nhau. Lãi suất là giá cả của tín dụng, hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường đều cần đến nguồn vốn tín dụng và quan tâm đến chi phí đầu vào đó chính là lãi suất. Lãi suất đóng vai trò quan trọng cả ở tầm vĩ mô và trong hoạt động vi mô. Chương này sẽ làm rõ cho chúng ta về các vấn đề đó.*

**5.1. Tổng quan về tín dụng**

5.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tín dụng

5.1.2. Vai trò của tín dụng

**5.2. Các loại hình tín dụng trong nền kinh tế thị trường**

5.2.1. Tín dụng ngân hàng

5.2.2. Tín dụng thương mại

5.2.3. Tín dụng nhà nước

5.2.4. Cho thuê tài chính

**5.3. Tổng quan về lãi suất**

5.3.1. Bản chất của lãi suất

5.3.2. Vai trò của lãi suất

5.3.3. Một số loại lãi suất trên thị trường

**5.4. Một số phân biệt về lãi suất**

5.4.1. Lãi suất thực và lãi suất danh nghĩa

5.4.2. Lãi suất đơn và lãi suất tích hợp

5.4.3. Lãi suất và tỷ suất lợi tức

**Tài liệu tham khảo:**

1. Chương 7 “Một số vấn đề cơ bản về lãi suất”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3.Các trang Web về các ngân hàng và các tổ chức tài chính

4.Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 6: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

*Thị trường tài chính là một cấu phần quan trọng trong hệ thống tài chính quốc gia. Chương này sẽ tìm hiểu về chức năng, vai trò của thị trường tài chính đối với sự phát triển kinh tế. Đồng thời cũng đi vào nghiên cứu cấu trúc của thị trường tài chính, các chủ thể tham gia và những hàng hoá được mua bán trên thị trường tài chính.*

**6.1. Khái quát về thị trường tài chính**

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Chức năng và vai trò của thị trường tài chính

**6.2. Các chủ thể của thị trường tài chính**

6.2.1. Chủ thể cần vốn

6.2.2. Chủ thể có vốn

**6.3. Cấu trúc của thị trường tài chính**

6.3.1. Căn cứ vào thời hạn chuyển giao vốn

6.3.2. Căn cứ vào tính chất các công cụ tài chính

6.3.3. Căn cứ vào quá trình phát hành và lưu thông

6.3.4. Căn cứ vào mức độ can thiệp của Chính phủ

6.3.5. Căn cứ vào phương thức tổ chức của thị trường

**6.4. Các công cụ của thị trường tài chính**

6.4.1. Các công cụ của thị trường tiền tệ

6.4.2. Các công cụ của thị trường vốn

**Tài liệu tham khảo:**

1. Chương 5 “Thị trường tài chính”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. Các trang Web về các ngân hàng và các tổ chức tài chính

4. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 7: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*Chương này nghiên cứu sự ra đời và chức năng của Ngân hàng thương mại. Các ngân hàng thương mại thực hiện các hoạt động huy động vốn, sử dụng vốn và cung cấp các dịch vụ như thế nào.*

**7.1. Khái quát về Ngân hàng thương mại**

7.1.1. Sự ra đời của Ngân hàng thương mại

7.1.2. Khái niệm

7.1.3. Chức năng của Ngân hàng thương mại

7.1.4. Bảng cân đối tài sản của Ngân hàng thương mại

**7.2. Các hoạt động của Ngân hàng thương mại**

7.2.1. Hoạt động huy động vốn

7.2.2. Hoạt động sử dụng vốn

7.2.3. Hoạt động cung cấp dịch vụ

**Tài liệu tham khảo:**

1. Chương 8 “Ngân hàng thương mại”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, Hà Nội.

4. Peter S.Rose (2001), Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài chính, Hà Nội

5. Phan Thị Thu Hà (2013), Giáo trìnhNgân hàng thương mại, NXB ĐHKTQD, Hà Nội.

6. David Cox, 1997, “Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại”, NXB chính trị quốc gia;

7. Các trang Web của các ngân hàng thương mại

8. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

Chương 8: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG

*Ngân hàng trung ương là một thể chế đặc biệt của mỗi quốc gia. Với vai trò điều tiết vĩ mô lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng(thông qua chính sách tiền tệ) ngân hàng trung ương có ảnh hưởng và tác động đầy quyền lực đến mọi mặt của nền kinh tế. Trong chương này sẽ đề cập đến một số vấn đề tổng quan về NHTW và Chính sách tiền tệ nói chung.*

**8.1. Tổng quan về Ngân hàng trung ương**

8.1.1. Quá trình hình thành

8.1.2. Mô hình của Ngân hàng trung ương

8.1.3. Chức năng của Ngân hàng trung ương

**8.2. Ngân hàng trung ương và cơ số tiền tệ**

8.2.1. Bảng cân đối tiền tệ rút gọn của NHTW

8.2.2. Quá trình NHTW cung cấp tiền dự trữ cho hệ thống NHTM

**8.3. Chính sách tiền tệ quốc gia**

8.3.1. Khái niệm

8.3.2. Mục tiêu

8.3.3. Công cụ chính sách tiền tệ quốc gia

**Tài liệu tham khảo**

1. Chương 9 «Quá trình cung ứng tiền tệ »

Chương 10 « Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia »

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3.Các trang Web về Chính phủ, ngân hàng trung ương

4.Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

**7. GIÁO TRÌNH:**

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài (2012), Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. TS. Cao Thị Ý Nhi (2014), Câu hỏi và bài tập Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

4. Lê Vinh Danh (1996), Tiền và hoạt động ngân hàng, NXB Chính trị Quốc gia

5. Các trang Web về các ngân hàng và các tổ chức tài chính

6. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

Sinh viên đủ điều kiện dự thi nếu:

- Tham dự ít nhất 75% thời gian học trên lớp.

- Điểm bài kiểm tra định kỳ đạt từ 5 điểm trở lên (tính theo thang điểm 10/10).

Ngoài ra:

- Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận

- Hình thức thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm kết hợp tự luận

- Cách tính điểm học phần:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Điểm số** | **Trọng số** | **Tổng điểm** |
| 1 | Điểm chuyên cần | X | 10% | 10%X (1) |
| 2 | Điểm kiểm tra (1 bài) | Y | 30% | 30%Y (2) |
| 3 | Điểm thi cuối kỳ | Z | 60% | 60%Z (3) |
|  | **Điểm tổng kết học phần** |  |  | **(1)+(2)+(3)** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (đã ký) |  | HIỆU TRƯỞNG  (đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**  LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Nguyên lý kế toán**

Tiếng Anh: **Accounting Principles**

Mã học phần: **KTKE1101** số tín chỉ: **3 (2,1)**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Các môn học thuộc kiến thức giáo dục đại cương

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần đề cập các kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như: Bản chất hạch toán kế toán; nguyên tắc, khái niệm kế toán được sử dụng rộng rãi. Đối tượng của kế toán và hệ thống phương pháp hạch toán kế toán. Trên cơ sở đó học phần đề cập nguyên lý kế toán các quá trình kinh doanh cơ bản.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Trang bị những kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp luận về hạch toán kế toán cho sinh viên để từ đó sinh viên tiếp thu hiệu quả các môn học khác trong khung chương trình đào tạo.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần/Chương** | **Thời gian (45 tiết)** | | |
| **Tổng số** | **Giảng** | **Bài tập và Thảo luận** |
| **Chương 1:** Tổng quan về kế toán | 8 | 6 | 2 |
| **Chương 2:** Chu trình kế toán | 10 | 6 | 4 |
| **Chương 3:** Kế toán doanh thu, chi phí | 7 | 5 | 2 |
| **Chương 4:** Kế toán tài sản | 11 | 7 | 4 |
| **Chương 5:** Kế toán nợ phải trả, kết quả kinh doanh và vốn chủ sở hữu | 9 | 6 | 3 |
| **Tổng** | **45** | **30** | **15** |

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN

*Nghiên cứu Chương 1, người học sẽ được trang bị những vấn đề cơ bản về nguyên lý hạch toán kế toán; vị trí của hạch toán kế toán trong hệ thống các loại hạch toán và trong hệ thống quản lý của đơn vị kế toán; người học cũng sẽ được nghiên cứu những nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận rộng rãi.*

**1.1. Bản chất và vai trò của kế toán.**

1.1.1. Kế toán là gì.

1.1.2. Thông tin kế toán với việc ra quyết định kinh doanh

1.1.3. Các loại kế toán.

1.1.4. Cơ hội nghề nghiệp và triển vọng phát triển đối với kế toán

**1.2. Đối tượng phản ánh của kế toán và các công thức kế toán căn bản**

1.2.1. Đối tượng phản ánh của kế toán.

1.2.2. Các công thức kế toán căn bản

**1.3. Hệ thống báo cáo tài chính.**

1.3.1. Vai trò và mục tiêu của báo cáo tài chính

1.3.2. Các báo cáo tài chính cơ bản.

**1.4. Các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán và các tổ chức có ảnh hưởng đến thực hành nghề nghiệp kế toán**

1.4.1. Sự hình thành và nội dung các nguyên tắc kế toán chung.

1.4.2. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế.

1.4.3. Các tổ chức có ảnh hưởng tới thực hành nghề nghiệp kế toán.

**1.5. Hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp**

1.5.1. Khái niệm và các chức năng cơ bản của hệ thống thông tin kế toán.

1.5.2. Mối quan hệ của hệ thống thông tin kế toán và hệ thống thông tin quản lý.

1.5.3. Xây dựng hệ thống thông tin kế toán.

**Tài liệu tham khảo:**

**-** Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán

**-** Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 “Chuẩn mực chung”, các chuẩn mực kế toán khác có liên quan và tài liệu khác theo hướng dẫn của giảng viên.

- Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley, Chapter 1

Chương 2: CHU TRÌNH KẾ TOÁN

*Nghiên cứu Chương 2, người học sẽ nắm được các khải niệm cơ bản và chức năng của tài khoản kế toán, chứng từ kế toán và hiểu được chu trình kế toán hoàn chỉnh; biết cách sử dụng các công thức kế toán căn bản để phân tích, xử lí và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.*

**2.1. Phân tích các nghiệp vụ kinh tế bằng các công thức kế toán căn bản**

**2.2. Tài khoản kế toán và phương pháp ghi sổ kép**

2.2.1. Tài khoản kế toán.

2.2.2. Phương pháp ghi sổ kép.

2.2.3. Sổ Nhật ký và Sổ cái tài khoản.

2.2.4. Tổng hợp ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế tới các báo cáo tài chính

**2.3. Tổng hợp quy trình nghiệp vụ của kế toán**

**Tài liệu tham khảo:**

**-** Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán

- Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley, Chapter 2, 3, 4

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn của giảng viên

Chương 3: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ

*Trong chương này, người học sẽ được học về khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc kế toán hai yếu tố chính cấu thành nên Báo cáo kết quả kinh doanh là Doanh thu và Chi phí*

**3.1. Kế toán doanh thu**

3.1.1. Khái niệm doanh thu

3.1.2. Đo lường doanh thu

3.1.3. Phương pháp kế toán doanh thu

**3.2. Kế toán chi phí**

3.2.1. Khái niệm chi phí

3.2.2. Đo lường chi phí

3.2.3. Phương pháp kế toán chi phí

**Tài liệu tham khảo:**

**-** Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán

- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

- Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley, Chapter

- Các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên

Chương 4. KẾ TOÁN TÀI SẢN

*Chương 4 cung cấp cho người học kiến thức về các vấn đề có liên quan đến Tài sản, một trong các yếu tố cấu thành nên Bảng cân đối kế toán, thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, thông qua các kĩ thuật ghi chép của kế toán để kiểm soát, quản lý và sử dụng tài sản có hiệu quả.*

**4.1. Kế toán tài sản ngắn hạn.**

4.1.1. Khái niệm và phân loại TSNH.

4.1.2. Kế toán hàng tồn kho.

4.1.3. Kế toán thu, chi tiền.

4.1.4. Kế toán khoản phải thu KH.

**4.2. Kế toán tài sản dài hạn.**

4.2.1. Khái niệm và phân loại TSDH.

4.2.2. Kế toán tài sản cố định hữu hình.

4.2.3. Khấu hao tài sản cố định hữu hình.

4.2.4. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình

**Tài liệu tham khảo:**

**-** Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán

- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

- Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley, Chapter 6, 9, 10

- Các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên

Chương 5: KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ

VỐN CHỦ SỞ HỮU

*Trong chương 5, người học tiếp thu các kiến thức kế toán liên quan đến các yếu tố còn lại của Bảng cân đối kế toán là Nợ phải trả và Nguồn vốn chủ sở hữu, đồng thời, người học cũng được học quy trình xác định kết quả của kế toán, cũng như các vấn đề liên quan đến xử lí, phân phối kết quả kinh doanh.*

**5.1. Kế toán nợ phải trả**

5.1.1. Khái niệm và phân loại nợ phải trả

5.1.2. Kế toán khoản phải trả người bán

5.1.2. Kế toán các khoản nợ dài hạn

**5.2. Kế toán kết quả kinh doanh và vốn chủ sở hữu**

5.2.1. Kế toán kết quả kinh doanh

5.2.2. Kế toán vốn chủ sở hữu

**Tài liệu tham khảo:**

**-** Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán

- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

- Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley, Chapter 11, 12, 13,14, 15.

- Các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên

**7. GIÁO TRÌNH**

- PGS.TS Nguyễn Thị Đông. (2007). *Giáo trình Lý thuyết Hạch toán kế toán*. Nhà xuất bản Tài chính.

- PGS.TS Nguyễn Văn Công. (2011). *Hệ thống câu hỏi và bài tập Lý thuyết Hạch toán kế toán*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán

- Hệ thống chuẩn mực Kế toán quốc tế

- Chế độ Kế toán và chuẩn mực Kế toán Việt Nam

- Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giáo viên trực tiếp giảng dạy

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối học kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (đã ký)  **TS. Phạm Thành Long** |  | HIỆU TRƯỞNG  (đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**  LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Thống kê trong nghiên cứu thị trường**

Tiếng Anh: **Statistics in marketing research**

Mã học phần: **TKKD1110** số tín chỉ: **3**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** **Thống kê Kinh doanh**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Lý thuyết thống kê

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

- Thống kê là một trong những phương pháp quan trọng trong việc thu thập đầy đủ thông tin nhằm phục vụ cho phân tích và xây dựng chiến lược thị trường. Các thông tin về thị trường rất đa dạng và nhiều thông tin thuộc về dạng ý thức không dễ dàng có được một cách chính xác. Môn học thống kê trong nghiên cứu thị trường trình bày một số vấn đề cơ bản về nghiên cứu thị trường; cung cấp các kiến thức, kỹ năng nghiên cứu, từ khâu lập kế hoạch tổ chức nghiên cứu thị trường đến các các phương pháp tiến hành thu thập thông tin, cách thức tiến hành tổng hợp xử lý kết quả điều tra và viết báo cáo phân tích thị trường. Thống kê trong nghiên cứu thị trường là môn học có liên hệ trực tiếp và chặt chẽ với các môn học nghiên cứu marketing, nghiên cứu hành vi và mức độ hài lòng của khách hàng,...

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Sau khi học xong người học cần đạt được những kiến thức và kỹ năng sau:

* Hiểu rõ những khái niệm cơ bản về thị trường và nhu cầu thông tin cần thiết cho việc nghiên cứu thị trường.
* Nắm vững và có kỹ năng lập kế hoạch nghiên cứu thị trường, từ việc xác định vấn đề đến việc thiết kế nội dung nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thu thập thông tin và kế hoạch tiến hành.
* Có khả năng xây dựng phương án điều tra và thiết kế công cụ thu thập thông tin phù hợp với đối tượng nghiên cứu và điều kiện thực tế cho phép.
* Thành thạo kỹ năng thu thập thông tin với các phương pháp cơ bản như phỏng vấn, quan sát và phân tích tư liệu.
* Vận dụng thành thạo các phương pháp thống kê trong việc trình bày và phân tích thị trường qua những thông tin thu thập được
* Rèn luyện khả năng viết các loại báo cáo trình bày kết quả nghiên cứu và thuyết trình

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Nội dung*** | ***Tổng số***  ***tiết tín chỉ*** | ***Trong đó*** | |
| ***Lý thuyết*** | ***Thực hành,***  ***thuyết trình*** |
| 1  2  3  4  5  6  7  8 | Chương 1  Chương 2  Chương 3  Chương 4  Chương 5  Chương 6  Chương 7  Chương 8 | 6  7  8  3  3  6  6  6 | 4  5  5  2  2  3  3  3 | 2  2  3  1  1  3  3  3 |
|  | **Cộng** | **45** | **26** | **19** |

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỐNG KÊ TRONG NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

*Nghiên cứu thị trường là một trong những vấn đề quan trọng quyết định sự thành công của bất kỳ một đơn vị hoạt động sản xuất, kinh doanh trong bất kỳ lĩnh vực nào. Để vận dụng các kỹ thuật thống kê trong nghiên cứu thị trường, trước hết cần hiểu rõ một số vấn đề cơ bản của nghiên cứu thị trường, từ đó xây dựng quy trình nghiên cứu nhằm lượng hóa và phân tích thị trường. Nội dung chương này trình bày những vấn đề nói trên*

***Nội dung:***

**1.1. Khái quát về nghiên cứu thị trường**

1.1.1. Nghiên cứu thị trường là gì

1.1.2. Nội dung của nghiên cứu thị trường

**1.2. Quy trình nghiên cứu thị trường**

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. GS.TS. Trần Minh Đạo (2011), *Giáo trình Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân
2. Ngân hàng thế giới (2006), *Sức mạnh của thiết kế điều tra*, NXB Chính trị Quốc gia
3. PTS Phan Văn Thăng, Nguyễn Văn Hiến, *Nghiên cứu marketing* (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Thành phố HCM

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP THU THẬP DỮ LIỆU TRONG NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

*Trong thống kê nói chung và trong thống kê nghiên cứu thị trường nói riêng, có nhiều phương pháp thu thập thông tin khác nhau, mỗi phương pháp có đặc thù riêng, việc lựa chọn phương pháp thu thập thông tin phụ thuộc vào ưu điểm, hạn chế của từng phương pháp và phải căn cứ vào nhu cầu về thông tin cũng như khả năng của mình, người nghiên cứu sẽ lựa chọn một phương pháp phù hợp hoặc sử dụng kết hợp nhiều phương pháp với nhau. Chương này sẽ đề cập đến các phương pháp thu thập đó với các nội dung cụ thể như khái niệm chung, ưu nhược điểm, kỹ thuật thực hiện một cách chi tiết với mục đích nghiên cứu và hướng dẫn thực hành.*

***Nội dung:***

**2.1. Dữ liệu sơ cấp và thứ cấp**

**2.2. Thu thập dữ liệu thứ cấp**

2.2.1. Các nguồn dữ liệu thứ cấp

2.2.2. Phương pháp thu thập

**2.3. Thu thập dữ liệu sơ cấp**

2.3.1. Các nguồn dữ liệu sơ cấp

2.3.2. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

**2.4. Phương pháp chọn mẫu**

***Tài liệu tham khảo của chương:***

* 1. PGS. TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Giáo trình Điều tra xã hội học, NXB ĐH Kinh tế quốc dân – 2011
  2. Ngân hàng thế giới (2006), Sức mạnh của thiết kế điều tra, NXB Chính trị Quốc gia
  3. PTS Phan Văn Thăng, Nguyễn Văn Hiến, Nghiên cứu marketing (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Thành phố HCM
  4. Tổng cục Thống kê – Tài liệu tập huấn “Thiết kế phiếu điều tra hộ gia đình và doanh nghiệp”, tháng 3-2010
  5. PGS. TS Từ Điển (1996), Điều tra thăm dò dư luận, NXB Thống kê
  6. Emile Durkheim (2006), Các quy tắc của phương pháp xã hội học, NXB Khoa học xã hội
  7. PGS.TS. Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), Lý thuyết thống kê, NXB Thống kê
  8. PGS.TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Lý thuyết thống kê, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ CÔNG CỤ ĐO LƯỜNG

TRONG NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

*Thực hiện thu thập thông tin là giai đoạn quan trọng có tính quyết định của việc nghiên cứu thị trường. Thông tin có đầy đủ và và chính xác mới có thể làm căn cứ tin cậy cho việc ra quyết định. Muốn vậy, cần đảm bảo thực hiện tốt các vấn đề kỹ thuật trong việc thông tin, bắt đầu từ việc xây dựng công cụ đo lường đó là các thang đo và thang điểm cơ bản. Tiếp đó là xây dựng các công cụ thu thập thông tin (câu hỏi và bảng hỏi). Và cuối cùng là các kỹ thuật thu thập thông tin với các phương pháp cơ bản như phỏng vấn, quan sát và phân tích tư liệu sẵn có. Nội dung chương này trình bày tất cả các kỹ thuật đó.*

***Nội dung:***

**3.1. Đo lường và xây dựng thang đo trong nghiên cứu thị trường**

3.1.1. Những vấn đề chung về đo lường

3.1.2 Các loại thang đo

3.1.3 Một số cách đặt thang điểm cơ bản

**3.2. Kỹ thuật bảng hỏi**

3.2.1. Kỹ thuật đặt câu hỏi

3.2.2. Kỹ thuật thiết kế bảng hỏi

***Tài liệu tham khảo của chương:***

* + - 1. PGS. TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Giáo trình Điều tra xã hội học, NXB ĐH Kinh tế quốc dân – 2011
      2. Ngân hàng thế giới (2006), Sức mạnh của thiết kế điều tra, NXB Chính trị Quốc gia
      3. PTS Phan Văn Thăng, Nguyễn Văn Hiến, Nghiên cứu marketing (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Thành phố HCM
      4. PGS. TS Từ Điển (1996), Điều tra thăm dò dư luận, NXB Thống kê
      5. PGS.TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Lý thuyết thống kê, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
      6. Phạm Văn Quyết, TS. Nguyễn Quý Thanh (2001), Phương pháp nghiên cứu xã hội học (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
      7. Therese L.Baker (1998), Thực hành nghiên cứu xã hội (tài liệu dịch), NXB Chính trị quốc gia
      8. Statistics Sweden (2004), Design your questions right (how to develop, test, evaluate and improve questionnaires), Statistiska centrallbyran

CHƯƠNG 4: CHUẨN BỊ DỮ LIỆU VÀ THỐNG KÊ MÔ TẢ

TRONG NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

*Nội dung chương này đề cập đến các kỹ thuật xử lý sơ bộ dữ liệu thô và các kỹ thuật phân tích dữ liệu. Đó là các phương pháp hiệu chỉnh và mã hóa dữ liệu, trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị thống kê. Tiếp đó là các kỹ thuật mô tả dữ liệu qua các tham số đặc trưng và các phương pháp phân tích thống kê thường dùng trong phân tích các dữ liệu về thị trường.*

**Nội dung:**

**4.1. Chuẩn bị và hiệu chỉnh dữ liệu**

4.1.1. Kiểm tra dữ liệu

4.1.2. Hiệu chỉnh dữ liệu

4.1.3. Chuẩn bị dữ liệu

**4.2. Mô tả dữ liệu bằng bảng và đồ thị**

4.2.1. Mô tả dữ liệu bằng đồ thị

4.2.2. Mô tả dữ liệu bằng bảng thống kê

**4.3. Mô tả dữ liệu qua các mức độ thống kê**

4.3.1. Các mức độ trung tâm

4.3.2. Các tham số đo độ biến thiên của tiêu thức

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. PGS. TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Giáo trình Điều tra xã hội học, NXB ĐH Kinh tế quốc dân – 2011
2. Ngân hàng thế giới (2006), Sức mạnh của thiết kế điều tra, NXB Chính trị Quốc gia
3. PTS Phan Văn Thăng, Nguyễn Văn Hiến, Nghiên cứu marketing (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Thành phố HCM
4. PGS. TS Từ Điển (1996), Điều tra thăm dò dư luận, NXB Thống kê
5. PGS.TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Lý thuyết thống kê, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
6. Phạm Văn Quyết, TS. Nguyễn Quý Thanh (2001), Phương pháp nghiên cứu xã hội học (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
7. Therese L.Baker (1998), Thực hành nghiên cứu xã hội (tài liệu dịch), NXB Chính trị quốc gia
8. Statistics Sweden (2004), Design your questions right (how to develop, test, evaluate and improve questionnaires), Statistiska centrallbyran

CHƯƠNG 5: ƯỚC LƯỢNG VÀ KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT THỐNG KÊ TRONG NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

Trong nghiên cứu thị trường, kết quả thu thập được thường được ước lượng cho toàn bộ thị trường hay khách hàng nhằm giúp đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp, đồng thời sử dụng các kỹ thuật kiểm định nhằm đưa ra các căn cứ khoa học cho các quyết định quản lý.

***Nội dung***

**5.1. Ước lượng kết quả điều tra**

5.1.1. Ước lượng trung bình

5.1.2. Ước lượng tỷ lệ

**5.2. Kiểm định giả thuyết thống kê**

5.2.1. Kiểm giá trị trung bình

5.2.1. Kiểm định tỷ lệ

***Tài liệu tham khảo của chương:***

1. PGS. TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Giáo trình Điều tra xã hội học, NXB ĐH Kinh tế quốc dân – 2011
2. Ngân hàng thế giới (2006), Sức mạnh của thiết kế điều tra, NXB Chính trị Quốc gia
3. PTS Phan Văn Thăng, Nguyễn Văn Hiến, Nghiên cứu marketing (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Thành phố HCM
4. PGS. TS Từ Điển (1996), Điều tra thăm dò dư luận, NXB Thống kê
5. PGS.TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Lý thuyết thống kê, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
6. Phạm Văn Quyết, TS. Nguyễn Quý Thanh (2001), Phương pháp nghiên cứu xã hội học (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
7. Therese L.Baker (1998), Thực hành nghiên cứu xã hội (tài liệu dịch), NXB Chính trị quốc gia
8. Statistics Sweden (2004), Design your questions right (how to develop, test, evaluate and improve questionnaires), Statistiska centrallbyran

CHƯƠNG 6: ỨNG DỤNG PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN CHÍNH

TRONG NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

Phân tích thành phần chính (Principal Component Analysis – PCA) là một trong những phương pháp phân tích dữ liệu đa biến được sử dụng nhiều trong thống kê bằng cách phân tích mối liên hệ tác động qua lại giữa một số lượng lớn các biến nhằm tóm tắt thông tin thành dữ liệu nhỏ hơn thành các nhóm đồng nhất (gọi là các thành phần chính) đồng thời giảm thiểu sự mất mát thông tin ban đầu. Chương này sẽ giới về kỹ thuật phân tích thành phần chính được ứng dụng trong nghiên cứu thị trường.

***Nội dung***

**6.1. Kỹ thuật tóm tắt dữ liệu**

**6.2. Khái niệm chung về phân tích thành phần chính**

6.2.1. Khái niệm

6.2.2. Ưu điểm và hạn chế của phân tích thành phần chính

6.2.3. Ứng dụng của phân tích thành phần chính

**6.3. Các tiến hành phân tích thành phần chính**

6.3.1. Xác định mục đích nghiên cứu, lựa chọn biến phân tích

6.3.2. Xây dựng ma trận hệ số tương quan

6.3.3. Xác định số lượng các thành phần chính

6.3.4. Xoay các trục thành phần chính

6.3.5. Đặt tên và giải thích thành phần chính

6.3.6. Diễn giải ma trận nhân tố

6.3.7. Biểu diễn các biến trên mặt phẳng tạo bởi thành phần chính

6.3.8. Xác định nhân số

***Tài liệu tham khảo của chương***

1. Mario Mazzocchi - Statistics for Marketing and Consumer Research, SAGE Publications Ltd (2012)

2. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc - Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2), NXB Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh - 2008

3. PGS.TS. Nguyễn Cao Văn - Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2012

4. PTS Phan Văn Thăng, Nguyễn Văn Hiến, Nghiên cứu marketing (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Thành phố HCM

5. PGS. TS Từ Điển (1996), Điều tra thăm dò dư luận, NXB Thống kê

6. PGS.TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Lý thuyết thống kê, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

CHƯƠNG 7: ỨNG DỤNG PHÂN TÍCH TƯƠNG ỨNG

TRONG NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

*Phân tích tương ứng là phương pháp trực quan để phân tích dữ liệu nhiều chiều. Kết quả của Phân tích tương ứng là bản đồ nhận thức giúp biểu diễn vị trí của tất cả các biểu hiện của các biến trên cùng một mặt phẳng. Trong nghiên cứu thị trường, phân tích tương ứng được ứng dụng nhiều giúp định vị vị trí của các thương hiệu, sản phẩm… trong không gian so sánh các thuộc tính.*

***Nội dung:***

**7.1. Phân tích tương ứng hai biến**

7.1.1. Giới thiệu chung vể phân tích tương ứng hai biến

7.1.2. Một số thuật ngữ sử dụng trong phân tích tương ứng

7.1.3.Trình tự các bước trong phân tích tương ứng

**7.2. Phân tích tương ứng nhiều biến (Phân tích đa tương ứng - Multiple Correspondence Analysis)**

7.2.1.Khái niệm phân tích đa tương ứng

7.2.2. Trình tự tiến hành phân tích đa tương ứng

7.2.3. Quy tắc giải thích trong phân tích đa tương ứng

***Tài liệu tham khảo của chương***

1. Mario Mazzocchi - Statistics for Marketing and Consumer Research, SAGE Publications Ltd (2012)

2. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc - Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2), NXB Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh - 2008

3. PGS.TS. Nguyễn Cao Văn - Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2012

4. PTS Phan Văn Thăng, Nguyễn Văn Hiến, Nghiên cứu marketing (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Thành phố HCM

5. PGS. TS Từ Điển (1996), Điều tra thăm dò dư luận, NXB Thống kê

6. PGS.TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Lý thuyết thống kê, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

7. Brigitte Le Roux, Frederic Lebaron, Johannes Hjellbrekke (2012) Multiple Correspondence Analysis (MCA), Workshop GDA in Social Science , Berkeley, Otober1-5.

8. Brigitte Le Roux, Fre’deric Lebaron, Johannes Hjellbrekke, Multiple Correspondence Analysis (MCA) (2010), QASS series No 163; SAGE.

9. Ngô Văn Thứ (2005), Giáo trình Thống kê thực hành, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật.

10. Ludovic Lebart, Marie Piron, Mireille Razafindrakoto, François Roubaud và Jean-Pierre Cling (2008), Tài liệu tại khóa học Tam Đảo- Phân tích dữ liệu cấp độ II: Củng cố và ứng dụng phân tích thị trường việc làm và khu vực phi chính thức ở Việt Nam.

11. Vũ Nguyên, Đào Thế Anh, (2005): Tài liệu đào tạo về phân tích thống kê nhiều chiều ứng dụng trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.

12. ALVIN C. RENCHER, 2002, Methods of Multivariate Analysis, Brigham Young University, A JOHN WILEY & SONS, INC. PUBLICATION Second Edition

13. Jacqueline J. Meulman, Willem J Heiser, 2004, SPSS Categories® 13.0, SPSS Inc

CHƯƠNG 8: KỸ THUẬT PHÂN LOẠI VÀ PHÂN CỤM

TRONG NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

*Phân loại và phân cụm là kỹ thuật được ứng dụng nhiều trong nghiên cứu thị trường giúp phân chia các cá thể (các quan sát) hoặc các biến phân tích thành các nhóm dựa trên cơ sở tương đồng về một số đặc điểm nào đó. Với mục tiêu phân chia cá thể, phân loại và phân cụm giúp phân khúc thị trường hay phân loại khách hàng thành các nhóm trên cơ sở những điểm khác biệt về nhu cầu, tính cách hay hành vi. Với mục tiêu phân chia các biến giúp nhóm các biến có những đặc tính giống nhau vào thành một nhóm. Trong chương này tập trung giới thiệu kỹ thuật phân loại và phân cụm để phân chia các cá thể (các quan sát).*

***Nội dung:***

**8.1. Phân tích biệt số**

8.1.1. Phân tích biệt số và ứng dụng trong nghiên cứu thị trường

8.1.2. Trình tự thực hiện phân tích biệt số.

**8.2. Phương pháp phân tích cụm**

8.2.1. Phân cụm và ứng dụng trong dữ liệu nghiên cứu thị trường

8.2.2. Các bước tiến hành phân tích cụm:

8.2.2.1.  Chọn biến phân cụm

8.2.2.2. Chọn tham số đo khoảng cách

8.2.2.3. Chọn phương pháp phân cụm

8.2.2.3.1. Phân cụm phân cấp

8.2.2.3.2. Phân cụm phân đoạn

***Tài liệu tham khảo của chương***

1. Mario Mazzocchi - Statistics for Marketing and Consumer Research, SAGE Publications Ltd (2012)

2. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc - Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2), NXB Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh - 2008

3. PGS.TS. Nguyễn Cao Văn - Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2012

4. PTS Phan Văn Thăng, Nguyễn Văn Hiến, Nghiên cứu marketing (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Thành phố HCM

5. PGS. TS Từ Điển (1996), Điều tra thăm dò dư luận, NXB Thống kê

6. PGS.TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Lý thuyết thống kê, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

**7. GIÁO TRÌNH**

PGS. TS. Trần Thị Kim Thu - ThS. Đỗ Văn Huân (2015), *Giáo trình Thống kê trong nghiên cứu thị trường*

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. PGS. TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Giáo trình Điều tra xã hội học, NXB ĐH Kinh tế quốc dân
2. GS.TS. Trần Minh Đạo (2011), *Giáo trình Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân
3. Ngân hàng thế giới (2006), Sức mạnh của thiết kế điều tra, NXB Chính trị Quốc gia
4. PTS Phan Văn Thăng, Nguyễn Văn Hiến, Nghiên cứu marketing (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Thành phố HCM
5. Tổng cục Thống kê – Tài liệu tập huấn “Thiết kế phiếu điều tra hộ gia đình và doanh nghiệp”, tháng 3-2010
6. PGS. TS Từ Điển (1996), Điều tra thăm dò dư luận, NXB Thống kê
7. Emile Durkheim (2006), Các quy tắc của phương pháp xã hội học, NXB Khoa học xã hội
8. PGS.TS. Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), Lý thuyết thống kê, NXB Thống kê
9. PGS.TS. Trần Thị Kim Thu (2011), Lý thuyết thống kê, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
10. Phạm Văn Quyết, TS. Nguyễn Quý Thanh (2001), Phương pháp nghiên cứu xã hội học (lược dịch và biên soạn theo David L.Luck / Ronald S.Rubin), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
11. Therese L.Baker (1998), Thực hành nghiên cứu xã hội (tài liệu dịch), NXB Chính trị quốc gia
12. Statistics Sweden (2004), Design your questions right (how to develop, test, evaluate and improve questionnaires), Statistiska centrallbyran

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

Theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế quốc dân, cụ thể:

* Điểm đánh giá của giảng viên: 10%
* Một bài kiểm tra: 30%

- Bài thi hết môn: 60%

(Điều kiện dự thi: điểm đánh giá của giảng viên tối thiểu là 5, điểm kiểm tra tối thiểu là 3)

*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

Q.TRƯỞNG BỘ MÔN HIỆU TRƯỞNG

(đã ký) (đã ký)

**ThS. Đỗ Văn Huân GS.TS. Trần Thọ Đạt**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Kế toán tài chính 1**

Tiếng Anh: **Financial Accounting 1**

Mã học phần: **KTTC1106** Tổng số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY**: Bộ môn Kế toán Tài chính

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

Nguyên lý kế toán

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần này giới thiệu nội dung kế toán các phần hành kế toán chủ yếu trong doanh nghiệp sản xuất theo chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Bao gồm kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh (tài sản cố định, nguyên vật liệu, tiền lương) và kế toán quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Trang bị kiến thức lý thuyết và thực hành những nghiệp vụ kế toán cơ bản trong doanh nghiệp sản xuất.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần/Chương | **Thời gian (45 tiết)** | | |
| Tổng số | Giảng | Bài tập và Thảo luận |
| **Chương 1:** Kế toán tài sản cố định | 10 | 6 | 4 |
| **Chương 2:** Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ | 8 | 5 | 3 |
| **Chương 3:** Kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương và tình hình thanh toán với người lao động | 5 | 3 | 2 |
| **Chương 4:** Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm | 12 | 8 | 4 |
| **Chương 5:** Kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm | 10 | 8 | 2 |
| **Tổng** | **45** | **30** | **15** |

Chương 1: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

*TSCĐ là cơ sở vật chất không thể thiếu được đối với mỗi quốc gia nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Việc theo dõi, phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình tăng giảm, hao mòn, khấu hao, sửa chữa và hiệu quả sử dụng TSCĐ là nhiệm vụ quan trọng của công tác kế toán và quản lý TSCĐ. Tổ chức kế toán TSCĐ không chỉ có ý nghĩa góp phần nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả sử dụng TSCĐ mà còn có ý nghĩa thiết thực trong việc định hướng đầu tư và sản xuất.*

**1.1. Tài sản cố định - đặc điểm và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định**

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm

1.1.2. Nhiệm vụ kế toán

**1.2. Phân loại và tính giá tài sản cố định**

1.2.1. Phân loại

1.2.2. Tính giá

**1.3. Kế toán tình hình biến động tài sản cố định**

1.3.1. Tài khoản kế toán sử dụng

1.3.2. Kế toán tăng tài sản cố định

1.3.3. Kế toán giảm tài sản cố định

**1.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định**

1.4.1. Các phương pháp tính khấu hao tài sản cố định

1.4.2. Phương pháp kế toán

**1.5. Kế toán sửa chữa tài sản cố định**

1.5.1. Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

1.5.2. Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định

1.5.3. Kế toán nâng cấp tài sản cố định

**1.6. Kế toán tài sản cố định thuê ngoài**

1.6.1. Kế toán tài sản cố định thuê hoạt động

1.6.2. Kế toán tài sản cố định đi thuê tài chính

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

- Chuẩn mực kế toán quốc tế: IAS 16 “Tài sản cố định hữu hình”, IFRS số 16 “Thuê tài sản”, IAS 38 “Tài sản vô hình”.

- Chuẩn mực kế toán VN: VAS 03 “Tài sản cố định hữu hình”, VAS 04 “Tài sản cố định vô hình”, VAS 06 “Thuê tài sản”.

- Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

Chương 2: KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ

*Nguyên vật liệu (NVL), công cụ dụng cụ (CCDC) là một trong ba yếu tố cơ bản của của quá trình sản xuất - kinh doanh ở các doanh nghiệp. Kế toán nguyên vật liệu, CCDC không chỉ phục vụ cho công tác quản lý NVL, CCDC mà còn là tiền đề để kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.*

**2.1. Đặc điểm NVL, CCDC và nhiệm vụ kế toán**

2.1.1. Đặc điểm NVL, CCDC

2.1.2. Nhiệm vụ kế toán

**2.2. Phân loại và tính giá NVL, CCDC**

2.2.1. Phân loại NVL, CCDC

2.2.2. Tính giá NVL, CCDC

**2.3. Kế toán chi tiết NVL, CCDC**

2.3.1. Phương pháp Thẻ song song

2.3.2. Phương pháp Sổ đối chiếu luân chuyển

2.3.3. Phương pháp Sổ số dư

**2.4. Kế toán tổng hợp NVL, CCDC**

2.4.1. Kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên

2.4.2. Kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kiểm kê định kì

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

- Chuẩn mực kế toán quốc tế: IAS 02 “Hàng tồn kho”.

- Chuẩn mực kế toán VN: VAS 02 “Hàng tồn kho”.

- Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

Chương 3: KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

*Lao động là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất - kinh doanh ở các doanh nghiệp, chi phí sử dụng lao động được thể hiện rõ nét bằng phạm trù tiền lương và các khoản trích theo lương. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương không chỉ phục vụ cho công tác quản lý, mà còn là tiền đề để kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.*

**3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán**

3.1.1. Ý nghĩa của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

3.1.2. Nhiệm vụ của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

**3.2. Các hình thức tiền lương và quỹ tiền lương của doanh nghiệp**

3.2.1. Các hình thức tiền lương

3.2.2. Quỹ tiền lương

**3.3. Kế toán số lượng, thời gian và kết quả lao động**

3.3.1. Kế toán số lượng lao động

3.3.2. Kế toán thời gian lao động

3.3.3. Kế toán kết quả lao động

**3.4. Kế toán thanh toán với người lao động**

3.4.1. Tài khoản kế toán sử dụng

3.4.2. Phương pháp kế toán

**3.5. Kế toán các khoản trích theo lương**

3.5.1. Chế độ trích, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương

3.5.2. Tài khoản kế toán sử dụng

3.5.3. Phương pháp kế toán

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

- Quy định hiện hành về tiền lương và các khoản trích theo lương của Chính phủ đối với doanh nghiệp.

- Chuẩn mực kế toán quốc tế: IAS 19 “Phúc lợi cho người lao động”.

- Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

Chương 4: KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

*Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình quản lý và sử dụng các yếu tố sản xuất trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ nội dung tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp nhằm cung cấp các thông tin cần thiết để tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất và tính toán chính xác giá thành sản xuất sản phẩm. Các thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những căn cứ quan trọng cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định liên quan tới sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp.*

**4.1. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**

4.1.1. Chi phí sản xuất

4.1.2. Giá thành sản phẩm

4.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

**4.2. Kế toán chi phí sản xuất**

4.2.1. Đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất

4.2.2. Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên

4.2.3. Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ

**4.3. Xác định giá trị sản phẩm dở dang**

4.3.1. Khái niệm và ý nghĩa xác định giá trị sản phẩm dở dang

4.3.2. Các phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang

**4.4. Tính giá thành sản phẩm**

4.4.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

4.4.2. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm

**4.5. Phương án tính giá thành sản phẩm áp dụng trong một số loại hình doanh nghiệp chủ yếu**

4.5.1. Doanh nghiệp sản xuất giản đơn

4.5.2. Doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng

4.5.3. Doanh nghiệp áp dụng hệ thống chi phí định mức

4.5.4. Doanh nghiệp sản xuất phức tạp theo kiểu chế biến liên tục

4.5.5. Doanh nghiệp có tổ chức bộ phận sản xuất kinh doanh phụ

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

- Các chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế có liên quan.

- Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

**Chương 5: Kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm**

*Thành phẩm là sản phẩm đã được chế tạo xong ở giai đoạn chế biến cuối cùng của quy trình sản xuất trong doanh nghiệp. Kế toán thành phẩm phải thực hiện tốt nhiệm vụ là: Phản ánh kịp thời, chính xác tình hình nhập kho và xuất kho thành phẩm, các nghiệp vụ khác có liên quan đến việc tiêu thụ thành phẩm nhằm đánh giá chính xác kết quả sản xuất của doanh nghiệp.*

**5.1 Kế toán thành phẩm**

5.1.1. Khái niệm thành phẩm

5.1.2. Tính giá thành phẩm

5.1.3. Kế toán thành phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên

5.1.4. Kế toán thành phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ

**5.2. Kế toán tiêu thụ thành phẩm**

5.2.1. Một số khái niệm liên quan

5.2.2. Kế toán tiêu thụ thành phẩm theo phương thức trực tiếp

5.2.3. Kế toán tiêu thụ thành phẩm theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận

5.2.4. Kế toán tiêu thụ thành phẩm theo phương thức bán trả góp

5.2.5. Kế toán tiêu thụ thành phẩm theo phương thức đại lý

5.2.6. Kế toán các phương thức tiêu thụ thành phẩm khác

**5.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

5.3.1 Kế toán chi phí bán hàng

5.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

- Chuẩn mực kế toán quốc tế: IFRS 15 “Doanh thu từ các hợp đồng với khách hàng”.

- Chuẩn mực kế toán VN: VAS 14 “Doanh thu và thu nhập khác”.

- Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

**7. GIÁO TRÌNH:**

- GS.TS. Đặng Thị Loan (2013), *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

- PGS.TS. Phạm Quang (2013), *Bài tập Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Hệ thống Chuẩn mực Kế toán quốc tế, Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

- Chế độ kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giảng viên trực tiếp giảng dạy.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Tham dự: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung. Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp.

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **PGS.TS. Trần Văn Thuận** | *Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2018*  HIỆU TRƯỞNG  **GS.TS. TRẦN THỌ ĐẠT** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kế toán chi phí**

Tiếng Anh: Cost Accounting

Mã học phần: KTQT1109 Số tín chỉ: 3

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY**

Kế toán quản trị

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC**

Nguyên lý Kế toán

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần Kế toán chi phí giới thiệu những nội dung cơ bản về kế toán chi phí như khái niệm, bản chất, vai trò của kế toán chi phí; phân loại chi phí, các phương pháp xác định chi phí và tính giá thành sản phẩm. Những kiến thức quan trọng về kế toán chi phí giúp cho các chuyên gia kinh tế, nhà quản trị hiểu bản chất sự vận động của chi phí từ đó kiểm soát tốt chi phí sản xuất kinh doanh.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể:

**Về kiến thức:**

* Hiểu và giải thích được khái niệm, vai trò, bản chất của kế toán chi phí trong doanh nghiệp; đặc điểm các loại chi phí; bản chất, vai trò và nội dung của các phương pháp xác định chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cơ bản trong doanh nghiệp.
* Vận dụng linh hoạt các phương pháp xác định chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.
* Phân tích và cung cấp thông tin về chi phí nhằm giúp các nhà quản lý có thể lập kế hoạch và kiểm soát chi phí cũng như định giá sản phẩm của doanh nghiệp.

**Về kỹ năng:**

* Phát triển kĩ năng thu thập, phân tích thông tin và ra quyết định liên quan đến sự đa dạng, phong phú của các phương pháp và kĩ thuật sử dụng trong kế toán nói chung và kế toán chi phí nói riêng.
* Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình và phản biện.

**Về thái độ:**

* Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về tầm quan trọng của kế toán chi phí trong mỗi tổ chức.
* Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong thực hành và tư vấn tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp.
* Nhận thức được ảnh hưởng của đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề kế toán tới chất lượng thông tin cung cấp, tác động tới lợi ích của các đối tượng sử dụng thông tin kế toán, từ đó thường xuyên rèn luyện tư cách đạo đức nghề nghiệp.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần/Chương** | **Thời gian (45 tiết)** | | |
| **Tổng số** | **Giảng** | **Bài tập và Thảo luận** |
| Chương 1: Tổng quan về kế toán chi phí | 5 | 3 | 2 |
| Chương 2: Phân loại chi phí | 8 | 5 | 3 |
| Chương 3: Phương pháp xác định chi phí theo công việc | 12 | 8 | 4 |
| Chương 4: Phương pháp xác định chi phí theo quá trình | 12 | 8 | 4 |
| Chương 5: Phương pháp xác định chi phí theo hoạt động | 6 | 4 | 2 |
| Kiểm tra | 2 |  | 2 |
| **Tổng** | **45** | **28** | **17** |

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ

*Chương này giải thích khái niệm và bản chất của kế toán chi phi; phân tích vai trò của kế toán chi phí trong hoạt động quản lý; phân tích sự khác biệt giữa kế toán chi phí, kế toán quản trị và kế toán tài chính; đồng thời làm rõ vai trò kết nối của kế toán chi phí trong mối quan hệ giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính. Chương này cũng giới thiệu khái quát về đối tượng và phương pháp của kế toán chi phí.*

## 1.1. Khái niệm và bản chất kế toán chi phí

1.1.1. Khái niệm kế toán chi phí

1.1.2. Bản chất kế toán chi phí

## 1.2. Vai trò của kế toán chi phí

1.2.1. Các chức năng quản lý

1.2.2. Vai trò của kế toán chi phí trong việc thực hiện các chức năng quản lý

**1.3. Đối tượng và phương pháp của kế toán chi phí**

1.3.1. Đối tượng của kế toán chi phí

1.3.2. Phương pháp của kế toán chi phí

**1.4. Phân biệt kế toán chi phí, kế toán quản trị với kế toán tài chính**

1.4.1. Điểm khác nhau

1.4.2. Điểm giống nhau

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 1.
* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson, chapter 1.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition, chapter 1.

CHƯƠNG 2: PHÂN LOẠI CHI PHÍ

*Chương này giải thích khái niệm, bản chất của chi phí và sự cần thiết phải phân loại chi phí nhằm đáp ứng các yêu cầu của hoạt động quản lý. Việc phân loại chi phí theo chức năng hoạt động, theo nội dung kinh tế, theo khả năng tập hợp chi phí và theo mối quan hệ với mức độ hoạt động của doanh nghiệp sẽ được làm rõ trong chương này.*

**2.1. Khái quát về chi phí**

2.1.1. Bản chất của chi phí

2.1.2. Khái niệm về chi phí

**2.2**. **Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế**

**2.3. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động**

2.3.1. Chi phí sản xuất

2.3.2. Chi phí ngoài sản xuất

**2.4. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động**

2.4.1. Chi phí biến đổi

2.4.2. Chi phí cố định

**2.5. Phân loại chi phí theo khả năng tập hợp chi phí**

2.5.1. Chi phí trực tiếp

2.5.2. Chi phí gián tiếp

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 2.
* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson, chapter 2.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition, chapter 1 & 5.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ THEO CÔNG VIỆC

*Chương này giới thiệu đặc điểm và điều kiện vận dụng phương pháp xác định chi phí theo công việc. Chương này cũng giải thích cụ thể quá trình ghi nhận dòng chi phí trên sổ kế toán và phương pháp phân bổ chi phí thường được sử dụng khi xác định chi phí theo công việc .*

**3.1. Đặc điểm và điều kiện vận dụng**

**3.2. Dòng chi phí và qui trình hạch toán**

3.2.1. Dòng chi phí

3.2.2. Qui trình hạch toán

**3.3. Phân bổ chi phí sản xuất chung**

3.3.1. Nguyên tắc phân bổ

3.3.2. Tiêu thức phân bổ

3.3.3. Phương pháp phân bổ

3.3.4. Xử lý chênh lệch

**3.4. Phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ**

3.4.1. Phương pháp phân bổ trực tiếp

3.4.2. Phương pháp phân bổ nhiều bước

3.4.3. Phương pháp phân bổ lẫn nhau

**3.5. Báo cáo chi phí**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 3&7
* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson, chapter 4 &15.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition, chapter 2.

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ THEO QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

*Chương này giới thiệu đặc điểm, điều kiện vận dụng phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất; đồng thời chỉ ra sự khác nhau giữa phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất với phương pháp xác định chi phí theo công việc. Chương này cũng giải thích cụ thể quá trình ghi nhận dòng chi phí trên sổ kế toán, các phương pháp qui đổi sản lượng tương đương và đo lường thiệt hại sản phẩm hỏng khi xác định chi phí theo quá trình sản xuất .*

4.1. Đặc điểm và điều kiện vận dụng

4.2. Dòng chi phí và qui trình hạch toán

4.2.1. Dòng chi phí

4.2.2. Qui trình hạch toán

4.3. Xác định giá thành sản phẩm

4.3.1. Xác định giá thành sản phẩm theo phương pháp bình quân

4.3.2. Xác định giá thành sản phẩm theo phương pháp nhập trước – xuất trước

4.4. Xác định thiệt hại sản phẩm hỏng

4.4.1. Khái niệm và phân loại sản phẩm hỏng

4.4.2. Phương pháp xác định thiệt hại sản phẩm hỏng

3.5. Báo cáo sản xuất

Tài liệu tham khảo của chương:

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 3.
* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson, chapter 17 & 18.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition, chapter 3.

CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ THEO HOẠT ĐỘNG

*Chương này giới thiệu về phương pháp xác định chi phí theo hoạt động, còn được gọi là phương pháp ABC (Acitivity-Based Costing). Phương pháp ABC được đánh giá là một trong những phương pháp xác định chi phí hiện đại, khắc phục được những hạn chế của các phương pháp xác định chi phí trước đó. Vì thế, chương này sẽ giải thích điểm ưu việt của phương pháp ABC so với các phương pháp truyền thống và mô tả cụ thể qui trình vận dụng phương pháp ABC. Những vấn đề về lợi ích và thách thức liên quan đến việc vận dụng phương pháp ABC cũng sẽ được đề cập trong chương này.*

**4.1. Đặc điểm và điều kiện vận dụng**

**4.2. Phân loại mức độ hoạt động**

**4.3. Qui trình xác định chi phí theo hoạt động**

**4.4. Lợi ích và thách thức khi vận dụng phương pháp ABC**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 3.
* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson, chapter 5.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition, chapter 4.

**7. GIÁO TRÌNH**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân
* PGS.TS. Lê Kim Ngọc (2017), Hệ thống câu hỏi và bài tập kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Tham gia trên lớp: 10%

+ Kiểm tra 01: 15%

+ Kiểm tra 02: 15%

+ Thi kết thúc học phần: 60%

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (đã ký) |  | HIỆU TRƯỞNG  (đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kế toán tài chính 2**

Tiếng Anh: **Financial Accounting 2**

Mã học phần: **KTTC1107** Tổng số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** Bộ môn Kế toán Tài chính

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

- Nguyên lý kế toán,

- Kế toán tài chính 1.

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần này giới thiệu nội dung kế toán các phần hành còn lại (ngoài các phần hành kế toán đã học ở học phần kế toán tài chính 1) tại doanh nghiệp. Bao gồm: Kế toán vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ đầu tư và dự phòng, kế toán nguồn vốn, kế toán xác định và phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp, thực hiện lập và trình bày Báo cáo tài chính cuối kỳ kế toán.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Trang bị kiến thức về lý thuyết và thực hành những nghiệp vụ kế toán khác (ngoài các phần hành kế toán cơ bản gắn liền với các quá trình cung cấp, sản xuất và tiêu thụ của doanh nghiệp) để bổ sung đầy đủ và hoàn tất nội dung kiến thức kế toán các phần hành kế toán trong doanh nghiệp. Từ đó, người học có kiến thức và khả năng thực hiện kế toán tất cả các phần hành kế toán trong doanh nghiệp sau khi hoàn thành học phần Kế toán tài chính 1 và 2. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học có khả năng lập và trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính theo đúng Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần/Chương | **Thời gian (45 tiết)** | | |
| Tổng số | Giảng | Bài tập và Thảo luận |
| **Chương 6:** Kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán | 12 | 8 | 4 |
| **Chương 7:** Kế toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng | 9 | 5 | 4 |
| **Chương 8:** Kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận | 4 | 3 | 1 |
| **Chương 9:** Kế toán vốn chủ sở hữu | 8 | 6 | 2 |
| **Chương 10:** Báo cáo tài chính | 12 | 8 | 4 |
| **Tổng** | **45** | **30** | **15** |

CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN, TIỀN VAY VÀ CÁC NGHIỆP VỤ THANH TOÁN

*Vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán liên quan đến tất cả các khâu của quá trình sản xuất - kinh doanh ở các doanh nghiệp. Trong chương này, các nội dung, nguyên tắc kế toán cũng như phương pháp kế toán vốn bằng tiền, các khoản thanh toán (với người mua và người bán, thanh toán nội bộ,...),các khoản vốn vay, các khoản thuế được đề cập theo trình tự sau đây:*

**6.1. Kế toán vốn bằng tiền**

6.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền

6.1.2. Những yêu cầu cơ bản để quản lý nội bộ vốn bằng tiền

6.1.3. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền

6.1.4. Kế toán vốn bằng tiền

6.1.4.1. Kế toán vốn bằng tiền là tiền kế toán (đồng tiền ghi sổ)

6.1.4.2. Kế toán vốn bằng tiền là ngoại tệ

**6.2. Kế toán các khoản vay, nợ**

6.2.1. Khái niệm, phân loại các khoản vay, nợ

6.2.2. Kế toán tiền vay

6.2.3. Kế toán trái phiếu phát hành

**6.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán**

6.2.1. Kế toán thanh toán với người bán và khách hàng

6.2.2. Kế toán thanh toán với Ngân sách Nhà nước

6.2.3. Kế toán thanh toán nội bộ

6.2.4. Kế toán thanh toán tạm ứng

6.2.5. Kế toán thế chấp, ký quỹ, ký cược

6.2.6. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán khác

**Tài liệu tham khảo của Chương 6:**

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam: VAS 06 “Thuê tài sản”, VAS 10 “Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá”, VAS 16 “Chi phí đi vay”, VAS 17 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”.

- Chuẩn mực kế toán quốc tế: IAS 21 “Effects of changes in exchange rates”, IFRS 17 “Leases”, IAS 12 “Corporate income tax”.

- Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

CHƯƠNG 7: KẾ TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ ĐẦU TƯ VÀ DỰ PHÒNG

*Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp, hoạt động đầu tư (bao gồm đầu tư vào thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp khác) đang trở nên phổ biến ở các doanh nghiệp hiện nay. Do vậy, kế toán các khoản đầu tư trong các doanh nghiệp là một trong những phần hành kế toán quan trọng và liên quan đến kiến thức chuyên ngành khác như tài chính vĩ mô, thị trường chứng khoán, bất động sản, .... Ngoài ra, Chương 7 còn đề cập về kế toán các khoản dự phòng (bao gồm cả dự phòng giảm giá trị tài sản và dự phòng nợ phải trả) nhằm góp phần giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh cho các doanh nghiệp cũng như cung cấp thông tin hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin.*

**7.1. Kế toán các nghiệp vụ đầu tư**

7.1.1. Kế toán chứng khoán kinh doanh

7.1.2. Kế toán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

7.2.3. Kế toán đầu tư vào công ty con

7.1.3. Kế toán đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

7.1.4. Kế toán bất động sản đầu tư

7.1.5. Kế toán các hoạt động đầu tư khác

**7.2. Kế toán các nghiệp vụ dự phòng**

7.2.1. Kế toán các khoản dự phòng tổn thất tài sản

7.2.2. Kế toán các khoản dự phòng phải trả

**Tài liệu tham khảo của Chương 7:**

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam: VAS 05 “Bất động sản đầu tư”, VAS 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”, VAS 11 “Hợp nhất kinh doanh”, VAS 08 “Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh”, VAS 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm năng”.

- Chuẩn mực kế toán quốc tế: IAS 40 “Investment property”, IAS 28 “Investments in associates and joint ventures”, IFRS 3 “Business combination”, IFRS 11 “Joint arrangements”, IAS 37 “Provision, contingent assets and liabilities”.

- Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

CHƯƠNG 8: KẾ TOÁN LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

*Lợi nhuận là chỉ tiêu kinh tế quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp không chỉ phục vụ cho công tác quản lý tài chính mà còn cung cấp thông tin cần thiết để phân tích và đánh giá hiệu quả kinh doanh sau một thời kỳ hoạt động. Nghiên cứu Chương 8, người học sẽ hiểu được phương pháp xác định lợi nhuận, nguyên tắc và phương pháp kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp.*

**8.1. Kế toán lợi nhuận**

8.1.1. Xác định lợi nhuận trong doanh nghiệp

8.1.2. Phương pháp kế toán

**8.2. Kế toán phân phối lợi nhuận**

8.2.1. Phương thức và nguyên tắc phân phối lợi nhuận

8.2.2. Tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán

**Tài liệu tham khảo của Chương 8:**

- Quy chế quản lí tài chính doanh nghiệp hiện hành.

- Các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế có liên quan.

- Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

CHƯƠNG 9: KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

*Vốn chủ sở hữu là số vốn của các chủ sở hữu, các nhà đầu tư góp vốn hoặc hình thành từ kết quả kinh doanh mà doanh nghiệp không phải cam kết thanh toán. Kế toán vốn chủ sở hữu không chỉ phục vụ cho việc quản lý, xác định phạm vi, trách nhiệm sử dụng vốn của doanh nghiệp mà còn cung cấp thông tin cho việc phân tích khả năng độc lập về tài chính cũng như hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.*

**9.1. Vốn chủ sở hữu và nguyên tắc kế toán**

9.1.1. Vốn chủ sở hữu

9.2.2. Nguyên tắc kế toán

**9.2. Kế toán vốn chủ sở hữu**

9.2.1. Kế toán nguồn vốn kinh doanh

9.2.2. Kế toán chênh lệch đánh giá lại tài sản

9.2.3. Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái

9.2.4. Kế toán các quỹ của doanh nghiệp

9.2.5. Kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

9.2.6. Kế toán nguồn kinh phí sự nghiệp

9.2.7. Kế toán nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

**Tài liệu tham khảo của Chương 9:**

- Các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế có liên quan.

- Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

CHƯƠNG 10: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Báo cáo tài chính rất hữu ích với việc quản trị doanh nghiệp và là nguồn thông tin chủ yếu đối với những người ngoài doanh nghiệp. Báo cáo tài chính doanh nghiệp là một bộ phận của báo cáo kế toán doanh nghiệp phản ánh hệ thống thông tin được xử lý bởi hệ thống kế toán tài chính, nhằm cung cấp những thông tin kinh tế - tài chính có ích cho các đối tượng sử dụng. Bản chất của báo cáo tài chính là phản ánh sự kết hợp của những sự kiện xảy ra trong quá khứ với những nguyên tắc kế toán đã được thừa nhận và những đánh giá của cá nhân, nhằm chủ yếu cung cấp thông tin tài chính hữu ích cho các đối tượng sử dụng bên ngoài doanh nghiệp. Nghiên cứu Chương 10, người học sẽ nắm được nguyên tắc và phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.*

**10.1. Mục đích và nội dung của Báo cáo tài chính**

10.1.1. Mục đích của Báo cáo tài chính

10.1.2. Nội dung của các Báo cáo tài chính

10.1.3. Trách nhiệm, thời hạn lập và nộp Báo cáo tài chính

**10.2. Bảng cân đối kế toán**

10.2.1. Khái niệm và kết cấu của Bảng cân đối kế toán

10.2.2. Nguyên tắc, phương pháp lập và trình bày Bảng cân đối kế toán

**10.3. Báo cáo kết quả kinh doanh**

10.3.1. Khái niệm và kết cấu của Báo cáo kết quả kinh doanh

10.3.2. Nguyên tắc, phương pháp lập và trình bày Báo cáo kết quả kinh doanh

**10.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

10.4.1. Khái niệm và kết cấu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

10.4.2. Nguyên tắc, phương pháp lập và trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

**10.5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

10.5.1. Bản chất và ý nghĩa của Bản thuyết minh báo cáo tài chính

10.5.2. Phương pháp lập và trình bày Bản thuyết minh báo cáo tài chính

**Tài liệu tham khảo của Chương10:**

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam: VAS 21 “Trình bày báo cáo tài chính”, VAS 22 “Trình bày bổ sung BCTC của ngân hàng và các tổ chức tài chính tương tự”, VAS 23 “Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm”, VAS 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”, VAS 25 “Báo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con”, VAS 27 “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, VAS 28 “Báo cáo bộ phận”.

- Chuẩn mực kế toán quốc tế: IAS 01 “Presentation of financial statements”, IAS 07 “Cash flow statement”, IFRS 10 “Consolidated financial statements”, IAS 27 “Separate financial statements”, IFRS 7 “Financial instruments: Disclosures”, IFRS 8 “Segment reporting”.

- Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

**7. GIÁO TRÌNH:**

- GS.TS. Đặng Thị Loan (2013), *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

- PGS.TS. Phạm Quang (2013), *Bài tập Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Hệ thống Chuẩn mực kế toán quốc tế.

- Chế độ kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giảng viên trực tiếp giảng dạy.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Tham dự: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giảng viên giảng dạy bổ sung. Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2018*

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **PGS.TS. Trần Văn Thuận** | HIỆU TRƯỞNG  **GS.TS. Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kiểm toán căn bản**

Tiếng Anh: **Basic Auditing**

Mã học phần: **KTKI1101** Số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kiểm toán**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa mác Lênin 1, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Nguyên lý kế toán, Lý thuyết xác suất và thống kê toán 1, Lý thuyết tài chính tiền tệ 1

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần Kiểm toán căn bản giới thiệu những vấn đề chung về kiểm toán như bản chất, chức năng của kiểm toán, phân loại kiểm toán, đối tượng và phương pháp kiểm toán, tổ chức kiểm toán và chuẩn mực kiểm toán. Những kiến thức cơ bản về kiểm toán là cơ sở để sinh viên học tiếp các môn chuyên sâu hơn về kiểm toán như kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục tiêu của học phần Kiểm toán căn bản là trang bị những kiến thức cơ bản về kiểm toán giúp người học có cơ sở để theo tiếp các môn học tiếp sau và bước đầu tiếp cận thực hành những công việc cơ bản của kiểm toán như chọn mẫu các nghiệp vụ hay đối tượng cụ thể để xác minh, kiểm toán các cân đối (tổng quát và cụ thể), đối chiếu, rà soát thông tin, thực nghiệm… Trên cơ sở đó, người học có thể đi sâu nghiên cứu và thực hành những mặt quản lý khác hoặc đi sâu nghiên cứu kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần/Chương | Thời gian (38 tiết) | | |
| Tổng số | Giảng | Bài tập và Thảo luận |
| **Phần 1: Tổng quan về kiểm toán** | **12** | **8** | **4** |
| Chương 1: Kiểm tra - kiểm soát trong hệ thống quản lý | 4 | 3 | 1 |
| Chương 2: Bản chất, chức năng của kiểm toán | 5 | 3 | 2 |
| Chương 3: Phân loại kiểm toán | 3 | 2 | 1 |
| **Phần 2: Nội dung kiểm toán** | **7** | **5** | **2** |
| Chương 4: Đối tượng của kiểm toán | 3 | 2 | 1 |
| Chương 5: Các khái niệm cơ bản thuộc nội dung kiểm toán | 4 | 3 | 1 |
| **Phần 3: Phương pháp kiểm toán** | **9** | **4** | **5** |
| Chương 6: Hệ thống phương pháp kiểm toán | 4 | 2 | 2 |
| Chương 7: Chọn mẫu kiểm toán | 5 | 2 | 3 |
| **Phần 4: Tổ chức kiểm toán** | **10** | **7** | **3** |
| Chương 8: Tổ chức công tác kiểm toán | 4 | 3 | 1 |
| Chương 9: Tổ chức bộ máy kiểm toán | 3 | 2 | 1 |
| Chương 10: Chuẩn mực kiểm toán | 3 | 2 | 1 |
| Tổng | 38 | 24 | 14 |

CHƯƠNG 1: KIỂM TRA - KIỂM SOÁT TRONG HỆ THỐNG QUẢN LÝ

*Chương này phân tích chức năng kiểm tra, kiểm soát của quản lý; phân tích nội dung kiểm tra kế toán trong hoạt động tài chính, và giới thiệu lịch sử phát triển của kiểm tra tài chính trên thế giới cũng như ở Việt Nam.*

**1.1 Kiểm tra - kiểm soát trong quản lý**

**1.2 Kiểm tra kế toán trong hoạt động tài chính**

**1.3 Lịch sử phát triển của kiểm tra tài chính**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (đồng Chủ biên, 2017) ***Giáo trình******Lý thuyết kiểm toán***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 1

CHƯƠNG 2: BẢN CHẤT, CHỨC NĂNG CỦA KIỂM TOÁN

*Để hiểu được sự phát triển của kiểm toán, cần hiểu rõ bản chất và chức năng của kiểm toán. Chương 2 phân tích các quan điểm về kiểm toán từ đó khái quát nên bản chất của kiểm toán. Nội dung Chương cũng giới thiệu các chức năng của kiểm toán và sự thể hiện các chức năng này trong các lĩnh vực kiểm toán khác nhau (khu vực công và khu vực doanh nghiệp), và trong loại hình kiểm toán khác nhau (kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động). Từ bản chất và chức năng của kiểm toán, ý nghĩa của kiểm toán được phân tích và rút ra.*

**2.1 Bản chất của kiểm toán**

**2.2 Chức năng của kiểm toán**

**2.3 Ý nghĩa và tác dụng của kiểm toán trong quản lý**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (đồng Chủ biên, 2017) ***Giáo trình******Lý thuyết kiểm toán***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 2

Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 1, 2

CHƯƠNG 3: PHÂN LOẠI KIỂM TOÁN

*Hoạt động kiểm toán trên thực tế được thực hiện theo nhiều loại khác nhau tuỳ theo đối tượng kiểm toán, bộ máy kiểm toán, mục tiêu kiểm toán… Chương 3 giới thiệu các cách phân loại kiểm toán chủ yếu. Trên cơ sở đó, nội dung Chương tập trung vào giới thiệu đặc điểm các loại kiểm toán hình thành theo 2 cách phân loại quan trọng là phân loại theo đối tượng kiểm toán (gồm có kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động, kiểm toán liên kết), và phân loại theo hệ thống bộ máy tổ chức (gồm có Kiểm toán nhà nước, kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ).*

**3.1 Khái quát các cách phân loại kiểm toán**

**3.2 Phân loại kiểm toán theo đối tượng cụ thể**

**3.3 Phân loại kiểm toán theo hệ thống bộ máy tổ chức**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (đồng Chủ biên, 2017) ***Giáo trình******Lý thuyết kiểm toán***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 3

Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2015) ***Luật Kiểm toán nhà nước,*** có tại: www.luatvietnam.vn

Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2011) ***Luật Kiểm toán độc lập***, có tại: www.luatvietnam.vn

Bộ Tài chính (1998) Quyết định 832/1998/QĐ-BTC về Kiểm toán nội bộ, Hà Nội

Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia, Chương 1, 18.

Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 1.

CHƯƠNG 4: ĐỐI TƯỢNG CỦA KIỂM TOÁN

*Để thực hiện kiểm toán, kiểm toán viên cần hiểu rõ đối tượng kiểm toán và các đặc điểm của đối tượng kiểm toán để lựa chọn phương pháp và nội dung kiểm toán phù hợp. Chương 4 bắt đầu bằng việc phân biệt đối tượng và khách thể kiểm toán, sau đó phân tích sâu các yếu tố cấu thành đối tượng kiểm toán (bao gồm thực trạng hoạt động tài chính, thực trạng tài sản, tài liệu kế toán, hiệu quả và hiệu năng quản lý hoạt động). Đặc điểm của đối tượng kiểm toán sẽ là cơ sở hình thành nên các phương pháp kiểm toán sẽ được giới thiệu trong Chương 6.*

**4.1 Khái quát chung về đối tượng và khách thể kiểm toán**

**4.2 Các yếu tố cấu thành đối tượng kiểm toán**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (đồng Chủ biên, 2017) ***Giáo trình******Lý thuyết kiểm toán***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 4

CHƯƠNG 5: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN THUỘC NỘI DUNG KIỂM TOÁN

*Chương 5 giới thiệu một số khái niệm cơ bản có liên quan đến cuộc kiểm toán mà kiểm toán viên cần hiểu rõ khi thực hiện kiểm toán. Các khái niệm bao gồm gian lận và sai sót, trọng yếu và rủi ro, bằng chứng kiểm toán và hồ sơ kiểm toán, mối quan hệ giữa bằng chứng kiểm toán và rủi ro kiểm toán, cơ sở dẫn liệu để thu thập các bằng chứng kiểm toán.*

**5.1 Gian lận và sai sót với việc xác định nội dung kiểm toán**

**5.2 Trọng yếu và rủi ro với việc lựa chọn nội dung kiểm toán cụ thể**

**5.3 Chứng từ kiểm toán, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán và hồ sơ kiểm toán**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (đồng Chủ biên, 2017) ***Giáo trình******Lý thuyết kiểm toán***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 5

Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 7, 9

Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) - ***Modern Auditing & Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia, Chương 7, 8.

CHƯƠNG 6: HỆ THỐNG PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN

*Để thực hiện chức năng xác minh của kiểm toán, kiểm toán viên cần thực hiện các phương pháp kiểm toán phù hợp với đối tượng kiểm toán. Chương 6 phân tích khái quát đặc điểm của hệ thống phương pháp kiểm toán gắn với đặc điểm của đối tượng kiểm toán, sau đó phân tích sâu từng phương pháp kiểm toán cụ thể (bao gồm các phương pháp kiểm toán chứng từ như kiểm toán cân đối, đối chiếu trực tiếp, đối chiếu logic; các phương pháp kiểm toán ngoài chứng từ như kiểm kê, thực nghiệm và điều tra).*

**6.1 Khái quát về hệ thống phương pháp kiểm toán**

**6.2 Các phương pháp kiểm toán chứng từ**

**6.3 Các phương pháp kiểm toán ngoài chứng từ**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (đồng Chủ biên, 2017) ***Giáo trình******Lý thuyết kiểm toán***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 6

CHƯƠNG 7: CHỌN MẪU KIỂM TOÁN

*Chọn mẫu là việc chọn một số các phần tử trong tổng thể để kiểm tra và kết luận về tổng thể. Chọn mẫu kiểm toán do đó rất phù hợp khi cuộc kiểm toán có phạm vi rộng, tổng thể lớn. Chương 7 giới thiệu về vai trò của chọn mẫu kiểm toán, các khái niệm cơ bản liên quan đến chọn mẫu kiểm toán, các loại chọn mẫu kiểm toán và điều kiện áp dụng của từng loại chọn mẫu kiểm toán.*

**7.1 Các khái niệm cơ bản về chọn mẫu kiểm toán**

**7.2 Các hình thức chọn mẫu**

**7.3 Phương pháp chọn các phần tử vào mẫu**

**7.4 Chọn mẫu theo đơn vị tiền tệ**

**7.5 Kĩ thuật phân nhóm trong chọn mẫu kiểm toán**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (đồng Chủ biên, 2017) ***Giáo trình******Lý thuyết kiểm toán***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 7.

Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 11

Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia, Chương 11.

CHƯƠNG 8: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN

*Để đưa ra được kết luận kiểm toán đáng tin cậy, kiểm toán viên cần được thực hiện đầy đủ theo trình tự hợp lý các công việc kiểm toán cần thiết. Chương 8 giới thiệu khái quát về mục tiêu và trình tự của tổ chức công tác kiểm toán, sau đó giới thiệu cụ thể nội dung và trình tự các bước công việc cần thực hiện trong từng giai đoạn của cuộc kiểm toán (bao gồm chuẩn bị kiểm toán, thực hành kiểm toán và kết thúc kiểm toán).*

**8.1 Mục tiêu và trình tự tổ chức công tác kiểm toán**

**8.2 Chuẩn bị kiểm toán**

**8.3 Thực hành kiểm toán**

**8.4 Kết thúc kiểm toán**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (đồng Chủ biên, 2017) ***Giáo trình******Lý thuyết kiểm toán***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 8

CHƯƠNG 9: TỔ CHỨC BỘ MÁY KIỂM TOÁN

*Chất lượng của kết luận kiểm toán phụ thuộc chủ yếu vào kiểm toán viên nói riêng cũng như đoàn kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán nói chung. Tổ chức bộ máy kiểm toán thích hợp do đó là nội dung quan trọng không phải chỉ với chủ thể kiểm toán mà còn với khách thể kiểm toán và xã hội nói chung. Chương 9 giới thiệu các nguyên tắc của tổ chức bộ máy kiểm toán, sau đó phân tích về các nhóm kiểm toán viên và các hiệp hội nghề nghiệp. Sau đó, Chương 9 trình bày đặc điểm tổ chức các bộ máy kiểm toán nhà nước, bộ máy kiểm toán độc lập và bộ máy kiểm toán nội bộ.*

**9.1 Ý nghĩa, nguyên tắc và nhiệm vụ của tổ chức bộ máy kiểm toán**

**9.2 Kiểm toán viên và các tổ chức hiệp hội kiểm toán viên**

**9.3 Tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ**

**9.4 Tổ chức bộ máy kiểm toán độc lập**

**9.5 Tổ chức bộ máy kiểm toán nhà nước**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (đồng Chủ biên, 2017) ***Giáo trình******Lý thuyết kiểm toán***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 9

Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 1

CHƯƠNG 10: CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN

*Chuẩn mực kiểm toán là những qui phạm pháp lý điều tiết kiểm toán viên vầccs bên có liên quan, nên có tác dụng bảo đảm chất lượng kiểm toán. Chương 10 giới thiệu khái niệm và vai trò của chuẩn mực kiểm toán, nội dung các chuẩn mực kiểm toán được chấp nhận phổ biến, đặc điểm hệ thống chuẩn mực kiểm toán trong các bộ máy kiểm toán cũng như quá trình xây dựng chuẩn mực kiểm toán ở Việt Nam.*

**10.1 Khái quát chung về chuẩn mực kiểm toán**

**10.2 Những chuẩn mực kiểm toán được chấp nhận phổ biến**

**10.3 Đặc điểm của các phân hệ chuẩn mực kiểm toán cụ thể trong các bộ máy kiểm toán**

**10.4 Xây dựng chuẩn mực kiểm toán**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (đồng Chủ biên, 2017) ***Giáo trình******Lý thuyết kiểm toán***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 10

Vụ Chế độ Kế toán Kiểm toán – Bộ Tài Chính (2012) ***Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam***, Hà Nội.

Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 2.

- Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia, Chương 2,3.

**7. GIÁO TRÌNH**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (đồng Chủ biên, 2017) ***Giáo trình******Lý thuyết kiểm toán***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2015) ***Luật Kiểm toán nhà nước,*** có tại: [www.luatvietnam.vn](http://www.luatvietnam.vn)

- Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2011) ***Luật Kiểm toán độc lập***, có tại: [www.luatvietnam.vn](http://www.luatvietnam.vn)

- Giáo trình Kiểm toán của các trường đại học (phần tổng quan hoặc lý luận chung về kiểm toán)

- Tạp chí Kiểm toán, Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán, Kế toán, Kinh tế và Phát triển, Phát triển Kinh tế….

- Vụ Chế độ Kế toán Kiểm toán – Bộ Tài Chính (2012) ***Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam***, Hà Nội.

- Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA

- Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối học kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày ...... tháng ... năm 201...* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa** | HIỆU TRƯỞNG  **PGS.TS Phạm Hồng Chương** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Kế toán tài chính 3**

Tiếng Anh: **Financial Accounting 3**

Mã học phần: **KTTC1114** Tổng số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** Bộ môn Kế toán Tài chính

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

Sinh viên phải hoàn thành môn học Kế toán tài chính 2.

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần này giới thiệu về các thông tin do kế toán tài chính cung cấp thông qua các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, bao gồm cả kết cấu và nội dung các thông tin tài chính bắt buộc phải công bố bởi các doanh nghiệp cho các đối tượng sử dụng thông tin bên ngoài doanh nghiệp (ví dụ như các bên liên quan, ...). Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống kế toán tài chính trong các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực (ngành) khác nhau, ví dụ như: doanh nghiệp nông nghiệp, doanh nghiệp thương mại (nội thương và ngoại thương), doanh nghiệp dịch vụ, doanh nghiệp xây dựng, … theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Học phần này cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về Kế toán tài chính và các Chuẩn mực kế toán, các khái niệm cơ bản (Conceptual Framework) trong Kế toán tài chính. Sinh viên tham dự học phần này sẽ được học sâu hơn về hệ thống thông tin kế toán và làm thế nào để trình bày các thông tin kế toán trên các báo cáo tài chính. Ngoài ra, sau khi tham dự học phần này, người học có thể đánh giá, đo lường và ghi nhận tất cả các giao dịch diễn ra trong một số loại hình doanh nghiệp khác nhau như : doanh nghiệp nông nghiệp, doanh nghiệp thương mại (nội thương và ngoại thương), doanh nghiệp dịch vụ, doanh nghiệp xây dựng,…Nói một cách khác, học phần này sẽ là bước đầu tiên giúp sinh viên hiểu sâu hơn về kế toán tài chính doanh nghiệp trước khi họ tham gia thực tập cuối khóa và trở thành các kế toán viên giỏi trong tương lai.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần/Chương | **Thời gian (30 tiết)** | | |
| Tổng số | Giảng | Bài tập và Thảo luận |
| **Chương 11:** Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp | 2 | 1 | 1 |
| **Chương 12:** Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp nội thương | 6 | 3 | 3 |
| **Chương 13:** Đặc điểm kế toán trong các doanh nghiệp ngoại thương | 6 | 3 | 3 |
| **Chương 14:** Đặc điểm kế toán trong các doanh nghiệp dịch vụ | 6 | 3 | 3 |
| **Chương 15:** Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp xây dựng | 10 | 5 | 5 |
| **Tổng** | **30** | **15** | **15** |

CHƯƠNG 11: ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

*Trong chương này, người học sẽ được giới thiệu về* *đặc điểm sản xuất cũng như đặc điểm công tác kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nội dung, tài khoản sử dụng, phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp cũng là một trong những nội dung trọng tâm của chương này. Cuối cùng, kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh sẽ kết thúc quy trình kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.*

**11.1. Đặc điểm tổ chức kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp**

11.1.1. Đặc điểm sản xuất và quản lí của doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp

11.1.2. Đặc điểm chủ yếu của tổ chức kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp

**11.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp**

11.2.1. Yêu cầu và nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

11.2.2. Phương pháp tính giá thành và tài khoản kế toán sử dụng

11.2.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trồng trọt

11.2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cây lâu năm

11.2.5. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chăn nuôi

11.2.6. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chế biến

**11.3. Kế toán tiêu thụ và****xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp**

11.3.1. Kế toán tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

11.3.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

***Giáo trình:***

Đặng Thị Loan và cộng sự, (2013), *Chương 11: Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

***Các tài liệu khác:***

- Chuẩn mực Kế toán quốc tế liên quan (IAS 01, 02, 16, 38, 41, …).

- Chuẩn mực Trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS 10, 13,15, 16, …).

- Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS 01, 02, 03, 04, 14, 21, …).

- Chế độ Kế toán Doanh nghiệp hiện hành (Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 133/2016/TT-BTC).

- Các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

CHƯƠNG 12: ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP NỘI THƯƠNG

*Hoạt động thương mại là hoạt động diễn ra trong lĩnh vực lưu thông, phân phối hàng hoá. Hoạt động này gắn liền với quá trình lưu chuyển hàng hoá, gồm mua, bán và dự trữ hàng hoá. Do vậy, Chương 12 sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về kế toán các nghiệp vụ mua, bán hàng hoá phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương thức bán hàng, phương thức thanh toán... trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại trong nội địa (gọi tắt là doanh nghiệp nội thương). Ngoài ra, trong chương này cũng đề cập đến kế toán xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp nội thương.*

**12.1. Đặc điểm của hoạt động kinh doanh thương mại nội địa**

12.1.1. Khái niệm hoạt động kinh doanh thương mại

12.1.2. Đặc điểm của hoạt động kinh doanh thương mại

**12.2. Kế toán mua, bán hàng hoá**

12.2.1. Kế toán mua hàng hóa

12.2.2. Kế toán bán hàng hóa

12.2.3. Kế toán chi phí lưu thông và chi phí quản lí doanh nghiệp

**12.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nội thương**

12.3.1. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

12.3.2. Phương pháp kế toán

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

***Giáo trình:***

Đặng Thị Loan và cộng sự, (2013), *Chương 12: Đặc điểm kế toán trong các đơn vị kinh doanh thương mại, Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

***Các tài liệu khác:***

- Chuẩn mực Kế toán quốc tế liên quan (IAS 01, 02, 16, 23, 32, 38, …).

- Chuẩn mực Trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS 10, 13, 15, 16, …).

- Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS 01, 02, 03, 04, 14, 21, …).

- Chế độ Kế toán Doanh nghiệp hiện hành (Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 133/2016/TT-BTC).

- Các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

CHƯƠNG 13: ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOẠI THƯƠNG

*Doanh nghiệp ngoại thương cũng là doanh nghiệp kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, tại doanh nghiệp ngoại thương, hoạt động mua, bán hàng hóa vượt ra khỏi phạm vi một quốc gia (được gọi là hoạt động xuất, nhập khẩu). Chương 13 cung cấp cho người học kiến thức về các phương thức xuất, nhập khẩu, phương pháp kế toán các nghiệp vụ mua, bán hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp ngoại thương.*

**13.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu**

13.1.1. Đặc điểm hoạt động nhập khẩu

13.1.2. Đặc điểm hoạt động xuất khẩu

**13.2. Kế toán lưu chuyển hàng hóa nhập khẩu**

13.2.1. Kế toán nghiệp vụ nhập khẩu trực tiếp

13.2.2. Kế toán nghiệp vụ nhập khẩu ủy thác

13.2.3. Kế toán tiêu thụ hàng nhập khẩu

**13.3. Kế toán lưu chuyển hàng hóa xuất khẩu**

13.3.1. Kế toán mua hàng để xuất khẩu

13.3.2. Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu trực tiếp

13.3.3. Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu ủy thác

**13.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ngoại thương**

13.4.1. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

13.4.2. Phương pháp kế toán

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

***Giáo trình:***

Đặng Thị Loan và cộng sự, (2013), *Chương 13: Đặc điểm kế toán trong các đơn vị xuất nhập khẩu, Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

***Các tài liệu khác:***

- Chuẩn mực Kế toán quốc tế liên quan (IAS 01, 02, 21, 23, 32, 38, …).

- Chuẩn mực Trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS 10, 13,15, 16, …).

- Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS 01, 02, 03, 04, 14, 16, 21, …).

- Chế độ Kế toán Doanh nghiệp hiện hành (Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 133/2016/TT-BTC).

- Các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

CHƯƠNG 14: ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ

*Chương 14 trình bày các đặc điểm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, chỉ ra sự khác biệt với các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực và ngành khác. Do vậy, các đặc điểm này có ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung và công tác kế toán ở các doanh nghiệp dịch vụ. Trong chương này, các nội dung về kế toán chi phí và tính giá thành dịch vụ, xác định kết quả kinh doanh và các giao dịch khác sẽ được đề cập.*

**14.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ**

14.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ

14.1.2. Phân loại dịch vụ

**14.2. Kế toán chi phí và tính giá thành dịch vụ**

14.2.1. Kế toán chi phí liên quan đến dịch vụ cung cấp

14.2.2. Tính giá thành dịch vụ

**14.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp dịch vụ**

14.3.1. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

14.3.2. Phương pháp kế toán

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

***Giáo trình:***

Đặng Thị Loan và cộng sự, (2013), *Chương 14: Đặc điểm kế toán trong các đơn vị du lịch, dịch vụ, Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

***Các tài liệu khác:***

- Metti, M.C., (2008). Hotel Accounting, *Anmol Publications*, <http://portal.igpublish.com/iglibrary/search/ANMOLB0001355.html>

- Chuẩn mực Kế toán quốc tế liên quan (IAS 01, 02, 21, 23, 32, 38, …).

- Chuẩn mực Trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS 10, 13, 15, 16, …).

- Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS 01, 02, 03, 04, 14, 16, 21, …).

- Chế độ Kế toán Doanh nghiệp hiện hành (Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 133/2016/TT-BTC).

- Các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên.

CHƯƠNG 15: ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

*Hoạt động xây dựng là hoạt động nhằm tạo ra cơ sở vật chất cho nền kinh tế quốc dân. Hoạt động này có những nét đặc thù riêng và có sự khác biệt đáng kể so với các ngành sản xuất khác và đã chi phối trực tiếp đến nội dung và phương pháp kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp. Chương 15 tập trung giới thiệu phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm xây lắp của doanh nghiệp xây dựng.*

**15.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp**

15.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp

15.1.2. Các hoạt động trong doanh nghiệp xây lắp

**15.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp**

15.2.1. Kế toán chi phí sản xuất

15.2.2. Đánh giá sản phẩm dở dang

15.2.3. Tính giá thành sản phẩm xây lắp

**15.3. Kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp**

15.3.1. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu sản phẩm xây lắp

15.3.2 Phương pháp kế toán

**15.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng**

15.4.1. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

15.4.2. Phương pháp kế toán

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

***Giáo trình:***

Đặng Thị Loan và cộng sự, (2013), *Chương 15: Đặc điểm kế toán đơn vị xây lắp, Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

***Các tài liệu khác:***

- Chuẩn mực Kế toán quốc tế liên quan (IAS 01, 02, 11, 23, 32, 36, …).

- Chuẩn mực Trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS 10, 13, 15, 16, …).

- Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS 01, 02, 03, 04, 05, 06, 14, 15, 16, 21, …).

- Chế độ Kế toán Doanh nghiệp hiện hành (Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 133/2016/TT-BTC).

- Các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên

**7. GIÁO TRÌNH:**

- GS.TS. Đặng Thị Loan (2013), *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

- PGS.TS. Phạm Quang (2013), *Bài tập Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Chuẩn mực Kế toán quốc tế (IAS);

- Chuẩn mực Trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS);

- Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS);

- Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam;

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giảng viên trực tiếp giảng dạy.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

Học phần được đánh giá trên cơ sở sau:

Tham dự 10%

Kiểm tra giữa kỳ 20%

Thi cuối kỳ 70%

**Tổng điểm 100%**

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập do giảng viên giảng dạy yêu cầu. Chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp.

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **PGS.TS. Trần Văn Thuận** | *Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2018*  HIỆU TRƯỞNG  **GS.TS. Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kế toán quản trị 1**

Tiếng Anh: **Managerial Accounting 1**

Mã học phần: **KTQT1103** Số tín chỉ: 3

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY**

Kế toán quản trị

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC**

Nguyên lý Kế toán, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần Kế toán quản trị 1 giới thiệu những nội dung cơ bản về kế toán quản trị như khái niệm, bản chất về kế toán quản trị, phân loại chi phí, các phương pháp xác định chi phí và giá thành sản phẩm, phân tích mối quan hệ giữa chi phí - sản lượng - lợi nhuận, dự toán ngân sách doanh nghiệp. Những kiến thức quan trọng về kế toán quản trị giúp cho các chuyên gia kinh tế, nhà quản trị hiểu bản chất sự vận động của chi phí từ đó kiểm soát tốt chi phí kinh doanh.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể:

**Về kiến thức:**

* Hiểu và giải thích được các khái niệm, vai trò, ý nghĩa của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, đặc điểm các loại chi phí, khái niệm và ý nghĩa của các phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ, bản chất và vai trò của phân tích mối quan hệ chi phí- sản lượng - lợi nhuận, khái niệm các loại dự toán trong doanh nghiệp.
* Áp dụng việc nhận diện các loại chi phí, các phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ, phân tích mối quan hệ chi phí – sản lượng - lợi nhuận, phương pháp lập dự toán và phân tích chênh lệch dự toán trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.
* Phân tích, đánh giá các thông tin chi phí; so sánh, lựa chọn các phương pháp xác định chi phí và tính giá thành sản phẩm; đánh giá qui trình phân tích mối quan hệ chi phí – sản lượng – lợi nhuận, lập dự toán và phân tích chênh lệch dự toán để có thể tổ chức, xây dựng hệ thống thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc ra quyết dịnh quản lý.

**Về kỹ năng:**

* Phát triển kĩ năng thu thập, phân tích thông tin và ra quyết định liên quan đến sự đa dạng, phong phú của các phương pháp và kĩ thuật sử dụng trong kế toán quản trị.
* Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình và phản biện.

**Về thái độ:**

* Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về tầm quan trọng của kế toán quản trị trong mỗi tổ chức.
* Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong thực hành và tư vấn tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp.
* Nhận thức được ảnh hưởng của đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề kế toán quản trị tới chất lượng thông tin cung cấp, tác động tới lợi ích của các đối tượng sử dụng thông tin kế toán quản trị, từ đó thường xuyên rèn luyện tư cách đạo đức nghề nghiệp.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần/Chương** | **Thời gian (45 tiết)** | | | |
| **Tổng số** | **Giảng** | **Bài tập và Thảo luận** |
| Chương 1: Tổng quan về kế toán quản trị | 6 | 4 | 2 |
| Chương 2: Phân loại chi phí | 9 | 6 | 3 |
| Chương 3: Các phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm | 6 | 4 | 2 |
| Chương 4: Phân tích mối quan hệ chi phí – sản lượng – lợi nhuận | 9 | 6 | 3 |
| Chương 5: Dự toán sản xuất kinh doanh | 9 | 6 | 3 |
| Chương 6: Dự toán linh hoạt | 5 | 3 | 2 |
| Kiểm tra | 2 | 2 |  |
| **Tổng** | **45** | **30** | **15** |

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

*Chương này giải thích khái niệm và bản chất của kế toán quản trị, phân tích vai trò của kế toán quản trị trong hoạt động quản lý, phân tích sự khác biệt giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính. Bên cạnh đó, chương này giới thiệu khái quát về các đối tượng và phương pháp của kế toán quản trị. Các mô hình tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp cũng được mô tả trong chương này.*

## 1.1. Khái niệm và bản chất kế toán quản trị

1.1.1. Khái niệm kế toán quản trị

1.1.2. Bản chất kế toán quản trị

## 1.2. Vai trò của kế toán quản trị

1.2.1. Các chức năng quản lý

1.2.2. Vai trò của kế toán quản trị trong việc thực hiện các chức năng quản lý

**1.3. Đối tượng và phương pháp của kế toán quản trị**

1.3.1. Đối tượng của kế toán quản trị

1.3.2. Phương pháp của kế toán quản trị

**1.4. Phân biệt kế toán quản trị với kế toán tài chính**

1.4.1. Điểm khác nhau

1.4.2. Điểm giống nhau

**1.5. Tổ chức kế toán quản trị trong các đơn vị**

1.5.1. Nội dung tổ chức kế toán quản trị

1.5.2. Mô hình tổ chức kế toán quản trị trong các đơn vị

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2011), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 1.
* Hilton & Platt (2008), Managerial Accounting – Creating value in a dynamic business environment, McGraw-Hill, chapter 1.
* Wild (2007), Managerial Accounting, McGraw-Hill, chapter 1.

CHƯƠNG 2: PHÂN LOẠI CHI PHÍ

*Chương này mô tả bản chất và các biểu hiện của chi phí, mô tả các hoạt động của doanh nghiệp, phân biệt chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất, mô tả vai trò của chi phí trong việc lập các báo cáo tài chính. Chương này cũng giải thích tầm quan trọng của việc xác định các nguồn phát sinh chi phí và phân biệt chi phí biến đổi với chi phí cố định, phân biệt giữa chi phí trực tiếp với chi phí gián tiếp, chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được. Các khái niệm chi phí chìm, chi phí cơ hội, chi phí chênh lệch cũng được phân tích trong chương này.*

**2.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động**

2.1.1. Chi phí sản xuất

2.1.2. Chi phí ngoài sản xuất

**2.2. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động**

2.2.1. Chi phí biến đổi

2.2.2. Chi phí cố định

2.2.3. Chi phí hỗn hợp

**2.3. Các cách phân loại chi phí khác**

2.3.1. Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp

2.3.2. Chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ

2.3.3.Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được

2.3.4. Chi phí chênh lệch

2.3.5. Chi phí cơ hội

2.3.6. Chi phí chìm

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2011), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 2.
* Hilton & Platt (2008), Managerial Accounting – Creating value in a dynamic business environment, McGraw-Hill, chapter 2.
* Wild (2007), Managerial Accounting, McGraw-Hill, chapter 1.

CHƯƠNG 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ SẢN XUẤT SẢN PHẨM

*Chương này mô tả vai trò của việc xác định chi phí sản xuất sản phẩm và dịch vụ cung ứng, giải thích dòng chi phí trong doanh nghiệp sản xuất. Chương này cũng phân tích và so sánh điều kiện vận dụng và nội dung của phương pháp xác định chi phí theo công việc, phương pháp xác định chi phí theo qui trình sản xuất và phương pháp xác định chi phí theo hoạt động.*

**3.1. Phư­ơng pháp xác định chi phí theo công việc**

3.1.1 Điều kiện vận dụng

3.1.2 Dòng chi phí

3.1.3 Phân bổ chi phí sản xuất chung và xử lý chi phí phân bổ thừa (thiếu)

3.1.4. Báo cáo chi phí

**3.2. Ph­ương pháp xác định chi phí theo qui trình sản xuất**

3.2.1 Điều kiện vận dụng

3.2.2 Dòng chi phí

3.2.3 So sánh phương pháp bình quân và phương pháp nhập trước – xuất trước để xác định số lượng đơn vị sản phẩm tương đương

3.2.4 Báo cáo chi phí

**3.3. Phương pháp xác định chi phí theo hoạt động**

3.3.1. Điều kiện vận dụng

3.3.2. Xác định các hoạt động và phân nhóm chi phí

3.3.3. Phân bổ chi phí theo hoạt động cho các đối tượng chịu phí

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2011), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 3.
* Hilton & Platt (2008), Managerial Accounting – Creating value in a dynamic business environment, McGraw-Hill, chapter 3, 4, 5.
* Wild (2007), Managerial Accounting, McGraw-Hill, chapter 2, 3, 4.

CHƯƠNG 4 : PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ - SẢN LƯỢNG -LỢI NHUẬN

**( C-V-P )**

*Chương này thảo luận tầm quan trọng của việc phân tích mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng và lợi nhuận trong việc ra quyết định kinh doanh. Chương này cũng phân tích cách tiếp cận báo cáo kết quả kinh doanh theo lợi nhuận góp, giải thích tác động của cơ cấu sản phẩm tiêu thụ, cơ cấu chi phí tới đòn bẩy hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp. Các giả thiết khi phân tích mối quan hệ chi phí – sản lượng – lợi nhuận cũng được thảo luận trong chương này.*

**4.1. Ý nghĩa phân tích mối quan hệ giữa chi phí, sản l­ượng và lợi nhuận**

**4.2. Các khái niệm cơ bản phục vụ cho phân tích mối quan hệ C-V-P**

**4.3. Phân tích điểm hòa vốn**

4.3.1. Phân tích điểm hòa vốn

4.3.2. Phân tích lợi nhuận mục tiêu

4.3.3. Phân tích mức độ an toàn

**4.4. Cơ cấu chi phí và đòn bẩy hoạt động**

**4.4.1. Cơ cấu chi phí**

**4.4.2. Đòn bẩy hoạt động**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2011), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 4.
* Hilton & Platt (2008), Managerial Accounting – Creating value in a dynamic business environment, McGraw-Hill, chapter 7.
* Wild (2007), Managerial Accounting, McGraw-Hill, chapter 5.

CHƯƠNG 5: DỰ TOÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

*Chương này mô tả tầm quan trọng và lợi ích của việc lập dự toán sản xuất kinh doanh. Chương này cũng giải thích qui trình xây dựng định mức chi phí và lập dự toán, mô tả các thành phần của dự toán sản xuất kinh doanh. Từng thành phần cụ thể của dự toán sản xuất kinh doanh được minh họa cách lập cụ thể trong chương này.*

**5.1. Tổng quan về dự toán**

5.1.1 Khái niệm, ý nghĩa và phân loại dự toán

5.1.2 Cơ sở khoa học xây dựng dự toán

5.1.3 Trình tự xây dựng dự toán

**5.2 Định mức chi phí**

5.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của định mức chi phí

5.2.2. Phương pháp xây dựng định mức chi phí

5.2.3 Các định mức chi phí trong doanh nghiệp

**5.3. Hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp**

5.3.1. Dự toán tiêu thụ

5.3.2. Dự toán sản xuất

5.3.3. Dự toán chi phí nguyên liệu trực tiếp

5.3.4. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

5.3.5. Dự toán chi phí sản xuất chung

5.3.6. Dự toán thành phẩm tồn kho cuối kỳ

5.3.7. Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

5.3.8. Dự toán tiền

5.3.9. Dự toán báo cáo tài chính

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2011), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 5.
* Hilton & Platt (2008), Managerial Accounting – Creating value in a dynamic business environment, McGraw-Hill, chapter 9.
* Wild (2007), Managerial Accounting, McGraw-Hill, chapter 7.

CHƯƠNG 6 : DỰ TOÁN LINH HOẠT

*Chương này phân biệt giữa dự toán tĩnh và dự toán linh hoạt, giải thích tầm quan trọng của định mức chi phí trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động. Chương này cũng giải thích cụ thể cách xác định từng khoản chênh lệch giữa thực tế và dự toán, cách lập báo cáo hoạt động trên cơ sở các chênh lệch này.*

**6.1. Khái niệm, vai trò và trình tự xây dựng dự toán linh hoạt**

6.1.1. Khái niệm và vai trò dự toán linh hoạt

6.1.2. Trình tự xây dựng dự toán linh hoạt

6.1.3. Phân biệt dự toán linh hoạt và dự toán tĩnh

**6.2. Phân tích chênh lệch dự toán linh hoạt**

6.2.1 Phân tích chênh lệch chi phí

6.2.2 Phân tích chênh lệch tiêu thụ

**6.3. Báo cáo chênh lệch dự toán**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2011), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 6.
* Hilton & Platt (2008), Managerial Accounting – Creating value in a dynamic business environment, McGraw-Hill, chapter 11.
* Wild (2007), Managerial Accounting, McGraw-Hill, chapter 8.

**7. GIÁO TRÌNH**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2011), Giáo trình kế toán quản trị, Chương 6, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
* PGS.TS. Lê Kim Ngọc (2017), Hệ thống câu hỏi và bài tập kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* Hilton & Platt (2008), Managerial Accounting – Creating value in a dynamic business environment, McGraw-Hill.
* Wild (2007), Managerial Accounting, McGraw-Hill.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Tham gia trên lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ 30% (2 bài kiểm tra)

+ Thi kết thúc học phần: 60%

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số giờ quy định của học phần.

+ Tham gia kiểm tra giữa kỳ.

*Hà Nội, ngày … tháng….. năm 201*

TRƯỞNG BỘ MÔN HIỆU TRƯỞNG

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kế toán công 1**

Tiếng Anh: **PUBLIC ACCOUNTING 1**

Mã học phần: **KTKE1109** Tổng số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Bộ môn Nguyên lý Kế toán**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC**

*Nguyên lý kế toán*

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Môn học đề cập nội dung kế toán Nhà nước trong các đơn vị Hành chính sự nghiệp (Đơn vị dự toán).

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Học phần cung cấp kiến thức kế toán ghi nhận các nghiệp vụ liên quan đến các hoạt động trong đơn vị như: các hoạt động thu – chi Ngân sách, nhận – rút dự toán, báo cáo kế toán, đánh giá hiệu quả hoạt động,… Nội dung kế toán các phần bao gồm chế độ chứng từ, chế độ tài khoản, chế độ sổ kế toán, và chế độ báo cáo kế toán.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**Chương 1: Tổng quan về kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp**

* 1. Khái quát chung kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp
  2. Đặc điểm tổ chức kế toán trong đơn vị HCSN

**Chương 2: Kế toán các tài sản ngắn hạn trong đơn vị HCSN**

2.1 Kế toán tiền

2.2 Kế toán nợ phải thu trong đơn vị HCSN

2.3 Kế toán hàng tồn kho trong đơn vị HCSN

2.4 Kế toán các tài sản ngắn hạn khác

**Chương 3: Kế toán tài sản dài hạn trong đơn vị HCSN**

3.1 Kế toán tài sản cố định

3.2 Kế toán các tài sản dài hạn khác

**Chương 4: Kế toán nợ phải trả**

4.1 Khái quát chung

4.2 Kế toán thanh toán với người bán

4.3 Kế toán thành toán với CNV

4.4 Kế toán thanh toán với NSNN

4.5 Kế toán thanh toán nội bộ

4.6 Kế toán thanh toán với đối tượng khác

**Chương 5: Kế toán nguồn vốn, các quỹ và các nguồn khác**

5.1 Khái quát chung về kế toán nguồn vốn, các quỹ và các nguồn vốn khác

5.2 Nội dung kế toán nguồn vốn, các quỹ và các nguồn khác

**Chương 6: Kế toán các khoản thu, chi và kết quả hoạt động**

6.1 Kế toán các khoản thu, chi và XĐKQ hoạt động HCSN

6.2 Kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQ của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

6.3 Kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQ hoạt động tài chính

6.4 Kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả hoạt động khác

**Chương 7: Báo cáo quyết toán trong đơn vị HCSN**

7.1 Khái quát chung về báo cáo quyết toán

7.2 Hệ thống báo cáo quyết toán

**Chương 8: Báo cáo tài chính trong đơn vị HCSN**

8.1. Khái quát chung về BCTC trong đơn vị HCSN

8.2 Hệ thống báo cáo tài chính

**7. GIÁO TRÌNH**

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Bộ Tài chính, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Bộ Tài chính, Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tu 107/2017/TT-BTC năm 2017.

- Luật Ngân sách nhà nước.

- Các văn bản pháp quy sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán HCSN.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 30%

+ Thi cuối học kỳ: 60%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 80% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy giao bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2018* |
| **TRƯỞNG BM**  **NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**  **PGS.TS. Phạm Đức Cường** | **HIỆU TRƯỞNG** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kiểm toán hoạt động**

Tiếng Anh: **Operational Auditing**

Mã học phần: **KTKI 1106** số tín chỉ: **03 (2,1)**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kiểm toán**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Kiểm toán căn bản, Kế toán tài chính, Tài chính doanh nghiệp.

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Kiểm toán hoạt động là sự phát triển của Kiểm toán căn bản vào các tác nghiệp cụ thể của hoạt động kinh doanh hay sự nghiệp công cộng. Cùng với những loại hình kiểm tra, kiểm soát cụ thể khác, Kiểm toán hoạt động được xem là một loại hình kiểm tra kiểm soát đặc thù bên cạnh những loại hình kiểm toán khác như Kiểm toán tài chính và Kiểm toán tuân thủ. Kết hợp với môn học Kiểm toán tài chính, Kiểm toán hoạt động sẽ cung cấp cho người học những kiến thức đầy đủ về một *hệ thống kiểm toán hoàn chỉnh*. Kiểm toán hoạt động mang đặc điểm chung của kiểm toán nhưng có những đặc trưng riêng có, đặc biệt là nội dung kiểm toán – kiểm toán hoạt động hướng tới đánh giá hiệu quả, hiệu năng và tính kinh tế đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm cải thiện hoạt động. Học phần Kiểm toán hoạt động giới thiệu các đặc điểm chung của Kiểm toán hoạt động, kiểm toán các hoạt động cơ bản trong doanh nghiệp và trong đơn vị sử dụng NSNN

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục đích của học phần này là trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nội dung và cách thức tổ chức các phần hành kiểm toán các hoạt động cơ bản trong đơn vị kinh doanh (như hoạt động thu chi tiền mặt và thanh toán, hoạt động cung ứng, hoạt động sản xuất, hoạt động marketing…) cũng như kiểm toán các hoạt động cơ bản trong đơn vị thuộc khu vực công (gồm hoạt động thu NSNN, hoạt động chi NSNN).

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chương | Nội dung | Khối lượng tiết | | |
| Tổng số | Giảng | Bài tập và thảo luận |
| 1 | KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG TRONG HỆ THỐNG KIỂM TOÁN | 8 | 5 | 3 |
| 2 | TỔ CHỨC KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG | 5 | 3 | 2 |
| 3 | KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NHÂN LỰC | 3 | 2 | 1 |
| 4 | KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG | 5 | 3 | 2 |
| 5 | KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT | 4 | 2 | 2 |
| 6 | KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG MARKETING | 3 | 2 | 1 |
| 7 | KIỂM TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG THU – CHI VÀ THANH TOÁN | 5 | 3 | 2 |
| 8 | KIỂM TOÁN HỆ THỐNG THÔNG TIN | 3 | 2 | 1 |
| 9 | ĐẶC ĐIỂM KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC | 3 | 2 | 1 |
| 10 | KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC | 3 | 2 | 1 |
| 11 | KIỂM TOÁN CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC | 3 | 2 | 1 |
|  | Cộng | 45 | 28 | 17 |

Chương 1: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG TRONG HỆ THỐNG KIỂM TOÁN

*Kiểm toán hoạt động là một loại hình kiểm toán cơ bản. Do đó, kiểm toán hoạt động có những đặc điểm của kiểm toán nói chung, nhưng cũng có những đặc điểm riêng. Chương 1 tập trung làm rõ khái niệm về kiểm toán hoạt động, chức năng và mục tiêu của kiểm toán hoạt động, chuẩn mực và tiêu chuẩn đánh giá trong kiểm toán hoạt động.*

**1.1 Khái niệm và chức năng của kiểm toán hoạt động**

**1.2 Mục tiêu của kiểm toán hoạt động**

**1.3 Tổng quan về chuẩn mực và tiêu chuẩn trong kiểm toán hoạt động**

1.3.1 Chuẩn mực kiểm toán hoạt động

1.3.2 Tiêu chuẩn để đánh giá hoạt động được kiểm toán

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chương 1, 2.

Chương 2: TỔ CHỨC KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG

*Tổ chức kiểm toán đề cập đến tổ chức công tác kiểm toán và tổ chức bộ máy kiểm toán. Do kiểm toán hoạt đọng có đối tượng là từng hoạt động cụ thể nên tổ chức bộ máy và công tác kiểm toán cũng có những nét đặc trưng. Chương 2 giới thiệu khái quát về những đặc trưng chung của tổ chức bộ máy và công tác kiểm toán, sau đó phân tích quy trình kiểm toán đối với những hoạt động khác nhau là hoạt động có qui mô lớn và hoạt động có qui mô nhỏ.*

**2.1 Đặc điểm chung của tổ chức kiểm toán hoạt động**

**2.2 Đặc điểm của quy trình kiểm toán hoạt động**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chương 3

Chương 3: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NHÂN LỰC

*Hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực là một hoạt động cơ bản trong doanh nghiệp, có ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể đến chất lượng và hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực luôn được nhà quản lý quan tâm. Chương 3 giới thiệu đặc điểm hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực có ảnh hưởng đến kiểm toán, các tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực, các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán khi kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực, và qui trình kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực.*

**3.1 Hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực với kiểm toán**

**3.2 Tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực**

**3.3 Các kỹ thuật thu thập và các phương pháp phân tích dữ liệu**

**3.4 Quy trình kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chương 4

Chương 4: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG

*Cung ứng là giai đoạn đầu tiên trong quá trình sản xuất kinh doanh, tạo ra các yếu tố đầu vào cho sản xuất kinh doanh và có ảnh hưởng đến hiệu quả của toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh. Kiểm toán hoạt động cung ứng do đó là một trong những nội dung quan trọng của kiểm toán hoạt động trong doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp thương mại. Chương 4 giới thiệu về đặc điểm của hoạt động cung ứng có ảnh hưởng đến kiểm toán, kiểm toán hoạt động cung ứng theo các mục tiêu đánh giá hiệu lực quản trị nội bộ, hiệu quả hoạt động và hiệu năng quản lý hoạt động cung ứng.*

**4.1 Đặc điểm chung của hoạt động cung ứng với kiểm toán hoạt động**

**4.2 Đánh giá quản trị nội bộ hoạt động cung ứng trong quan hệ với đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu năng quản lý**

**4.3 Đánh giá hiệu quả và hiệu năng quản lý hoạt động cung ứng**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chương 5

Chương 5: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

*Sản xuất là quá trình kết hợp các yếu tố nguồn lực đầu vào để tạo ra thành phẩm cho tiêu thụ. Hoạt động sản xuất do đó có ảnh hưởng đến kết quả của toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh. Kiểm toán hoạt động sản xuất là nội dung cơ bản trong doanh nghiệp sản xuất. Chương 5 phân tích các đặc điểm của hoạt động sản xuất có ảnh hưởng đến kiểm toán và giới thiệu các nội dung kiểm toán hoạt động sản xuất theo các mục tiêu đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả và hiệu năng quản lý hoạt động sản xuất.*

**5.1 Đặc điểm hoạt động sản xuất ảnh hưởng tới kiểm toán**

**5.2 Nội dung kiểm toán hoạt động sản xuất**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chương 6

Chương 6: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG MARKETING

*Marketing là quá trình chuyển sản phẩm đến người tiêu dùng, có vai trò hiện thực hoá doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp. Do đó kiểm toán hoạt động marketing là một nội dung cơ bản trong doanh nghiệp. Chương 6 giới thiệu về đặc điểm hoạt động marketing có ảnh hưởng đến kiểm toán, qui trình và những nội dung cơ bản khi kiểm toán hoạt động marketing.*

**6.1 Tầm quan trọng, mục tiêu và đặc điểm chung của một cuộc kiểm toán hoạt động marketing**

**6.2 Bản chất và chức năng của hoạt động Marketing ảnh hưởng tới kiểm toán**

**6.3 Qui trình và nội dung kiểm toán hoạt động Marketing**

**6.4 Chỉ dẫn kiểm toán hoạt động Marketing**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chương 7

Chương 7: KIỂM TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG THU – CHI VÀ THANH TOÁN

*Thu chi tiền mặt và thanh toán là những nghiệp vụ thường xuyên, phát sinh hàng ngày trong doanh nghiệp, có tác dụng hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kiểm toán hoạt động thu chi tiền mặt và thanh toán do đó là mối quan tâm của các nhà quản lý doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có quan hệ thanh toán nhiều như ngân hàng thương mại. Chương 7 giới thiệu về nội dung kiểm toán hoạt động thu chi và tồn quỹ tiền mặt, kiểm toán hoạt động thanh toán với người mua và kiểm toán hoạt động thanh toán với người bán.*

**7.1 Kiểm toán hoạt động thu – chi tiền mặt**

**7.2 Kiểm toán hoạt động thanh toán**

**7.3 Xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động thu - chi và thanh toán**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chương 8

Chương 8: KIỂM TOÁN HỆ THỐNG THÔNG TIN

*Trong môi trường kinh doanh hiện đại, việc tạo lập thông tin đáng tin cậy có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp nhà quản lý đưa ra quyết định đúng đắn, kịp thời. Kiểm toán hệ thống thông tin do đó ngày càng trở nên cần thiết. Chương 8 phân tích vai trò của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tiêu chí đánh giá hệ thống thông tin, các kỹ thuật chủ yếu sử dụng để thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán hệ thống thông tin, và đặc điểm quy trình kiểm toán hệ thống thông tin.*

**8.1 Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp và ảnh hưởng đến kiểm toán hoạt động**

**8.2 Tiêu chí đánh giá hệ thống thông tin**

**8.3 Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán**

**8.4 Quy trình kiểm toán hệ thống thông tin**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chương 9

Chương 9: ĐẶC ĐIỂM KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*Thu ngân sách nhà nước tạo nguồn cho chi đầu tư phát triển kinh tế xã hội và duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước. Thu ngân sách nhà nước do đó cần bảo đảm các yêu cầu thu đúng, thu đủ, thu kịp thời. Trong khi đó, hoạt động thu ngân sách nhà nước diễn ra trong phạm vi cả nước, các sai phạm dễ phát sinh và tồn tại. Vì thế, kiểm toán hoạt động thu ngân sách nhà nước cần được thực hiện. Chương 9 giới thiệu đặc điểm chung của hoạt động thu chi ngân sách nhà nước có ảnh hưởng đến kiểm toán, đặc điểm quản lý và tổ chức bộ máy thu ngân sách có ảnh hưởng đến kiểm toán,đặc điểm tổ chức kiểm toán hoạt động thu ngân sách nhà nước.*

**9.1 Đặc điểm chung của hoạt động thu ngân sách nhà nước với kiểm toán hoạt động**

**9.2 Đặc điểm quản lý hoạt động và tổ chức bộ máy thu với kiểm toán hoạt động**

**9.3 Đặc điểm tổ chức kiểm toán hoạt động đối với (hoạt động) thu thuế**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chương 10.

Chương 10: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*Chi thường xuyên ngân sách nhà nước là các khoản chi để duy trì hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước. Các khoản chi này đa dạng về loại hình, phát sinh phân tán, do đó tính hiệu lực và tiết kiệm của các khoản chi này luôn là mối quan tâm của quản lý nhà nước. Chương 10 phân tích những đặc điểm chung của tổ chức quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước có ảnh hưởng đến kiểm toán, giới thiệu đặc điểm qui trình kiểm toán hoạt động chi thường xuyên ngân sách nhà nước và tiêu chuẩn đánh giá trong kiểm toán hoạt động chi thường xuyên ngân sách nhà nước.*

**10.1 Đặc điểm chung của tổ chức quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước với kiểm toán hoạt động**

**10.2 Đặc điểm của qui trình kiểm toán hoạt động chi thường xuyên ngân sách nhà nước**

**10.3 Định hướng và trình tự xây dựng tiêu chuẩn đo lường và tiêu chí đánh giá hoạt động chi thường xuyên ngân sách nhà nước**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chương 11

Chương 11: KIỂM TOÁN CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*Chương trình đầu tư từ ngân sách nhà nước có vai trò tạo lập cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, chương trình thường có vốn đầu tư lớn, thời gian đầu tư kéo dài và trên địa bàn phân tán. Vì vậy, hiệu quả của chương trình đầu tư luôn là mối quan tâm của nhà quản lý cũng như toàn xã hội. Chương 11 phân tích các đặc điểm của chương trình đầu tư từ ngân sách nhà nước có ảnh hưởng đến kiểm toán, đặc điểm xây dựng tiêu chí đánh giá và trình tự kiểm toán chương trình đầu tư từ ngân sách nhà nước.*

**11.1 Đặc điểm của chương trình ngân sách nhà nước với kiểm toán hoạt động**

**11.2 Đặc điểm xây dựng tiêu chí đánh giá và trình tự kiểm toán chương trình ngân sách nhà nước**

Tài liệu tham khảo:

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chương 12

**7. GIÁO TRÌNH**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên, 2009), ***Giáo trình Kiểm toán hoạt động***, NXB Tài chính, Hà Nội

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Giáo trình Lý thuyết kiểm toán, GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (Đồng Chủ biên), NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, 2017.

- The Operational Auditing Handbook, by Chambers and Rand, Wiley, 2010.

- Các chế độ quản lý các hoạt động (nhân lực, thanh toán,…), chế độ về thu chi ngân sách…

- Các tạp chí Kiểm toán, Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán, Kinh tế và phát triển….

- Các Giáo trình về Tài chính doanh nghiệp, Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Tài chính công

- Các tài liệu về Kiểm toán hoạt động nước ngoài nêu ở mục Tài liệu tham khảo Giáo trình Kiểm toán hoạt động

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối học kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2018* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN | HIỆU TRƯỞNG |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**  LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

## 1. TÊN HỌC PHẦN:

Tên tiếng Việt: **Phân tích Báo cáo tài chính**

Tên tiếng Anh: **Financial statement analysis**

Mã học phần: **KTTC1111** Số tín chỉ: **03**

## 2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:

Bộ môn Kế toán Tài chính

## 3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

- Nguyên lý kế toán; Kinh tế vi mô 1; Kinh tế vĩ mô 1; Kế toán tài chính 2.

## 4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần “Phân tích Báo cáo tài chính” giới thiệu những nội dung cơ bản về phân tích báo cáo tài chính (BCTC) doanh nghiệp. Học phần đề cập đến các nội dung như: phân tích cấu trúc tài chính, phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, phân tích khả năng sinh lợi… Đây là những thông tin quan trọng, tin cậy, phục vụ cho việc đề ra quyết định tối ưu từ phía người sử dụng thông tin (cơ quan thuế, kiểm toán, ngân hàng, nhà đầu tư, ...).

## 5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

BCTC là sản phẩm cuối cùng của kế toán tài chính doanh nghiệp và là bức tranh tổng thể về tài chính doanh nghiệp. Phân tích BCTC là một trong những công cụ hữu hiệu, cần thiết đối với hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp. Bởi thế, việc trang bị kiến thức về lập, đọc và phân tích BCTC là một yêu cầu thiết yếu, không thể thiếu đối với việc đào tạo sinh viên của chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh nói chung và đặc biệt là sinh viên chuyên ngành kế toán - kiểm toán.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Nội dung*** | ***Tổng số***  ***tiết*** | ***Trong đó*** | | ***Ghi chú*** |
| ***Lý thuyết*** | ***Bài tập, thảo luận, kiểm tra*** |  |
| 1  2  3  4  5  6 | Chương 1  Chương 2  Chương 3  Chương 4  Chương 5  Chương 6 | 7  7  8  7  7  9 | 5  4  5  5  4  7 | 2  2  2  3  2  4 | *Trong đó có 1 tiết kiểm tra môn học được thông báo trước khi giảng dạy* |
|  | **Cộng** | **45** | **30** | **15** |  |

Toàn bộ chương trình gồm 6 chương:

Chương 1: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính

*Chương này cung cấp cho sinh viên những nét tổng quan về phân tích BCTC doanh nghiệp, như: khái niệm, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, đối tượng, công cụ và kỹ thuật phân tích BCTC cùng các phương thức tiếp cận BCTC và việc tổ chức phân tích BCTC*

**1.1. Khái niệm, mục đích, ý nghĩa và nội dung phân tích báo cáo tài chính**

1.1.1. Khái niệm và mục đích phân tích

1.1.2. Ý nghĩa và hạn chế phân tích

1.1.3. Nội dung phân tích

**1.2. Đối tượng phân tích và phương thức tiếp cận báo cáo tài chính**

1.2.1. Đối tượng phân tích

1.2.2. Phương thức tiếp cận

**1.3. Công cụ và kỹ thuật phân tích báo cáo tài chính**

1.3.1. So sánh

1.3.2. Biểu đồ

1.3.3. Dupont

1.3.4. Các công cụ và kỹ thuật phân tích khác

**1.4. Tổ chức phân tích báo cáo tài chính**

1.4.1. Chuẩn bị phân tích

1.4.2. Tiến hành phân tích

1.4.3. Kết thúc phân tích

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

1. Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2017.

2. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 1 First-time Adoption of International Financial Reporting Standards*, https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-1-first-time-adoption-of-ifrs/

3. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *IAS 1 Presentation of Financial Statements,* <https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias1>

### Chương 2: Phân tích kế toán

*Chương này giúp cho sinh viên nắm được nội dung và cách thức phân tích BCTC dưới góc độ kế toán, bao gồm các thủ tục và cách thức điều chỉnh các chỉ tiêu phản ánh trên BCTC; nội dung và cách thức xác định, ghi nhận các chỉ tiêu cơ bản thuộc HĐKD, HĐĐT và HĐTC; nội dung và cách thức ghi nhận ảnh hưởng của các chính sách kế toán đến các chỉ tiêu trên BCTC.*

**2.1. Phân tích nội dung và cách thức ghi nhận các chỉ tiêu cơ bản theo từng hoạt động**

2.1.1. Các chỉ tiêu thuộc hoạt động kinh doanh

2.1.2. Các chỉ tiêu thuộc hoạt động đầu tư

2.1.3. Các chỉ tiêu thuộc hoạt động tài chính

**2.2. Phân tích nội dung và cách thức ghi nhận các chỉ tiêu trên từng báo cáo tài chính**

2.2.1. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán

2.2.2. Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.3. Các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.2.4. Các chỉ tiêu trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính

**2.3. Phân tích nội dung và cách thức ghi nhận ảnh hưởng của các sự kiện, các ước tính, các sai sót và các chính sách kế toán**

2.3.1. Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá hối đoái

2.3.2. Ảnh hưởng của chính sách kế toán

2.3.3. Ảnh hưởng của sự thay đổi ước tính kế toán

2.3.4. Ảnh hưởng của sai sót kế toán

2.3.5. Ảnh hưởng của những sự kiện phát sinh sau kỳ báo cáo

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

1. Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017.

2. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *IAS 1 Presentation of Financial Statements,* <https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias1>

3. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Accounting Policies, Changes in Accounting Estimates and Errors,* https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias8

4. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Events After the Reporting Period,* https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias10

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

*Chương này nhằm mục đích giúp cho người sử dụng thông tin có cái nhìn tổng quan về tình hình tài chính doanh nghiệp. Nội dung hướng tới việc đánh giá tình hình huy động vốn, mức độ độc lập tài chính, khả năng thanh toán, khả năng sinh lợi và tốc độ tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp.*

**3.1. Tình hình tài chính - Ý nghĩa, yêu cầu và quy trình đánh giá khái quát**

3.1.1. Tình hình tài chính và ý nghĩa đánh giá khái quát

3.1.2. Yêu cầu và qui trình đánh giá khái quát

**3.2. Nội dung và cách thức đánh giá khái quát tình hình tài chính**

3.2.1. Đánh giá khái quát tình hình huy động vốn

3.2.2. Đánh giá khái quát mức độ độc lập tài chính

3.2.3. Đánh giá khái quát khả năng thanh toán

3.2.4. Đánh giá khái quát khả năng sinh lợi

3.2.5. Đánh giá khái quát tốc độ tăng trưởng bền vững

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

1. Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2017.

2. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 7 Financial Instruments: Disclosures,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-7-financial-instruments-disclosures/>

3. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *IAS 1 Presentation of Financial Statements,* <https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias1>

4. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *IAS 7 - Statement of Cash Flows,* https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias7

CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH CẤU TRÚC TÀI CHÍNH, ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH VÀ CÂN BẰNG TÀI CHÍNH

*Chương này hướng tới các nội dung như: phân tích cấu trúc tài chính, phân tích đòn bẩy tài chính và phân tích cân bằng tài chính. Thông qua đó, người sử dụng thông tin nắm được cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, chính sách sử dụng vốn, chính sách huy động vốn và mức độ ổn định của nguồn tài trợ tài sản.*

**4.1. Phân tích cấu trúc tài chính**

4.1.1. Cấu trúc tài chính và ý nghĩa phân tích

4.1.2. Phân tích cấu trúc tài chính

4.1.2.1. Phân tích cơ cấu tài sản

4.1.2.2. Phân tích cơ cấu nguồn vốn

4.1.2.3. Phân tích mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn

**4.2. Phân tích đòn bẩy tài chính**

4.2.1. Đòn bẩy tài chính và ý nghĩa phân tích

4.2.2. Phân tích đòn bẩy tài chính

**4.3. Phân tích cân bằng tài chính**

4.3.1. Cân bằng tài chính và ý nghĩa phân tích

4.3.2. Phân tích cân bằng tài chính

4.3.2.1. Theo mức độ an toàn của nguồn tài trợ

4.3.2.2. Theo mức độ ổn định của nguồn tài trợ

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

1. Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2017.

2. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 7 Financial Instruments: Disclosures,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-7-financial-instruments-disclosures/>

3. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 10 Consolidated Financial Statements,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-10-consolidated-financial-statements/>

4. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *IAS 1 Presentation of Financial Statements,* <https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias1>

5. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Financial Reporting in Hyperinflationary Economies*, https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias29

CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

*Chương 5 tập trung phân tích tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Thông qua đó, những người sử dụng thông tin có thể nắm bắt được tình hình chiếm dụng lẫn nhau trong thanh toán, tình hình thu hồi nợ phải thu, tình hình thanh toán nợ phải trả, tốc độ thanh toán nợ cũng như khả năng thanh toán ngắn hạn, khả năng thanh toán dài hạn và khả năng thanh toán theo thời gian.*

**5.1. Phân tích tình hình thanh toán**

5.1.1. Tình hình thanh toán và ý nghĩa phân tích

5.1.2. Phân tích tình hình thanh toán

5.1.2.1. Đánh giá khái quát tình hình thanh toán

5.1.2.2. Phân tích xu hướng và nhịp điệu tăng trưởng nợ phải thu, nợ phải trả

5.1.2.3 Phân tích tình hình thanh toán nợ phải thu

5.1.2.4. Phân tích tình hình thanh toán nợ phải trả

5.1.2.5. Phân tích tốc độ thanh toán

**5.2. Phân tích khả năng thanh toán**

5.2.1. Khả năng thanh toán và ý nghĩa phân tích

5.2.2. Phân tích khả năng thanh toán

5.2.2.1. Phân tích khả năng thanh toán ngắn hạn

5.2.2.2. Phân tích khả năng thanh toán dài hạn

5.2.2.3. Phân tích khả năng thanh toán theo thời gian

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

1. Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2017.

2. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 7 Financial Instruments: Disclosures,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-7-financial-instruments-disclosures/>

3. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 8 Operating Segments,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-8-operating-segments/>

4. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 10 Consolidated Financial Statements,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-10-consolidated-financial-statements/>

5. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *IAS 1 Presentation of Financial Statements,* <https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias1>

6. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *IAS 7 - Statement of Cash Flows,* https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias7

7. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Financial Reporting in Hyperinflationary Economies*, https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias29

CHƯƠNG 6: PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG SINH LỢI

*Chương này hướng tới nội dung và cách thức phân tích khả năng sinh lợi của doanh nghiệp biểu hiện qua khả năng sinh lợi của tài sản, vốn và chi phí cùng các điều kiện cần thiết để nâng cao khả năng sinh lợi của doanh nghiệp.*

**6.1. Ý nghĩa và quy trình phân tích khả năng sinh lợi**

6.1.1. Ý nghĩa

6.1.2. Qui trình phân tích

**6.2. Nội dung và cách thức phân tích khả năng sinh lợi**

6.2.1. Phân tích khả năng sinh lợi của tài sản

6.2.2. Phân tích khả năng sinh lợi của vốn

6.2.3. Phân tích khả năng sinh lợi của chi phí

6.2.4. Phân tích khả năng sinh lợi của doanh thu

6.2.5. Phân tích khả năng sinh lợi bộ phận

**6.3. Phân tích các điều kiện cần thiết để nâng cao khả năng sinh lợi**

6.3.1. Khái quát về các điều kiện cần thiết để nâng cao khả năng sinh lợi

6.3.2. Phân tích khả năng tạo doanh thu của tài sản

6.3.3. Phân tích tốc độ luân chuyển của tài sản ngắn hạn

**6.4. Đặc điểm phân tích khả năng sinh lợi từ phía nhà đầu tư**

6.4.1. Nhà đầu tư và mục đích đầu tư

6.4.2. Chỉ tiêu và phương pháp phân tích khả năng sinh lợi dành cho nhà đầu tư

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

1. Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017.

2. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 7 Financial Instruments: Disclosures,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-7-financial-instruments-disclosures/>

3. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 8 Operating Segments,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-8-operating-segments/>

4. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 10 Consolidated Financial Statements,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-10-consolidated-financial-statements/>

5. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *IAS 1 Presentation of Financial Statements,* <https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias1>

6. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Segment Reporting,* https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias14

7. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Separate Financial Statements,* https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias27-2011

8. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Financial Reporting in Hyperinflationary Economies*, https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias29

7. GIÁO TRÌNH:

Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017.

## 8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

* 1. Bộ Tài chính. (2015). *Chế độ kế toán doanh nghiệp.* NXB Tài chính, Hà Nội.
  2. Charles H. Gibson. (2013). *Financial Reporting & Analysis - Using financial Accounting information.* South - Western Cengage Learning.
  3. Clyde P. Stickney & Roman L. Well. (2000). *Financial Accounting.* The Dryden Press Harcourt College Publishers.
  4. Horrigan J. O. (1968). A Short History of Financial Ratio Analysis. *Accounting ReviewVol. 43 Issue 2*, 284 - 294.
  5. James M. Wahlen, Stephen P. Baginski & Mark T. Bradshaw. (2015). *Financial Reporting, Financial Statement Analysis and Valuation.* Cengage Learning.
  6. Nguyễn Tấn Bình. (2004). *Phân tích hoạt động doanh nghiệp.* Hà Nội: NXB Thống kê.
  7. Nguyễn Trọng Cơ & Nghiêm Thị Thà. (2015). *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp.* Hà Nội: NXB Tài chính.
  8. Nguyễn Văn Công & cộng sự. (2017). *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính.* Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
  9. Nguyễn Văn Công. (2010). *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính.* Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
  10. Subramanyam K.R & John J. Wild. (2013). *Financial Statement Analysis.* McGraw - Hill Higher Education.
  11. Phạm Thị Thủy & Nguyễn Thị Lan Anh. (2013). *Báo cáo tài chính - Phân tích, dự báo và định giá.* Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
  12. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 1 First-time Adoption of International Financial Reporting Standards*, https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-1-first-time-adoption-of-ifrs/
  13. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 7 Financial Instruments: Disclosures,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-7-financial-instruments-disclosures/>
  14. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 8 Operating Segments,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-8-operating-segments/>
  15. The IFRS® Foundation [(2018)](https://www.ifrs.org/(2018)), *IFRS 10 Consolidated Financial Statements,* <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-10-consolidated-financial-statements/>
  16. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *IAS 1 Presentation of Financial Statements,* <https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias1>
  17. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *IAS 7 - Statement of Cash Flows,* https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias7
  18. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Accounting Policies, Changes in Accounting Estimates and Errors,* https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias8
  19. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Events After the Reporting Period,* https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias10
  20. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Segment Reporting,* https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias14
  21. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Separate Financial Statements,* https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias27-2011
  22. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (2018), *Financial Reporting in Hyperinflationary Economies*, https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias29

## 9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Tham dự: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung. Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp.

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **PGS.TS. TRẦN VĂN THUẬN** | *Hà nội, ngày 10 tháng 7 năm 2018*  HIỆU TRƯỞNG  **GS.TS. TRẦN THỌ ĐẠT** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Hệ thống thông tin kế toán** 1

Tiếng Anh: **Accounting Information Systems**

Mã học phần: **KTHT1101** Số tín chỉ: 03

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

* Kế toán tài chính 1
* Kế toán quản trị 1
* Kiểm toán căn bản

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần Hệ thống thông tin kế toán trang bị cho người học các kiến thức chung về hệ thống thông tin kế toán và cách thức thiết kế vận hành hệ thống thông tin kế toán. Môn học cũng giới thiệu những nội dung khái quát liên quan đến HTTTKT cho từng quy trình kinh doanh hoặc quy trình hoạt động trong doanh nghiệp.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin kế toán, các công cụ mô tả hệ thống thông tin kế toán, cơ sở dữ liệu, xây dựng hệ thống thông tin kế toán cho các chu trình kinh doanh của doanh nghiệp

Môn học không đi vào các nội dung liên quan đến nhận biết, đo lường, ghi chép các đối tượng như trong các môn học kế toán khác, môn học này tập trung vào việc nghiên cứu các quy trình, các thủ tục kế toán gắn kết các bộ phận trong một doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế với nhau nhằm tạo ra những thông tin kế toán có chất lượng cao, phục vụ cho người dùng. Các quy trình và thủ tục này có nhiều sự khác biệt và phức tạp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin phát triển.

Mục tiêu môn học còn hướng tới giúp người học xây dựng cho mình khả năng phát triển tư duy hệ thống, nhìn nhận và đánh giá một nghiệp vụ trong quan hệ với các yếu tố khác trong tổng thể thông qua các bài tập tình huống, các bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm hoặc các cuộc khảo sát ngắn doanh nghiệp.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Tổng số tiết** | **Trong đó** | |
| **Lý thuyết** | **Bài tập, thảo luận, kiểm trả** |
| 1 | **Chương 1:** Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán | 3 | 2 | 1 |
| 2 | **Chương 2:** Hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện thủ công | 10 | 6 | 4 |
| 3 | **Chương 3:** Các công cụ mô tả hệ thống thông tin kế toán | 11 | 6 | 5 |
| 4 | **Chương 4:** Các chu trình kinh doanh cơ bản | 15 | 9 | 6 |
| 5 | **Chương 5:** Cơ sở dữ liệu và tổ chức cơ sở dữ liệu trong doanh nghiệp | 4 | 3 | 1 |
|  | **Kiểm tra** | 2 |  | 2 |
|  | **Cộng** | 45 | 26 | 19 |

CHƯƠNG 1 –TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

*Chương này giới thiệu chung về hệ thống, hệ thống thông tin, và hệ thống thông tin kế toán. Chương 1 cũng giới thiệu những điểm khác biệt của hệ thống thông tin kế toán truyền thống và hệ thống thông tin kế toán hiện đại. Chương 1 cũng nêu những nguyên tắc kế toán chung về tổ chức hệ thống thông tin kế toán.*

* 1. **Khái niệm về hệ thống và hệ thống thông tin quản lý**
     1. Khái niệm về hệ thống
     2. Hệ thống thông tin quản lý
  2. **Khái niệm và vai trò của hệ thống thông tin kế toán**
     1. Khái niệm hệ thống thông tin kế toán
     2. Vai trò của hệ thống thông tin kế toán
  3. **Các yếu tố cấu thành hệ thống thông tin kế toán**
  4. **Các mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống thông tin kế toán**

**Tài liệu tham khảo:**

* Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, chương I, tập 1, Nhà xuất bản Phương Đông
* TS. Trần Thị Song Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân
* Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall 2012.
* Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.
* James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western

CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG ĐIỀU KIỆN THỦ CÔNG

*Chương này giới thiệu chung về hệ thống thông tin kế toán với việc tổ chức chứng từ, hệ thống tài khoản, hệ thống các sổ kế toán trong điều kiện thủ công. Từ đó, xây dựng hệ thống báo cáo kế toán cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau trong và ngoài đơn vị.*

**2.1.Tổ chức chứng từ kế toán**

**2.2.Tổ chức tài khoản kế toán**

**2.3.Tổ chức sổ kế toán**

**2.4.Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán**

**Tài liệu tham khảo:**

* TS. Lưu Đức Tuyên, Ngô Thị Thu Hồng (2011), Giáo trình Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài chính
* Bộ tài chính (2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp tập 1, 2, Nhà xuất bản tài chính
* Bộ tài chính (2016), Thông tư số 133/2016/TT-BTC về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.
* Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall
* Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.
* James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western

CHƯƠNG 3 – CÁC CÔNG CỤ MÔ TẢ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

*Chương này tập trung vào việc giới thiệu sự cần thiết phải mô tả hệ thống thông tin kế toán bằng các công cụ khác nhau. Chương này đi sâu giới thiệu về hệ thống lưu đồ, hệ thống các sơ đồ hoặc biểu đồ diễn đạt dòng luân chuyển vật lý của chứng từ, cách thức hệ thống máy tính xử lý thông tin, trình tự luân chuyển dòng dữ liệu trong một hệ thống.*

**3.1. Vai trò của các công cụ mô tả hệ thống thông tin kế toán**

**3.2. Sơ đồ dòng dữ liệu (Data Flow Diagram - DFD)**

**3.3. Lưu đồ chứng từ (Document Flowchart)**

**3.4. Các công cụ khác mô tả hệ thống thông tin kế toán**

**Tài liệu tham khảo:**

* Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, chương I, tập 2, Nhà xuất bản Phương Đông
* Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall
* Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.
* James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western

CHƯƠNG 4: CÁC CHU TRÌNH KINH DOANH CƠ BẢN

*Chương này tập trung giới thiệu khái quát hệ thống thông tin kế toán các chu trình kinh doanh cơ bản trong doanh nghiệp như: Chu trình mua hàng, chu trình lao động, chu trình sản xuất, chu trình doanh thu và thu tiền, chu trình tài sản cố định.*

**4.1 Chu trình Mua hàng**

**4.2 Chu trình lao động**

**4.3 Chu trình sản xuất**

**4.4 Chu trình doanh thu và thu tiền**

**4.5 Chu trình TSCĐ**

**Tài liệu tham khảo:**

* Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, tập 2, Nhà xuất bản Phương Đông
* Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall
* Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.
* James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western

CHƯƠNG 5: CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ TỔ CHỨC CƠ SỞ DỮ LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

*Chương này tập trung giới thiệu hệ thống cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin kế toán. Nội dung của chương sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, tầm quan trọng của cơ sở dữ liệu. Ngoài ra, việc tổ chức dữ liệu trong cơ sở dữ liệu và các báo cáo về cơ sở dữ liệu, Phần mềm kế toán, Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) cũng được thảo luận trong chương này.*

**5.1. Tổng quan về cơ sở dữ liệu**

**5.2. Tổ chức dữ liệu trong cơ sở dữ liệu**

**5.3. Báo cáo cơ sở dữ liệu**

**5.4. Phần mềm kế toán**

**5.5.Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP)**

**Tài liệu tham khảo:**

* Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, tập 1, 2, Nhà xuất bản Phương Đông
* Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall
* Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.
* James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western

**7. GIÁO TRÌNH:**

* Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, Nhà xuất bản Phương Đông
* TS. Lưu Đức Tuyên, Ngô Thị Thu Hồng (2011), Giáo trình Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài chính
* Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall
* Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.
* James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* Chế độ kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán Việt Nam
* Các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giáo viên trực tiếp giảng dạy

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 30% (02 bài kiểm tra, mỗi bài kiểm tra 15%)

+ Thi cuối học kỳ: 60%

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần.

+ Sinh viên phải có tối thiểu 1 bài kiểm tra giữa kỳ

+ Làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên bổ sung.

+ Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN | HIỆU TRƯỞNG |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kiểm toán tài chính 1**

Tiếng Anh: **Financial Auditing 1**

Mã học phần: **KTKI 1108** số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kiểm toán**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Kiểm toán căn bản, Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính, Lý thuyết tài chính tiền tệ

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Kiểm toán tài chính là sự phát triển của Kiểm toán căn bản hướng vào một trong các loại hình kiểm toán cơ bản là kiểm toán báo cáo tài chính. Đối tượng cụ thể của loại hình kiểm toán này là báo cáo tài chính của các đơn vị. Mục tiêu của kiểm toán tài chính nhằm xác minh thông tin trên các báo cáo tài chính dưới góc độ tính trung thực của các chỉ tiêu và sự tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Học phần Kiểm toán tài chính 1 giới thiệu những nội dung đặc thù của cuộc kiểm toán BCTC mà người học chưa có điều kiện nghiên cứu ở môn Kiểm toán căn bản.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục tiêu của học phần Kiểm toán tài chính 1 là nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm Kiểm toán tài chính (đối tượng kiểm toán, quan hệ chủ thể khách thể, phương pháp và kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tài chính, quy trình kiểm toán…). Học phần cũng có mục tiêu giúp người học nắm được những vấn đề thực tiễn cơ bản khi thực hành kiểm toán (như giấy làm việc của kiểm toán viên, kế hoạch và chương trình kiểm toán…), và người học có khả năng thực hành những công việc cơ bản trong cuộc kiểm toán tài chính như thực hiện thủ tục phân tích, đánh giá ngành nghề và hoạt động kinh doanh và kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán, đánh giá bằng chứng kiểm toán thu thập được, thực hiện các thủ tục rà soát cuối cùng trước khi phát hành báo cáo kiểm toán.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chương | Nội dung | Khối lượng tiết | | |
| Tổng số | Giảng | Bài tập và thảo luận |
| 1 | KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH TRONG HỆ THỐNG KIỂM TOÁN | 7 | 5 | 2 |
| 2 | MỤC TIÊU KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH | 5 | 3 | 2 |
| 3 | BẰNG CHỨNG KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH | 6 | 4 | 2 |
| 4 | ĐÁNH GIÁ KIỂM SOÁT NỘI BỘ | 7 | 5 | 2 |
| 5 | XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH | 7 | 5 | 2 |
| 6 | THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH | 6 | 4 | 2 |
| 7 | KẾT THÚC KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH | 7 | 4 | 3 |
|  | Cộng | 45 | 30 | 15 |

Chương 1: KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH TRONG HỆ THỐNG KIỂM TOÁN

*Kiểm toán tài chính là một loại hình kiểm toán cơ bản. Do đó, kiểm toán tài chính có những đặc trưng riêng bên cạnh những đặc trưng chung của kiểm toán. Chương 1 giới thiệu các đặc điểm của Kiểm toán tài chính, bao gồm đối tượng của kiểm toán tài chính, quan hệ ngoại kiểm giữa chủ thể và khách thể kiểm toán, phương pháp kiểm toán tài chính, và trình tự kiểm toán.*

**1.1 Đối tượng của KTTC và mối quan hệ chủ thể khách thể trong KTTC**

**1.2 Phương pháp kiểm toán trong KTTC**

**1.3 Đặc điểm chung về trình tự KTTC**

**1.4 Khái quát đặc điểm của KTTC**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 1

Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia, Chương 4.

Chương 2: MỤC TIÊU KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH

*Mục tiêu kiểm toán là đích kiểm toán viên cần đạt được. Mục tiêu chung của kiểm toán tài chính là đánh giá chất lượng của thông tin, và được chi tiết thành các mục tiêu cụ thể để hình thành các hướng xác minh của kiểm toán viên. Chương 2 giới thiệu về hệ thống mục tiêu của kiểm toán tài chính, các xác nhận của nhà quản lý theo các hướng xác minh của kiểm toán, và phân biệt các mục tiêu kiểm toán chung với các mục tiêu kiểm toán đặc thù áp dụng cho từng chu trình, nghiệp vụ.*

**2.1 Hệ thống mục tiêu của KTTC**

**2.2 Xác nhận của nhà quản lý**

**2.3 Mục tiêu kiểm toán chung và mục tiêu kiểm toán đặc thù**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 2

Bộ Tài Chính (2012) ***Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam***, NXB Tài chính, Hà Nội, Chuẩn mực số 200.

Chương 3: BẰNG CHỨNG KIỂM TOÁN

*Bằng chứng kiểm toán là cơ sở hình thành nên ý kiến của kiểm toán viên. Do đó, bằng chứng kiểm toán giữ vai trò rất quan trọng trong kiểm toán tài chính vì kết luận kiểm toán cần xác đáng để phục vụ đông đảo người quan tâm. Chương 3 giới thiệu các quyết định kiểm toán viên cần đưa ra về bằng chứng kiểm toán, các tính chất của bằng chứng kiểm toán, các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán và các loại bằng chứng kiểm toán tương ứng. Phần cuối của chương giới thiệu về giấy tờ làm việc và hồ sơ kiểm toán – với chức năng ghi chép và lưu giữ các bằng chứng kiểm toán thu thập được.*

**3.1 Các quyết định về bằng chứng kiểm toán**

**3.2 Tính chất của bằng chứng kiểm toán**

**3.3 Các loại bằng chứng kiểm toán và phương pháp kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán**

**3.4 Một số bằng chứng kiểm toán đặc biệt**

**3.5 Hồ sơ kiểm toán**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 3

Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 9

Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia, Chương 8.

Chương 4: ĐÁNH GIÁ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

*Kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán có ảnh hưởng đến khả năng tồn tại sai phạm mà kiểm toán viên cần phát hiện khi thực hiện kiểm toán tài chính. Do đó, đánh giá kiểm soát nội bộ để nhận diện khả năng sai phạm là nội dung bất biến trong xây dựng kế hoạch và chương trình kiểm toán tài chính. Chương 4 giới thiệu về bản chất và tác dụng của của kiểm soát nội bộ, nội dung của kiểm soát nội bộ mà kiểm toán viên cần đánh giá, và trình tự các bước trong đánh giá kiểm soát nội bộ.*

**4.1 Bản chất của kiểm soát nội bộ**

**4.2 Các yếu tố cơ bản của kiểm soát nội bộ**

**4.3 Đánh giá kiểm soát nội bộ**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 4

Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 8

Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia, Chương 7.

Chương 5: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

*Kế hoạch kiểm toán dự kiến về các nội dung và nguồn lực cho cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán có tác dụng hướng dẫn kiểm toán viên trong quá trình kiểm toán, hạn chế những sai sót, là căn cứ để công ty kiểm toán kiểm soát chất lượng cuộc kiểm toán. Do đó, xây dựng kế hoạch kiểm toán là nội dung bắt buộc trong kiểm toán tài chính. Chương 5 giới thiệu về vai trò của lập kế hoạch trong kiểm toán tài chính, trình tự và nội dung các bước công việc trong lập kế hoạch kiểm toán tài chính. Sau đó, chương trình kiểm toán cũng được đề cập nhằm giúp người đọc hiểu và phân biệt được chương trình và kế hoạch kiểm toán.*

**5.1 Lập kế hoạch kiểm toán trong quy trình KTTC**

**5.2 Lập kế hoạch kiểm toán tổng quát**

**5.3 Thiết kế chương trình kiểm toán**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 5

Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 10

Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia, Chương 6.

Chương 6: THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

*Thực hiện kiểm toán là quá trình kiểm toán viên thực hiện các thử nghiệm kiểm toán theo kế hoạch và chương trình kiểm toán đã xác lập nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán. Chương 6 giới thiệu về các thử nghiệm kiểm toán được thực hiện trong giai đoạn thực hành kiểm toán, bao gồm thử nghiệm kiểm soát, thử nghiệm phân tích, và thủ tục kiểm tra chi tiết. Phần cuối của chương cũng giới thiệu về đặc điểm các thủ tục kiểm toán khi thực hiện ở các loại nghiệp vụ khác nhau trong BCTC (gồm nghiệp vụ thường xuyên, nghiệp vụ bất thường, các ước tính kế toán)*

**6.1 Khái quát quá trình thực hiện kế hoạch kiểm toán**

**6.2 Thực hiện thử nghiệm kiểm soát**

**6.3 Thực hiện thử nghiệm phân tích**

**6.4 Thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết**

**6.5 Đặc điểm thực hiện các thủ tục kiểm toán các loại nghiệp vụ liên quan đến BCTC**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 6

Chương 7: KẾT THÚC KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH

*Kết thúc kiểm toán là quá trình kiểm toán viên tổng hợp các bằng chứng kiểm toán thu thập được để lựa chọn kết luận kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán. Chương 7 giới thiệu trình tự các bước công việc cần tiến hành để kết thúc kiểm toán, những nội dung cơ bản của Báo cáo kiểm toán, và các loại ý kiến kiểm toán viên có thể đưa ra về Báo cáo tài chính được kiểm toán.*

**7.1 Trình tự kết thúc kiểm toán**

**7.2 Khái quát chung về Báo cáo kiểm toán về BCTC**

**7.2 Nội dung của Báo cáo kiểm toán về BCTC**

**7.3 Ý kiến của kiểm toán viên trình bày trong Báo cáo kiểm toán về BCTC**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014) ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 7

Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 18.

Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) ***Modern Auditing & Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia, Chương 16, 5.

**7. GIÁO TRÌNH**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA

- Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia.

- Giáo trình Kiểm toán của các trường đại học (phần tổng quan hoặc lý luận chung về kiểm toán)

- Các tạp chí Kiểm toán, Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán, Kế toán, Kinh tế và Phát triển, Phát triển Kinh tế….

- Các tài liệu về Lý thuyết Kiểm toán nước ngoài nêu ở mục Tài liệu tham khảo Giáo trình Lý thuyết Kiểm toán (GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (Đồng Chủ biên), XB năm 2017, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân)

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối học kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2018* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN | HIỆU TRƯỞNG |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

**Tên Tiếng Việt: Kiểm toán nội bộ**

**Tên Tiếng Anh: Internal Audit**

**Mã học phần: KTKI 1115**

**Số tín chỉ: 3**

**2. ĐƠN VỊ GIẢNG DẠY:**

**Bộ môn phụ trách: Kiểm toán**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

Nguyên lý kế toán, Kiểm toán căn bản, Kế toán quản trị 1, Kiểm toán tài chính 1.

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần này được thiết kế để cung cấp những kiến thức kiểm toán nội bộ cho sinh viên Chuyên ngành Kiểm toán, Kế toán. Học phần hướng tới mở rộng sự hiểu biết của sinh viên về kiểm toán nội bộ trong các tổ chức hiện nay; mở rộng nhận thức về hoạt động kiểm toán truyền thống là chứng thực báo cáo tài chính; hỗ trợ cho những nhóm đối tượng sinh viên khác ngoài Chuyên ngành Kiểm toán, Kế toán để có thể làm việc hoặc phụ trách, quản lý các công việc cụ thể tương tự như kiểm toán nội bộ. Với ý nghĩa như vậy, học phần này có thể là lựa chọn tốt cho một số ngành học khác, đặc biệt là quản trị kinh doanh và ngân hàng - tài chính.

Học phần giới thiệu bản chất của kiểm toán nội bộ và những thay đổi của chức năng kiểm toán nội bộ trong một tổ chức trên cơ sở quản trị tổ chức và quản trị rủi ro; tìm hiểu lý thuyết và thực hành kiểm toán nội bộ; vận dụng những hiểu biết về kiểm toán nội bộ để giải quyết những vấn đề trong phạm vi của kiểm toán nội bộ trong quan hệ với thực tiễn hoạt động của đơn vị được kiểm toán, đồng thời cũng đề cập tới những phân tích quan trọng về thực hành kiểm toán nội bộ.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục tiêu của của Học phần là đảm bảo sinh viên có tư duy về kiểm toán nội bộ theo hướng hiểu, phân tích và đánh giá được hoạt động kiểm toán nội bộ, có thể thực hành kiểm toán nội bộ tiệm cận với chuyên gia kiểm toán nội bộ. Cụ thể, sau khi học xong Học phần này, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

1. Phân biệt bản chất của kiểm toán nội bộ và nắm bắt được sự thay đổi của chức năng kiểm toán nội bộ qua các thời kỳ trong quan hệ với yêu cầu quản trị công ty thay đổi;
2. Hiểu được cơ sở cho thực hành kiểm toán nội bộ hiện đại;
3. Sử dụng các kỹ thuật kiểm toán để thu thập bằng chứng trong kiểm toán nội bộ;
4. Hiểu được những mô hình tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ và ảnh hưởng tới thực hiện kiểm toán;
5. Hiểu và vận dụng thực hiện một cuộc kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp với những đối tượng kiểm toán phổ biến.
6. Viết báo cáo kiểm toán nội bộ trình bày kết quả một cuộc kiểm toán nội bộ thuyết phục;Thúc đẩy hoạt động theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, sử dụng văn viết và thuyết trình.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**A. PHÂN BỔ THỜI GIAN ĐỐI VỚI HỌC PHẦN**

*Đơn vị: Giờ giảng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương** | **Giảng** | **Thảo luận** | **Tổng số** |
| 1 | Tổng quan về kiểm toán nội bộ | 3 | 1 | **4** |
| 2 | Cơ sở cho kiểm toán nội bộ chuyên nghiệp | 2 | 1 | **3** |
| 3 | Kiểm soát nội bộ và vai trò của kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp | 3 | 1 | **4** |
| 4 | Tổ chức và quản lý bộ phận kiểm toán nội bộ | 3 | 2 | **5** |
| 5 | Kỹ thuật thu thập bằng chứng trong kiểm toán nội bộ | 3 | 2 | **5** |
| 6 | Qui trình kiểm toán nội bộ | 4 | 2 | **6** |
| 7 | Thiết kế và sử dụng giấy làm việc trong kiểm toán nội bộ | 2 | 1 | **3** |
| 8 | Lập báo cáo kiểm toán nội bộ | 3 | 1 | **4** |
| 9 | Một số chủ đề kiểm toán đặc biệt | 3 | 1 | **4** |
|  | **Tổng số** | **26** | **12** | **38** |

**B. NỘI DUNG GIẢNG DẠY**

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

*Chương 1 giới thiệu với người học những vấn đề chung của kiểm toán nội bộ để từ đó người học hiểu được bản chất và vai trò của kiểm toán nội bộ, tạo cơ sở để học tiếp các chương sau. Nội dung Chương 1 đề cập đến sự hình thành và phát triển của kiểm toán nội bộ, triển vọng phát triển của kiểm toán nội bộ và các nguyên tắc trong thực hiện kiểm toán nội bộ*.

1. **Sự hình thành và phát triển của kiểm toán nội bộ**
2. **Định nghĩa về kiểm toán nội bộ**
3. **Triển vọng phát triển kiểm toán nội bộ trong môi trường thay đổi**
4. **Nguyên tắc trong thực hiện công việc của kiểm toán nội bộ**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Moeller, Robert R. (2016) ***Brink’s Modern Internal Auditing: a Common Body of Knowledge***, 8th edition, John Wiley & Sons, Chapters 1, 2
* Pickett, S. (2010) ***The Internal Auditing Handbook***, Wiley

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ CHO THỰC HÀNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ CHUYÊN NGHIỆP

*Chương 2 giải thích ý nghĩa và mối quan hệ giữa mục tiêu xã hội của kiểm toán nội bộ và các nguyên tắc của kiểm toán nội bộ, bao gồm cả đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nội bộ.*

**2.1 Những cơ sở chung cho kiểm toán**

**2.2 Trách nhiệm trong thực hiện công việc của kiểm toán nội bộ**

**2.3 Đạo đức hành nghề của kiểm toán nội bộ**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Moeller, Robert R. (2016) ***Brink’s Modern Internal Auditing: a Common Body of Knowledge***, 8th edition, John Wiley & Sons, Chapter 2, 9
* Pickett, S. (2010) ***The Internal Auditing Handbook***, Wiley

CHƯƠNG 3: KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ VAI TRÒ CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP

*Chương 3 giới thiệu về vai trò của kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp, các quan điểm về kiểm soát nội bộ đặc biệt là khung kiểm soát nội bộ theo COSO, vai trò của đánh giá kiểm soát nội bộ và mối quan hệ với kiểm toán nội bộ.*

**3.1 Quản trị công ty và vai trò của kiểm soát**

**3.2 Bản chất của kiểm soát nội bộ trong doan nghiệp**

**3.3 Khung kiểm soát nội bộ COSO**

**3.4 Đánh giá kiểm soát nội bộ và vai trò của kiểm toán nội bộ**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Moeller, Robert R. (2016) ***Brink’s Modern Internal Auditing: a Common Body of Knowledge***, 8th edition, John Wiley & Sons, Chapter 3-7
* Pickett, S. (2010) ***The Internal Auditing Handbook***, Wiley

Chương 4: Tổ chức và quản lý bộ phận kiểm toán nội bộ

*Tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến tính hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ. Chương 4 giới thiệu những mô hình tổ chức kiểm toán nội bộ chủ yếu, những tiêu chuẩn cơ bản đối với kiểm toán viên nội bộ*.

* 1. **Tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ**
  2. **Thiết lập cơ sở cho thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ**
  3. **Điều lệ kiểm toán nội bộ**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Moeller, Robert R. (2016) ***Brink’s modern internal auditing: a common body of knowledge***, 8th ed. John Wiley & Sons, Chapters 14, 15
* Pickett, S. (2010) ***The Internal Auditing Handbook***, Wiley,

CHƯƠNG 5: KỸ THUẬT THU THẬP BẰNG CHỨNG KIỂM TOÁN TRONG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

*Bằng chứng kiểm toán là cơ sở để kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán. Chương 5 giới thiệu về yêu cầu của bằng chứng kiểm toán và các kỹ thuật để thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán nội bộ.*

**5.1 Bằng chứng kiểm toán và yêu cầu với bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán nội bộ**

**5.2 Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán nội bộ**

**5.3 Vận dụng kỹ thuật chọn mẫu trong kiểm toán nội bộ**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Moeller, Robert R. (2016) ***Brink’s modern internal auditing : a common body of knowledge***, 8th ed. John Wiley & Sons, Chapters 10, 11
* Pickett, S. (2010) ***The Internal Auditing Handbook***, Wiley

CHƯƠNG 6: QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ

*Quy trình kiểm toán đề cập đến trình tự các bước công việc phải thực hiện trong một cuộc kiểm toán. Quy trình kiểm toán hợp lý có ảnh hưởng đến chất lượng và tính hiệu quả của cuộc kiểm toán. Chương 6 giới thiệu về nội dung và trình tự các bước công việc cần thực hiện trong cuộc kiểm toán nội bộ*.

* 1. **Mục tiêu của kiểm toán nội bộ**
  2. **Cách tiếp cận của kiểm toán nội bộ**
  3. **Quy trình kiểm toán nội bộ**
     1. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ
     2. Thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ
     3. Lập Báo cáo kiểm toán
     4. Theo dõi kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị kiểm toán

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Moeller, Robert R. (2016) ***Brink’s modern internal auditing : a common body of knowledge***, 8th ed. John Wiley & Sons, Chapter 16
* Pickett, S. (2010) ***The Internal Auditing Handbook***, Wiley,

CHƯƠNG 7: THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG GIẤY LÀM VIỆC TRONG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

*Chương 7 giúp người học hiểu về vai trò của giấy làm việc trong thực hành kiểm toán nội bộ, cách thức tổ chức và trình bày nội dung giấy làm việc trong kiểm toán nội bộ và giúp người học có thể vận dụng các kỹ thuật trong sử dụng và quản lý giấy làm việc của kiểm toán nội bộ*.

**7.1 Chức năng của giấy làm việc trong kiểm toán nội bộ**

**7.2 Nội dung và trình bày giấy làm việc**

**7.3 Kỹ thuật chuẩn bị giấy làm việc trong thực hành kiểm toán nội bộ**

**7.4 Sử dụng và quản lý giấy làm việc trong kiểm toán nội bộ**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Moeller, Robert R. (2016) ***Brink’s Modern Internal Auditing: a Common Body of Knowledge***, 8th edition, John Wiley & Sons, Chapter 17
* Pickett, S. (2010) ***The Internal Auditing Handbook***, Wiley

CHƯƠNG 8: LẬP BÁO CÁO KIỂM TOÁN NỘI BỘ

*Báo cáo kiểm toán nội bộ thể hiện kết luận kiểm toán và các khuyến nghị giúp đơn vị cải thiện tình hình hoạt động. Báo cáo kiểm toán nội bộ đươc lập ở giai đoạn Kết thúc kiểm toán cũng như giai đoạn Theo dõi việc thực hiện kết luận kiểm toán. Chương 8 giới thiệu về các nội dung cơ bản của Báo cáo kiểm toán nội bộ cũng như vấn đề nâng cao chất lượng Báo cáo kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhà quản lý.*

* 1. **Khái quát về báo cáo của kiểm toán nội bộ**
  2. **Lập báo cáo kiểm toán nội bộ trong qui trình kiểm toán nội bộ**
  3. **Cải thiện chất lượng báo cáo kiểm toán nội bộ**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Moeller, Robert R. (2016) ***Brink’s modern internal auditing: a common body of knowledge***, 8th ed. John Wiley & Sons, Chapter 18
* Pickett, S. (2010) ***The Internal Auditing Handbook***, Wiley,

CHƯƠNG 9: MỘT SỐ CHỦ ĐỀ KIỂM TOÁN ĐẶC BIỆT

*Những thay đổi trong quản trị doanh nghiệp và quản lý nhà nước đã và đang tác động làm thay đổi chức năng và hoạt động của kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp cũng như trong đơn vị thuộc khu vực công. Chương 9 giới thiệu về các vấn đề đặt ra trong quản lý có ảnh hưởng tới kiểm toán nội bộ: ứng dụng công nghệ thông tin, gian lận, kiểm soát nội bộ…*

* 1. **Sự thay đổi của quản trị và ảnh hưởng tới chức năng kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp**
  2. **Sự thay đổi của công nghệ thông tin và ảnh hưởng tới kiểm toán nội bộ**
  3. **Đánh giá kiểm soát nội bộ**
  4. **Gian lận và vai trò của thực hiện kiểm toán gian lận bởi kiểm toán nội bộ**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Moeller, Robert R. (2016) ***Brink’s modern internal auditing: a common body of knowledge***, 8th ed. John Wiley & Sons, Chapters 7, 19, 21, 25, 27
* Pickett, S. (2010) ***The Internal Auditing Handbook***, Wiley,

**7. GIÁO TRÌNH**

Pickett, S. (2010) ***The Internal Auditing Handbook***, 3rd edition, Wiley;

Moeller, Robert R. (2016) ***Brink’s Modern Internal Auditing: a Common Body of Knowledge***, 8th ed. John Wiley & Sons.

Anderson et al. (2017) ***Internal Auditing: Assurance and Advisory Services***, 4th edition, Internal Audit Foundation, IIA

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Kagermann et al. (2007) ***Internal Audit Handbook***, Springer.

Chính Phủ (2019) Nghị định 05/2019/NĐ-CP về Kiểm toán nội bộ.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối học kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa** | **HIỆU TRƯỞNG**  **PGS. TS. Phạm Hồng Chương** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kiểm toán tài chính 2**

Tiếng Anh: **Financial Auditing 2**

Mã học phần: **KTKI1109** số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kiểm toán**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Kiểm toán căn bản, Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính, Tài chính tiền tệ

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Kiểm toán tài chính là sự phát triển của Kiểm toán căn bản hướng vào một trong các loại hình kiểm toán cơ bản là kiểm toán báo cáo tài chính. Đối tượng cụ thể của loại hình kiểm toán này là báo cáo tài chính của các đơn vị. Mục tiêu của kiểm toán tài chính nhằm xác minh thông tin trên các báo cáo tài chính dưới góc độ tính trung thực của các chỉ tiêu và sự tuân thủ chuẩn mực chế độ kế toán hiện hành. Học phần Kiểm toán tài chính 2 giới thiệu mục tiêu kiểm toán và nội dung kiểm toán các phần hành cơ bản của Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán dự án đầu tư, Báo cáo quyết toán NSNN.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục tiêu của học phần là nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nội dung và thủ tục kiểm toán các phần hành cơ bản trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp (gồm kiểm toán chu trình bán hàng thu tiền, kiểm toán chu trình mua hàng – trả tiền, kiểm toán chu trình hàng tồn kho, kiểm toán chu trình huy động - hoàn trả vốn…) và nội dung kiểm toán báo cáo quyết toán dự án đầu tư. Học phần cũng có mục tiêu giúp người học nắm được những vấn đề thực tiễn cơ bản khi thực hành kiểm toán (như giấy làm việc của kiểm toán viên, chương trình kiểm toán từng phần hành, bảng câu hỏi đánh giá kiểm soát nội bộ của khách hàng…). Người học cũng được trang bị các kỹ năng thảo luận nhóm, kỹ năng phân tích và vận dụng thái độ thận trọng và hoài nghi nghề nghiệp trong thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán từng phần hành, Sau khi học xong Học phần này, người học có đủ kiến thức và kỹ năng để tham gia cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Khối lượng tiết** | | |
| **Tổng số** | **Giảng** | **Bài tập và thảo luận** |
| 1 | KIỂM TOÁN CHU TRÌNH BÁN HÀNG VÀ THU TIỀN | 5 | 3 | 2 |
| 2 | KIỂM TOÁN CHU TRÌNH MUA HÀNG VÀ THANH TOÁN | 5 | 3 | 2 |
| 3 | KIỂM TOÁN CHU TRÌNH HÀNG TỒN KHO | 5 | 3 | 2 |
| 4 | KIỂM TOÁN CHU TRÌNH TIỀN LƯƠNG VÀ NHÂN VIÊN | 4 | 2 | 2 |
| 5 | KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN | 5 | 3 | 2 |
| 6 | KIỂM TOÁN CHU TRÌNH TIẾP NHẬN VÀ HOÀN TRẢ VỐN | 4 | 3 | 2 |
| 7 | KIỂM TOÁN TIỀN | 4 | 2 | 2 |
| 8 | KIỂM TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 | 3 | 2 |
|  | **Cộng** | **38** | **22** | **16** |

Chương 1: KIỂM TOÁN CHU TRÌNH BÁN HÀNG VÀ THU TIỀN

*Chu trình bán hàng và thu tiền là một trong những chu trình cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chu trình này tạo ra doanh thu, lợi nhuận và tiền để tái sản xuất hoạt động kinh tế. Kết quả của chu trình này là các chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính được nhiều người quan tâm. Do đó, kiểm toán chu trình bán hàng và thu tiền là một phần hành kiểm toán thiết yếu khi kiểrm toán Báo cáo tài chính. Chương 1 giới thiệu đặc điểm chu trình bán hàng - thu tiền có ảnh hưởng đến kiểm toán, đặc điểm kiểm soát nội bộ và trắc nghiệm kiểm toán hoạt động bán hàng, hoạt động thu tiền và đặc điểm kiểm toán các khoản phải thu.*

**1.1 Chu trình bán hàng và thu tiền với vấn đề kiểm toán**

**1.2 Những công việc kiểm soát nội bộ chủ yếu và trắc nghiệm đạt yêu cầu về bán hàng**

**1.3 Trắc nghiệm độ vững chãi nghiệp vụ bán hàng**

**1.4 Công việc kiểm soát nội bộ và trắc nghiệm nghiệp vụ thu tiền**

**1.5 Đặc điểm kiểm toán các khoản phải thu**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 9

Alvin, A. et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 14-17

Chương 2: KIỂM TOÁN CHU TRÌNH MUA HÀNG VÀ THANH TOÁN

*Chu trình mua hàng và thanh toán tạo lập các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, có ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán và lợi nhuận trong kỳ. Do đó, chu trình này cũng thường xuyên là đối tượng của kiểm toán viên khi kiểm toán Báo cáo tài chính. Chương 2 giới thiệu các đặc điểm của chu trình có ảnh hưởng đến kiểm toán, đặc điểm kiểm soát nội bộ và thử nghiệm kiểm toán đối với nghiệp vụ mua hàng, nghiệp vụ thanh toán và kiểm toán nghiệp vụ theo dõi khoản nợ phải trả người bán.*

**2.1 Nghiệp vụ mua hàng và thanh toán với vấn đề kiểm toán**

**2.2 Quá trình kiểm soát nội bộ và thử nghiệm kiểm toán nghiệp vụ mua hàng**

**2.3 Quá trình kiểm soát nội bộ và thử nghiệm kiểm toán nghiệp vụ thanh toán cho nhà cung cấp**

**2.4 Kiểm tra chi tiết phải trả người bán**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 10

Alvin, A. Elder and Beasley (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 18-19

Chương 3: KIỂM TOÁN CHU TRÌNH HÀNG TỒN KHO

*Hàng tồn kho là một tài sản quan trọng của doanh nghiệp, hàng hoá nhập xuất kho phục vụ cho việc tạo ra doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Hàng mua về có ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán, hàng bán ra là nguồn doanh thu chủ yếu của doanh nghiệp. Do đó, khi kiểm toán Báo tài chính, kiểm toán chu trình hàng tồn kho là một trong những nội dung thiết yếu. Chương 3 giới thiệu đặc điểm của hàng tồn kho có ảnh hưởng đến kiểm toán, đánh giá kiểm soát nội bộ với hàng tồn kho và thử nghiệm cơ bản đối với hàng tồn kho.*

**3.1 Hàng tồn kho với vấn đề kiểm toán**

**3.2 Đánh giá kiểm soát nội bộ đối với hàng tồn kho**

**3.3 Thử nghiệm cơ bản đối với hàng tồn kho**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 11

Alvin, A. Elder and Beasley (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 21

Chương 4: KIỂM TOÁN CHU TRÌNH TIỀN LƯƠNG VÀ NHÂN VIÊN

*Tiền lương là một khoản chi phí đáng kể, đặc biệt là trong doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động. Chi phí tiền lương cũng có thể dễ bị sai lệch do số lượng người lao động cần theo dõi nhiều. Do đó kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên là một nội dung cơ bản của kiểm toán Báo cáo tài chính. Chương 4 giới thiệu đặc điểm của tiền lương nhân viên có ảnh hưởng đến kiểm toán, nội dung kiểm soát nội bộ đối với tiền lương nhân viên, thử nghiệm kiểm soát, thủ tục phân tích và thử nghiệm cơ bản đói với chu trình.*

**4.1 Tiền lương và nhân viên với vấn đề kiểm toán**

**4.2 Các loại hình kiểm soát nội bộ và thử nghiệm kiểm soát**

**4.3 Phân tích và đánh giá tổng quát về tiền lương và nhân viên**

**4.4 Thực hiện thử nghiệm cơ bản về tiền lương và nhân viên**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 12

Alvin, A. Elder and Beasley (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 20

Chương 5: KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

*Tài sản cố định và đầu tư dài hạn là những tài sản có giá trị lớn, được sử dụng và duy trì trong doanh nghiệp trong thời gian dài. Thông tin về TSCĐ và đầu tư dài hạn do đó có ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị tài sản và kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong Báo cáo tài chính. Chương 5 giới thiệu đặc điểm TSCĐ và đầu tư dài hạn có ảnh hưởng đến kiểm toán, các trắc nghiệm kiểm toán TSCĐ và đặc điểm kiểm toán các khoản đầu tư dài hạn.*

**5.1 Tài sản cố định và đầu tư dài hạn với vấn đề kiểm toán**

**5.2 Kiểm soát nội bộ và trắc nghiệm đạt yêu cầu trong kiểm toán Tài sản cố định**

**5.3 Các trắc nghiệm chi tiết**

**5.4 Đặc điểm kiểm toán các khoản đầu tư dài hạn**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 13

Alvin, A. Elder and Beasley (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 22

Chương 6: KIỂM TOÁN CHU TRÌNH TIẾP NHẬN VÀ HOÀN TRẢ VỐN

*Huy động và hoàn trả vốn tạo lập nguồn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng có ảnh hưởng đáng kể đến thông tin trong Báo cáo tài chính nên cần được kiểm toán. Chương 6 giới thiệu đặc điểm của vốn trong doanh nghiệp có ảnh hưởng đến kiểm toán, những nội dung kiểm toán vốn chủ sở hữu, và nội dung kiểm toán vốn vay và trái phiếu.*

**6.1 Vốn trong doanh nghiệp với vấn đề kiểm toán**

**6.2 Kiểm toán vốn chủ sở hữu**

**6.3 Kiểm toán vốn vay và trái phiếu**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 14

Alvin, A. Elder and Beasley (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 22

Chương 7: KIỂM TOÁN TIỀN

*Tiền là tài sản ngắn hạn có khả năng thanh toán tức thời, nên là khoản mục được nhiều người quan tâm khi đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sai phạm cũng dễ nảy sinh và tồn tại nếu tiền không được kiểm soát một cách chặt chẽ. Kiểm toán tiền do đó là một nội dung trong kiểm toán tài chính. Chương 7 giới thiệu các đặc điểm của tiền có ảnh hưởng đến kiểm toán, nội dung kiểm soát nội bộ đối với tiền và nội dung kiểm toán đối với tiền.*

**7.1 Phân loại tiền và đặc điểm khoản mục tiền ảnh hưởng đến kiểm toán**

**7.2 Kiểm soát nội bộ đối với tiền**

**7.3 Kiểm toán tiền**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 15

Alvin, A. Elder and Beasley (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 23

Chương 8: KIỂM TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một niên độ kế toán. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do đó là mối quan tâm của nhiều người trong xã hội và chất lượng thông tin trong Báo cáo kết quả kinh doanh có ảnh hưởng đến quyết định của nhiều người sử dụng thông tin. Vì vậy, kiểm toán Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một nội dung cơ bản trong kiểm toán tài chính Chương 8 giới theiẹu về nội dung và đặc điểm của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, nội dung kiểm toán doanh thu và thu nhập trong Báo cáo kết quả kinh doanh, và nội dung kiểm toán giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả kinh doanh.*

**8.1 Nội dung đặc điểm và mục tiêu kiểm toán các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**8.2 Kiểm toán doanh thu và thu nhập khác**

**8.3 Kiểm toán giá vốn hàng bán**

**Tài liệu tham khảo:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội; Chương 16

**7. GIÁO TRÌNH**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (đồng Chủ biên, 2014), ***Giáo trình Kiểm toán tài chính***, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Alvin, A. Elder and Beasley (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA

- Bộ Tài Chính (2012) Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, NXB Tài chính, Hà Nội.

- Chế độ kế toán tài chính: Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC, Thông tư số 200/2014/TT-BTC thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

- GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (Đồng Chủ biên, 2017), ***Giáo trình Lý thuyết kiểm toán,*** NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

- Các tạp chí Kiểm toán, Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán, Kinh tế và Phát triển….

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối học kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2019* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa** | HIỆU TRƯỞNG  **PGS.TS Phạm Hồng Chương** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Lịch sử kinh tế**

Tiếng Anh: **Economic History**

Mã học phần: **KHEH1105** Số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** **Lịch sử kinh tế**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

Nguyên lý kinh tế học (Kinh tế Vi mô, Kinh tế Vĩ mô);

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Lịch sử kinh tế nghiên cứu sự phát triển kinh tế của một nước, một nhóm nước, một vùng lãnh thổ qua các thời kỳ lịch sử hoặc trong một giai đoạn lịch sử cụ thể.

Học phần Lịch sử kinh tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển kinh tế của các nước trên thế giới và Việt Nam. Từ nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế để rút ra những đặc điểm, luận giải về những nhân tố tác động đến sự phát triển kinh tế của từng nước qua các thời kỳ lịch sử cụ thể, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong phát triển kinh tế của các nước và Việt Nam.

Môn Lịch sử kinh tế có quan hệ chặt chẽ với nhiều môn học khác như kinh tế học, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế v.v… Lịch sử kinh tế còn có mối liên hệ chặt chẽ với các môn kinh tế chuyên ngành (nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, thương mại, tài chính, tiền tệ) trong mối quan hệ gắn với sự phát triển của nền kinh tế.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục tiêu của học phần là cung cấp cho sinh viên kiến thức về thực tiễn phát triển kinh tế ở các nước và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử cụ thể.

Học phần Lịch sử kinh tế sẽ giúp sinh viên:

* Nắm được thực trạng phát triển kinh tế của các nước và của Việt Nam, bao gồm những biến đổi trong nền kinh tế, những đặc điểm phát triển kinh tế và những luận giải về những biến đổi đó ở từng thời kỳ lịch sử cụ thể.
* Từ nghiên cứu thực tiễn phát triển kinh tế của các nước và Việt Nam rút những bài học kinh nghiệm trong phát triển kinh tế, trong thực hiện công nghiệp hoá, trong hội nhập kinh tế quốc tế v.v...
* Nhận thức rõ hơn cơ sở khoa học và tính sáng tạo trong đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kỳ.
* Nhìn nhận và đánh giá các hiện tượng kinh tế, quá trình chuyển biến của nền kinh tế các nước và Việt Nam trong mối quan hệ mang tính lịch sử và lôgíc để hình thành tư duy khoa học như điều kiện cần thiết để đi sâu nghiên cứu giải quyết những vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế ngành.
* Từ nghiên cứu lịch sử phát triển kinh tế của các nước và Việt Nam để hiểu rõ về cơ sở thực tiễn của những lý thuyết kinh tế.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số**  **Tiết** | **Trong đó** | | **Ghi chú** |
| **Lý thuyết** | **Bài tập, thảo luận, kiểm tra** |  |
| 1  2  3  4  5  6  7  8  9  10  11  12  13  14  15 | Chương 1  Chương 2  Chương 3  Chương 4  Chương 5  Chương 6  Chương 7  Chương 8  Chương 9  Chương 10  Chương 11  Chương 12  Chương 13  Chương 14  Chương 15 | 1  3  2  3  1  3  2  1  1  2  1  2  2  3  3 | 1  2  1  2  1  2  1  1  1  2  1  1  1  2  1 | 0  1  1  1  0  1  1  0  0  0  0  1  1  1  2 |  |
|  | **Cộng** | **30** | **20** | **10** |  |

Chương 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số tiết giảng lý thuyết: 1

Chữa bài tập & thảo luận: 0

*Chương này giới thiệu các vấn đề cơ bản về môn học: về đối tượng, phạm vi nghiên cứu, về phương pháp nghiên cứu môn học.*

**Nội dung**

**1.1. Mấy nét giới thiệu về lịch sử kinh tế**

**1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu**

**1.3. Tác dụng của môn học**

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 1).
2. Vũ Cao Đàm, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 2002

Chương 2. KINH TẾ CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Số tiết giảng lý thuyết: 2 Chữa bài tập & thảo luận: 1

*Chương này nghiên cứu sự phát triển kinh tế của các nước tư bản qua các thời kỳ lịch sử: từ thời kỳ hình thành chủ nghĩa tư bản, thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước độc quyền và thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền để từ đó làm rõ những đặc điểm phát triển kinh tế qua từng thời kỳ, những mâu thuẫn, những giới hạn trong phát triển kinh tế của các nước tư bản cùng khả năng tự điều chỉnh để tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản.*

**Nội dung**

**2.1. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản**

2.1.1. Phân công lao động và sự ra đời thành thị phong kiến

2.1.2. Ảnh hưởng của các phát kiến địa lý vĩ đại

2.1.3. Tích lũy nguyên thủy tư bản

2.1.4. Sự phát triển kỹ thuật và các hình thức tổ chức sản xuất mới

2.1.5. Cách mạng tư sản và sự thiết lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa

**2.2. Thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước độc quyền (1640 – 1870)**

2.2.1. Cách mạng công nghiệp

2.2.2. Đánh giá chung về cách mạng công nghiệp

2.3. Thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền (1871 – nay)

2.3.1. Thời kỳ độc quyền hóa (1871-1913)

2.3.2. Thời kỳ 1914-1945

2.3.3. Kinh tế các nước tư bản thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 – nay)

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 2)
2. C. Mác, Ph. Ăngghen, Toàn tập, tập 23. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1995 (Phần: Tích luỹ ban đầu)
3. John A. Garraty, Cuộc đại suy thoái kinh tế thập niên 1930, Nxb Từ điển Bách khoa, 2009
4. Lê Bộ Lĩnh: Chủ nghĩa tư bản hiện đại – khủng hoảng kinh tế và điều chỉnh. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002
5. Lê Văn Sang - Nguyễn Xuân Thắng, Kinh tế các nước công nghiệp chủ yếu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000

Chương 3. KINH TẾ MỸ

Số tiết giảng lý thuyết: 1 Chữa bài tập & thảo luận: 1

*Chương này nghiên cứu lịch sử phát triển kinh tế Mỹ từ thời kỳ thuộc địa đến nay để rút ra những đặc điểm và những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế Mỹ qua các thời kỳ, đặc biệt là thời kỳ bùng nổ kinh tế (1865 – 1913) đưa Mỹ lên vị trí cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới; thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1914 – 1945) và thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 – nay).*

**Nội dung**

**3.1. Khái quát tình hình kinh tế – xã hội nước Mỹ từ thời kỳ thuộc địa đến khi giành độc lập (1492 – 1775).**

**3.2. Kinh tế Mỹ thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước độc quyền (1776 – 1865).**

3.2.1. Công cuộc bành trướng mở rộng diện tích lãnh thổ

3.2.2. Cách mạng công nghiệp và sự phát triển kinh tế nước Mỹ

3.2.3. Cuộc Nội chiến ở Mỹ (1861-1865)

**3.3. Kinh tế Mỹ thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền (từ năm 1965 đến nay).**

3.3.1. Thời kỳ bùng nổ kinh tế Mỹ (1865-1914)

3.3.2. Thời kỳ từ Chiến tranh thế giới thứ nhất đến hết Chiến tranh thế giới thứ hai (1914-1945)

3.3.3. Thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1973)

3.3.4. Thời kỳ 1974 – 2000

3.3.5. Thời kỳ từ năm 2001 đến nay

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 3)
2. Hughes, Jonathan, American Economic History, Scott, Foresman and Company, Glenview Illinois, 2nd Ed.,1987
3. Seavoy, Ronald E., An Economic History Of The United States From 1607 To The Present, Routledge, Taylor and Francis Group, New York, 2006

Chương 4. KINH TẾ NHẬT BẢN

Số tiết giảng lý thuyết: 2 Chữa bài tập & thảo luận: 1

*Chương này nghiên cứu lịch sử kinh tế Nhật Bản từ cuối thời kỳ phong kiến đến nay, đặc biệt là những chuyển biến kinh tế thời kỳ từ sau cải cách Minh Trị (1868) và thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nổi bật là giai đoạn phát triển “thần kỳ” (1952 – 1973) đưa Nhật Bản lên vị trí những cường quốc kinh tế hàng đầu trong thế giới tư bản và những luận giải cho sự phát triển kinh tế của Nhật Bản qua từng thời kỳ lịch sử.*

**Nội dung**

**4.1. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ trước cải cách Minh Trị (1868).**

4.1.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội Nhật Bản thời kỳ phong kiến

4.1.2. Những chuyển biến của nền kinh tế Nhật Bản cuối thời kỳ Tokugaoa

**4.2. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ từ năm 1868 đến hết Chiến tranh thế giới thứ hai (1945).**

4.2.1. Cải cách Minh Trị 1868

4.2.2. Cách mạng công nghiệp 1865 – 1913

4.2.3. Sự hình thành và phát triển các tổ chức độc quyền

4.2.4. Tình hình kinh tế trong thời gian diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới (1914 – 1945)

**4.3. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (từ năm 1946 đến nay).**

4.3.1. Giai đoạn khôi phục kinh tế (1946-1951)

4.3.2. Giai đoạn 1952-1973: phát triển “thần kỳ”

4.3.3. Giai đoạn 1974-1991

4.3.4. Giai đoạn từ 1992 đến nay

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 4)
2. Nakamura Takafusa, Những bài giảng về Lịch sử kinh tế Nhật Bản hiện đại, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998
3. Nakamura T., Kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh. Sự phát triển và cơ cấu, Viện Kinh tế thế giới, Hà Nội,1988
4. Lê Văn Sang, Kinh tế Nhật Bản: Giai đoạn thần kỳ, Viện Kinh tế thế giới, Hà Nội, 1988
5. Lê Văn Sang – Lưu Ngọc Trịnh, Nhật Bản: Đường đi tời một siêu cường kinh tế, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991
6. Lưu Ngọc Trịnh, Kinh tế Nhật Bản – Những bước thăng trầm trong lịch sử, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1998

Chương 5. KINH TẾ CÁC NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Số tiết giảng lý thuyết: 1 Chữa bài tập & thảo luận: 0

Chương này nghiên cứu tình hình kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa: Lịch sử hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới; Những đặc trưng cơ bản trong quan hệ hợp tác kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa; Nội dung cơ bản trong công cuộc xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở các nước; Những đặc trưng của mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cùng những hạn chế của mô hình này; Nội dung của các cuộc cải cách đã được thực hiện trong quá trình phát triển kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa; Nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của Đông Âu xã hội chủ nghĩa.

**Nội dung**

**5.1. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa và quan hệ kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa.**

5.1.1. Sự hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa

5.1.2. Quan hệ hợp tác kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa

**5.2. Kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1917 đến giữa thập kỷ 1960)**

5.2.1. Cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa

5.2.2. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội

5.2.3. Cơ chế kinh tế

**5.3. Kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ từ giữa thập kỷ 1960 đến năm 1991.**

5.3.1. Kinh tế Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu từ giữa thập kỷ 1960 đến 1985

5.3.2. Cải tổ, cải cách ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu (1986-1991)

5.3.3. Cải cách kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa khác

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 5)

Chương 6. KINH TẾ LIÊN XÔ

Số tiết giảng lý thuyết: 2 Chữa bài tập & thảo luận: 1

*Chương này nghiên cứu toàn bộ quá trình xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô qua các thời kỳ lịch sử, đó là những bước phát triển đưa Liên Xô vào hàng ngũ các cường quốc kinh tế hàng đầu trên thế giới nhưng đã dần tụt hậu về trình độ phát triển so với nhiều nước tư bản và cuối cùng là sự sụp đổ của mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa và sự tan rã của Liên Xô, đặc biệt là một số nội dung nổi bật như: chính sách kinh tế mới (NEP) – một trong những cơ sở lý luận của đường lối đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986; đặc trưng của mô hình công nghiệp hoá ở Liên Xô; những mặt hạn chế, những giới hạn trong phát triển của mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung ở Liên Xô.*

**Nội dung**

**6.1. Đặc điểm kinh tế nước Nga thời kỳ trước Cách mạng tháng Mười 1917.**

6.1.1. Khái quát kinh tế nước Nga thời kỳ phong kiến

6.1.2. Kinh tế nước Nga thời kỳ tư bản chủ nghĩa (1861-1913)

**6.2. Kinh tế Liên Xô thời kỳ 1917 – 1945.**

6.2.1. Kinh tế nước Nga (1917-1918)

6.2.2. Kinh tế thời kỳ nội chiến và can thiệp của nước ngoài (1918-1920)

6.2.3. Kinh tế thời kỳ khôi phục (1921-1925)

6.2.4. Kinh tế thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (1926-1940)

6.2.5. Kinh tế thời kỳ chiến tranh Vệ quốc (1941-1945)

**6.3. Kinh tế Liên Xô thời kỳ 1946 – 1991.**

6.3.1. Khôi phục kinh tế (1946-1950)

6.3.2. Kinh tế Liên Xô giai đoạn 1951-1955

6.3.3. Kinh tế Liên Xô giai đoạn 1956-1985

6.3.4. Kinh tế Liên Xô giai đoạn cải tổ, cải cách (1986 - 1991)

**6.4. Kinh tế Cộng hoà liên bang Nga thời kỳ hậu Xô viết.**

6.4.1. Giai đoạn 1991-1999

6.4.2. Kinh tế CHLB Nga từ năm 2000 đến nay

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 6)
2. Du Thúy, Mùa đông và mùa xuân Matxcơva – chấm dứt một thời đại (sách dịch). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996
3. Pagơrêbinski, Lịch sử kinh tế quốc dân Liên Xô 1917-1950. Nxb Sự thật, Hà Nội 1962
4. Li Tan, Nghịch lý của chiến lược đuổi kịp – Tư duy lại mô hình phát triển kinh tế dựa vào nhà nước, Nxb Trẻ, Hà Nội, 2008

Chương 7. KINH TẾ TRUNG QUỐC

Số tiết giảng lý thuyết: 1 Chữa bài tập & thảo luận: 1

*Chương này nghiên cứu tình hình phát triển kinh tế Trung Quốc từ ngày thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (10-1949) đến nay để thấy được bức tranh kinh tế Trung Quốc trong thời kỳ xây dựng nền kinh tế theo mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp (1949-1978) và quá trình cải cách và mở cửa của kinh tế Trung Quốc (từ năm 1978 đến nay) đưa Trung Quốc từ một nền kinh tế thấp kém, lạc hậu trở thành một nền kinh tế lớn và có ảnh hưởng nhiều mặt đến sự phát triển của nền kinh tế thế giới và khu vực.*

**Nội dung**

**7.1. Khái quát tình hình kinh tế Trung Quốc trước 01-10-1949.**

**7.2. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ 1949 – 1978.**

7.2.1. Thời kỳ 1949-1957

7.2.2. Thời kỳ 1958 - 1978

**7.3. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa (từ năm 1978 đến nay)**

7.3.1. Nguyên nhân

7.3.2. Nội dung cải cách và mở cửa

7.3.3. Thành tựu và hạn chế

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 7)
2. Đỗ Tiến Sâm (chủ biên), Báo cáo phát triển Trung Quốc – Tình hình và triển vọng, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 2007
3. Mã Hồng (chủ biên), Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995
4. Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Cộng hoà nhân dân Trung Hoa: 60 năm xây dựng và phát triển, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010

Chương 8. KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

Số tiết giảng lý thuyết: 1 Chữa bài tập & thảo luận: 0

*Chương này nghiên cứu tình hình kinh tế các nước đang phát triển khi bước vào xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ bao gồm các vấn đề: Con đường phát triển, các chiến lược và chính sách phát triển kinh tế đa dạng đã được tiến hành ở các nước đang phát triển; Thực trạng kinh tế của các nước đang phát triển thời kỳ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay với đầy đủ những đặc điểm, những thành công và những hạn chế trong quá trình phát triển kinh tế; Những khó khăn, hạn chế của hầu hết các nước đang phát triển hiện nay trong phát triển kinh tế.*

**Nội dung**

**8.1. Sự hình thành các nước đang phát triển**

8.1.1. Quá trình trở thành thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc

8.1.2. Sự ra đời của các nước đang phát triển

**8.2. Quá trình xây dựng kinh tế ở các nước đang phát triển**

8.2.1. Con đường, chiến lược và chính sách phát triển kinh tế

8.2.2. Các biện pháp xây dựng và phát triển kinh tế

8.2.3. Cải cách và điều chỉnh kinh tế từ những năm 1980

8.2.4. Thực trạng kinh tế các nước đang phát triển

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 8)
2. Đỗ Đức Định, Công nghiệp hoá, hiện đại hoá: Phát huy lợi thế so sánh - Kinh nghiệm của các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999
3. Nguỵ Kiệt - Hạ Diệu, Bí quyết cất cánh của bốn con rồng nhỏ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993
4. Viện Kinh tế thế giới (1989), Các nước công nghiệp mới, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989
5. Li Tan, Nghịch lý của chiến lược đuổi kịp – Tư duy lại mô hình phát triển kinh tế dựa vào nhà nước, Nhà xuất bản Trẻ, Hà Nội, 2008

Chương 9. KINH TẾ CÁC NƯỚC ASEAN

Số tiết giảng lý thuyết: 1 Chữa bài tập & thảo luận: 0

*Chương này nghiên cứu tình hình kinh tế các nước ASEAN trong thời kỳ từ khi giành độc lập đến nay, nổi bật là đặc điểm phát triển kinh tế trong từng thời kỳ; những thành công cũng như những khó khăn, hạn chế trong phát triển kinh tế; quá trình thực hiện công nghiệp hoá đưa ASEAN trở thành một trong những khu vực phát triển năng động nhất trên thế giới; những thuận lợi, khó khăn trong quan hệ hợp tác kinh tế và xu hướng phát triển của quan hệ hợp tác kinh tế giữa các nước ASEAN.*

**Nội dung**

**9.1. Kinh tế các nước ASEAN thời kỳ trước khi giành được độc lập dân tộc**

**9.2. Kinh tế các nước ASEAN – 6 từ sau khi giành được độc lập đến năm 1994.**

9.2.1. Chính sách phát triển kinh tế

9.2.2. Tình hình phát triển kinh tế

9.2.3. Những hạn chế và khó khăn

9.2.4. Kinh nghiệm phát triển kinh tế

**9.3. Kinh tế các nước ASEAN từ năm 1995 đến nay.**

9.3.1. Hợp tác kinh tế ASEAN

9.3.2. Tình hình kinh tế các nước ASEAN

9.3.3. Hạn chế và nguyên nhân

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 9)
2. Nguyễn Trí Dĩnh, Vai trò nhà nước ở các nước ASEAN, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1991
3. Nguyễn Văn Hà, Trương Duy Hòa, Trần Khánh, Kinh tế các nước Đông Nam Á – Thực trạng và triển vọng, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002
4. Lê Văn Toàn, Trần Hoàng Kim, Kinh tế ASEAN và khả năng hòa nhập của Việt Nam. Nxb Thống kê, Hà Nội, 1992

Chương 10. KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ PHONG KIẾN

Số tiết giảng lý thuyết: 2 Chữa bài tập & thảo luận: 0

Chương này nghiên cứu lịch sử phát triển kinh tế Việt Nam từ thời kỳ nguyên thuỷ, thời kỳ đầu dựng nước, thời kỳ phong kiến hoá đến thời kỳ phong kiến dân tộc tự chủ. Bao gồm các vấn đề: những đặc trưng cơ bản và những chuyển biến về quan hệ sở hữu ruộng đất; những chuyển biến trong sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp trong suốt tiến trình lịch sử phát triển kinh tế của dân tộc; những tư tưởng cải cách, canh tân đất nước cùng những tác động của nó đến thực tiễn phát triển kinh tế trong lịch sử dân tộc; những mâu thuẫn kinh tế - xã hội trong giai đoạn cuối của thời kỳ phong kiến – nguyên nhân dẫn đến tình trạng trì trệ, khủng hoảng và sự bế tắc trong phát triển.

**Nội dung**

**10.1. Thời kỳ tiền phong kiến.**

10.1.1. Thời kỳ nguyên thủy

10.1.2. Thời kỳ đầu dựng nước

**10.2. Thời kỳ phong kiến hoá (179 trước công nguyên – 938).**

10.2.1. Chính sách nô dịch và bóc lột của phong kiến Trung Quốc

10.2.2. Những chuyển biến của nền kinh tế dân tộc

**10.3. Thời kỳ phong kiến dân tộc tự chủ (938 – 1858).**

10.3.1. Thời kỳ từ thế kỷ X đến XV

10.3.2. Từ thời Lê mạt tới thời Nguyễn (thế kỷ XVI - nửa đầu thế kỷ XIX)

10.3.3. Tư tưởng cải cách, canh tân đất nước

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 10)
2. Phạm Đại Doãn, Về ảnh hưởng của các yếu tố truyền thống đối với tổ chức sản xuất nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc bộ, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991
3. Trần Văn Giàu, Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước 1858. Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1958
4. Trần Văn Giàu, Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996
5. Phan Huy Lê, Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam (tập 2): Thời kỳ phát triển cực thịnh, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1959.
6. Phan Huy Lê, Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam (tập 3): Thời kỳ khủng hoảng và suy vong, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960

Chương 11. KINH TẾ VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ THỰC DÂN PHÁP THỐNG TRỊ (1858-1945)

Số tiết giảng lý thuyết: 1 Chữa bài tập & thảo luận: 0

*Chương này nghiên cứu nội dung và bản chất các chính sách kinh tế của thực dân Pháp, của Nhật - Pháp trong thời gian cai trị Việt Nam; những chuyển biến trong các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế và những chuyển biến về tính chất và trình độ của nền kinh tế và hậu quả mà chế độ thực dân phong kiến để lại cho Việt Nam.*

**Nội dung**

**11.1. Thời kỳ từ khi Pháp xâm lược đến Chiến tranh thế giới thứ hai (1858 – 1939).**

11.1.1. Chính sách kinh tế của Pháp ở Việt Nam

11.1.2. Tình hình kinh tế

11.1.3. Tư tưởng khuếch trương và chấn hưng công nghệ dân tộc của tầng lớp sĩ phu yêu nước và tư sản Việt Nam

**11.2. Thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945).**

11.2.1. Chính sách “Kinh tế chỉ huy” của Nhật – Pháp

11.2.2. Tình hình kinh tế

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 11)
2. Nguyễn Khắc Đạm, Những thủ đoạn bóc lột của tư bản Pháp ở Việt Nam, Nxb Văn sử địa, Hà Nội, 1958
3. Jean Pierre Aumiphin, Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương, Hội khoa học lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1994
4. Nguyễn Văn Khánh, Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2000
5. Tạ Thị Thuý, Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884-1918, Nxb Thế giới, Hà Nội 1996.

Chương 12. KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG

THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

Số tiết giảng lý thuyết: 1 Chữa bài tập & thảo luận: 1

*Chương này nghiên cứu bức tranh toàn cảnh kinh tế Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954): các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta, thực trạng phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế qua từng giai đoạn cụ thể; những chuyển biến cơ bản về tính chất của nền kinh tế, về trình độ của lực lượng sản xuất sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954); đặc điểm kinh tế trong vùng Pháp tạm chiếm.*

**Nội dung**

**12.1. Kinh tế năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám (1945 – 1946).**

12.1.1. Khẩn trương mở chiến dịch cứu đói

12.1.2. Đấu tranh xây dựng nền tài chính và tiền tệ độc lập

12.1.3. Phục hồi công thương nghiệp và chuyển dần nền kinh tế sang thời chiến

**12.2. Kinh tế ở vùng tự do (1947 – 1954).**

12.2.1. Chính sách kinh tế kháng chiến

12.2.2. Tình hình kinh tế giai đoạn 1947-1950

12.2.3. Kinh tế thời kỳ 1951-1954

**12.3. Kinh tế trong vùng Pháp tạm chiếm.**

12.3.1. Chính sách kinh tế của địch ở vùng tạm chiếm

12.3.2. Tình hình kinh tế vùng tạm chiếm

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 12)
2. Đặng Phong, Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000, tập I. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002
3. Đào Văn Tập (chủ biên), 45 năm kinh tế Việt Nam (1945-1990), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990
4. Viện kinh tế, Kinh tế Việt Nam từ cách mạng tháng Tám đến kháng chiến thắng lợi (1945 – 1954), Nxb Khoa học xã hội, 1966

Chương 13. KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ 1955 – 1975

Số tiết giảng lý thuyết: 1 Chữa bài tập & thảo luận: 1

*Chương này nghiên cứu tình hình kinh tế miền Bắc Việt Nam trong thời gian 20 năm xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt là quá trình hình thành mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung, những chuyển biến về quan hệ sản xuất, tình hình phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế ở miền Bắc Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu thực trạng tình hình kinh tế miền Nam Việt Nam trong thời kỳ 1955-1975.*

**Nội dung**

**13.1. Kinh tế miền Bắc**

13.1.1 Khôi phục kinh tế (1955 – 1957)

13.1.2. Cải tạo và phát triển kinh tế (1958-1960)

13.1.3. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

13.1.4. Chuyển hướng kinh tế chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1965-1975)

**13.2. Kinh tế miền Nam**

13.2.1. Kinh tế vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát

13.2.2. Kinh tế vùng giải phóng

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 13)
2. Đặng Phong, Kinh tế miền Nam Việt Nam thời kỳ 1955-1975, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004.
3. Đặng Phong, Lịch sử kinh tế Việt Nam 1955-2000, tập I, II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nôi, 2000
4. Trần Văn Thọ (chủ biên), Kinh tế Việt Nam 1955-2000, tính toán mới, phân tích mới, Nxb thống kê, Hà Nội, 2000
5. Đào Duy Tùng, Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994

Chương 14. KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ 1976-1985

Số tiết giảng lý thuyết: 2 Chữa bài tập & thảo luận: 1

*Chương này nghiên cứu bức tranh toàn cảnh về kinh tế Việt Nam trong thời gian 10 năm đầu sau khi đất nước thống nhất: Chủ trương, đường lối và các chính sách của Đảng và Nhà nước; tình hình phát triển các ngành kinh tế; những mặt hạn chế của mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung; những biện pháp cải tiến cơ chế quản lý đã được thực hiện cùng những tác động của nó; thực trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội ở nước ta giữa những năm 1980 cùng những nguyên nhân của nó.*

**Nội dung**

**14.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội.**

**14.2. Đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.**

14.2.1. Đường lối kinh tế

14.2.2. Các chính sách phát triển kinh tế

14.3. Kết quả và hạn chế.

14.3.1. Những chuyển biến cơ bản của nền kinh tế

14.3.2. Khó khăn, hạn chế

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 14)
2. Lê Duẩn, Cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980
3. Trần Văn Thọ, Kinh tế Việt Nam 1955-2000, Tính toán mới, phân tích mới. Nxb Thống kê, Hà Nội 2000.
4. Đào Duy Tùng, Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994

Chương 15. KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI (TỪ 1986 ĐẾN NAY)

Số tiết giảng lý thuyết: 1 Chữa bài tập & thảo luận: 2

*Chương này nghiên cứu kinh tế Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay); thực trạng phát triển của các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế và đặc biệt là những thành tựu kinh tế đạt được sau khoảng 25 năm đổi mới toàn diện nền kinh tế; Những mặt còn hạn chế và những thách thức với nền kinh tế Việt Nam trong phát triển.*

**Nội dung**

**15.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội.**

15.1.1. Trên thế giới

15.1.2. Trong nước

**15.2. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới kinh tế.**

15.2.1. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần

15.2.2. Công nghiệp hóa và điều chỉnh cơ cấu các ngành kinh tế

15.2.3. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

15.2.4. Mở cửa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

**15.3. Thành tựu và hạn chế**

15.3.1. Những thành tựu

15.3.2. Những hạn chế

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2013, (Chương 15)
2. Nguyễn Văn Nam, Trần Thọ Đạt, Tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2006
3. Trần Nhâm, Có một Việt Nam như thế đổi mới và phát triển, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997
4. Bùi Tất Thắng (chủ biên), Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006

**7. GIÁO TRÌNH**

Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Huy Vinh – Trần Khánh Hưng (chủ biên): Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2013.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Tài liệu tham khảo theo từng chương được liệt kê trong Giáo trình Lịch sử kinh tế, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2013.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

Kết quả học phần dựa trên:

* Điểm thi hết môn (hình thức thi: viết, kết hợp câu hỏi tự luận và câu hỏi trắc nghiệm), trọng số 60%.
* Điểm chuyên cần: 10%
* Bài tập lớn: 30%.

*Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2015*

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (Đã ký)  **TS. Trần Khánh Hưng** | HIỆU TRƯỞNG  (Đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**:

Tiếng Việt: **Thẩm định dự án đầu tư (ngoài ngành)**

Tiếng Anh: **Project Apprasal**

Mã học phần: **DTKT1170** Số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:**

Kinh **tế đầu tư**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

Thẩm định dự án đầu tư là một học phần quan trọng của chuyên ngành kinh tế đầu tư.Vi vậy, để có thể nắm bắt được những nội dung của học phần Thẩm định dự án đầu tư, yêu cầu sinh viên phải được trang bị những kiến thức của các học phần cơ bản và các học phần cơ sở ngành: (i) các học phần cơ bản như toán cao cấp, kinh tế lượng, triết học, phương pháp nghiên cứu; (ii) các học phần kinh tế cơ sở: kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, kinh tế chính trị; (iii) học phần chuyên ngành : kinh tế đầu tư, lập dự án đầu tư.

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Với tổng khối lượng môn học là 3 đơn vị học trình. Lý thuyết 2 đơn vị học trình. Bài tập và thảo luận và kiểm tra 1 đơn vị học trình.

Xuất phát từ bản chất, vai trò và đặc điểm hoạt động đầu tư phát triển, để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực ở tầm vĩ mô và vi mô, đòi hỏi phải làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư. Thực chất của sự chuẩn bị này chính là quá trình lập dự án đầu tư và thẩm định dự án đầu tư. Thẩm định dự án đầu tư là quá trình tiếp theo khâu lập dự án đấu tư. Thẩm định dự án là việc tổ chức xem xét đánh giá một cách khách quan, khoa học và toàn diện các nội dung cơ bản có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thực hiện và hiệu quả của dự án để từ đó ra quyết định đầu tư hoặc tài trợ vốn cho dự án. Điều này khẳng định sự cần thiết của môn học thẩm định dự án đầu tư. Để thực hiện đối tượng của môn học, trước hết môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về thẩm định như sự cần thiết phải thẩm định dự án đầu tư, vai trò, vị trí, yêu cầu của công tác thẩm định, những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác thẩm định, công tác tổ chức thẩm định. Tiếp đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về các nội dung cần thẩm định của dự án, mối quan hệ giữa các nội dung trong quá trình các phương pháp sử dụng trong thẩm định dự án đầu tư và biết vận dụng các phương pháp thẩm định phù hợp với từng nội dung thẩm định của dự án đầu tư. Từ việc nắm rõ những kiến thức về thẩm định dự án, sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức đã học vào thẩm định các dự án đầu tư cụ thể.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Học phần thẩm định dự án đầu tư trang bị các kiến thức về thẩm định dự án đầu tư cho sinh viên đại học chuyên ngành kinh tế đầu tư và các chuyên ngành khác của trường đại học KTQD. Với những kiến thức này, họ có thể trực tiếp thẩm định hoặc điều hành quá trình thẩm định dự án đầu tư ở các cấp độ quản lý.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỔ THỜI GIAN**

Học phần thẩm định dự án đầu tư được xây dựng với thời gian giảng dạy là 30 tiết, trong đó 20 tiết lý thuyết và 10 tiết thảo luận, bài tập và kiểm tra. Cụ thể phân bố thời gian từng chương như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Nội dung*** | ***Tổng số tiết*** | ***Trong đó*** | | | ***Ghi chú*** |
|  | ***Lý thuyết*** | ***Bài Tập, thảo luận, kiểm tra*** | |  |
| 1 | Chương I: Tổng quan về thẩm định dự án đầu tư | 4 | 3 | 1 |  | |
| 2 | Chương II: Công tác tổ chức thẩm định dự án | 3 | 3 | 0 |  | |
| 3 | Chương III: Phương pháp thẩm định dự án đầu tư | 3 | 2 | 1 |  | |
| 4 | Chương IV: Thẩm định khía cạnh pháp lý và thị trường của dự án | 4 | 2 | 2 |  | |
| 5 | Chương V: Thẩm định khía cạnh kỹ thuật, tổ chức quản lý và nhân sự của dự án đầu tư. | 6 | 4 | 2 |  | |
| 6 | Chương VI: Thẩm định khía cạnh tài chính của dự án đầu tư | 7 | 4 | 3 |  | |
| 7 | ChươngVII: Thẩm định khía cạnh kinh tế- xã hội của dự án đầu tư | 3 | 2 | 1 |  | |
|  | **Cộng** | **30** | **20** | **10** |  | |

**Chương 1: Tổng quan về thẩm định dự án đầu tư**

Giới thiệu những vấn đề cơ bản chung về dự án đầu tư & thẩm định dự án đầu tư. Nội dung chương sẽ đi vào làm rõ các đặc trưng cơ bản của dự án, cách thức phân loại dự án đầu tư hiện hành đang được sử dụng để quản lý và nâng cao hiệu quả của các hoạt động đầu tư trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, giúp sinh viên nhận thức được sự cần thiết phải thẩm định dự án cũng như vai trò của thẩm định dự án đối với từng chủ thể trong nền kinh tế.

***Nội dung***

**1.1. Dự án đầu tư**

1.1.1.Khái niệm

1.1.2.Đặc trưng của dự án đầu tư

1.1.3.Phân loại dự án đầu tư

1.1.4.Chu kỳ của dự án

**1.2.Thẩm định dự án đầu tư**

1.2.1. Khái niệm & sự cần thiết của thẩm định dự án

1.2.2. Mục đích của thẩm định dự án

1.2.3. Vai trò của thẩm định dự án đầu tư

1.2.4. Yêu cầu của thẩm định dự án đầu tư

1.2.3. Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động thẩm định dự án

1.2.4. Căn cứ thẩm định dự án

***Tài liệu tham khảo***

1. Nguyễn Bạch Nguyệt, (2013), *Lập dự án đầu tư,* NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà nội, chương 1, trang 11÷ trang 19.
2. Luật đầu tư công (2014), điều 6 ÷ điều 10 & điều 40.
3. PGS.TS. Phước Minh Hiệp (2009), *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh; chương 2,3; trang 167 ÷ trang 184.

**Chương 2: Công tác tổ chức thẩm định dự án đầu tư**

Giới thiệu các hình thức tổ chức thẩm định dự án hiện đang được sử dụng để thẩm định các dự án đầu tư cũng như làm rõ thẩm quyền thẩm định dự án được quy định cho các cơ quan có thẩm quyền. Bên cạnh đó, chương 2 cũng đi vào làm rõ trình tự các bước công việc cần thực hiện trong quá trình thẩm định, các tài liệu cần có trong bộ hồ sơ dự án trình thẩm định và quy định về thời gian thẩm định dự án theo luật pháp hiện hành.

***Nội dung***

* 1. **Hình thức tổ chức thẩm định dự án**
     1. Hội đồng thẩm định dự án
     2. Cơ quan chuyên trách
     3. Tư vấn
  2. **Thẩm quyền thẩm định dự án** 
     1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư
     2. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư
     3. Thẩm quyền thẩm tra thiết kế cơ sở của cơ quan quản lý chuyên ngành
  3. **Quy trình thẩm định dự án**
     1. Quy trình thẩm định dự án đầu tư công
     2. Quy trình, thủ tục thẩm định dự án đầu tư khác
     3. Quy trình thẩm định dự án của các ngân hàng thương mại
  4. **Hồ sơ dự án trình thẩm định** 
     1. Hồ sơ dự án trình thẩm định đối với dự án đầu tư công
     2. Hồ sơ dự án trình thẩm định đối với dự án đầu tư khác
     3. Hồ sơ dự án trình thẩm định đối với ngân hàng thương mại
  5. **Thời gian thẩm định dự án**
     1. Thời gian thẩm định dự án đầu tư công
     2. Thời gian thẩm định dự án đầu tư khác
     3. Thời gian tham gia ý kiến của cơ quan liên quan và thẩm định thiết kế cơ sở
  6. **Chi phí thẩm định dự án**

***Tài liệu tham khảo***

1. Luật đầu tư công (2014), điều 17 ÷ điều 23, điều 37 ÷ điều 45 & điều 48.

2. Luật đầu tư (2014), điều 30 ÷ điều 38.

3. PGS.TS. Phước Minh Hiệp (2009), *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh; chương 2; trang 171 ÷ trang 181.

4. Thông tư 109/2000/TT-BTC: Thông tư hướng dẫn chế độ thu, nộp và sử dụng lệ phí thẩm định đầu tư.

5. Thông tư 176/2011/TT-BTC: Thông tư hướng dẫn chế độ thu, nộp và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

**Chương 3: Phương pháp thẩm định dự án đầu tư**

Giới thiệu các phương pháp thẩm định đang sử dụng để thẩm định các dự án đầu tư. Làm rõ cách thức thẩm định dự án theo từng phương pháp, ưu nhược điểm và ứng dụng của từng phương pháp trong quá trình thẩm định dự án đầu tư

***Nội dung***

3.1 Phương pháp thẩm định theo trình tự

3.2 Phương pháp so sánh, đối chiếu

3.3 Phương pháp dự báo

3.4 Phương pháp phân tích độ nhạy

3.5 Phương pháp phân tích rủi ro

3.6. Phương pháp chuyên gia

***Tài liệu tham khảo***

1. PGS.TS. Từ Quang Phương, PGS.TS. Phạm Văn Hùng (2012), Kinh tế đầu tư, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà nội, chương 10, trang 496 ÷ trang 501.

2. PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), Lập dự án đầu tư, Nhà xuất bản đại học kinh tế quốc dân, Hà nội, chương 3, trang 71 ÷ trang 78).

**Chương 4: Thẩm định tính pháp lý và khía cạnh thị trường của dự án**

Thẩm định dự án đầu tư bao gồm 6 nội dung thẩm định được thực hiện tuần tự. Chương 4 trình bày hai nội dung đầu tiên trong thẩm định dự án đầu tư bao gồm thẩm định tính pháp lý và thẩm định khía cạnh thị trường của dự án đầu tư. Mỗi nội dung thẩm định đều tiếp cận ở 3 khía cạnh: Mục đích; yêu cầu và thông tin; và nội dung thẩm định từng khía cạnh.

***Nội dung***

**4.1. Thẩm định tính pháp lý của dự án**

4.1.1. Mục đích

4.1.2. Yêu cầu và thông tin

4.1.3. Nội dung

**4.2. Thẩm định khía cạnh thị trường của dự án**

4.2.1. Mục đích

4.2.2. Yêu cầu và thông tin

4.2.3. Nội dung

***Tài liệu tham khảo***

1. PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), Lập dự án đầu tư, Nhà xuất bản đại học kinh tế quốc dân, Hà nội, chương 3, trang 64 ÷ trang 119).

**Chương 5: Thẩm định kỹ thuật và tổ chức quản lý nhân sự của dự án**

Chương 5 trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận về thẩm định khía cạnh kỹ thuật, tổ chức quản lý và nhân sự của dự án đầu tư. Cụ thể là nghiên cứu mục đích, yêu cầu và nội dung chi tiết cần phải thực hiện khi thẩm định kỹ thuật và tổ chức quản lý dự án. Đồng thời làm rõ mối quan hệ khi thẩm định các nội dung này với thẩm định thị trường, thẩm định tài chính trong quá trình thẩm định dự án. Sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức trên vào tình huống thẩm định các dự án đầu tư cụ thể

***Nội dung***

**5.1.Thẩm định Kỹ thuật**

5.1.1. Mục đích, yêu cầu và căn cứ thẩm định

5.1.2. Nội dung và phương pháp thẩm định kỹ thuật

**5.2.Thẩm định tổ chức quản lý và nhân sự của dự án**

5.2.1. Mục đích và yêu cầu

5.2.2. Nội dung và phương pháp thẩm định

***Tài liệu tham khảo***

1. Vũ Công Tuấn (2002), *Thẩm định dự án đầu tư*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh ,chương 3,4,5.

2. Từ Quang Phương, Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Kinh tế đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà nội, chương 7.

3. Lumby, Stenphen (1994), *Thẩm định dự án đầu tư và các quyết định tài chính,* NXB Chapman và Hall , chương 2,3.

**Chương 6: Thẩm định khia cạnh tài chính của dự án**

Trang bị cho sinh viên nắm được cơ sở lý luận về thẩm định khía cạnh kỹ thuật, tổ chức quản lý và nhân sự của dự án đầu tư, mục đích, vai trò của thẩm định, nội dung chi tiết cần phải thẩm định khía cạnh kỹ thuật, tổ chức quản lý của dự án đầu tư, mối quan hệ giữa các nội dung này với nội dung thẩm định thị trường và nội dung thẩm định tài chính trong quá trình thẩm định dự án đầu tư. Sinh viên thực hiện vận dụng được các vấn đề nghiên cứu trên vào các tình huống thẩm định các dự án đầu tư cụ thể.

Trang bị cho sinh viên nắm được cơ sở lý luận về thẩm định khía cạnh tài chính dự án đầu tư, mục đích, vai trò của thẩm định tài chính, nội dung chi tiết cần phải thẩm định khía cạnh tài chính của dự án đầu tư, mối quan hệ giữa nội dung này với nội dung thẩm định thị trường, kỹ thuật, tổ chức quản lý và nhân sự của dự án trong quá trình thẩm định dự án đầu tư. Sinh viên thực hiện vận dụng được các vấn đề nghiên cứu trên vào các tình huống thẩm định các dự án đầu tư cụ thể.

***Nội dung***

**6.1. Mục đích, yêu cầu và nguồn thông tin sử dụng thẩm định tài chính dự án đầu tư**

6.1.1. Mục đích

6.1.2. Yêu cầu

6.1.3. Nguồn thông tin sử dụng

**6.2. Giá trị thời gian của tiền và yêu cầu đặt ra trong thẩm định tài chính dự án đầu tư**

6.2.1. Giá trị thời gian của tiền

6.2.2. Yêu cầu đặt ra trong thẩm định tài chính dự án đầu tư

6.2.3. Công thức tính chuyển các khoản tiền phát sinh trong thời kỳ phân tích về cùng một thời điểm hiện tại, tương lai (đầu thời kỳ phân tích, cuối thời kỳ phân tích)

**6.3. Nội dung thẩm định**

6.3.1.Thẩm định tổng mức vốn đầu tư và tính khả thi của các nguồn vốn huy động

6.3.2. Thẩm định nhu cầu vốn theo tiến độ triển khai thực hiện dự án

6.3.3. Thẩm định khả năng đảm bảo vốn từ mỗi nguồn

6.3.4.Thẩm định tỷ suất của dự án

6.3.5. Thẩm định các khoản thu và các khoản chi phí hàng năm của dự án

6.3.6.Thẩm định dòng tiền của dự án

6.3.7. Thẩm định các chỉ tiêu hiệu quả tài chính của dự án

6.3.8. Thẩm định khả năng trả nợi của dự án

6.3.9.Thẩm địnhrủi ro về các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của dự án.

**Tài liệu tham khảo**

1. PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), *Giáo trình Lập dự án đầu tư* (chương 6, trang 224- 312), Nhà xuất bản kinh tế quốc dân.

2. Trường đại học kinh tế quốc dân, khoa sau đại học (2002), *Đầu tư và thẩm định dự án đầu tư*  (bài 3, trang 108- 167*)*, Nhà xuất bản Thống kê.

**Chương 7: Thẩm định khía cạnh kinh tế xã hội của dự án đầu tư**

Chương này trang bị những kiến thức cơ bản về thẩm định khía cạnh kinh tế xã hội của dự án đầu tư. Làm sáng tỏ những vấn đề mục đích thẩm định, yêu cầu của thẩm định khía cạnh kinh tế xã hội của dự án đầu tư, các nội dung chi tiết cần phải thẩm định khu thẩm định khía cạnh kinh tế xã hội, mối quan hệ giữa các nội dung này với nội dung thẩm định tài chính trong quá trình thẩm định dự án đầu tư. Sinh viên có thể vận dụng được các vấn đề nghiên cứu trên vào các tình huống thẩm định các dự án đầu tư cụ thể.

***Nội dung***

**7.1. Mục đích và yêu cầu của thẩm định kinh tế xã hội dự án đầu tư:**

7.1.1. Khái niệm

7.1.2. Mục đích của thẩm định khía cạnh KTXH

7.1.3. Yêu cầu của thẩm định kinh tế xã hội dự án đầu tư

**7.2. Các căn cứ và tiêu chuẩn chủ yếu trong thẩm định kinh tế xã hội dự án đầu tư:**

7.2.1. Các căn cứ thẩm định khía cạnh kinh tế xã hội dự án đầu tư

7.2.2. Các tiêu chuẩn thẩm định khía cạnh kinh tế xã hội dự án đầu tư

**7.3, Phương pháp điều chỉnh giá trong thẩm định dự án đầu tư**

7.3.1. Tỷ suất chiết khấu xã hội

7.3.2. Tỷ giá hối đoái điều chỉnh

7.3.3. Giá kinh tế trong thẩm định kinh tế xã hội dự án đầu tư

**7.4, Nội dung thẩm định khía cạnh kinh tế xã hội dự án đầu tư**

7.4.1. Thẩm định khía cạnh kinh tế

7.4.2. Thẩm định khía cạnh xã hội

7.4.3. Thẩm định khía cạnh môi trường

***Tài liệu tham khảo***

1, Pearce D. W. and Nash C. A. *The social appraisal of projects*, Macmillan.

2, Ngân hàng Thế Giới, *Phân tích kinh tế các hoạt động đầu tư: công cụ phân tích và ứng dụng thực tế,* Nhà xuất bản văn hóa thông tin.

**7. GIÁO TRÌNH:**

Bài giảng của giáo viên

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Bộ Kế hoạch và đầu tư, Vụ thẩm định và giám sát đầu tư (2003), *Chuyên đề Lập và thẩm định dự án đầu tư*

2. Chính phủ (2014), Luật đầu tư công, ngày 18/06/2014.

3. Chính phủ (2014), Luật đầu tư, ngày 26/11/2014

4. Chính phủ (2014), Luật doanh nghiệp, ngày 26/11/2014

5. Chính phủ (2014), Luật xây dựng, ngày 18/06/2014

6. Chính phủ (2013), Luật Đấu thầu, ngày 26/11/ 2013

7. Các tài liệu hướng dẫn thẩm định dự án của một số ngân hàng : Ngoại thương, nông nghiệp, công thương.

8. Các văn bản quản lý hiện hành có liên quan.

9. Ngân hàng Thế Giới, *Phân tích kinh tế các hoạt động đầu tư: công cụ phân tích và ứng dụng thực tế,* Nhà xuất bản văn hóa thông tin.

10. Lumby, Stenphen (1994), *Thẩm định dự án đầu tư và các quyết định tài chính,* NXB Chapman và Hall.

11. Nguyễn Bạch Nguyệt, (2012), *Lập dự án đầu tư,* NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà nội.

12. Pearce D. W. and Nash C. A. *The social appraisal of projects*, Macmillan

13. Trường đại học kinh tế quốc dân, khoa sau đại học; *Đầu tư và thẩm định dự án đầu tư*, Nhà xuất bản Thống kê- năm 2002.

14. PGS.TS. Từ Quang Phương, PGS.TS. Phạm Văn Hùng (2012), Kinh tế đầu tư, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà nội.

15. Vũ Công Tuấn (2002), *Thẩm định dự án đầu tư*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**

Tham gia đầy đủ các buổi học: hệ số 0,1

Bài kiểm tra tại lớp: hệ số 0,2

Điểm thi hết học phần: hệ số 0,7

Thang điểm: 10

*Hà Nội, ngày … tháng 09 năm 2019*

TRƯỞNG BỘ MÔN HIỆU TRƯỞNG

**TS. Nguyễn Thị Ái Liên PGS.TS Phạm Hồng Chương**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Kiểm soát nội bộ**

Tiếng Anh: **Internal control**

Mã học phần: **KTHT** **1114** Số tín chỉ: 03

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

* Kế toán quản trị 1
* Kế toán tài chính 1
* Kiểm toán căn bản
* Hệ thống thông tin kế toán 1

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần kiểm soát nội bộ cung cấp kiến thức nền tảng về kiểm soát nội bộ nhằm xây dựng được kiểm soát nội bộ hiệu lực, hiệu quả trong các đơn vị. Học phần trang bị kiến thức về cụ thể về khái niệm, mục tiêu, vai trò và cấu trúc của kiểm soát nội bộ, đồng thời minh họa cụ thể kiểm soát nội bộ đối với một số các khoản mục và chu trình nghiệp vụ chính trong doanh nghiệp. Ngoài ra, những vấn đề cơ bản liên quan đến kiểm soát nội bộ trong môi trường công nghệ thông tin phát triển cũng được nghiên cứu trong học phần này

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp nhằm xây dựng kiểm soát nội bộ trong các đơn vị cụ thể. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được bản chất, biết kết hợp và vận dụng những kiến thức bổ trợ để xây dựng kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp và các khoản mục, các chu trình nghiệp vụ chủ yếu của các đơn vị nói chung cũng như đối với các doanh nghiệp nói riêng.

Mục tiêu môn học còn hướng tới giúp người học xây dựng cho mình khả năng phát triển tư duy hệ thống, nhìn nhận và đánh giá một nghiệp vụ trong quan hệ với các yếu tố khác trong tổng thể thông qua các bài tập tình huống, các bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm hoặc các tình huống liên quan đến kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp cụ thể.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chương** | **Tổng**  **số tiết** | **Trong đó** | | **Ghi chú** |
| **Lý**  **thuyết** | **Thảo luận – Bài tập – Thực hành** |
| Chương 1: Các vấn đề cơ bản của kiểm soát nội bộ | 4 | 3 | 1 |  |
| Chương 2: Các thành phần của kiểm soát nội bộ | 6 | 5 | 1 |  |
| Chương 3: Gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận | 4 | 3 | 1 |  |
| Chương 4: Kiểm soát chu trình mua hàng và thanh toán | 7 | 5 | 2 |  |
| Chương 5: Kiểm soát chu trình bán hàng và thu tiền | 7 | 5 | 2 |  |
| Chương 6: Kiểm soát chu trình nhân sự tiền lương | 6 | 4 | 2 |  |
| Chương 7: Kiểm soát chu trình TSCĐ | 6 | 4 | 2 |  |
| Chương 8: Kiểm soát Tiền | 5 | 3 | 2 |  |
| **Tổng cộng** | **45** | **32** | **13** |  |

Chương 1 - CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Chương này khái quát về các vấn đề cơ bản của kiểm soát nội bộ

**1.1 Khái niệm về Kiểm soát nội bộ (KSNB)**

**1.2 Quá trình hình thành và phát triển của KSNB**

**1.3 Tổng quan về báo cáo COSO**

**1.4 Kiểm soát nội bộ đối với lập và trình bày báo cáo tài chính**

**1.5 Vai trò và trách nhiệm đối với KSNB**

***Tài liệu tham khảo:***

- Đường Nguyễn Hưng (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản giáo dục

-Trần Thị Giang Tân (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản kinh tế TP Hồ Chí Minh

- Steven M.Bragg (2009), Accounting control Best practice, John Wiley&Sons

- Rose Hightower (2009) Internal controls policies and procedures

- Robert R.Moeller (2014), Excutive Guide to coso Internal Control, Wiley&Sons

-Trenerry, A. (2009), Principles of Internal Control and Corporate Governance, McGraw-Hill Australia Pty Limited.

- COSO Framework

Chương 2 - CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Chương này đề cập đến các yếu tố cấu thành của kiểm soát nội bộ trong một tổ chức.

**2.1.Môi trường kiểm soát**

**2.2.Đánh giá rủi ro**

**2.3.Hoạt động kiểm soát**

**2.4.Thông tin và truyền thông**

**2.5.Giám sát**

***Tài liệu tham khảo:***

- Đường Nguyễn Hưng (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản giáo dục

-Trần Thị Giang Tân (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản kinh tế TP Hồ Chí Minh

- Steven M.Bragg (2009), Accounting control Best practice, John Wiley&Sons

- Rose Hightower (2009) Internal controls policies and procedures

- Robert R.Moeller (2014), Excutive Guide to coso Internal Control, Wiley&Sons

-Trenerry, A. (2009), Principles of Internal Control and Corporate Governance, McGraw-Hill Australia Pty Limited.

- COSO Framework

Chương 3: GIAN LẬN VÀ BIỆN PHÁP NGĂN NGỪA GIAN LẬN

Chương này đề cập đến hành vi gian lận và các biện pháp ngăn ngừa gian lận trong một tổ chức.

**3.1.Gian lận và sai sót**

**3.2.Biện pháp ngăn ngừa và phát hiện gian lận**

***Tài liệu tham khảo:***

- Đường Nguyễn Hưng (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản giáo dục

-Trần Thị Giang Tân (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản kinh tế TP Hồ Chí Minh

- Steven M.Bragg (2009), Accounting control Best practice, John Wiley&Sons

- Rose Hightower (2009) Internal controls policies and procedures

- Robert R.Moeller (2014), Excutive Guide to coso Internal Control, Wiley&Sons

-Trenerry, A. (2009), Principles of Internal Control and Corporate Governance, McGraw-Hill Australia Pty Limited.

- COSO Framework

Chương 4 - KIỂM SOÁT CHU TRÌNH MUA HÀNG VÀ THANH TOÁN

Chương này đề cập đến các hoạt động kiểm soát đối với chu trình mua hàng và thanh toán trong một tổ chức.

**4.1. Khái quát về chu trình**

**4.2. Gian lận và sai sót**

**4.3. Mục tiêu kiểm soát**

**4.4. Các thủ tục kiểm soát**

***Tài liệu tham khảo:***

- Đường Nguyễn Hưng (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản giáo dục

-Trần Thị Giang Tân (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản kinh tế TP Hồ Chí Minh

- Steven M.Bragg (2009), Accounting control Best practice, John Wiley&Sons

- Rose Hightower (2009) Internal controls policies and procedures

- Robert R.Moeller (2014), Excutive Guide to coso Internal Control, Wiley&Sons

-Trenerry, A. (2009), Principles of Internal Control and Corporate Governance, McGraw-Hill Australia Pty Limited.

- COSO Framework

Chương 5 - KIỂM SOÁT CHU TRÌNH BÁN HÀNG VÀ THU TIỀN

Chương này đề cập đến các hoạt động kiểm soát đối với chu trình bán hàng và thu tiền trong một tổ chức.

**5.1. Khái quát về chu trình**

**5.2. Gian lận và sai sót**

**5.3. Mục tiêu kiểm soát**

**5.4. Các thủ tục kiểm soát**

***Tài liệu tham khảo:***

- Đường Nguyễn Hưng (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản giáo dục

-Trần Thị Giang Tân (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản kinh tế TP Hồ Chí Minh

- Steven M.Bragg (2009), Accounting control Best practice, John Wiley&Sons

- Rose Hightower (2009) Internal controls policies and procedures

- Robert R.Moeller (2014), Excutive Guide to coso Internal Control, Wiley&Sons

-Trenerry, A. (2009), Principles of Internal Control and Corporate Governance, McGraw-Hill Australia Pty Limited.

- COSO Framework

Chương 6 - KIỂM SOÁT CHU TRÌNH NHÂN SỰ TIỀN LƯƠNG

Chương này đề cập đến các hoạt động kiểm soát đối với chu trình nhân sự và tiền lương trong một tổ chức.

**6.1. Khái quát về chu trình**

**6.2. Gian lận và sai sót**

**6.3. Mục tiêu kiểm soát**

**6.4. Các thủ tục kiểm soát**

***Tài liệu tham khảo:***

- Đường Nguyễn Hưng (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản giáo dục

-Trần Thị Giang Tân (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản kinh tế TP Hồ Chí Minh

- Steven M.Bragg (2009), Accounting control Best practice, John Wiley&Sons

- Rose Hightower (2009) Internal controls policies and procedures

- Robert R.Moeller (2014), Excutive Guide to coso Internal Control, Wiley&Sons

-Trenerry, A. (2009), Principles of Internal Control and Corporate Governance, McGraw-Hill Australia Pty Limited.

- COSO Framework

Chương 7- KIỂM SOÁT CHU TRÌNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Chương này đề cập đến các hoạt động kiểm soát đối với chu trình TSCĐ trong một tổ chức.

**7.1. Khái quát về chu trình**

**7.2. Gian lận và sai sót**

**7.3. Mục tiêu kiểm soát**

**7.4. Các thủ tục kiểm soát**

***Tài liệu tham khảo:***

- Đường Nguyễn Hưng (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản giáo dục

-Trần Thị Giang Tân (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

- Steven M.Bragg (2009), Accounting control Best practice, John Wiley&Sons

- Robert R.Moeller (2014), Excutive Guide to coso Internal Control, Wiley&Sons

- Rose Hightower (2009) Internal controls policies and procedures

-Trenerry, A. (2009), Principles of Internal Control and Corporate Governance, McGraw-Hill Australia Pty Limited.

Chương 8 - KIỂM SOÁT TIỀN

Chương này đề cập đến các hoạt động kiểm soát đối với tiền trong một tổ chức.

**8.1. Khái quát về tiền**

**8.2. Gian lận và sai sót đối với tiền**

**8.3. Mục tiêu kiểm soát**

**8.4. Các thủ tục kiểm soát**

***Tài liệu tham khảo:***

- Đường Nguyễn Hưng (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản giáo dục

-Trần Thị Giang Tân (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

- Steven M.Bragg (2009), Accounting control Best practice, John Wiley&Sons

- Robert R.Moeller (2014), Excutive Guide to coso Internal Control, Wiley&Sons

- Rose Hightower (2009) Internal controls policies and procedures

-Trenerry, A. (2009), Principles of Internal Control and Corporate Governance, McGraw-Hill Australia Pty Limited.

**7. GIÁO TRÌNH:**

- Đường Nguyễn Hưng (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản giáo dục

-Trần Thị Giang Tân (2016), Kiểm soát nội bộ, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

- Steven M.Bragg (2009), Accounting control Best practice, John Wiley&Sons

- Robert R.Moeller (2014), Excutive Guide to coso Internal Control, Wiley&Sons

- Rose Hightower (2009) Internal controls policies and procedures

-Trenerry, A. (2009), Principles of Internal Control and Corporate Governance, McGraw-Hill Australia Pty Limited.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* COSO Framework (2013)

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Điểm đánh giá của giảng viên: 10%

- Điểm kiểm tra: 30% (02 bài kiểm tra hoặc bài tập lớn, mỗi bài kiểm tra, bài tập lớn là 15%)

- Điểm thi hết học phần: 60%

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần.

+ Sinh viên phải có tối thiểu 1 bài kiểm tra giữa kỳ

+ Làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên bổ sung.

+ Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN | HIỆU TRƯỞNG |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. TÊN HỌC PHẦN: KẾ TOÁN ĐIỀU TRA**

Tiếng Việt: KẾ TOÁN ĐIỀU TRA

Tiếng Anh: FORENSIC ACCOUNTING

Mã học phần: Số tín chỉ: 03

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

Nguyên lý kế toán, KT tài chính 1, 2, 3; Kiểm toán căn bản

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Kế toán điều tra có vai trò chính nối liền khoảng cách giữa nghề nghiệp kiểm toán và nhu cầu phòng chống gian lận. Kế toán điều tra là sự tổng hợp giữa kế toán, kiểm toán, luật để thực hiện hai chức năng chính, bao gồm: điều tra kế toán (Investigative Accounting) và hỗ trợ pháp lý (Litigation Support). Học phần cung cấp kiến thức về môi trường pháp lý và môi trường kế toán cho kế toán điều tra, quá trình điều tra gian lận, quá trình thu thập bằng chứng, báo cáo gian lận, kiện tụng, gian lận nhân viên, nhà cung cấp và đối tượng khác, gian lận báo cáo tài chính, các dịch vụ kế toán điều tra,…

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Học phần cung cấp kiến thức kế toán điều tra cho người học liên quan đến việc phân biệt được gian lận, các kỹ thuật sử dụng điều tra gian lận, áp dụng các kỹ thuật vào phát hiện các gian lận phát sinh phổ biến, các dịch vụ kế toán điều tra như định giá doanh nghiệp, dịch vụ giải quyết tranh chấp,…

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**Chương 1:** Giới thiệu về kế toán điều tra và kiểm tra gian lận

**Chương 2:** Môi trường pháp lý, kế toán, và kiểm toán cho kế toán điều tra

**Chương 3:** Quá trình tham dự và điều tra gian lận

**Chương 4:** Quá trình thu thập bằng chứng

**Chương 5:** Bằng chứng kiểm tra gian lận I: Bằng chứng vật lý, tài liệu và quan sát

**Chương 6:** Bằng chứng gian lận II: Phương pháp phỏng vấn và thẩm tra

**Chương 7:** Báo cáo gian lận, kiện tụng và quá trình phục hồi

**Chương 8:** Gian lận nhân viên, nhà cung cấp và các đối tượng khác

**Chương 9:** Gian lận báo cáo tài chính

* chiến lược gian lận báo cáo tài chính;
* đặc điểm của gian lận báo cáo tài chính;
* động cơ của quản lý để thực hiện gian lận báo cáo tài chính;
* gian lận báo cáo tài chính, thị trường chứng khoán và đào tạo nội bộ,…

**Chương 10:** Các lĩnh vực gian lận chuyên ngành

* Gian lận thuế, phá sản, ly hôn, trộm cắp danh tính, và gian lận cho vay và bảo hiểm; Tội phạm có tổ chức, Chống khủng bố và Chống rửa tiền

**Chương 11:** Các dịch vụ kế toán điều tra khác

* Định giá doanh nghiệp
* Dịch vụ giải quyết tranh chấp

**7. GIÁO TRÌNH:**

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Hopwood et al. **(2012), Forensic Accounting and Fraud Examination,** 2nd Edition, McGraw Hill.
2. Crumbley L. et al. (2017), **Forensic and Investigative Accounting (8th Edition),** Wolter Kluwer Publisher.
3. [W Steve Albrecht](https://www.alibris.com/search/books/author/W-Steve-Albrecht?aid=82403) (2018), **Fraud Examination**, Cengage Learning
4. [Kass-Shraibman](https://www.alibris.com/search/books/author/Frimette-Kass_Shraibman) F.,  [Sampath](https://www.alibris.com/search/books/author/Vijay-S-Sampath) V.S., (2011)**, Forensic Accounting for Dummies**
5. [Tommie W Singleton](https://www.alibris.com/search/books/author/Tommie-W-Singleton?aid=4640680), [Aaron J Singleton](https://www.alibris.com/search/books/author/Aaron-J-Singleton?aid=4640376), [G Jack Bologna](https://www.alibris.com/search/books/author/G-Jack-Bologna), (2006), **Fraud Auditing and Forensic Accounting**, John Wiley & Sons

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

- Điểm đánh giá của giảng viên: 10% (Theo Quy định chung của Trường)

- Điểm kiểm tra: (theo đề xuất của Bộ môn) 30% (2 bài kiểm tra)

- Điểm thi hết học phần: (theo đề xuất của Bộ môn): 60%

*Hà Nội, ngày … tháng….. năm 2019*

TRƯỞNG BỘ MÔN HIỆU TRƯỞNG

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Phân tích kinh doanh**

Tiếng Anh: Business Analysis

Mã học phần: KTQT1107 Số tín chỉ: 3

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** Kế toán quản trị

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

Kinh tế vi mô 1.

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Môn học Phân tích kinh doanh bao gồm các nội dung phân tích quá trình cung cấp các yếu tố đầu vào, quá trình sản xuất và tiêu thụ của doanh nghiệp. Bên cạnh đó còn có các hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính, hoạt động khác. Môn học sẽ phân tích và tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu cung cấp cho các nhà quản trị trong doanh nghiệp nâng cao kết quả và hiệu quả kinh doanh.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Môn học Phân tích kinh doanh nhằm trang bị cho sinh viên về phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp thông qua việc xử lý các số liệu do kế toán cung cấp và hệ thống dự toán của doanh nghiệp để từ đó đánh giá đúng đắn hoạt động cung cấp các yếu tố đầu vào của sản xuất; hoạt động sản xuất; hoạt động tiêu thụ sản phẩm; đánh giá hoạt động đầu tư; hoạt động tài chính. Từ đó có cơ sở khoa học đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn cho kỳ hiện tại và dự báo hoạt động kinh doanh trong tương lai của doanh nghiệp.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

Toàn bộ học phần gồm 5 chương như sau:

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Nội dung*** | ***Tổng số***  ***tiết*** | ***Trong đó*** | | ***Ghi chú*** |
| ***Lý thuyết*** | ***Bài tập, thảo luận, kiểm tra*** |
| 1  2  3  4  5 | Chương 1  Chương 2  Chương 3  Chương 4  Chương 5 | 4  2  17  4  3 | 3  1  10  2  2 | 1  1  7  2  1 | *Trong đó có 2 tiết kiểm tra môn học được thông báo trước khi giảng dạy* |
|  | **Cộng** | **45** | **30** | **15** |  |

*Chương 1 -*  TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH KINH DOANH

Chương này trình bày tồng quan về phân tích kinh doanh. Giới thiệu cho người học thấy được khái niệm và ý nghĩa, nhiệm vụ của phân tích kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Đối tượng và các phương pháp nghiên cứu, nhiệm vụ phân tích kinh doanh và quá trình tổ chức phân tích kinh doanh trong các doanh nghiệp.

**1.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích kinh doanh**

1.1.1. Khái niệm phân tích kinh doanh

1.1.2. Ý nghĩa của phân tích kinh doanh

1.1.3. Nhiệm vụ của phân tích kinh doanh

**1.2. Đối tượng nghiên cứu của phân tích kinh doanh**

**1.3. Các phương pháp phân tích kinh doanh**

1.3.1. Phương pháp so sánh

1.3.2. Phương pháp chi tiết chỉ tiêu phân tích

1.3.3. Phương pháp loại trừ

1.3.4. Phương pháp liên hệ cân đối

1.3.5. Các phương pháp khác sử dụng trong phân tích hoạt động kinh doanh

**1.4. Tổ chức phân tích kinh doanh**

1.4.1. Khái quát chung về tổ chức phân tích kinh doanh

1.4.2. Lựa chọn loại hình phân tích

1.4.3. Lập kế hoạch phân tích

1.4.4. Thu thập và xử lý thông tin

1.4.5. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích và lựa chọn phương pháp phân tích

1.4.6. Viết báo cáo và tổ chức hội nghị phân tích

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Bài giảng môn Phân tích kinh doanh

- Giáo trình "Phân tích hoạt động kinh doanh" Trường Đại học KTQD năm 2013 và các năm tái bản, chủ biên GS.TS. Nguyễn Văn Công.

- Giáo trình "Phân tích kinh doanh" Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 và các năm tái bản chủ biên PGS.TS Phạm Văn Dược.

*Chương 2-* PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP

Chương này trình bày nội dung và nhiệm vụ của phân tích hoạt động cung cấp bao gồm: Đánh giá khái quát hoạt động cung cấp, phân tích tình hình cung cấp các yếu tố đầu vào như vật tư, hàng hóa, lao động,... Qua đó cần xem xét các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động cung cấp để đưa ra các quyết định phù hợp.

**2.1. Hoạt động cung cấp, nội dung và nhiệm vụ phân tích**

2.2.1. Hoạt động cung cấp

2.2.1. Nội dung và nhiệm vụ phân tích

**2.2. Phân tích kết quả hoạt động cung cấp hàng hóa**

2.2.1. Đánh giá khái quát kết quả cung cấp về mặt số lượng

2.2.2. Phân tích tình hình cung cấp về chủng loại

2.2.3. Phân tích tình hình cung cấp về chất lượng

2.2.4. Phân tích tình hình cung cấp về tiến độ

2.2.5. Phân tích tình hình dự trữ

2.2.6. Phân tích chi phí hoạt động cung cấp

2.2.7. Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả hoạt động cung cấp

**2.3. Phân tích kết quả hoạt động cung ứng lao động**

2.3.1. Đánh giá khái quát kết quả cung ứng về mặt số lượng

2.3.2. Phân tích tình hình cung ứng về mặt chất lượng

2.3.3. Phân tích kết quả hoạt động cung ứng về mặt cơ cấu

2.3.4. Phân tích chi phí hoạt động cung ứng

2.3.5. Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả hoạt động cung ứng

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Bài giảng môn Phân tích kinh doanh
* Giáo trình Phân tích kinh doanh, trường ĐHKTQD, Nhà xuất bản ĐHKTQD năm 2013

*Chương 3 -* PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Chương này trình bày cho người học hiểu được vài trò của hoạt động sản xuất và các nhiệm vụ cần phân tích trong hoạt động sản xuất. Thông qua phân tích chỉ rõ được tiềm năng chưa khai thác, đề xuất các biện pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả và hiệu quả trong sản xuất.

**3. 1. Hoạt động sản xuất và nội dung nhiệm vụ phân tích**

3.1.1. Hoạt động sản xuất

3.1.2. Nội dung và nhiệm vụ phân tích

**3.2. Đánh giá khái quát kết sản xuất về mặt quy mô**

3.2.1. Chỉ tiêu đánh giá

3.2.2. Quy trình đánh giá

**3.3. Phân tích xu hướng, tốc độ và nhịp điệu tăng trưởng của sản xuất**

3.3.1. Ý nghĩa phân tích

3.3.2. Chỉ tiêu và phương pháp phân tích

**3.4. Phân tích chất lượng sản phẩm**

3.4.1. Ý nghĩa phân tích

3.4.2. Phân tích chất lượng sản phẩm đối với sản phẩm có phân chia thứ hạng

3.4.3. Phân tích chất lượng sản phẩm đối với sản phẩm không phân chia thứ hạng

**3.5. Phân tích mối quan hệ giữa kết quả sản xuất với tình hình sử dụng các yếu tố cơ bản**

3.5.1. Thiết lập quan hệ

3.5.2. Phân tích quan hệ

**3.6. Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**

3.6.1. Ý nghĩa và nội dung phân tích

3.6.2. Đánh giá khái quát tình hình thực hiện kế hoạch

3.6.3. Phân tích giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm

3.6.4. Phân tích mối liên hệ giữa chi phí sản xuất với sản lượng thực hiện

3.6.5. Phân tích chi phí sản xuất trên 1000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa

3.6.6. Phân tích chi phí tiền lương

3.6.7. Phân tích chi phí nguyên vật liệu

3.6.8. Phân tích chi phí khấu hao tài sản cố định

3.6.9. Phân tích chi phí sản xuất chung

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Bài giảng môn Phân tích kinh doanh

- Giáo trình "Phân tích hoạt động kinh doanh" Trường Đại học KTQD năm 2013 và các năm tái bản, chủ biên GS.TS. Nguyễn Văn Công.

- Giáo trình "Phân tích kinh doanh" Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 và các năm tái bản chủ biên PGS.TS Phạm Văn Dược.

*Chương 4 -* PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TIÊU THỤ

Chương này làm rõ cho người học hiểu được tầm quan trọng của hoạt động tiêu thụ, nhiệm vụ cụ thể khi phân tích hoạt động tiêu thụ. Thông qua phân tích chỉ rõ điểm mạnh, yếu của doanh nghiệp trong hoạt động tiêu thụ để đưa ra các biện pháp nâng cao kết quả và hiệu quả hoạt động tiêu thụ.

**4.1. Hoạt động tiêu thụ, nội dung và nhiệm vụ phân tích**

4.1.1. Hoạt động tiêu thụ

4.1.2. Nội dung và nhiệm vụ phân tích

**4.2. Đánh giá khái quát kết quả hoạt động tiêu thụ**

4.2.1. Đánh giá khái quát về quy mô tiêu thụ

4.2.2. Đánh giá khái quát về mặt hàng tiêu thụ

**4.3. Phân tích doanh thu têu thụ**

4.3.1. Phân tích tốc độ, xu hướng và nhịp điệu tăng trưởng doanh thu

4.3.2. Phân tích cơ cấu doanh thu và thị phần tiêu thụ

4.3.3. Phân tích doanh thu hoạt động xuất khẩu

4.3.4. Phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng

**4.4. Phân tích lợi nhuân tiêu thụ**

4.4.1. Phân tích lợi nhuận gộp về tiêu thụ

4.4.2. Phân tích lợi nhuận thuần về tiêu thụ

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Bài giảng môn Phân tích kinh doanh

- Giáo trình "Phân tích hoạt động kinh doanh" Trường Đại học KTQD năm 2013 và các năm tái bản, chủ biên GS.TS. Nguyễn Văn Công.

- Giáo trình "Phân tích kinh doanh" Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 và các năm tái bản chủ biên PGS.TS Phạm Văn Dược.

*Chương 5-* ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KHẢ NĂNG SINH LỢI

Chương này nhằm đánh giá một cách chung nhất về tình hình tài chính trong doanh nghiệp như mức độ độc lập tài chinh, khả năng thanh toán, khả năng sinh lợi. Từ đó các nhà quản lý có căn cứ tin cậy đưa ra các chính sách phù hợp để nâng cao năng lực tài chính cho doanh nghiệp.

**5.1. Đánh giá khái quát tình hình tài chính**

5.1.1. Tình hình tài chính và yêu cầu, mục đích đánh giá

5.1.2. Đánh giá khái quát tình hình huy động vốn

5.1.3. Đánh giá khái quát mức độ độc lập tài chính

5.1.4. Đánh giá khái quát khả năng thanh toán

5.1.5. Đánh giá khái quát khả năng sinh lợi

**5.2. Phân tích khả năng sinh lợi**

5.2.1. Khả năng sinh lợi và công thức xác đinh

5.2.2. Quy trình phân tích khả năng sinh lợi

5.2.3. Phân tích khả năng sinh lợi của tài sản

5.2.4. Phân tích khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu

5.2.3. Phân tích khả năng sinh lợi của chi phí

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Bài giảng môn Phân tích kinh doanh

- Giáo trình "Phân tích hoạt động kinh doanh" Trường Đại học KTQD năm 2013 và các năm tái bản, chủ biên GS.TS. Nguyễn Văn Công.

- Giáo trình "Phân tích kinh doanh" Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 và các năm tái bản chủ biên PGS.TS Phạm Văn Dược.

**7. GIÁO TRÌNH**

Giáo trình Phân tích kinh doanh, trường ĐHKTQD, nhà xuất bản ĐHKTQD, năm 2013

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Các văn bản pháp quy, các chế độ, thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính có liên quan đến kế toán, kiểm toán.

- Giáo trình "Phân tích hoạt động kinh doanh" Trường Đại học KTQD năm 2013 và các năm tái bản, chủ biên GS.TS. Nguyễn Văn Công.

- Giáo trình "Phân tích kinh doanh" Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 và các năm tái bản chủ biên PGS.TS Phạm Văn Dược.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 30% ( hai bài kiểm tra, tùy theo đánh giá của GV)

+ Thi cuối học kỳ: 60%

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần.

+ Tham gia kiểm tra giữa kỳ ít nhất là 1 bài.

*Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2018*

TRƯỞNG BỘ MÔN HIỆU TRƯỞNG

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kế toán quản trị 2**

Tiếng Anh: Managerial Accounting 2

Mã học phần: KTQT1106 Số tín chỉ: 3

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY**

Kế toán quản trị

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC**

Nguyên lý Kế toán, Kế toán chi phí, Kế toán quản trị 1

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần *Kế toán quản trị 2* tiếp nối học phần *Kế toán quản trị 1*, cung cấp cho người học các chủ đề nâng cao về kế toán quản trị, như kế toán trách nhiệm, định giá bán sản phẩm, phân tích thông tin phù hợp và sử dụng thông tin kế toán quản trị để ra quyết định đầu tư dài hạn. Học phần này cũng bao gồm chủ đề về Thẻ điểm cân bằng, một công cụ đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Những kiến thức quan trọng về kế toán quản trị giúp cho các chuyên gia kinh tế, nhà quản trị có các thông tin đáng tin cậy đưa ra quyết định tối ưu.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể:

**Về kiến thức:**

* Hiểu và giải thích được các khái niệm, vai trò, ý nghĩa của kế toán trách nhiệm, các phương pháp xác định chi phí trực tiếp và chi phí toàn bộ, các phương pháp xác định giá bán sản phẩm ra ngoài và trong nội bộ doanh nghiệp, các phương thức đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm trách nhiệm, khái niệm thông tin phù hợp với việc ra quyết định, đặc điểm của các quyết định đầu tư dài hạn. Cách xây dựng thẻ điểm cân bằng dựa trên chiến lược của doanh nghiệp.
* Áp dụng các phương pháp xác định chi phí trực tiếp và phương pháp xác định chi phí toàn bộ phù hợp theo các mục đích sử dụng thông tin khác nhau trong doanh nghiệp, vận dụng linh hoạt các phương thức đánh giá hiệu quả hoạt động của các loại hình trung tâm trách nhiệm khác nhau, áp dụng các kĩ thuật khác nhau để đánh giá các phương án kinh doanh và dự án đầu tư.
* Phân tích, đánh giá, so sánh, lựa chọn các phương pháp xác định chi phí, thiết kế các trung tâm trách nhiệm, tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm trách nhiệm, các phương pháp xác định giá bán ra ngoài và giá bán nội bộ hợp lý để có thể tổ chức, xây dựng hệ thống thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc ra quyết dịnh quản lý, phân tích các thông tin tài chính và phi tài chính trong việc lựa chọn các phương án kinh doanh và các dự án đầu tư.

**Về kỹ năng:**

* Phát triển kĩ năng thu thập, phân tích thông tin và ra quyết định liên quan đến sự đa dạng, phong phú của các phương pháp và kĩ thuật sử dụng trong kế toán quản trị.
* Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình và phản biện.

**Về thái độ:**

* Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về tầm quan trọng của kế toán quản trị trong mỗi tổ chức.
* Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong thực hành và tư vấn tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp.
* Nhận thức được ảnh hưởng của đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề kế toán quản trị tới chất lượng thông tin cung cấp, tác động tới lợi ích của các đối tượng sử dụng thông tin kế toán quản trị, từ đó thường xuyên rèn luyện tư cách đạo đức nghề nghiệp.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần/Chương** | **Thời gian (45 tiết)** | | |
| **Tổng số** | **Giảng** | **Bài tập và Thảo luận** |
| Chương 1: Kế toán trách nhiệm | 14 | 9 | 5 |
| Chương 2: Định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp | 6 | 4 | 2 |
| Chương 3: Thông tin kế toán quản trị với việc ra quyết định ngắn hạn | 9 | 6 | 3 |
| Chương 4: Thông tin kế toán quản trị với việc ra quyết định dài hạn | 9 | 6 | 3 |
| Chương 5: Thẻ điểm cân bằng | 5 | 3 | 2 |
| Kiểm tra | 2 |  | 2 |
| **Tổng** | **45** | **28** | **17** |

CHƯƠNG 1: KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM

*Chương này giải thích vai trò của kế toán trách nhiệm trong việc thúc đẩy sự thống nhất mục tiêu giữa các cấp quản lý, mô tả và giải thích các loại hình trung tâm trách nhiệm. Chương này cũng thảo luận cách thức để đánh giá hiệu quả hoạt động của từng loại hình trung tâm trách nhiệm và khía cạnh hành vi của các nhà quản lý liên quan đến việc đánh giá hiệu quả hoạt động. Ảnh hưởng của phương pháp xác định chi phí trực tiếp và phương pháp xác định chi phí toàn bộ tới lợi nhuận báo cáo, các thước đo tài chính và các thước đo phi tài chính sử dụng trong đánh giá hiệu quả hoạt động cũng được thảo luận trong chương này.*

**1.1. Phân cấp quản lý tài chính và các loại hình trung tâm trách nhiệm**

1.1.1. Phân cấp quản lý tài chính

1.2.2. Các loại hình trung tâm trách nhiệm

**1.2. Các thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm trách nhiệm**

1.2.1. Các thước đo tài chính

1.2.2. Các thước đo phi tài chính

**1.3. Báo cáo bộ phận**

1.3.1. Khái niệm và ý nghĩa của báo cáo bộ phận

1.3.2. Phương pháp lập báo cáo bộ phận

**1.4. Báo cáo lợi nhuận theo các phương pháp xác định chi phí**

1.4.1. Báo cáo lợi nhuận theo phương pháp xác định chi phí trực tiếp

1.4.2. Báo cáo lợi nhuận theo phương pháp xác định chi phí toàn bộ

1.4.3. Đối chiếu lợi nhuận giữa các phương pháp xác định chi phí

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình Kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 7.
* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson, chapter 9.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition, chapter 10.

CHƯƠNG 2: ĐỊNH GIÁ BÁN SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP

*Chương này giải thích vai trò của thông tin kế toán quản trị trong việc xác định giá bán sản phẩm, mô tả các yếu tố tác động tới việc xác định giá bán sản phẩm. Chương này cũng thảo luận các phương pháp xác định giá bán sản phẩm ra ngoài và trong nội bộ doanh nghiệp.*

**2.1. Vai trò của thông tin chi phí trong xác định giá bán sản phẩm**

2.1.1. Ý nghĩa của việc xác định giá bán sản phẩm

2.2.2. Các yếu tố tác động tới việc xác định giá bán sản phẩm

2.2.3. Vai trò của thông tin chi phí trong việc xác định giá bán sản phẩm

**2.2. Xác định giá bán sản phẩm ra ngoài**

2.2.1. Xác định giá bán sản phẩm trong dài hạn

2.2.2. Xác định giá bán sản phẩm trong ngắn hạn

**2.3. Xác định giá chuyển nhượng nội bộ**

2.3.1. Nguyên tắc xác định giá chuyển nhượng nội bộ

2.3.2. Các phương pháp xác định giá chuyển nhượng nội bộ

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 7.
* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson, chapter 22.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition, chapter 8.

CHƯƠNG 3: THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VỚI VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN

*Chương này mô tả các bước trong qui trình ra quyết định, giải thích mối quan hệ giữa thông tin định tính và thông tin định lượng trong việc ra quyết định. Chương này cũng giới thiệu các tiêu chí của thông tin phù hợp, cách xác định chi phí phù hợp. Việc phân tích chi phí phù hợp để ra quyết định chấp nhận (từ chối) đơn đặt hàng đặc biệt, mua ngoài (tự sản xuất), lập kế hoạch sản xuất trong điều kiện hạn chế nguồn lực, tiếp tục chế biến (bán ngay), tiếp tục (ngừng) kinh doanh một bộ phận được minh họa cụ thể trong chương này.*

**3.1. Nhận diện thông tin phù hợp với việc ra quyết định**

3.1.1. Qui trình ra quyết định

3.1.2. Thông tin định tính và thông tin định lượng

3.1.3. Đặc điểm của thông tin phù hợp với việc ra quyết định

**3.2. Ứng dụng phân tích thông tin chi phí phù hợp với các quyết định đặc biệt**

3.2.1. Quyết định tiếp tục hay ngừng kinh doanh một bộ phận (sản phẩm)

3.2.2. Quyết định tự sản xuất hay mua ngoài

3.2.3. Quyết định tiếp tục chế biến hay bán ngay

3.2.4. Quyết định chấp nhận hay từ chối đơn đặt hàng đặc biệt

3.2.5. Quyết định trong điều kiện bị hạn chế nguồn lực

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 8.
* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson, chapter 11.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition, chapter 7.

CHƯƠNG 4 : THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VỚI VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH DÀI HẠN

*Chương này giải thích tầm quan trọng của việc lập kế hoạch đầu tư dài hạn, mô tả các loại quyết định đầu tư dài hạn, các dòng tiền điển hình trong mỗi dự án đầu tư. Chương này cũng thảo luận các phương pháp đánh giá dự án đầu tư dài hạn, bao gồm: giá trị hiện tại thuần, tỉ lệ hoàn vốn nội bộ, kỳ hoàn vốn và tỉ lệ sinh lời kế toán.*

**4.1. Quyết định đầu tư dài hạn**

4.1.1. Vai trò của việc lập kế hoạch đầu tư dài hạn

4.1.2. Các loại quyết định đầu tư dài hạn

4.1.3. Các dòng tiền điển hình trong dự án đầu tư dài hạn

**4.2. Đánh giá dự án đầu tư dài hạn**

4.2.1. Phương pháp giá trị hiện tại thuần

4.2.2. Phương pháp tỉ lệ hoàn vốn nội bộ

4.2.3. Phương pháp kỳ hoàn vốn

4.2.4. Phương pháp tỉ lệ sinh lời kế toán

4.2.5. Ảnh hưởng của thuế thu nhập doanh nghiệp tới dự án đầu tư

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 10.
* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson, chapter 21.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition, chapter 12.

CHƯƠNG 5: THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG

Chương này nghiên cứu về *Thẻ điểm cân bằng,* một trong những phương pháp hữu ích để đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động, khắc phục nhược điểm của các phương pháp truyền thống. Chương này sẽ giới thiệu về bản đồ chiến lược của một tổ chức, cách thức thiết kế các mục tiêu và thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động theo bốn khía cạnh có mối quan hệ nhân – quả: tài chính, khách hàng, quy trình nội bộ và học hỏi và phát triển.

**5.1. Khái niệm và vai trò của thẻ điểm cân bằng**

5.1.1 Khái niệm thẻ điểm cân bằng

5.1.2. Vai trò thẻ điểm cân bằng

**5.2. Nội dung của thẻ điểm cân bằng trong đánh giá hiệu quả hoạt động**

5.2.1. Bản đồ chiến lược

5.3.2. Các mục tiêu và thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động

**Tài liệu tham khảo của chương:**

* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson, chapter 12.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition, chapter 11.

**7. GIÁO TRÌNH**

* PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
* PGS.TS. Lê Kim Ngọc (2017), Hệ thống câu hỏi và bài tập kế toán quản trị, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* Datar & Rajan (2018), Horngren’s Cost accounting – a Managerial emphasis, 16th edition, Pearson.
* Weidgant, Kimmel & Kieso (2014), John Wiley & Sons, Managerial Accounting, 7th edition.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Tham gia trên lớp: 10%

+ Kiểm tra 01: 15%

+ Kiểm tra 02: 15%

+ Thi kết thúc học phần: 60%

*Hà Nội, ngày … tháng….. năm 2019*

TRƯỞNG BỘ MÔN HIỆU TRƯỞNG

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Kế toán nâng cao 1**

Tiếng Anh: AdvancedAccounting 1

Mã học phần: KTTC1117 Tổng số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Bộ môn Kế toán Tài chính**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

- Kế toán tài chính 1

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần này giới thiệu nội dung nâng cao về kế toán như kế toán công cụ tài chính phái sinh, các vấn đề liên quan đến tài sản sinh học, doanh thu hợp đồng xây dựng, chênh lệch tỷ giá hối đoái và hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định chuẩn mực kế toán quốc tế, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Trang bị kiến thức lý thuyết và thực hành chế độ kế toán các phần hành kế toán nâng cao trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh như các vấn đề liên quan đến kế toán công cụ tài chính phái sinh, tài sản sinh học, doanh thu hợp đồng xây dựng, chênh lệch tỷ giá hối đoái và báo cáo tài chính hợp nhất.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần/Chương | **Thời gian (tiết 60 phút)** | | |
| Tổng số | Giảng | Bài tập và Thảo luận |
| Chương 1: Kế toán công cụ tài chính phái sinh | 8 | 5 | 3 |
| Chương 2: Kế toán tài sản sinh học | 6 | 4 | 2 |
| Chương 3: Kế toán doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng | 8 | 5 | 3 |
| Chương 4: Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá hối đoái | 8 | 5 | 3 |
| Chương 5: Báo cáo tài chính hợp nhất trong các công ty | 7,5 | 5 | 2,5 |
| **Tổng** | **37,5** | **24** | **13,5** |

CHƯƠNG 1: KẾ TOÁN CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH

*Giá trị của công cụ tài chính phái sinh bắt nguồn từ một số công cụ cơ sở khác như tỉ giá, trị giá cổ phiếu, trái phiếu, chỉ số chứng khoán, lãi suất… Chương 1 sẽ giới thiệu quy định và hướng dẫn nguyên tắc ghi nhận, xác định, trình bày và thuyết minh BCTC về công cụ tài chính phái sinh.*

**1. 1. Định nghĩa và nhận diện công cụ tài chính phái sinh**

1.1.1. Định nghĩa công cụ tài chính phái sinh

1.1.2. Nhận diện công cụ tài chính phái sinh

**1.2. Phân loại công cụ tài chính phái sinh**

**1.3. Đo lường công cụ tài chính phái sinh**

**1.4. Ghi nhận công cụ tài chính phái sinh**

**1.5. Công cụ tài chính: Thuyết minh**

1.5.1. Thuyết minh về giá trị hợp lý

1.5.2. Thuyết minh định tính và định lượng

1.5.3. Thuyết minh về rủi ro tín dụng

1.5.4. Thuyết minh về rủi ro thanh khoản

1.5.5. Thuyết minh về rủi ro thị trường

Tài liệu tham khảo của Chương:

- Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 7: Công cụ tài chính: Thuyết minh

- Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 9: Công cụ tài chính

- Chuẩn mực kế toán quốc tế số 32: Trình bày công cụ tài chính

- Chuẩn mực kế toán quốc tế số 39: Ghi nhận và đo lường công cụ tài chính.

- Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 “ Hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính”

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN TÀI SẢN SINH HỌC

*Tài sản sinh học là các động, thực vật sống có liên quan trực tiếp đến hoạt động nông nghiệp. Tài sản sinh học cần xác định là một loại tài sản khác biệt không thuộc tài sản cố định. Chương 2 tập trung vào làm rõ khái niệm tài sản sinh học, cách ghi nhận và đo lường tài sản sinh học cũng như trình bày thông tin về tài sản sinh học trên hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.*

**2.1. Đặc điểm và nhận biết tài sản sinh học**

**2.2. Ghi nhận tài sản sinh học**

**2.3. Đo lường tài sản sinh học**

**2.4. Trình bày thông tin về tài sản sinh học trên báo cáo tài chính**

Tài liệu tham khảo của Chương:

- Chuẩn mực kế toán quốc tế số 41: Nông nghiệp

- Các Chuẩn mực kế toán liên quan, Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

*Hoạt động xây lắp, xây dựng cơ bản là hoạt động nhằm tạo ra cơ sở vật chất cho nền kinh tế quốc dân. Hoạt động này có những nét đặc thù riêng và có sự khác biệt đáng kể so với các ngành sản xuất khác và chi phối trực tiếp đến nội dung và phương pháp kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp. Chương 3 tập trung giới thiệu nội dung doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng; ghi nhận doanh thu, chi phí của hợp đồng xây dựng làm cơ sở ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.*

**3.1. Các khái niệm liên quan đến hợp đồng xây dựng**

**3.2. Doanh thu của hợp đồng xây dựng**

3.2.1. Nội dung doanh thu của hợp đồng xây dựng

3.2.2. Ghi nhận doanh thu của hợp đồng xây dựng

**3.3. Chi phí của hợp đồng xây dựng**

3.3.1. Nội dung chi phí của hợp đồng xây dựng

3.3.2. Ghi nhận chi phí của hợp đồng xây dựng

**3.4. Trình bày thông tin về doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng trên báo cáo tài chính**

Tài liệu tham khảo của Chương:

- Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 15: Doanh thu từ hợp đồng với khách hàng

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 “Hợp đồng xây dựng”, các Chuẩn mực kế toán liên quan, Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên

CHƯƠNG 4: ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ THAY ĐỔI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Trong thương mại, đầu tư và các quan hệ tài chính quốc tế… đòi hỏi các quốc gia phải thực hiện giao dịch thanh toán với nhau. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều có đồng tiền riêng của mình. Thanh toán giữa các quốc gia dẫn đến việc trao đổi giữa các đồng tiền khác nhau dẫn đến chênh lệch tỷ giá hối đoái. Chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi của cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau. Chương 4 nhấn mạnh khái niệm liên quan đến tỷ giá hối đoái, các giao dịch bằng ngoại tệ và việc trình bày trên báo cáo tài chính.

**4.1. Các khái niệm liên quan đến tỷ giá hối đoái**

**4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

**4.3. Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài**

4.3.1. Phân loại hoạt động ở nước ngoài

4.3.2. Hoạt động ở nước ngoài không thể tách rời với hoạt động của doanh nghiệp báo cáo

4.3.3. Cơ sở ở nước ngoài

**4.4. Trình bày báo cáo tài chính**

Tài liệu tham khảo của Chương:

- Chuẩn mực kế toán quốc tế số 21: Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá hối đoái

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10: Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá hối đoái

- Chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành và các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên

CHƯƠNG 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TRONG CÁC CÔNG TY

*Chương 5 giới thiệu và tập trung vào vấn đề lập báo cáo tài chính hợp nhất (khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và phương pháp lập).*

**5.1. Khái niệm và ý nghĩa của báo cáo tài chính hợp nhất**

5.1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất

5.1.2. Ý nghĩa của báo cáo tài chính hợp nhất

**5.2. Các đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất**

**5.3. Nguyên tắc và quy trình lập báo cáo tài chính hợp nhất**

5.3.1. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

5.3.2. Quy trình lập báo cáo tài chính hợp nhất

**5.4. Lập báo cáo tài chính hợp nhất**

5.4.1. Lập bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.4.2. Lập báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

5.4.3. Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

**5.5. Chuyển đổi và hợp nhất báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ**

5.5.1. Chuyển đổi bảng cân đối kế toán

5.5.2. Chuyển đổi báo cáo kết quả kinh doanh

5.5.3 Chuyển đổi báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tài liệu tham khảo của Chương:

- Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 3: Hợp nhất kinh doanh

- Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 10: Báo cáo tài chính hợp nhất

- Chuẩn mực kế toán quốc tế số 1: Trình bày báo cáo tài chính

- Chuẩn mực kế toán quốc tế số 7: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11: Hợp nhất kinh doanh

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25: Báo cáo tài chính hợp nhất

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21: Trình bày báo cáo tài chính

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

**6. GIÁO TRÌNH:**

Giáo trình Kế toán tài chính, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân

**7. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế, Hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế,

- Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và chuẩn mực kế toán Việt Nam,

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn của giảng viên.

**8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Tham dự: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 30%

+ Thi cuối kỳ: 60%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập do giảng viên quy định. Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2019*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **PGS.TS. Trần Văn Thuận** | **HIỆU TRƯỞNG**  **PGS.TS. Phạm Hồng Chương** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Phân tích dữ liệu trong kế toán**

Tiếng Anh: **Data Analytics for Accounting**

Mã học phần: **KTHT1104** Số tín chỉ: 03

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

* Kế toán quản trị 1
* Kế toán tài chính 1
* Kiểm toán căn bản
* Hệ thống thông tin kế toán 1

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần trang bị kiến thức về phân tích dữ liệu trong kế toán. Học phần cung cấp các kỹ thuật, công cụ phân tích dữ liệu để ra quyết định kinh doanh và khám phá dữ liệu lớn liên quan đến thông tin kế toán. Ngoài ra thông qua việc thực hành phân tích dữ liệu kế toán, học phần sẽ phát triển các kỹ năng sử dụng các công cụ phần mềm dùng trong phân tích dữ liệu cho các chuyên gia kế toán trong tương lai.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Phân tích dữ liệu đã trở thành một kỹ năng bắt buộc đối với tất cả các nhà quản lý doanh nghiệp và đặc biệt là kế toán viên, những người thường biết cả dữ liệu bên trong và bên ngoài tốt hơn so với các đối tác của họ trong các lĩnh vực khác của doanh nghiệp.

Học phần này tập trung vào phân tích dữ liệu cho kế toán viên và các chuyên gia tài chính. Các kỹ thuật nhằm thu thập dữ liệu, làm sạch và phân tích dữ liệu và lưu trữ vào kho dữ liệu khác được thảo luận. Học phần còn cung cấp một cái nhìn tổng quan về phân tích dữ liệu cho kế toán, xem xét xu hướng lớn của 'Dữ liệu lớn', trí tuệ nhân tạo và robot đang tác động và định hình các hoạt động kế toán, báo cáo tài chính và kiểm toán hiện tại và khả năng của chúng đối với các hoạt động trong tương lai. Học phần cũng giúp sinh viên khám phá dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo hiện đang được sử dụng trong thực hành kế toán và tiềm năng của các kỹ thuật này để định hình các thực tiễn trong tương lai trong các lĩnh vực cụ thể như đo lường và dự báo kế toán, lấy mẫu trong kiểm toán…

Mục tiêu môn học còn hướng tới giúp người học xây dựng cho mình khả năng phát triển tư duy hệ thống, nhìn nhận và đánh giá một nghiệp vụ trong quan hệ với các yếu tố khác trong tổng thể thông qua các bài tập tình huống, các bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm liên quan đến khám phá và phân tích dữ liệu trong kế toán.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chương** | **Tổng**  **số tiết** | **Trong đó** | | **Ghi chú** |
| **Lý thuyết** | **Thảo luận – Bài tập – Thực hành** |  |
| Chương 1: Giới thiệu về Phân tích dữ liệu lớn trong kế toán và trong kinh doanh | 6 | 6 |  |  |
| Chương 2: Tổ chức dữ liệu trong phân tích kế toán | 6 | 6 |  | Lưu ý anh Thuận |
| Chương 3: Các phương pháp phân tích dữ liệu lớn trong kế toán | 9 | 5 | 4 |  |
| Chương 4: Sử dụng công cụ hình ảnh hóa để phân tích và báo cáo dữ liệu lớn trong kế toán | 7 | 5 | 2 |  |
| Chương 5: Phân tích dữ liệu lớn trong kiểm toán | 6 | 4 | 2 | Lưu ý cô hoa |
| Chương 6: phân tích dữ liệu lớn để đo lường hiệu quả hoạt động doanh nghiệp | 5 | 4 | 1 | Lưu ý Cô Hoa (Sự khác biệt) |
| Chương 7: Phân tích báo cáo tài chính trong điều kiện **XbrL** | 6 | 5 | 1 |  |
| **Tổng cộng** | **45** | **35** | **10** |  |

Chương 1. giới thiệu về Phân tích dữ liệu LỚN trong kế toán và trong kinh doanh

Chương này khái quát về các vấn đề cơ bản về Phân tích dữ liệu trong kế toán và trong kinh doanh

**1.1.Khái niệm về phân tích dữ liệu**

**1.2.Phân tích dữ liệu ảnh hưởng thế nào tới kinh doanh**

**1.3.Phân tích dữ liệu ảnh hưởng thế nào tới kế toán**

**1.4.Quá trình phân tích dữ liệu sử dụng mô hình IMPACT**

**1.5.Những kỹ năng cần thiết của kế toán trong việc phân tích dữ liệu**

**1.6.Ví dụ về mô hình IMPACT**

***Tài liệu tham khảo:***

- Vernon Richardson, Katie Terrell and Ryan Teeter (2014): Data Analytics for Accounting 1st Edition, McGraw-Hill Education, ISBN-10: 9781260375

- Jim Lindell (2018), Analytics and Big Data for Accountants, Wiley&Sons

-Johannes Ledolter *(2013) Data Mining and Business Analytics with* **R** Statistical Software*,* Wiley (2013), ISBN-13: 978-1118447147;

- Gareth James, Daniela Witten, Trevor Hastie, Robert Tibshirani (2013), *An Introduction to Statistical Learning with Application in* **R** Statistical Software, Springer ; ISBN-13: 978-1461471370;

## -Trevor Hastie, Robert Tibshirani and Jerome Friedman (2009), *Elements of Statistical Learning: Data Mining, Inference, and Prediction,* Second Edition, springer Science

-Galit Shmueli, Nitin R. Patel, Peter C. Bruce, 2 edition (October 26, 2010), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in Microsoft Office Excel with XLMiner, Wiley; ISBN-10: 0470526823; ISBN-13: 978-0470526828

-Galit Shmueli, Peter C. Bruce, InBal Yahav, Nitin R. Patel, Kenneth C.Lichtendahn,Jr (2018), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in R, Wiley;

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC DỮ LIỆU TRONG PHÂN TÍCH KẾ TOÁN

Chương này đề cập đến các vấn để tổ chức dữ liệu phục vụ cho việc phân tích dữ liệu trong kế toán.

**1.1. Dữ liệu được sử dụng và lưu trữ như thế nào trong chu trình kế toán**

**1.2. Dữ liệu và mối quan hệ trong cơ sở dữ liệu quan hệ**

**1.3. Từ điển dữ liệu**

**1.4. Trích rút dữ liệu, chuyển đổi dữ liệu, tải dữ liệu chuẩn bị phân tích**

1.4.1. Trích rút dữ liệu

1.4.2.Chuyển đổi dữ liệu

1.4.3.Tải dữ liệu chuẩn bị cho phân tích

***Tài liệu tham khảo:***

- Vernon Richardson, Katie Terrell and Ryan Teeter (2014): Data Analytics for Accounting 1st Edition, McGraw-Hill Education, ISBN-10: 9781260375

- Jim Lindell (2018), Analytics and Big Data for Accountants, Wiley&Sons

-Johannes Ledolter *(2013) Data Mining and Business Analytics with* **R** Statistical Software*,* Wiley (2013), ISBN-13: 978-1118447147;

- Gareth James, Daniela Witten, Trevor Hastie, Robert Tibshirani (2013), *An Introduction to Statistical Learning with Application in* **R** Statistical Software, Springer ; ISBN-13: 978-1461471370;

-Trevor Hastie, Robert Tibshirani and Jerome Friedman, *Elements of Statistical Learning: Data Mining, Inference, and Prediction*

-Galit Shmueli, Nitin R. Patel, Peter C. Bruce, 2 edition (October 26, 2010), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in Microsoft Office Excel with XLMiner, Wiley; ISBN-10: 0470526823; ISBN-13: 978-0470526828

-Galit Shmueli, Peter C. Bruce, InBal Yahav, Nitin R. Patel, Kenneth C.Lichtendahn,Jr (2018), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in R, Wiley;

Chương 3 . CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH dữ liệu LỚN TRONG KẾ TOÁN

Chương này đề cập đến các kỹ thuật và các loại mô hình dữ liệu kế toán

**3.1.Khái quát mô hình hóa dữ liệu kế toán**

**3.2.Các loại mô hình dữ liệu kế toán**

**3.3.Khám phá dữ liệu kế toán**

**3.4.Phân tích dữ liệu kế toán và xây dựng mô hình trong kế toán**

***Tài liệu tham khảo:***

- Vernon Richardson, Katie Terrell and Ryan Teeter (2014): Data Analytics for Accounting 1st Edition, McGraw-Hill Education, ISBN-10: 9781260375

- Jim Lindell (2018), Analytics and Big Data for Accountants, Wiley&Sons

-Johannes Ledolter *(2013) Data Mining and Business Analytics with* **R** Statistical Software*,* Wiley (2013), ISBN-13: 978-1118447147;

- Gareth James, Daniela Witten, Trevor Hastie, Robert Tibshirani (2013), *An Introduction to Statistical Learning with Application in* **R** Statistical Software, Springer ; ISBN-13: 978-1461471370;

-Trevor Hastie, Robert Tibshirani and Jerome Friedman, *Elements of Statistical Learning: Data Mining, Inference, and Prediction*

-Galit Shmueli, Nitin R. Patel, Peter C. Bruce, 2 edition (October 26, 2010), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in Microsoft Office Excel with XLMiner, Wiley; ISBN-10: 0470526823; ISBN-13: 978-0470526828

-Galit Shmueli, Peter C. Bruce, InBal Yahav, Nitin R. Patel, Kenneth C.Lichtendahn,Jr (2018), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in R, Wiley;

Chương 4: SỬ DỤNG CÁC cÔNG CỤ HÌNH ẢNH HÓA ĐỂ PHÂN TÍCH VÀ BÁO CÁO dữ liệu LỚN TRONG KẾ TOÁN

Chương này đề cập đến các công cụ trực quan mô tả dữ liệu kế toán.

**4.1. Khái quát về công cụ trực quan mô tả dữ liệu kế toán**

**4.2. Các công cụ trực quan mô tả dữ liệu kế toán**

***Tài liệu tham khảo:***

- Vernon Richardson, Katie Terrell and Ryan Teeter (2014): Data Analytics for Accounting 1st Edition, McGraw-Hill Education, ISBN-10: 9781260375

- Jim Lindell (2018), Analytics and Big Data for Accountants, Wiley&Sons

-Johannes Ledolter *(2013) Data Mining and Business Analytics with* **R** Statistical Software*,* Wiley (2013), ISBN-13: 978-1118447147;

- Gareth James, Daniela Witten, Trevor Hastie, Robert Tibshirani (2013), *An Introduction to Statistical Learning with Application in* **R** Statistical Software, Springer ; ISBN-13: 978-1461471370;

-Trevor Hastie, Robert Tibshirani and Jerome Friedman, *Elements of Statistical Learning: Data Mining, Inference, and Prediction*

-Galit Shmueli, Nitin R. Patel, Peter C. Bruce, 2 edition (October 26, 2010), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in Microsoft Office Excel with XLMiner, Wiley; ISBN-10: 0470526823; ISBN-13: 978-0470526828

-Galit Shmueli, Peter C. Bruce, InBal Yahav, Nitin R. Patel, Kenneth C.Lichtendahn,Jr (2018), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in R, Wiley;

Chương 5: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU LỚN TRONG KIỂM TOÁN

Chương này đề cập đến các kỹ thuật phân tích dữ liệu trong kiểm toán hiện đại và kiểm toán liên tục. Đồng thời giới thiệu các kỹ thuật phân tích dữ liệu lớn trong kiểm toán

**5.1. Kiểm toán hiện đại và kiểm toán liên tục**

**5.2. Khái quát chung về phân tích dữ liệu lớn trong kiểm toán**

**5.3. Thực hiện phân tích dữ liệu lớn trong kiểm toán**

***Tài liệu tham khảo:***

- Vernon Richardson, Katie Terrell and Ryan Teeter (2014): Data Analytics for Accounting 1st Edition, McGraw-Hill Education, ISBN-10: 9781260375

- Jim Lindell (2018), Analytics and Big Data for Accountants, Wiley&Sons

-Johannes Ledolter *(2013) Data Mining and Business Analytics with* **R** Statistical Software*,* Wiley (2013), ISBN-13: 978-1118447147;

- Gareth James, Daniela Witten, Trevor Hastie, Robert Tibshirani (2013), *An Introduction to Statistical Learning with Application in* **R** Statistical Software, Springer ; ISBN-13: 978-1461471370;

-Trevor Hastie, Robert Tibshirani and Jerome Friedman, *Elements of Statistical Learning: Data Mining, Inference, and Prediction*

-Galit Shmueli, Nitin R. Patel, Peter C. Bruce, 2 edition (October 26, 2010), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in Microsoft Office Excel with XLMiner, Wiley; ISBN-10: 0470526823; ISBN-13: 978-0470526828

-Galit Shmueli, Peter C. Bruce, InBal Yahav, Nitin R. Patel, Kenneth C.Lichtendahn,Jr (2018), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in R, Wiley;

Chương 6: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU LỚN ĐỂ ĐO LƯỜNG HIỆU quả HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Chương này đề cập đến các thước đo thành quả trong một tổ chức.

**6.1. Khái quát về các thước đo thành quả**

**6.2. Các thước đo tài chính**

**6.3. Các thước đo phi tài chính**

***Tài liệu tham khảo:***

- Vernon Richardson, Katie Terrell and Ryan Teeter (2014): Data Analytics for Accounting 1st Edition, McGraw-Hill Education, ISBN-10: 9781260375

- Jim Lindell (2018), Analytics and Big Data for Accountants, Wiley&Sons

-Johannes Ledolter *(2013) Data Mining and Business Analytics with* **R** Statistical Software*,* Wiley (2013), ISBN-13: 978-1118447147;

- Gareth James, Daniela Witten, Trevor Hastie, Robert Tibshirani (2013), *An Introduction to Statistical Learning with Application in* **R** Statistical Software, Springer ; ISBN-13: 978-1461471370;

-Trevor Hastie, Robert Tibshirani and Jerome Friedman, *Elements of Statistical Learning: Data Mining, Inference, and Prediction*

-Galit Shmueli, Nitin R. Patel, Peter C. Bruce, 2 edition (October 26, 2010), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in Microsoft Office Excel with XLMiner, Wiley; ISBN-10: 0470526823; ISBN-13: 978-0470526828

-Galit Shmueli, Peter C. Bruce, InBal Yahav, Nitin R. Patel, Kenneth C.Lichtendahn,Jr (2018), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in R, Wiley;

Chương 7: phân tích báo cáo tài chính trong điều kiện XbrL

Chương này đề cập đến viện sử dụng dữ liệu báo cáo tài chính trong phân tích dữ liệu lớn của một tổ chức.

**7.1. Khái quát dữ liệu báo cáo tài chính**

**7.2. Sử dụng dữ liệu báo cáo tài chính trong phân tích dữ liệu kế toán**

***Tài liệu tham khảo:***

- Vernon Richardson, Katie Terrell and Ryan Teeter (2014): Data Analytics for Accounting 1st Edition, McGraw-Hill Education, ISBN-10: 9781260375

- Jim Lindell (2018), Analytics and Big Data for Accountants, Wiley&Sons

-Johannes Ledolter *(2013) Data Mining and Business Analytics with* **R** Statistical Software*,* Wiley (2013), ISBN-13: 978-1118447147;

- Gareth James, Daniela Witten, Trevor Hastie, Robert Tibshirani (2013), *An Introduction to Statistical Learning with Application in* **R** Statistical Software, Springer ; ISBN-13: 978-1461471370;

-Trevor Hastie, Robert Tibshirani and Jerome Friedman, *Elements of Statistical Learning: Data Mining, Inference, and Prediction*

-Galit Shmueli, Nitin R. Patel, Peter C. Bruce, 2 edition (October 26, 2010), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in Microsoft Office Excel with XLMiner, Wiley; ISBN-10: 0470526823; ISBN-13: 978-0470526828

-Galit Shmueli, Peter C. Bruce, InBal Yahav, Nitin R. Patel, Kenneth C.Lichtendahn,Jr (2018), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in R, Wiley;

**7. GIÁO TRÌNH:**

- Vernon Richardson, Katie Terrell and Ryan Teeter (2014): Data Analytics for Accounting 1st Edition, McGraw-Hill Education, ISBN-10: 9781260375

- Jim Lindell (2018), Analytics and Big Data for Accountants, Wiley&Sons

-Johannes Ledolter *(2013) Data Mining and Business Analytics with* **R** Statistical Software*,* Wiley (2013), ISBN-13: 978-1118447147;

- Gareth James, Daniela Witten, Trevor Hastie, Robert Tibshirani (2013), *An Introduction to Statistical Learning with Application in* **R** Statistical Software, Springer ; ISBN-13: 978-1461471370;

-Trevor Hastie, Robert Tibshirani and Jerome Friedman, *Elements of Statistical Learning: Data Mining, Inference, and Prediction*

-Galit Shmueli, Nitin R. Patel, Peter C. Bruce, 2 edition (October 26, 2010), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in Microsoft Office Excel with XLMiner, Wiley; ISBN-10: 0470526823; ISBN-13: 978-0470526828

-Galit Shmueli, Peter C. Bruce, InBal Yahav, Nitin R. Patel, Kenneth C.Lichtendahn,Jr (2018), Data Mining for Business Intelligence: Concepts, Techniques, and Applications in R, Wiley;

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

-Anil K.MaheshWari (2015), Business Intelligence and Data Mining, Business Expert press, ISBN-13: 978-1-63157- 120-6

-Derek Hansen, Ben Shneiderman and Marc A. Smith, 1 edition (September 10, 2010), Analyzing Social Media Networks with NodeXL: Insights from a Connected World, Morgan Kaufmann; ISBN-10: 0123822297; ISBN-13: 978-0123822291

-David S.Moore 2nd ed. (2000) The Basic practice of statistics, W.H. Freeman

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 30% (02 bài kiểm tra, mỗi bài kiểm tra 15%)

+ Thi cuối học kỳ: 60%

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần.

+ Sinh viên phải có tối thiểu 1 bài kiểm tra giữa kỳ

+ Làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên bổ sung.

+ Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp.

**10. GIẢNG VIÊN**

- Họ và tên giảng viên phụ trách môn học: TS.Trần Trung Tuấn

- Họ và tên giảng viên tham gia giảng dạy: TS.Trần Trung Tuấn, TS.Nguyễn Thanh Hiếu, TS.Đinh Thế Hùng, PGS.TS.Phạm Đức Cường, PGS.TS.Nguyễn Hữu Ánh, TS.Hà Hồng Hạnh, ThS.NCS.Trương Văn Tú

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **TS. Trần Trung Tuấn** | HIỆU TRƯỞNG  **PGS.TS Phạm Hồng Chương** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kiểm soát quản lý**

Tiếng Anh: **Management Control**

Mã học phần: **KTKI1105** số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kiểm toán**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa mác Lênin 1, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Kiểm toán căn bản, Nguyên lý kế toán, Kế toán quản trị

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần Kiểm soát quản lý giới thiệu những vấn đề chung về kiểm soát quản lý (kiểm soát trong quản lý, kiểm soát trong các mô hình tổ chức theo chức năng, theo khối kinh doanh, kiểm soát tính giá chuyển giao giữa các đơn vị thành viên…), đặc điểm kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp, trong các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và trong các tổ chức phi lợi nhuận.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục đích của học này là trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng thực hành về các vấn đề cơ bản của kiểm soát quản lý (kiểm soát giá chuyển giao giữa các đơn vị thành viên, kiểm soát quản lý trong các mô hình tổ chức, các trung tâm trách nhiệm của một đơn vị hay một tổ chức…), và các hoạt động cần được tiến hành trong quy trình kiểm soát quản lý (lập kế hoạch, dự toán, theo dõi đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán và điều chỉnh hoạt động).

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | Thời gian (tiết) | | |
| Tổng số | Giảng | Bài tập và thảo luận |
| Ch­ương 1: Bản chất của hệ thống kiểm soát quản lý | 6 | 4 | 2 |
| Ch­ương 2: Kiểm soát quản lý theo các mô hình doanh nghiệp | 5 | 3 | 2 |
| Chương 3: Kiểm soát quản lý các trung tâm trách nhiệm | 4 | 2 | 2 |
| Chương 4: Kiểm soát tính giá chuyển giao | 4 | 3 | 1 |
| Chương 5: Lập kế hoạch thực hiện chiến lược với vấn đề kiểm soát | 4 | 3 | 1 |
| Chương 6: Lập dự toán hoạt động với vấn đề kiểm soát | 4 | 3 | 1 |
| Ch­ương 7: Phân tích báo cáo hoạt động nhằm mục tiêu kiểm soát | 5 | 3 | 2 |
| Ch­ương 8: Đo lường và đánh giá các hoạt động | 5 | 3 | 2 |
| Chương 9: Khen thư­ởng và đãi ngộ trong doanh nghiệp | 4 | 3 | 1 |
| Chương 10: Đặc điểm kiểm soát quản lý trong các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức phi lợi nhuận | 4 | 2 | 2 |
| Tổng | 45 | 29 | 16 |

Chương 1: BẢN CHẤT CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT QUẢN LÝ

*Kiểm soát là một chức năng của quản lý, có vai trò giúp nhà quản lý hiện thực hoá mục tiêu đã xác lập. Chương 1 giới thiệu khái niệm và các loại kiểm soát, khái niệm, nội dung và các đặc tính của kiểm soát quản lý, phân biệt kiểm soát quản lý với kiểm soát tác nghiệp.*

**1.1 Kiểm soát và các loại kiểm soát**

**1.2 Khái niệm và nội dung của kiểm soát quản lý**

**1.3 Các đặc tính của kiểm soát quản lý**

**1.4 So sánh kiểm soát quản lý và kiểm soát tác nghiệp**

**1.5 Đánh giá các hệ thống kiểm soát quản lý**

**1.6 Các nhân tố ảnh hưởng đến việc thiết kế hệ thống kiểm soát quản lý**

**Tài liệu tham khảo:**

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (2011) ***Giáo trình Kiểm soát quản lý***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 1

Anthony R. and Govindarajan V. (2003) ***Management Control Systems***, McGraw Hill, USA, Chương 1.

Merchant K.A. and Van der Stede, W. A. (2007) ***Management Control Systems: Performance Measurement, Evaluation and Incentives***, 2nd edition, Pearson Education Limited, England, Chương 1, 2, 3.

**Chương 2: KIỂM SOÁT QUẢN LÝ THEO CÁC MÔ HÌNH DOANH NGHIỆP**

*Kiểm soát quản lý là hoạt động theo dõi để điều tiết của nhà quản lý đối với các thành viên trong đơn vị nhằm thực hiện mục tiêu của đơn vi. Do đó, để hoạt động kiểm soát phát huy được hiệu lực, mục tiêu của đơn vị và mục tiêu của các thành viên cần được gắn kết với nhau. Chương 2 đề cập đến các mục tiêu của doanh nghiệp, vấn đề thống nhất mục tiêu của doanh nghiệp và mục tiêu của các thành viên, các nhân tố ảnh hưởng đến việc thống nhất mục tiêu, và đặc điểm kiểm soát quản lý trong các mô hình tổ chức.*

**2.1 Mục tiêu của doanh nghiệp**

**2.2 Thống nhất các mục tiêu trong doanh nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng**

**2.3 Đặc điểm kiểm soát quản lý trong các mô hình tổ chức doanh nghiệp**

2.3.1 Doanh nghiệp tổ chức theo chức năng

2.3.2 Doanh nghiệp tổ chức theo khối kinh doanh

2.3.3 Doanh nghiệp tổ chức theo kiểu ma trận

**Tài liệu tham khảo:**

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (2011) ***Giáo trình Kiểm soát quản lý***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 2

Anthony R. and Govindarajan V. (2003) ***Management Control Systems***, McGraw Hill, USA, Chương 3

Merchant K.A. and Van der Stede, W. A. (2007) ***Management Control Systems: Performance Measurement, Evaluation and Incentives***, 2nd edition, Pearson Education Limited, England, Chương 3, 13

Chương 3: KIỂM SOÁT QUẢN LÝ CÁC TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM

*Mỗi đơn vị đều được tổ chức thành các bộ phận với các chức năng và nhiệm vụ cụ thể (được gọi là trung tâm trách nhiệm). Tuỳ theo chức năng và nhiệm vụ của trung tâm, kết quả của trung tâm mà cách thức kiểm soát quản lý đối với các trung tâm có sự khác biệt. Để kiểm soát quản lý phát huy tác dụng, nhà quản lý cần hiểu được đặc điểm của các trung tâm để thực hiện hoạt động kiểm soát. Chương 3 tập trung giới thiệu các loại trung tâm trách nhiệm, đặc điểm kiểm soát quản lý trong từng trung tâm, cơ sở hình thành các trung tâm trách nhiệm.*

**3.1 Khái quát về các trung tâm trách nhiệm**

**3.2 Đặc điểm kiểm soát quản lý ở các loại hình trung tâm trách nhiệm**

**3.3 Lợi ích của việc thiết kế các trung tâm trách nhiệm**

**3.4 Những cơ sở để hình thành các trung tâm trách nhiệm**

**3.5 Đo lường và đãi ngộ hoạt động của nhà quản lý trung tâm trách nhiệm**

**Tài liệu tham khảo:**

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (2011) ***Giáo trình Kiểm soát quản lý***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 3

Anthony R. and Govindarajan V. (2003) ***Management Control Systems***, McGraw Hill, USA, Chương 4, 5

Merchant K.A. and Van der Stede, W. A. (2007) ***Management Control Systems: Performance Measurement, Evaluation and Incentives***, 2nd edition, Pearson Education Limited, England, Chương 7.

Chương 4: KIỂM SOÁT TÍNH GIÁ CHUYỂN GIAO

*Tính giá chuyển giao được thực hiện khi doanh nghiệp có các giao dịch mua bán nội bộ. Giá chuyển giao quá cao hay quá thấp đều có thể ảnh hưởng không tích cực đến lợi nhuận chung của doanh nghiệp. Vì thế, kiểm soát tính giá chuyển giao cần được thực hiện để bảo đảm mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp. Chương 4 giới thiệu các mục tiêu của tính giá chuyển giao, các phương pháp tính giá chuyển giao và nội dung kiểm soát tính giá chuyển giao.*

**4.1 Mục tiêu của tính giá chuyển giao**

**4.2 Các phương pháp tính giá chuyển giao**

**4.3 Kiểm soát tính giá chuyển giao**

4.3.1 Kiểm soát vi mô tính giá chuyển giao

4.3.2 Kiểm soát vĩ mô tính giá chuyển giao

**Tài liệu tham khảo:**

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (2011) ***Giáo trình Kiểm soát quản lý***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 4

Anthony R. and Govindarajan V. (2003) ***Management Control Systems***, McGraw Hill, USA, Chương 6

Merchant K.A. and Van der Stede, W. A. (2007) ***Management Control Systems: Performance Measurement, Evaluation and Incentives***, 2nd edition, Pearson Education Limited, England, Chương 8, 16.

Chương 5: LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC VỚI VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT

*Kế hoạch thực hiện chiến lược xác lập những chương trình, dự án để thực hiện chiến lược. Kế hoạch thực hiện chiến lược tốt do đó là một trong những cơ sở để nhà quản lý theo dõi hoạt động thực tế. Để có được kế hoạch tốt, việc phân tích đánh giá chương trình dự án để lựac họn có vai trò rất quan trọng. Chương 5 giới thiệu bản chất và vai trò của lập kế hoạch thực hiện chiến lược trong kiểm soát quản lý, các vấn đề cần chú trọng khi phân tích chương trình dự án (bao gồm chương trình dự án mới và chương trình dự án đang thực hiện) để lựa chọn.*

**5.1 Bản chất và vai trò của lập kế hoạch trong kiểm soát quản lý**

**5.2 Phân tích ch­ương trình dự án sản xuất kinh doanh mới**

**5.3 Phân tích, đánh giá các chư­ơng trình, dự án sản xuất kinh doanh đang thực hiện**

**5.4 Quá trình lập kế hoạch**

**Tài liệu tham khảo:**

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (2011) ***Giáo trình Kiểm soát quản lý***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 5

Anthony R. and Govindarajan V. (2003) ***Management Control Systems***, McGraw Hill, USA, Chương 8

Merchant K.A. and Van der Stede, W. A. (2007) ***Management Control Systems: Performance Measurement, Evaluation and Incentives***, 2nd edition, Pearson Education Limited, England, Chương 8.

Chương 6: LẬP DỰ TOÁN HOẠT ĐỘNG VỚI VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT

*Dự toán là những dự kiến chi tiết về các khoản thu chi trong kỳ tương lai. Dự toán đáng tin cậy do đó là cơ sở hữu hiệu để kiểm soát thu chi của hoạt động thực tế. Chương 6 đề cập đến các vấn đề cần giải quyết để có được dự toán đáng tin cậy, bao gồm qui trình lập dự toán, các khía cạnh hành vi trong lập dự toán, kỹ thuật lập dự toán. Chương 6 cũng đề cập đến các loại dự toán khác nhau, phát huy tác dụng kiểm soát trong các điều kiện khác nhau.*

**6.1 Khái quát về dự toán hoạt động với kiểm soát**

**6.2 Quy trình lập dự toán hoạt động**

**6.3 Các khía cạnh hành vi trong lập dự toán hoạt động cần kiểm soát**

**6.4 Một số cách phân loại dự toán**

**Tài liệu tham khảo:**

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (2011) ***Giáo trình Kiểm soát quản lý***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 6

Anthony R. and Govindarajan V. (2003) ***Management Control Systems***, McGraw Hill, USA, Chương 9

Merchant K.A. and Van der Stede, W. A. (2007) ***Management Control Systems: Performance Measurement, Evaluation and Incentives***, 2nd edition, Pearson Education Limited, England, Chương 8.

Chương 7: PHÂN TÍCH BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NHẰM MỤC TIÊU KIỂM SOÁT

*Dự toán sau khi được lập là cơ sở để theo dõi hoạt động thực tế. Những chênh lệch đáng kể giữa thực tế và dự toán cần được phân tích nguyên nhân để có biện pháp điều chỉnh vì chênh lệch đáng kể có thể làm đơn vị chệch xa mục tiêu đã xác lập. Chương 7 giới thiệu về mục đíhc và vai trò của xác định chênh lệch, cách tính các loại chênh lệch, vấn đề xác dịnh nguyên nhânvà báo cáo chênh lệch, và những hạn chế của phân tích chênh lệch.*

**7.1 Mục đích và vai trò của xác định chênh lệch giữa thực tế hoạt động và dự toán**

**7.2 Tính toán chênh lệch**

**7.3 Xác định nguyên nhân và báo cáo chênh lệch**

**7.4 Các cách tiếp cận trong phân tích báo cáo hoạt động**

**7.5 Hạn chế của phân tích chênh lệch trong Báo cáo hoạt động**

**Tài liệu tham khảo:**

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (2011) ***Giáo trình Kiểm soát quản lý***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 7

Anthony R. and Govindarajan V. (2003) ***Management Control Systems***, McGraw Hill, USA, Chương 10

Merchant K.A. and Van der Stede, W. A. (2007) ***Management Control Systems: Performance Measurement, Evaluation and Incentives***, 2nd edition, Pearson Education Limited, England, Chương 8.

Chương 8: ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG

*Đo lường đánh giá hoạt động thực tế sử dụng dự toán có nhiều ưu điểm về tính hiệu quả, tính kịp thời... Tuy nhiên, việc đánh giá hoạt động theo các chỉ tiêu tài chính thuần tuý cũng có những hạn chế. Do đó kiểm soát quản lý kết hợp các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính trong đánh giá hoạt động. Chương 8 khái quát các phương pháp đo lường đánh giá hoạt động, giới thiệu phương pháp đánh giá hoạt động sử dụng Bảng điểm cân bằng (kết hợp chỉ tiêu tài chính và phi tài chính).*

**8.1 Hệ thống phư­ơng pháp đo lường đánh giá hoạt động**

**8.2 Các phương pháp đo l­ường, đánh gía kết quả hoạt động**

**8.3 Các cấp độ của kiểm soát**

**Tài liệu tham khảo:**

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (2011) ***Giáo trình Kiểm soát quản lý***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 8

Anthony R. and Govindarajan V. (2003) ***Management Control Systems***, McGraw Hill, USA, Chương 11

Merchant K.A. and Van der Stede, W. A. (2007) ***Management Control Systems: Performance Measurement, Evaluation and Incentives***, 2nd edition, Pearson Education Limited, England, Chương 8, 12

Chương 9: KHEN THƯ­ỞNG VÀ ĐÃI NGỘ TRONG DOANH NGHIỆP

*Khen thưởng và đãi ngộ có vai trò khích lệ người lao động tích cực đóng góp thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp. Do đó khen thưởng và đãi ngộ có tác dụng hiệu lực hoá các biện pháp điều tiết mà nhà quản lý đưa ra khi thực hiện kiểm soát quản lý. Chương 9 giới thiệu về vai trò của khen thưởng và đãi ngộ, các chương trình khen thưởng và đãi ngộ khác nhau (trong ngắn và dài hạn) và điều kiện áp dụng, cũng như đặc điểm khen thưởng đãi ngộ dành cho các cấp quản lý khác nhau.*

**9.1 Kh ái quát về khen th­ưởng và đãi ngộ trong doanh nghiệp**

**9.2 Nội dung ch­ương trình khen thư­ởng và đãi ngộ trong đơn vị hay tổ chức**

**9.3 Chư­ơng trình đãi ngộ dành cho các cấp quản lý khác nhau**

**Tài liệu tham khảo:**

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (2011) ***Giáo trình Kiểm soát quản lý***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 9

Anthony R. and Govindarajan V. (2003) ***Management Control Systems***, McGraw Hill, USA, Chương 12

Merchant K.A. and Van der Stede, W. A. (2007) ***Management Control Systems: Performance Measurement, Evaluation and Incentives***, 2nd edition, Pearson Education Limited, England, Chương 9.

Chương 10: ĐẶC ĐIỂM KIỂM SOÁT QUẢN LÝ TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC PHI LỢI NHUẬN

*Kiểm soát quản lý trong các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và tổ chức phi lợi nhuận cũng bao gồm các nội dung chung như lập kế hoạch, dự toán, đánh giá hoạt động và đãi ngộ. Tuy nhiên, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và tổ chức phi lợi nhuận không theo đuổi mục tiêu lợi nhuận như doanh nghiệp nên kiểm soát quản lý cũng có những nét đặc thù. Chương 10 phân tích các đặc điểm của kiểm soát quản lý trong đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, trong tổ chức phi lợi nhuận và nhấn mạnh sự phù hợp của Bảng điểm cân bằng trong kiểm soát quản lý ở các đơn vị này.*

**10.1 Đặc điểm kiểm soát quản lý trong các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước**

**10.2 Đặc điểm kiểm soát quản lý trong các tổ chức phi lợi nhuận**

**10.3 Đặc điểm Bảng điểm cân bằng của đơn vị sử dụng ngân sách và tổ chức phi lợi nhuận**

**Tài liệu tham khảo:**

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (2011) ***Giáo trình Kiểm soát quản lý***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 10

Anthony R. and Govindarajan V. (2003) ***Management Control Systems***, McGraw Hill, USA, Chương 14

Merchant K.A. and Van der Stede, W. A. (2007) ***Management Control Systems: Performance Measurement, Evaluation and Incentives***, 2nd edition, Pearson Education Limited, England, Chương 17.

**7. GIÁO TRÌNH**

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (2011) ***Giáo trình Kiểm soát quản lý***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Anthony R. and Govindarajan V. (2003) ***Management Control Systems***, McGraw Hill, USA

- Merchant K.A. and Van der Stede, W. A. (2007) ***Management Control Systems: Performance Measurement, Evaluation and Incentives***, 2nd edition, Pearson Education Limited, England

- Giáo trình Lý thuyết kiểm toán, GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa (Đồng Chủ biên), NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, 2017

- Giáo trình Kiểm toán tài chính, GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (Đồng Chủ biên), NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, 2014

- Giáo trình Kiểm toán hoạt động, GS. TS. Nguyễn Quang Quynh (Chủ biên), NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, 2009

- Các Giáo trình về Quản trị doanh nghiệp, Quản trị học, Kế toán quản trị, Phân tích kinh doanh, Tài chính công

- Luật Ngân sách nhà nước, các qui định pháp lý (về tiền lương, về tính giá chuyển giao...)

- Các tạp chí Kiểm toán, Kế toán, Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán, Kinh tế và phát triển, Phát triển Kinh tế….

- Các tài liệu về Kiểm soát quản lý nước ngoài nêu ở mục Tài liệu tham khảo Giáo trình Kiểm soát quản lý

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối học kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2018* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN | HIỆU TRƯỞNG |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO HÌNH: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Tiếng Anh ngành Kế toán**

Tiếng Anh: **English for Accounting**

Mã học phần: **KTTC1112** Tổng số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:**

**Bộ môn Kế toán Tài chính**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

- Tiếng Anh cơ bản.

- Nguyên lý kế toán.

- Kế toán tài chính.

- Kế toán quản trị.

- Kiểm toán căn bản.

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần Tiếng Anh ngành Kế toán giới thiệu những thuật ngữ và khái niệm cơ bản về kế toán, kiểm toán bằng tiếng Anh. Sinh viên sẽ được học tiếng Anh chuyên ngành kế toán, kiểm toán thông qua 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Môn học này sẽ hữu ích cho việc cải thiện tiếng Anh trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán cho sinh viên, giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng nhiều tiếng Anh.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Sau khi học xong môn học này, thông qua việc học tiếng Anh, sinh viên có thể

* Hiểu được bản chất và ý nghĩa của kế toán và kiểm toán.
* Phân biệt được sự khác nhau giữa các loại hình kế toán.
* Giải thích được tầm quan trọng của kế toán và kiểm toán.
* Hiểu được cách lập và ý nghĩa của các báo cáo kế toán và kiểm toán.
* Cải thiện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần/Chương** | **Thời gian (tiết 60 phút)** | | |
| **Tổng số** | **Giảng** | **Bài tập và Thảo luận** |
| Chương 1:  Tiếng Anh trong Kế toán tài chính | **13,0** | **7** | **6,0** |
| Chương 2:  Tiếng Anh trong Kế toán quản trị | **12,0** | **7** | **5,0** |
| Chương 3:  Tiếng Anh trong Kiểm toán | **12,5** | **7** | **5,5** |
| Tổng cộng | **37,5** | **21** | **16,5** |

CHƯƠNG 1: TIẾNG ANH TRONG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH (ENGLISH FOR FINANCIAL ACCOUNTING)

*Kế toán tài chính là một phân hệ của kế toán theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của công ty. Sử dụng các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi lại theo một quy trình nhất định, sau đó được tóm tắt và trình bày trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Mục đích của kế toán tài chính là cung cấp các thông tin có chất lượng trên báo cáo tài chính cho người sử dụng để ra quyết định. Báo cáo tài chính được sử dụng bởi nhiều người theo nhiều cách khác nhau, do vậy kế toán tài chính có các quy tắc chung được gọi là chuẩn mực kế toán và nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận. Chương 1 sẽ giới thiệu đến sinh viên những nội dung này.*

* 1. **Khái niệm và vai trò của kế toán *(Definition and Role of Accounting)***
     1. Khái niệm về kế toán *(What is Accounting)*
     2. Vai trò của kế toán *(Who uses accounting data)*
  2. **Những khái niệm về báo cáo tài chính *(Financial reporting concepts)***
     1. Chất lượng của thông tin kế toán *(Qualities of Useful Information)*
     2. Các giả định trong báo cáo tài chính *(Assumptions in Financial Reporting)*
     3. Các nguyên tắc trong báo cáo tài chính *(Principles in Financial Reporting)*
     4. Các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận rộng rãi *(Generally accepted accounting principles)*
  3. **Phương trình kế toán, tài khoản kế toán và trình tự ghi sổ kế toán *(Accounting equation, the account and the recording process)***
     1. Phương trình kế toán *(Accounting equation)*
     2. Tài khoản kế toán *(The account)*
     3. Trình tự ghi sổ kế toán *(The recording process)*
  4. **Chu trình kế toán *(Accounting cycle)***
     1. Bảng cân đối thử *(Trial balance)*
     2. Các bút toán điều chỉnh *(Adjusting entries)*
     3. Khóa sổ kế toán *(Closing the books)*
  5. **Báo cáo tài chính *(Financial Statements)***
     1. Báo cáo kết quả kinh doanh *(Income Statement)*
     2. Báo cáo vốn chủ sở hữu *(Statement of Owner’s equity)*
     3. Bảng cân đối kế toán *(Balance Sheet)*
     4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ *(Statement of Cashflow)*
     5. Báo cáo thường niên và các cấu phần khác của báo cáo thường niên *(Annual Report and other elements of an Annual Report)*

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

Paul D. Kimmel, Jerry J. Weygandt, Donald E. Kieso (2012). *Accounting: Tools for Business Decision Making*, 5th edition, Wiley.

CHƯƠNG 2: TIẾNG ANH TRONG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ *(ENGLISH FOR MANAGERIAL ACCOUNTING)*

*Chương này sẽ giới thiệu một số thuật ngữ và khái niệm cơ bản trong kế toán quản trị bằng tiếng Anh như: các phương pháp xác định chi phí, phân tich mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, dự toán sản xuất kinh doanh và thông tin liên quan phục vụ cho việc ra các quyết định cơ bản (chấp nhận hay từ chối đơn hàng đặc biệt, quyết định giá bán, quyết định mua ngoài hay tự sản xuất, quyết định về cơ cấu sản phẩm trong điều kiện nguồn lực bị giới hạn, quyết định tiếp tục hay ngừng một bộ phận kinh doanh và quyết định thay thế thiết bị)*

**2.1. Các phương pháp xác định chi phí *(Costing Systems)***

2.2.1. Xác định chi phí theo quá trình *(Process Costing System)*

2.2.2. Xác định chi phí theo công việc *(Job – order Costing System)*

**2.2. Phân tích Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận *(Cost - Volume - Profit Analysis)***

2.2.1. Phương pháp lợi nhuận góp *(Contribution Margin Method)*

2.2.2. Phân tích điểm hòa vốn *(Break – even Point Analysis)*

2.2.3. Phân tích lợi nhuận mục tiêu *(Target Profit Analysis)*

**2.3. Dự toán sản xuất kinh doanh *(Master Budget)***

2.3.1. Tổng quan về dự toán *(Introduction to the master budget)*

2.3.2. Hệ thống dự toán *(System of the master budget)*

**2.4. Thông tin liên quan với việc ra quyết định *(Relevant Information and Decision Making)***

2.4.1. Thông tin liên quan *(Relevant Information)*

2.4.2. Các quyết định cơ bản *(Decision Making)*

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

Hongren et al., (2015). *Cost Accounting: A Managerial Emphasis,* 15rd Edition, Pearson Prentice Hall, Chương 2, 3, 4, 6, 11.

CHƯƠNG 3: TIẾNG ANH TRONG KIỂM TOÁN *(ENGLISH FOR AUDITING)*

*Chương 3 giới thiệu các thuật ngữ, khái niệm cơ bản về kiểm toán bằng tiếng Anh, như các loại kiểm toán, mục tiêu kiểm toán. Bên cạnh đó, Chương này sẽ giới thiệu cho người học các thử nghiệm kiểm toán; kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán; và các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ.*

**3.1. Các vấn đề chung về Kiểm toán *(Basic Auditing)***

3.1.1. Các loại kiểm toán và kiểm toán viên *(Types of Audit and Types of Auditor)*

3.1.2. Các khái niệm cơ bản về kiểm toán *(Fundamental Concepts in Auditing)*

3.1.3. Đạo đức nghề nghiệp (*Professional ethics*)

**3.2. Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán *(Techniques in Collecting Audit Evidence)***

3.2.1. Kiểm kê *( Physical Examination)*

3.2.2. Gửi thư xác nhận *(Confirmation)*

3.2.3. Xác minh tài liệu *(Documentation)*

3.2.4. Thủ tục phân tích *(Analytical Procedures)*

3.2.5. Phỏng vấn *(Inquiries of the Client)*

3.2.6. Tính toán lại *(Recalculation)*

3.2.7. Thực hiện lại *(Reperformance)*

3.2.8. Quan sát *(Observation)*

**3.3. Kiểm soát nội bộ *(Internal Control)***

3.4.1. Môi trường kiểm soát *(Control Environment)*

3.4.2. Đánh giá rủi ro *(Rish Assessment)*

3.4.3. Các hoạt động kiểm soát *(Control Activities)*

3.4.4. Thông tin và truyền thông *(Information and Communication)*

3.4.5. Giám sát *(Monitoring)*

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

Alvin, A. Elder and Beasley et al., (2012). *Auditing and Assurance Service –An Intergrated Approach,* 14th Edition, Pearson Prentice Hall, Chương 1, 6, 7, 10, 14.

**7. GIÁO TRÌNH:**

Alvin, A. Elder and Beasley et al., (2012). *Auditing and Assurance Service –An Intergrated Approach,* 14th Edition, Pearson Prentice Hall.

Hongren et al., (2015). *Cost Accounting: A Managerial Emphasis,* 15th edition, Pearson Prentice Hall

Paul D. Kimmel, Jerry J. Weygandt, Donald E. Kieso (2012). *Accounting: Tools for Business Decision Making*, 5th edition, Wiley.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

Anne Briton and Chris Waterston, (2009). *Financial Accounting*, 5th Edition, Prentice Hall.

Evan Frendo and Sean Mahoney (2008), *English for Accounting*, Oxford University Press.

Leung et al., (2009). *Modern Auditing and Assurance Service,* 4th Edition, John Wiley & Sons.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Tham dự: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối kỳ: 70%

- Sinh viên cần tham dự tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đủ các bài tập do giáo viên yêu cầu. Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp.

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **PGS.TS. Trần Văn Thuận** | *Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2019*  HIỆU TRƯỞNG  **PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Quản lý học 1**

Tiếng Anh: [**Essentialsof Management**](http://books.google.com/books?id=PRWOozVbsekC&printsec=frontcover&dq=%22essencials+of+management%22&hl=en&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=1&ved=0CC0Q6AEwAA)**1**

Mã học phần: **QLKT1101** Số tín chỉ: **3**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** **Quản lý kinh tế**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Không

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần “Quản lý học” là học phần bắt buộc đối với tất cả các chuyên ngành trong chương trình đào tạo đại học của trường Đại học Kinh tế Quốc dân, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất mà một nhà quản lý, dù trên cương vị nào, trong bất cứ tổ chức nào cũng phải có được.

Học phần “Quản lý học” gồm những nội dung cơ bản sau:

* Tổng quan về quản lý: trong đó giới thiệu về hệ thống xã hội, tổ chức và quản lý hệ thống xã hội; quá trình quản lý và nhà quản lý; sự phát triển các tư tưởng quản lý.
* Phân tích môi trường quản lý; đạo đức và trách nhiệm xã hội của quản lý; quản lý trong môi trường toàn cầu hóa.
* Quá trình ra quyết định và đảm bảo thông tin cho quyết định quản lý.
* Nội dung cơ bản của quá trình quản lý bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục tiêu cần đạt được đối với sinh viên sau khi học xong học phần “Quản lý học” là:

Về mặt lý thuyết, sinh viên hiểu được cách tiếp cận chiến lược, hệ thống, hội nhập và tình huống đối với các hệ thống xã hội, tổ chức và quản lý; các yếu tố môi trường mà nhà quản lý phải đối mặt trong công việc; tầm quan trọng của trách nhiệm xã hội và đạo đức trong quản lý; hiểu được các chức năng quản lý theo quá trình, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.

Về mặt kỹ năng, thực hành, sinh viên xác định và phân tích được các yếu tố môi trường mà các nhà quản lý phải đối mặt trong công việc của họ; Có khả năng ra quyết định để giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống và công việc; Có thể tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát đối với một hệ thống, tổ chức nhất định.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỔ THỜI GIAN**

Học phần được thiết kế trong 45 tiết, trong đó có 30 tiết lý thuyết và 15 tiết thảo luận

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số tiết** | **Trong đó** | |
| **Lý thuyết** | **Bài tập, thảo luận, kiểm tra** |
| 1 | Chương 1: Tổng quan về quản lý | 6 | 4 | 2 |
| 2 | Chương 2: Môi trường quản lý | 6 | 4 | 2 |
| 3 | Chương 3: Quyết định quản lý | 6 | 4 | 2 |
| 4 | Chương 4: Lập kế hoạch | 7 | 5 | 2 |
| 5 | Chương 5: Tổ chức | 6 | 4 | 2 |
| 6 | Chương 6: Lãnh đạo | 8 | 5 | 3 |
| 7 | Chương 7: Kiểm soát | 6 | 4 | 2 |
|  | **Tổng** | **45** | **30** | **15** |

CHƯƠNG I - TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ

Chương I giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý và nhà quản lý, sự phát triển của các tư tưởng quản lý qua các giai đoạn bao gồm các tư tưởng quản lý cổ đại, các tư tưởng quản lý cổ điển, các tư tưởng quản lý thuộc trường phái hành vi, các tư tưởng quản lý hiện đại.

**1.1. Quản lý và nhà quản lý**

1.1.1. Hệ thống xã hội và tổ chức- đối tượng của quản lý

1.1.2. Quản lý

1.1.3. Nhà quản lý

**1.2. Sự phát triển các tư tưởng quản lý**

1.2.1. Các tư tưởng quản lý cổ đại

1.2.2. Các tư tưởng quản lý cổ điển

1.2.3. Các tư tưởng quản lý thuộc trường phái hành vi

1.2.4. Các tư tưởng quản lý hiện đại

**Tài liệu tham khảo của chương:**

1. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), *Giáo trình Quản lý học*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, chương I, II

2. John R. Schermerhorn (2012), [*Exploring Management*](http://books.google.com/books?id=PRWOozVbsekC&printsec=frontcover&dq=%22essencials+of+management%22&hl=en&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=1&ved=0CC0Q6AEwAA)*,* 3rh edn, John Wiley & Sons, Inc, chapter 1,2.

CHƯƠNG II - MÔI TRƯỜNG QUẢN LÝ

Chương II giới thiệu các loại môi trường quản lý và cung cấp cho sinh viên kỹ thuật phân tích môi trường quản lý. Sinh viên cũng sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về đạo đức quản lý, trách nhiệm xã hội trong quản lý và văn hóa tổ chức, các đặc trưng cơ bản của toàn cầu hóa cũng như những ảnh hưởng của toàn cầu hóa tới quản lý tổ chức.

**2.1 Môi trường quản lý**

2.1.1 Tổng quan về môi trường quản lý

2.1.2 Quy trình phân tích môi trường quản lý

2.1.3. Một số kỹ thuật phân tích môi trường quản lý

**2.2. Đạo đức quản lý, trách nhiệm xã hội và văn hóa tổ chức**

2.2.1. Đạo đức quản lý

2.2.2. Trách nhiệm xã hội trong quản lý

2.2.3. Văn hóa tổ chức

**2.3. Toàn cầu hóa và quản lý**

2.3.1. Toàn cầu hóa

2.3.2. Quản lý trong môi trường toàn cấu

**Tài liệu tham khảo của chương:**

1. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), *Giáo trình Quản lý học*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, chương III, IV, V.

2. John R. Schermerhorn (2012), [*Exploring Management*](http://books.google.com/books?id=PRWOozVbsekC&printsec=frontcover&dq=%22essencials+of+management%22&hl=en&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=1&ved=0CC0Q6AEwAA)*,* 3rh edn, John Wiley & Sons, Inc, chapter 3.

CHƯƠNG III - QUYẾT ĐỊNH VÀ THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ

Chương III giới thiệu cho sinh viên đặc điểm, hình thức biểu hiện, yêu cầu và các loại quyết định quản lý. Sinh viên cũng sẽ được làm quen với quy trình quyết định quản lý và một số phương pháp, kỹ thuật ra quyết định quản lý; các kiến thức cơ bản về thông tin bao gồm khái niệm, vai trò, giá trị, các yêu cầu đối với thông tin, các loại thông tin trong quản lý và hệ thống thông tin trong quản lý.

**3.1. Quyết định quản lý**

3.1.1. Tổng quan về quyết định quản lý

3.1.2. Quy trình quyết định quản lý

3.1.3. Phương pháp và kỹ thuật ra quyết định quản lý

**3.2. Đảm bảo thông tin cho quản lý**

3.2.1. Khái niệm và yêu cầu đối với thông tin trong quản lý

3.2.2. Hệ thống thông tin quản lý

3.2.3. Một số công cụ và kỹ thuật đảm bảo thông tin trong quản lý

**Tài liệu tham khảo của chương**

1. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), *Giáo trình Quản lý học*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, chương VI, VII.

2. John R. Schermerhorn (2012), [*Exploring Management*](http://books.google.com/books?id=PRWOozVbsekC&printsec=frontcover&dq=%22essencials+of+management%22&hl=en&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=1&ved=0CC0Q6AEwAA)*,* 3rh edn, John Wiley & Sons, Inc, chapter 4.

CHƯƠNG IV- LẬP KẾ HOẠCH

Chương IV cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế hoạch và lập kế hoạch bao gồm: khái niệm và các loại hình kế hoạch; vai trò của lập kế hoạch; các cách tiếp cận trong lập kế hoạch và quy trình lập kế hoạch. Chương IV cũng giới thiệu các kiến thức cơ bản về chiến lược, quy trình lập kế hoạch chiến lược trong tổ chức và một số mô hình phân tích chiến lược. Ngoài ra, chương này còn cung cấp các kiến thức cơ bản về kế hoạch tác nghiệp và lập kế hoạch tác nghiệp.

**4.1. Kế hoạch và lập kế hoạch**

4.1.1. Các khái niệm

4.1.2. Các loại hình kế hoạch

4.1.3. Vai trò của lập kế hoạch

4.1.4. Quy trình lập kế hoạch

**4.2. Lập kế hoạch chiến lược**

4.2.1. Chiến lược và các cấp độ chiến lược của tổ chức

4.2.2. Quy trình lập kế hoạch chiến lược

4.2.3. Một số mô hình phân tích chiến lược

4.3. Lập kế hoạch tác nghiệp

4.3.1. Các loại kế hoạch tác nghiệp

4.3.2. Quy trình lập kế hoạch tác nghiệp

**Tài liệu tham khảo của chương:**

1. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), Giáo *trình Quản lý học*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, chương VIII, IX, X.

2. John R. Schermerhorn (2012), [*Exploring Management*](http://books.google.com/books?id=PRWOozVbsekC&printsec=frontcover&dq=%22essencials+of+management%22&hl=en&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=1&ved=0CC0Q6AEwAA)*,* 3rh edn, John Wiley & Sons, Inc, chapter 5, 7.

CHƯƠNG V- TỔ CHỨC

## Trong chương này, sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức cơ bản về chức năng tổ chức và cơ cấu tổ chức bao gồm khái niệm, các kiểu cơ cấu tổ chức và các thuộc tính cơ bản của cơ cấu tổ chức. Sinh viên cũng sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về thiết kế cơ cấu tổ chức bao gồm các nguyên tắc thiết kế cơ cấu tổ chức, quá trình thiết kế và quá trình hoàn thiện cơ cấu tổ chức; quản lý sự thay đổi và đổi mới trong tổ chức.

**5.1. Chức năng tổ chức và cơ cấu tổ chức**

5.1.1. Nội dung cơ bản của chức năng tổ chức

5.1.2. Cơ cấu tổ chức và các thuộc tính cơ bản của cơ cấu tổ chức

### 5.1.3. Các kiểu cơ cấu tổ chức

**5.2. Thiết kế cơ cấu tổ chức**

5.2.1. Nguyên tắc thiết kế cơ cấu tổ chức

5.2.2. Quá trình thiết kế cơ cấu tổ chức mới

5.2.3. Quá trình hoàn thiện cơ cấu tổ chức

**5.3. Quản lý sự thay đổi và đổi mới**

5.3.1. Tổng quan về thay đổi

5.3.2. Quản lý sự thay đổi

5.3.3. Đổi mới

**Tài liệu tham khảo của chương**

1. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), *Giáo trình Quản lý học*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, chương XI, XII, XIII

2. John R. Schermerhorn (2012), [*Exploring Management*](http://books.google.com/books?id=PRWOozVbsekC&printsec=frontcover&dq=%22essencials+of+management%22&hl=en&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=1&ved=0CC0Q6AEwAA)*,* 3rh edn, John Wiley & Sons, Inc, chapter 8, 9.

CHƯƠNG VI - LÃNH ĐẠO

Chương VI cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lãnh đạo, bản chất và các cách tiếp cận chủ yếu về lãnh đạo, các nội dung cơ bản của chức năng lãnh đạo.

**6.1. Tổng quan về lãnh đạo**

6.1.1. Khái niệm lãnh đạo và người lãnh đạo

6.1.2. Lãnh đạo với tư cách một chức năng của nhà quản lý

**6.2. Các nội dung cơ bản của chức năng lãnh đạo**

6.2.1. Tạo động lực

6.2.2. Lãnh đạo nhóm

6.2.3. Truyền thông

6.2.4. Giải quyết xung đột

6.2.5. Đàm phán

**Tài liệu tham khảo của chương**

1. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), *Giáo trình Quản lý học*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, chương XIV, XV, XVI, XVII, XVIII.

2. John R. Schermerhorn (2012), [*Exploring Management*](http://books.google.com/books?id=PRWOozVbsekC&printsec=frontcover&dq=%22essencials+of+management%22&hl=en&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=1&ved=0CC0Q6AEwAA)*,* 3rh edn, John Wiley & Sons, Inc, chapter 8, 9.

CHƯƠNG VII - KIỂM SOÁT

Chương VII cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chức năng kiểm soát bao gồm khái niệm, bản chất, vai trò của kiểm soát; nguyên tắc của kiểm soát. Chương này cũng giới thiệu về môi trường kiểm soát và hệ thống kiểm soát với các bộ phận cấu thành của nó.

**7.1. Tổng quan về kiểm soát**

7.1.1. Khái niệm và bản chất của kiểm soát

7.1.2. Vai trò của kiểm soát

7.1.3. Nguyên tắc kiểm soát

**7.2. Môi trường kiểm soát**

7.2.1 Khái niệm môi trường kiểm soát

7.2.2 Các yếu tố của môi trường kiểm soát

**7.3 Hệ thống kiểm soát**

7.3.1. Chủ thể kiểm soát

7.3.2. Hình thức kiểm soát

7.3.3. Công cụ kiểm soát

7.3.4. Quy trình kiểm soát

**Tài liệu tham khảo của chương**

1. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), *Giáo trình Quản lý học*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, chương XIX, XX.

2. John R. Schermerhorn (2012), [*Exploring Management*](http://books.google.com/books?id=PRWOozVbsekC&printsec=frontcover&dq=%22essencials+of+management%22&hl=en&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=1&ved=0CC0Q6AEwAA)*,* 3rh edn, John Wiley & Sons, Inc, chapter 6.

**7. GIÁO TRÌNH**

Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), Khoa Khoa học Quản lý, *Giáo trình* *Quản lý học,* NXB KTQD.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH**

1. John R. Schermerhorn (2012), [*Exploring Management*](http://books.google.com/books?id=PRWOozVbsekC&printsec=frontcover&dq=%22essencials+of+management%22&hl=en&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=1&ved=0CC0Q6AEwAA)*,* 3rh edn, John Wiley & Sons, Inc.

2. [Harold Koontz](http://www.google.com/search?hl=en&sa=G&tbo=1&tbm=bks&tbm=bks&q=inauthor:%22Harold+Koontz%22&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&ved=0CDMQ9Ag), [Heinz Weihrich](http://www.google.com/search?hl=en&sa=G&tbo=1&tbm=bks&tbm=bks&q=inauthor:%22Harold+Koontz%22&q=inauthor:%22Heinz+Weihrich%22&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&ved=0CDQQ9Ag) (2009), [Essentials of Management](http://books.google.com/books?id=PRWOozVbsekC&printsec=frontcover&dq=%22essencials+of+management%22&hl=en&ei=aeJATvP2JanamAW5kq3DCQ&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=1&ved=0CC0Q6AEwAA), 8th edn, Mc Graw Hill Companies.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

* Điểm kiểm tra cá nhân sẽ được đánh giá dựa trên bài thuyết trình của nhóm, bài tập cá nhân, và sự tham gia đóng góp thảo luận trên lớp.
* Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Tham gia thảo luận các bài tập tình huống

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi học trên lớp

- Tham gia làm và thuyết trình bài tập nhóm

- Điểm kiểm tra cá nhân đạt tối thiểu 5

* Thi kết thúc học phần là thi tự luận và công thức tính điểm học phần như sau:
  + Điểm chuyên cần: 10%
  + Điểm kiểm tra: 20%
  + Thi tự luận: 70%

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG BỘ MÔN**  (Đã ký)  **TS. Nguyễn Thị Lệ Thúy** | *Hà nội, ngày tháng 02 năm 2018*  **HIỆU TRƯỞNG**  (Đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Kế toán nâng cao 2**

Tiếng Anh: Advanced Accounting 2

Mã học phần: KTTC1118 Tổng số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** Bộ môn Kế toán Tài chính

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

- Kế toán tài chính 1

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần giới thiệu hệ thống kế toán trong các loại hình Công ty quy định trong luật Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành theo quy trình: thành lập, hoạt động, thay đổi tổ chức và phá sản, giải thể doanh nghiệp.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Trang bị, kiến thức kế toán áp dụng trong các loại hình Công ty, theo chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cho sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần/Chương** | **Thời gian (tiết 60 phút)** | | |
| **Tổng số** | **Giảng** | **Bài tập và Thảo luận** |
| **Chương 1:** Tổng quan về các loại hình công ty và kế toán tại các công ty | 7,5 | 5 | 2,5 |
| **Chương 2:** Kế toán thành lập công ty | 9 | 5 | 4 |
| **Chương 3:** Kế toán biến động vốn góp trong các công ty | 9 | 5 | 4 |
| **Chương 4:** Kế toán giải thể và tổ chức lại công ty | 12 | 7 | 5 |
| **Tổng** | **37,5** | **22** | **15,5** |

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÁC LOẠI HÌNH CÔNG TY VÀ KẾ TOÁN CÔNG TY

*Chương 1 tập trung làm rõ sự cần thiết của kế toán công ty; làm rõ đối tượng nghiên cứu của môn học; đặc điểm của các loại hình công ty có ảnh hưởng tới kế toán; làm rõ phạm vi và phương pháp nghiên cứu của môn học; giới thiệu chế độ kế toán sẽ sử dụng trong môn học.*

**1.1. Khái niệm và địa vị pháp lý của công ty**

1.1.1. Khái niệm công ty

1.1.2. Phân loại công ty

1.1.3. Địa vị pháp lý của công ty

1.1.4. Quyền và nghĩa vụ của công ty

**1.2. Đối tượng nghiên cứu và nhiệm vụ của kế toán công ty**

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kế toán công ty

1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán công ty

**1.3. Chế độ kế toán áp dụng trong Công ty**

1.3.1. Chứng từ kế toán

1.3.2. Tài khoản kế toán

1.3.3. Hình thức kế toán

1.3.4. Báo cáo tài chính

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

- Luật Doanh nghiệp

- Luật Kế toán

- Chế độ kế toán doanh nghiệp

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn của giảng viên

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN THÀNH LẬP CÔNG TY

*Chương 2 giới thiệu các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến thành lập công ty, làm cơ sở để tập trung nghiên cứu phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình thành lập các loại hình công ty cơ bản theo luật pháp Việt Nam.*

**2.1. Các quy định kinh tế - pháp lý chung về thành lập công ty**

2.1.1. Quy định kinh tế - pháp lý thành lập công ty hợp danh

2.1.2. Quy định kinh tế - pháp lý thành lập công ty TNHH

2.1.3. Quy định kinh tế - pháp lý thành lập công ty cổ phần

**2.2. Kế toán chi phí thành lập Công ty**

2.2.1. Nội dung chi phí thành lập công ty

2.2.2. Phương pháp kế toán

**2.3. Kế toán góp vốn thành lập công ty hợp danh**

2.3.1. Tài khoản kế toán sử dụng

2.3.2. Phương pháp kế toán

**2.4. Kế toán góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn**

2.4.1. Tài khoản kế toán sử dụng

2.4.2. Phương pháp kế toán

**2.5. Kế toán góp vốn thành lập công ty cổ phần**

2.5.1. Tài khoản kế toán sử dụng

2.5.2. Phương pháp kế toán

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

- Luật Doanh nghiệp

- Luật Kế toán

- Chế độ kế toán doanh nghiệp

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn của giảng viên

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP TRONG CÁC CÔNG TY

*Chương 3 giới thiệu chung về nhu cầu tăng, giảm vốn góp trong các công ty, các quy định pháp lý và thủ tục tăng, giảm vốn, trên cơ sở đó, làm rõ phương pháp kế toán các nghiệp vụ tăng giảm vốn trong các loại hình doanh nghiệp cơ bản như: công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh.*

**3.1. Kế toán biến động vốn góp trong công ty TNHH**

3.1.1. Kế toán các trường hợp tăng vốn

3.1.2. Kế toán các trường hợp giảm vốn

**3.2. Kế toán tăng, giảm vốn trong công ty Cổ phần**

3.2.1. Kế toán các trường hợp tăng vốn

3.2.2. Kế toán các trường hợp giảm vốn

**3.3. Kế toán tăng, giảm vốn trong công ty hợp danh**

3.3.1. Kế toán các trường hợp tăng vốn

3.3.2. Kế toán các trường hợp giảm vốn

**3.4. Thay đổi cấu trúc tập đoàn**

3.4.1 Tăng công ty con

3.4.2 Giảm công ty con

3.4.3 Thay đổi tỷ lệ lợi ích trong công ty con

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

- Luật Doanh nghiệp

- Luật Kế toán

- Chế độ kế toán doanh nghiệp

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn của giảng viên

CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN GIẢI THỂ VÀ TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

*Chương 4 tập trung mô tả các vấn đề về pháp lý, kinh tế - tài chính và phương pháp kế toán các nghiệp vụ giải thể, tổ chức lại các loại hình công ty (chia công ty, tách công ty, hợp nhất công ty, sáp nhập công ty, chuyển đổi loại hình công ty) và một số vấn đề mở rộng liên quan đến hợp nhất kinh doanh và thay đổi cấu trúc tập đoàn.*

**4.1. Kế toán giải thể công ty**

4.1.1. Các trường hợp giải thể công ty

4.1.2. Trình tự giải thể công ty

4.1.3. Nguyên tắc xử lí tài chính khi giải thể công ty

4.1.4. Phương pháp kế toán

**4.2. Kế toán chia, tách công ty**

4.2.1. Kế toán chia công ty

4.2.2. Kế toán tách công ty

**4.3. Kế toán hợp nhất, sáp nhập công ty**

4.3.1. Kế toán hợp nhất công ty

4.3.2. Kế toán sáp nhập công ty

4.3.3 Một số vấn đề mở rộng liên quan đến hợp nhất kinh doanh

4.3.3.1 Mua hoán đổi

4.3.3.2 Hợp nhất kinh doanh theo trình tự và không theo trình tự

**Tài liệu tham khảo của Chương:**

- Luật Doanh nghiệp

- Luật Kế toán

- Chế độ kế toán doanh nghiệp

- Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 03: Hợp nhất kinh doanh

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11: Hợp nhất kinh doanh

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn của giảng viên

**7. GIÁO TRÌNH:**

Giáo trình Kế toán công ty, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế,

- Hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế,

- Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và chuẩn mực kế toán Việt Nam,

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn của giảng viên.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Tham dự: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 30%

+ Thi cuối kỳ: 60%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập do giảng viên quy định. Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **PGS.TS. Trần Văn Thuận** | *Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2019*  **HIỆU TRƯỞNG**  **PGS.TS. Phạm Hồng Chương** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Hệ thống thông tin kế toán 2**

Tiếng Anh: **Accounting Information Systems 2**

Mã học phần: **KTHT 1102** Số tín chỉ: 03

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:**

* Hệ thống thông tin kế toán 1

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần Hệ thống thông tin kế toán 2 trang bị cho người học những nội dung cụ thể liên quan đến HTTTKT cho từng quy trình kinh doanh hoặc quy trình hoạt động trong doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu những nội dung khác liên quan đến hệ thống thông tin kế toán

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức để xây dựng hệ thống thông tin kế toán cho các chu trình kế toán của hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp

Dựa trên những nội dung cơ bản về hệ thống thông tin kế toán trong Học phần hệ thống thông tin kế toán 1, học phần xây dựng dòng thông tin kế toán trong hệ thống thông tin kế toán của các chu trình cụ thể. Ngoài ra Học phần còn xây dựng dòng lưu đồ tài liệu của các chu trình cụ thể, các thủ tục kế toán gắn kết các bộ phận trong một doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế với nhau nhằm tạo ra những thông tin kế toán có chất lượng cao, phục vụ cho người dùng. Các quy trình và thủ tục này có nhiều sự khác biệt và phức tạp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin phát triển.

Mục tiêu môn học còn hướng tới giúp người học xây dựng cho mình khả năng phát triển tư duy hệ thống, nhìn nhận và đánh giá một nghiệp vụ trong quan hệ với các yếu tố khác trong tổng thể thông qua các bài tập tình huống, các bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm hoặc các cuộc khảo sát ngắn doanh nghiệp.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Tổng số tiết** | **Trong đó** | | **Ghi chú** |
| **Lý thuyết** | **Bài tập, thảo luận, kiểm tra** |
| **1** | **Chương 1:** Hệ thống thông tin kế toán- Chu trình mua hàng | 9 | 5 | 4 |  |
| **2** | **Chương 2:** Hệ thống thông tin kế toán- Chu trình tiền lương | 8 | 5 | 3 |  |
| **3** | **Chương 3:** Hệ thống thông tin kế toán- Chu trình sản xuất | 9 | 5 | 4 |  |
| **4** | **Chương 4:** Hệ thống thông tin kế toán- Chu trình doanh thu và thu tiền | 9 | 5 | 4 |  |
| **5** | **Chương 5:** Hệ thống thông tin kế toán- Chu trình báo cáo | 8 | 5 | 3 |  |
|  | **Kiểm tra** | 2 | 2 |  |  |
|  | **Cộng** | 45 | 27 | 18 |  |

CHƯƠNG 1. HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG CHU TRÌNH MUA HÀNG

*Chương 1 tập trung giới thiệu hệ thống thông tin kế toán chu trình mua hàng. Chương này giới thiệu quy trình thông tin của chu trình mua hàng, Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình mua hàng và các biện pháp kiểm soát thông tin thuộc chu trình.*

**1.1 Khái quát chung về chu trình mua hàng**

**1.2 Quy trình thông tin kế toán chu trình mua hàng**

**1.3. Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình mua hàng và các biện pháp kiểm soát**

**Tài liệu tham khảo:**

-Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, Nhà xuất bản Phương Đông

- Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall 2012

- Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.

- James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western

Chương 2. Hệ thống thông tin kế toán trong Chu trình tiền lương

*Chương này giới thiệu quy trình thông tin của chu trình thanh toán với người lao động* *Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình tiền lương và các biện pháp kiểm soát* *thông tin thuộc chu trình. Chương này cũng giới thiệu dòng tài liệu kế toán của chu trình thanh toán tiền lương và các khoản trích theo lương với người lao động.*

**2.1 Khái quát chung về chu trình tiền lương**

**2.2 Quy trình thông tin kế toán chu trình tiền lương**

**2.3 Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình tiền lương và các biện pháp kiểm soát**

**Tài liệu tham khảo:**

-Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, Nhà xuất bản Phương Đông

- Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall 2012

- Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.

- James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western

CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG CHU TRÌNH TIỀN SẢN XUẤT

*Chương này tập trung vào giới thiệu hệ thống thông tin kế toán chu trình sản xuất và hệ thống thông tin giá thành sản phẩm. Nội dung chương giới thiệu quy trình thông tin của chu trình sản xuất, Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình sản xuất và các biện pháp kiểm soát thông tin thuộc chu trình.*

**3.1 Khái quát chung về chu trình sản xuất**

**3.2 Quy trình thông tin kế toán chu trình sản xuất**

**3.3 Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình sản xuất và các biện pháp kiểm soát**

**Tài liệu tham khảo:**

-Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, Nhà xuất bản Phương Đông

- Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall 2012

- Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.

- James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western

CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG CHU TRÌNH DOANH THU VÀ - THU TIỀN

*Chương 4 tập trung giới thiệu hệ thống thông tin kế toán chu trình doanh thu – thu tiền. Chương này giới thiệu quy trình thông tin của chu trình doanh thu – thu tiền, Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình doanh thu - thu tiền và các biện pháp kiểm soát thông tin thuộc chu trình. Chương này cũng giới thiệu giới thiệu dòng tài liệu kế toán của chu trình bán hàng.*

**4.1 Khái quát chung về chu trình doanh thu và thu tiền**

**4.2 Quy trình thông tin kế toán chu trình doanh thu và thu tiền**

**4.3 Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình doanh thu - thu tiền và các biện pháp kiểm soát**

**Tài liệu tham khảo:**

-Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, Nhà xuất bản Phương Đông

- Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall 2012

- Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.

- James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western

CHƯƠNG 5: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN CỦA HỆ THỐNG SỔ VÀ BÁO CÁO TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

*Chương này tập trung vào giới thiệu hệ thống thông tin kế toán của hệ thống sổ và báo cáo trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. Nội dung chương giới thiệu quy trình thông tin của hệ thống sổ và báo cáo trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình báo cáo và các biện pháp kiểm soát thông tin thuộc chu trình. Chương này cũng giới thiệu giới thiệu dòng tài liệu kế toán của chu trình*

**5.1 Khái quát chung hệ thống sổ và báo cáo trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin**

**5.2 Quy trình thông tin kế toán của hệ thống sổ và báo cáo trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin**

**5.3 Các nguy cơ đối với thông tin của hệ thống sổ và báo cáo trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin và các biện pháp kiểm soát**

**Tài liệu tham khảo:**

-Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, Nhà xuất bản Phương Đông

- Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall 2012

- Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.

- James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western

**7. GIÁO TRÌNH:**

* Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, Nhà xuất bản Phương Đông
* Romney, M., Steinbart P., (2012), Accounting Information Systems- International Edition. NXB Prentice Hall
* Bagranoff, N. et al. (2010), Core Concepts of Accounting Information System, NXB Wiley.
* James A. Hall (2007), Accounting Information Systems, Lehigh University, 5th edition, NXB Thomson South Western.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* Chế độ kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán Việt Nam
* Các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giáo viên trực tiếp giảng dạy

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 30% (02 bài kiểm tra, mỗi bài kiểm tra 15%)

+ Thi cuối học kỳ: 60%

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần.

+ Sinh viên phải có tối thiểu 1 bài kiểm tra giữa kỳ

+ Làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên bổ sung.

+ Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp.

**10. GIẢNG VIÊN**

- Họ và tên giảng viên phụ trách môn học: TS.Trần Trung Tuấn

- Họ và tên giảng viên tham gia giảng dạy: TS.Trần Trung Tuấn, TS.Đinh Thế Hùng, PGS.TS.Phạm Đức Cường, PGS.TS.Nguyễn Hữu Ánh, TS.Nguyễn Thanh Hiếu, ThS.Hà Hồng Hạnh, ThS.Trương Văn Tú, CN.Trần Đức Vinh, PGS.TS.Nguyễn Thị Thu Liên, PGS.TS.Lê Kim Ngọc

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **TS. Trần Trung Tuấn** | HIỆU TRƯỞNG  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. TÊN HỌC PHẦN:** **KẾ TOÁN CÔNG 2**

Tiếng Việt: KẾ TOÁN CÔNG 2

Tiếng Anh: PUBLIC ACCOUNTING 2

Mã học phần: KTKE1110 Số tín chỉ: 03

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY**: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC**: Nguyên lý kế toán, KT tài chính

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**:

Kế toán Công 2 là học phần tiếp nối Kế toán Công 1, trang bị cho người học các kiến thức **kế toán** về hoạt động nghiệp vụ thu thập, xử lý, kiểm tra, giám sát, phân tích và cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực, liên tục và có hệ thống về: Tình hình phân bổ dự toán kinh phí ngân sách nhà nước; Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước; Tình hình vay và trả nợ vay của ngân sách nhà nước; Các loại tài sản của nhà nước do Kho bạc Nhà nước đang quản lý và các hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

1. Thu thập, ghi chép, xử lý và quản lý dữ liệu tập trung trong toàn hệ thống về tình hình quản lý, phân bổ dự toán chi ngân sách các cấp; Tình hình thực hiện thu, chi NSNN các cấp; Các khoản vay và tình hình trả nợ vay của NSNN; Các loại tài sản do KBNN quản lý và các hoạt động nghiệp vụ KBNN, bao gồm:

a) Dự toán chi NSNN;

b) Các khoản thu, chi NSNN các cấp;

c) Các khoản vay và tình hình trả nợ vay của NSNN;

d) Các quỹ tài chính, nguồn vốn có mục đích;

đ) Tiền gửi của các tổ chức, cá nhân hoặc đứng tên cá nhân (nếu có);

e) Các loại vốn bằng tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền;

g) Các khoản tạm ứng, cho vay, thu hồi vốn vay và vốn khác của KBNN;

h) Các tài sản quốc gia, kim khí quí, đá quí và các tài sản khác thuộc trách nhiệm quản lý của KBNN;

i) Các hoạt động giao dịch, thanh toán trong và ngoài hệ thống KBNN;

k) Các hoạt động nghiệp vụ khác của KBNN.

2. Kiểm soát việc chấp hành chế độ quản lý tài chính, chế độ thanh toán và các chế độ, quy định khác của Nhà nước liên quan đến thu, chi NSNN, vay, trả nợ vay của NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của KBNN.

3. Chấp hành chế độ [báo cáo tài chính](http://www.ketoan.vn/3014/meo-kiem-tra-bao-cao-tai-chinh-truoc-khi-quyet-toan-thue-ke-toan-can-biet/" \t "_blank), báo cáo quản trị theo quy định

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

***Chương 1: Khái quát chung về kế toán kho bạc nhà nước***

***Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền***

***Chương 3: Kế toán thu, chi ngân sách nhà nước***

***Chương 4: Kế toán tiền gửi đơn vị tại kho bạc nhà nước***

***Chương 5: Kế toán đơn vị phụ thuộc***

***Chương 6: Kế toán quy trình thanh toán điện tử liên kho bạc và liên ngân hàng***

***Chương 7: Kế toán điều chuyển vốn và quyết toán vốn***

***Chương 8: Báo cáo tài chính***

**7. GIÁO TRÌNH:**

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

* Granof et al. (2016) Government and Not‐for‐Profit Accounting: Concepts and Practices, Wiley.
* Gary Bandy, (2014), Financial Management and Accounting in the Public Sector, Second Edition 2014, Routledge.
* Paul A. Copley (2011) Essentials of Accounting for Governmental and Not-for-Profit Organizations, McGraw-Hill
* *Thông tư 77/2017/TT-BTC,* HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ KHO BẠC NHÀ NƯỚC
* Phạm Văn Đăng và Phạm Văn Liên (2015), Giáo trình kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc nhà nước, NXB Tài chính.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

- Điểm đánh giá của giảng viên: 10% (theo Quy định chung của Trường)

- Điểm kiểm tra: (theo đề xuất của Bộ môn) 30% (2 bài kiểm tra)

- Điểm thi hết học phần: (theo đề xuất của Bộ môn): 60%

*Hà Nội, ngày … tháng….. năm 2019*

TRƯỞNG BỘ MÔN HIỆU TRƯỞNG

**PGS. TS. Phạm Đức Cường**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Kế toán Ngân hàng**

Tiếng Anh: Accouting for banking

Mó học phần: NHTM1107 Tổng số tín chỉ: 3

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** Ngân hàng thương mại

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Sinh viên phải hoàn thành 3 môn: Lý thuyết tài chính tiền tệ 1, Ngân hàng thương mại 1, Toán Tài chính.

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:** Môn học nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về kế toán ngân hàng thương mại như đặc trưng kế toán NHTM, hệ thống tài khoản và chứng từ. Bên cạnh đó là quy trình kế toán các hoạt động kinh doanh của NHTM như: Huy động vốn, thanh toán, cho vay …của NHTM

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:** Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán ngân hàng thương mại, các kỹ năng và quy trình cũng như phương pháp hạch toán kế toán đối với các hoạt động kinh doanh cơ bản của ngân hàng thương mại như: Huy động vốn, thanh toán, cho vay, ... của ngân hàng thương mại.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỔ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số tiết** | **Trong đó** | |
| **Lý thuyết** | **Bài tập, kiểm tra, thảo luận** |
| 1 | Chương 1 | 6 | 4 | 2 |
| 2 | Chương 2 | 10 | 7 | 3 |
| 3 | Chương 3 | 6 | 4 | 2 |
| 4 | Chương 4 | 8 | 5 | 3 |
|  | **Cộng** | **30** | **20** | **10** |

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*Chương này giới thiệu về các đặc trưng của kế toán NHTM cũng như hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản của các NHTM. Qua đó, tìm hiểu bộ máy tổ chức kế toán trong các NHTM. Từ đó, giúp người học có sự phân biệt giữa kế toán NHTM và kế toán các ngành kinh tế khác*

**1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của kế toán ngân hàng thương mại**

1.1.1. Đối tượng

1.1.2. Nhiệm vụ

**1.2. Đặc điểm của kế toán ngân hàng thương mại**

1.2.1. Tính xã hội sâu sắc

1.2.2. Tính giao dịch và xử lý nghiệp vụ theo quy trình công nghệ chặt chẽ

1.2.3. Tính cập nhật và chính xác cao độ

1.2.4. Chứng từ và tài khoản phức tạp

1.2.5. Tính tập trung và thống nhất cao độ

**1.3. Hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng thương mại**

1.3.1. Những vấn đề chung

1.3.2. Hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng thương mại

**1.4. Chứng từ kế toán ngân hàng thương mại**

1.4.1. Những vấn đề chung (khái niệm, phân loại, nội dung, nguyên tắc lập chứng từ...)

1.4.2. Kiểm soát và luân chuyển chứng từ

**1.5. Tổ chức công tác kế toán trong ngân hàng thương mại**

**Tài liệu tham khảo:**

1. Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ban hành ngày 16/6/2010

2. Luật Kế toán Việt Nam năm 2003

3. Ngân hàng Nhà nước (2005), Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN về Chế độ chứng từ kế toán các TCTD do Thống đốc NHNN ban hành ngày 12/12/2005

4. Ngân hàng Nhà nước (2004, 2014), Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN về Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng và Thông tư số 10/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Quyết định 479

5. Nguyễn Thị Thanh Hương (2005), Giáo trình Kế toán ngân hàng, Nhà xuất bản Thống kê

6. Nguyễn Thị Thanh Hương và cộng sự (2008), *Áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế trong lĩnh vực kế toán NH tại Việt Nam,* Đề tài khoa học cấp ngành, *Mã số: KNH.2007.05,* Hội đồng Khoa học Công nghệ NH, Hà Nội 12/2008

7. Phan Thị Hạnh (2013)*, Hiện đại húa hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam, Luận án tiễn sỹ, Đại học Kinh tế Quốc dân*

8. Peter S. Rose, 1999, *Quản trị ngân hàng thương mại*, xuất bản lần thứ tư, bản dịch của Nguyễn Huy Hoàng, Nguyễn Đức Hiển, Phạm Long - Hiệu đính: PGS. TS. Nguyễn Văn Nam; PGS. TS. Vương Trọng Nghĩa, Nhà xuất bản Tài chớnh, Hà Nội

9*. Tài liệu tập huấn của Vụ Kế toán tài chớnh (2010),* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN

*Chương này giới thiệu về nguồn vốn nói chung và nguồn vốn huy động của NHTM. Từ đó chỉ ra được vai trò ý nghĩa của nguồn vốn này trong hoạt động kinh doanh của NHTM. Ngoài ra, chương này còn trình bày quy trình cũng như nguyên tắc, phương pháp kế toán nguồn vốn huy động của các NHTM.*

**2.1. Những vấn đề chung về nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại**

**2.2. Chứng từ và tài khoản**

2.2.1. Chứng từ

2.2.2. Tài khoản

**2.3. Kế toán tiền gửi**

2.3.1. Tiền gửi thanh toán

2.3.2. Tiền gửi tiết kiệm

**2.4. Kế toán phát hành giấy nợ**

2.4.1. Phát hành theo mệnh giỏ

2.4.2. Phát hành theo hình thức chiết khấu

2.4.3. Phát hành theo hình thức phụ trội

**Tài liệu tham khảo:**

*- TS. Nguyễn Thị Thanh Hương, NGƯT Vũ Thiện Thập, (2007), Giáo trình Kế toán Ngân hàng, Học viện Ngân hàng, NXB Thống Kê*

*- TS. Nguyễn thị Loan, TS. Lâm Thị Hồng Hoa, (2009), Giáo trình kế toán ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chớ Minh, NXB Thống Kê.*

*- Các quy định về hoạt động huy động vốn (nhận tiền gửi và phát hành giấy nợ) của NHNN*

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG

*Hoạt động thanh toán của NHTM là một trong những dịch vụ của NHTM, tuy nhiên do mang tính đặc thù nên dịch vụ này có nhiều điểm khác biệt so với các dịch vụ của các loại hình doanh nghiệp khác. Chương này giúp người học biết được sự khác biệt về cơ sở của hoạt động thanh toán, quy trình cũng như công nghê mà các NHTM thực hiện.*

**3.1. Tổng quan về thanh toán qua ngân hàng thương mại**

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Vai trò của hoạt động thanh toán qua hệ thống ngân hàng

3.1.3. Các thể thức thanh toán qua ngân hàng thương mại

**3.2. Chứng từ và tài khoản**

3.2.1. Chứng từ

3.2.2. Tài khoản

**3.3. Kế toán thanh toán uỷ nhiệm chi**

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Điều kiện áp dụng

3.3.3. Phạm vi áp dụng

3.3.4. Sơ đồ kế toán thanh toán

**3.4. Kế toán thanh toán uỷ nhiệm thu**

3.4.1. Khái niệm

3.4.2. Điều kiện áp dụng

3.4.3. Phạm vi áp dụng

3.4.4. Sơ đồ kế toán thanh toán

**3.5. Kế toán thanh toán séc**

3.5.1. Séc chuyển khoản

3.5.2. Séc bảo chi

**3.6. Kế toán thanh toán thẻ**

3.6.1. Khái niệm và phân loại

3.6.2. Điều kiện áp dụng

3.6.3. Phạm vi áp dụng

3.6.4. Sơ đồ kế toán thanh toán

**Tài liệu tham khảo:**

*- TS. Nguyễn Thị Thanh Hương, NGƯT Vũ Thiện Thập, (2007), Giáo trình Kế toán Ngân hàng, Học viện Ngân hàng, NXB Thống Kê*

*- TS. Nguyễn thị Loan, TS. Lâm thị Hồng Hoa, (2009), Giáo trình kế toán ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chớ Minh, NXB Thống Kê.*

*- Các quy định về giao dịch và thanh toán điện tử… của NHNN*

**CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG**

*Một trong những hoạt động tạo thu nhập lớn nhất cho NHTM nhưng chứa đựng nhiều rủi ro nhất đó là hoạt động tín dụng. Chương này giúp người học biết được kháI quát về hoạt động tín dụng của NHTM. Bên cạnh đó, nắm bắt được nguyên tắc cũng như quy trình kế toán các nghiệp vụ cấp tín dụng của NHTM và các bước xử lý khi có những tình hướng bất thường xảy ra trong hoạt động tín dụng.*

**4.1. Những vấn đề chung**

**4.2. Chứng từ và tài khoản**

**4.3. Kế toán nghiệp vụ chiết khấu**

**4.4. Kế toán nghiệp vụ cho vay**

**4.5. Kế toán nghiệp vụ cho thuê**

**4.6. Kế toán nghiệp vụ bảo lãnh**

**Tài liệu tham khảo:**

1. Phan Thu Hà (2013), Giáo trình Ngân hàng thương mại, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

2. Đinh Đức Thịnh, Nguyễn Hồng Yến (2012), Kế toán Ngân hàng,

3. Các văn bản pháp lý

* Hệ thống tài khoản kế toán, NHNN Việt Nam được ban hành tại QĐ số 07/VBHN-NHNN ngày 24/04/2014 của thống đốc NHNN. Văn bản này hợp nhất và thay thế cho QĐ số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc NHNN; được sửa đổi, bổ sung tại thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20/3/2014[[1]](#footnote-1).
* Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng ban hành tại Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22 thông 05 năm 2014. Văn bản này hợp nhất và thay thế QĐ số 1627/2001/NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; QĐ 28/2002/QĐ-NHH; QĐ số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3/2/2005; QĐ 783/2005/QĐ-NHNN; Thông tư 33/2011/TT-NHNN sửa đổi bổ sung quy chế cho vay;
* Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được ban hành tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-NHNN ngày 31/3/2014. Văn bản này hợp nhất và thay thế cho Thông tư 02/2013/TT-NHNN, TT09/2014 ngày 18/3/2014.
* Bộ Luật dân sự năm 2005
* Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

**7. GIÁO TRÌNH:**

Bài giảng Kế toán Ngân hàng thương mại, Bộ môn Ngân hàng thương mại

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- TS. Nguyễn Thị Thanh Hương, NGƯT Vũ Thiện Thập, (2007), Giáo trình Kế toán Ngân hàng, Học viện Ngân hàng, NXB Thống Kê

- TS. Nguyễn Thị Loan, TS. Lâm thị Hồng Hoa, (2009), Giáo trình kế toán ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh, NXB Thống Kê.

- QĐ 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc NHNN VN

- QĐ 807/2005/QĐ-NHNN ngày 1/6/2005 của Thống đốc NHNN VN

- QĐ29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006 của Thống đốc NHNN VN

- TT 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Thống Đốc NHNN VN

- TT 10/2014/TT-NHNN ngày 20/3/2014 của Thống Đốc NHNN VN

- TT 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Thống Đốc NHNN VN

- Và các QD khác

- [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn/" \t "_parent)

- [www.moj.gov.vn](http://www.moj.gov.vn/" \t "_parent)

- [www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn/" \t "_parent)

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

Sinh viên đủ điều kiện dự thi nếu:

- Tham dự ớt nhất 80% thời gian học trờn lớp.

Ngoài ra:

- Tham gia đầy đủ vào các buổi thảo luận và làm bài tập.

- Hình thức thi kết thúc học phần: thi tự luận

- Cách tính điểm học phần:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Điểm số** | **Trọng số** | **Tổng điểm** |
| 1 | Điểm chuyên cần | X | 10% | 10%X (1) |
| 2 | Điểm kiểm tra (1 bài) | Y | 20% | 20%Y (2) |
| 3 | Điểm thi cuối kỳ | Z | 70% | 70%Z (3) |
|  | **Điểm tổng kết học phần** |  |  | **(1)+(2)+(3)** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2015* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (đã ký) |  | HIỆU TRƯỞNG  (đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kế toán dự án đầu tư**

Tiếng Anh: **Investment Project Accounting**

Mã học phần: **KTKE1107** Tổng số tín chỉ: **03 (2,1)**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC**

Nguyên lý kế toán

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần đề cập các kiến thức cơ bản về mô hình tổ chức kế toán dự án và kế toán các loại dự án đầu tư, bao gồm các nội dung như: Kế toán chi phí đầu tư, kế toán chi phí quản lý dự án, kế toán quyết toán vốn đầu tư và các nghiệp vụ khác ở đơn vị Chủ đầu tư

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Trang bị, kiến thức kế toán áp dụng trong các đơn vị chủ đầu tư và Ban quản lý dự án theo chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cho sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán và sinh viên chuyên ngành kinh tế đầu tư

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần/Chương** | **Thời gian (30 tiết)** | | |
| **Tổng số** | Giảng | Bài tập và Thảo luận |
| **Chương 1:** Tổng quan về kế toán dự án đầu tư | 3 | 2 | 1 |
| **Chương 2:** Chu trình kế toán tài chính dự án đầu tư | 6 | 3 | 3 |
| **Chương 3:** Kế toán tài sản cố định ở các Ban quản lý dự án | 6 | 3 | 3 |
| **Chương 4:** Kế toán chi phí đầu tư và quyết toán vốn đầu tư | 8 | 4 | 4 |
| **Chương 5:** Kế toán các nghiệp vụ khác | 7 | 3 | 4 |
| **Tổng** | **30** | **15** | **15** |

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

*Chương 1 sẽ làm rõ đặc thù riêng của hoạt động dự án, phân biệt dự án với các tổ chức, các đơn vị kinh tế. Qua đó, kế toán dự án cũng thể hiện những đặc điểm riêng và có nhiệm vụ riêng phù hợp với hoạt động kinh tế của dự án. Trên cơ sở các mô hình tổ chức quản lý, tổ chức thực hiện dự án, chương I cũng giới thiệu những mô hình tổ chức kế toán dự án tương ứng.*

**1.1. Khái niệm và phân loại dự án đầu tư**

**1.2. Đặc điểm của kế toán dự án đầu tư**

**1.3. Mô hình tổ chức kế toán dự án đầu tư**

**1.4. Nhiệm vụ kế toán dự án đầu tư**

**Tài liệu tham khảo:**

Chế độ tài chính về quản lý dự án và vốn đầu tư; Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư; các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

CHƯƠNG 2: CHU TRÌNH KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

*Kế thừa kiến thức về hệ thống phương pháp hạch toán kế toán đã giới thiệu trong học phần Nguyên lý kế toán, Chương 2 giới thiệu các công việc cụ thể của kế toán dự án trên cơ sở vận dụng chế độ kế toán qui định cho đơn vị làm chủ đầu tư. Các công việc cơ bản bao gồm: chứng từ kế toán, tính giá và ghi sổ, lập báo cáo.*

**2.1. Chứng từ kế toán**

**2.2. Tính giá tài sản**

**2.3. Tài khoản và Sổ sách kế toán dự án**

**2.4. Báo cáo kế toán**

**Tài liệu tham khảo:**

Chế độ tài chính về quản lý Dự án và vốn đầu tư; Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư; các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH Ở CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

*Tài sản cố định là phương tiên vật chất cơ bản mà Ban quản lý dự án quản lý và sử dụng trong thời gian thực hiện dự án. Do đó, kế toán tài sản cố định có vai trò quan trọng trong kế toán dự án. Chương 3 trang bị kiến thức về toàn bộ qui trình kế toán đối với tài sản cố định tại Ban quản lý, bao gồm: kế toán tăng, giảm tài sản cố định, kế toán hao mòn tài sản cố định tại Ban quản lý dự án.*

**3.1. Đặc điểm và nhiệm vụ kế toán**

**3.2. Phân loại và tính giá tài sản cố định**

**3.3. Kế toán tình hình biến động tài sản cố định**

**Tài liệu tham khảo:**

Chế độ tài chính về quản lý dự án và vốn đầu tư; Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đơn vị Chủ đầu tư; các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

**Chương 4. Kế toán chi phí đầu tư và quyết toán vốn đầu tư**

*Nhận vốn đầu tư, chi phí đầu tư, quyết toán vốn đầu tư là các nghiệp vụ trọng tâm trong hoạt động kinh tế của dự án. Chương 4 vận dụng chế độ kế toán đơn vị làm chủ đầu tư giới thiệu cụ thể qui trình hạch toán trên tài khoản kế toán của các hoạt động nhận vốn, chi đầu tư, quyết toán vốn tại dự án.*

**4.1. Kế toán chi phí đầu tư.**

**4.2. Kế toán chi phí quản lý dự án.**

**4.3. Kế toán nguồn vốn đầu tư**

**Tài liệu tham khảo:**

Chế độ tài chính về quản lý dự án và vốn đầu tư; Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư; các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ KHÁC

*Chương 5 giới thiệu bổ sung qui trình kế toán các nghiệp vụ có thể phát sinh tại dự án như: xử lý chênh lệch tỷ giá khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế liên quan tới ngoại tệ tại dự án, các chi phí không hạch toán vào chi phí đầu tư của công trình và các khoản thu nhập tại dự án.*

**5.1. Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái**

**5.2. Kế toán thu nhập và chi phí khác**

**Tài liệu tham khảo:**

Chế độ tài chính về quản lý dự án và vốn đầu tư; Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư; các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

**7. GIÁO TRÌNH**

Bộ môn Kế toán (2011) Bài giảng “Kế toán dự án” (chưa xuất bản)

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Chế độ tài chính về quản lý dự án và vốn đầu tư

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giáo viên trực tiếp giảng dạy

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối học kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 80% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **TS PHẠM THÀNH LONG** | *Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2017*  HIỆU TRƯỞNG |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Kế toán quốc tế**

Tiếng Anh: **International Accounting**

Mã học phần: KTKE1108 Tổng số tín chỉ: **02 (2,1)**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC**

Kế toán tài chính

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Khái quát về sự hình thành và phát triển của kế toán quốc tế; Tổng quan về hệ thống kế toán Mỹ (các nguyên tắc tổ chức, đặc trưng); Quy trình kế toán căn bản (theo hệ thống kế toán Mỹ); Vận dụng các nguyên tắc kế toán trong từng phần hành kế toán chủ yếu.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Giúp cho sinh viên nắm được các vấn đề cơ bản về kế toán quốc tế, các đặc trưng của hệ thống kế toán Mỹ, có khả năng so sánh với chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam (đã được học trong các môn học chuyên ngành khác) và tìm ra các ưu, nhược điểm của từng hệ thống, nâng cao khả năng phát hiện vấn đề trong nghiên cứu khoa học của sinh viên.; Sinh viên được tiếp cận với các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh để tự nghiên cứu các tài liệu nước ngoài, tăng cường kĩ năng nghề nghiệp để có thể thích ứng được các vị trí công tác tại các công ty, các tổ chức quốc tế.

**6.NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần/Chương** | **Thời gian (30 tiết)** | | |
| **Tổng số** | **Giảng** | **Bài tập và Thảo luận** |
| **Phần 1:** Tổng quan về kế toán quốc tế | 2 | 1 | 1 |
| **Phần 2:** Hệ thống kế toán Mỹ | 28 | 14 | 14 |
| CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN MỸ | 3 | 2 | 1 |
| CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH | 7 | 3 | 4 |
| CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO | 6 | 3 | 3 |
| CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC NGHIỆP VỤ THANH TOÁN | 6 | 3 | 3 |
| CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI | 4 | 2 | 2 |
| CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT | 2 | 1 | 1 |
| **Tổng** | **30** | **15** | **15** |

PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUỐC TẾ

*Phần 1 cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về sự hình thành và phát triển của kế toán quốc tế, đồng thời, giới thiệu sự cần thiết phải xây dựng các chuẩn mực kế toán quốc tế, giới thiệu hệ thống chuẩn mực quốc tế hiện hành và phương hướng vận dụng vào các quốc gia cụ thể.*

**1.1. Nhu cầu tất yếu khách quan cho sự hình thành của kế toán quốc tế**

**1.2. Sự hình thành và phát triển của kế toán quốc tế**

**1.3. Chuẩn mực kế toán quốc tế**

**1.4. Một số vấn đề kế toán của các công ty đa quốc gia**

***Tài liệu tham khảo chương 1:***

- Giáo trình "Kế toán quốc tế" - Đại học KTQD, Chương 1

PHẦN 2: HỆ THỐNG KẾ TOÁN MỸ

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN MỸ

*Chương này giới thiệu các đặc trưng cơ bản của hệ thống kế toán Mỹ, quy trình xây dựng hệ thống kế toán, các vấn đề cơ bản trong chu trình kế toán Mỹ, so sánh với quy trình kế toán của Việt nam.*

**1.1. Các đối tượng sử dụng thông tin kế toán**

**1.2. Các loại hình doanh nghiệp**

**1.3. Hệ thống báo cáo tài chính**

**1.4. Hệ thống tài khoản kế toán**

**1.5. Quy trình kế toán**

**1.6. Các bút toán điều chỉnh**

**1.7. Các bút toán khoá sổ**

***Tài liệu tham khảo chương 2:***

- Giáo trình "Kế toán quốc tế" - Đại học KTQD, Phần 2 Chương 1

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

*Chương này giới thiệu những vấn đề cơ bản về kế toán tài sản cố định theo các chuẩn mực kế toán Mỹ. Sinh viên được cung cấp các kiến thức về đặc trưng trong tiêu chuẩn ghi nhận, sở hữu đối với TSCĐ của các DN Mỹ, đồng thời được trang bị kiến thức về kế toán của phần hành này.*

**2.1. Những vấn đề cơ bản**

**2.2. Kế toán biến động tài sản cố định**

**2.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định**

**2.4. Kế toán sửa chữa tài sản cố định**

***Tài liệu tham khảo chương 2:***

- Giáo trình "Kế toán quốc tế" - Đại học KTQD, Phần 2 Chương 2

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

*Chương 3 nêu các vấn đề kinh tế - tài chính và kế toán hàng tồn kho theo hệ thống kế toán Mỹ, trong đó tập trung mô tả các hệ thống quản lý hàng tồn kho và ảnh hưởng của các hệ thống này tới phương pháp kế toán hàng tồn kho. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến thu mua, dự trữ, sử dụng hàng tồn kho cũng được xem xét một cách cụ thể.*

**3.1. Khái niệm hàng tồn kho**

**3.2. Các phương pháp quản lí và kế toán hàng tồn kho**

**3.3. Các phương pháp xác định giá trị dòng chi phí về hàng tồn kho**

**3.4. Điều chỉnh giá trị hàng tồn kho**

***Tài liệu tham khảo chương 3:***

- Giáo trình "Kế toán quốc tế" - Đại học KTQD, Phần 2 Chương 3

CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC NGHIỆP VỤ THANH TOÁN

*Chương 4 giới thiệu cho người học kiến thức về kế toán tiền và các nghiệp vụ thanh toán theo các chuẩn mực kế toán của Mỹ. Chương 4 cũng chú trọng các vấn đề về quản lý tài chính tiền và thanh toán, để làm cơ sở cho việc xây dựng phương pháp kế toán phù hợp.*

**4.1. Kế toán vốn bằng tiền**

**4.2. Kế toán các khoản nợ phải trả**

**4.3. Kế toán các khoản nợ phải thu**

***Tài liệu tham khảo chương 4:***

- Giáo trình "Kế toán quốc tế" - Đại học KTQD, Phần 2 Chương 4

CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

*Chương 5: xem xét các phương thức tiêu thụ chủ yếu được áp dụng trong các doanh nghiệp thương mại, các vấn đề ảnh hưởng đến kế toán và lập báo cáo. Người học được giới thiệu phương pháp kế toán doanh thu, chi phí cụ thể trong doanh nghiệp thương mại trong từng trường hợp bán hàng.*

**5.1. Kế toán doanh thu tiêu thụ**

**5.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

***Tài liệu tham khảo chương 5:***

- Giáo trình "Kế toán quốc tế" - Đại học KTQD, Phần 2 Chương 5

CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

*Chương 6: làm rõ sự khác biệt giữa doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp thương mại, đồng thời, trình bày cụ thể phương pháp kế toán các loại chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất.*

**6.1. Khái niệm và phân loại chi phí**

**6.2. Kế toán chi phí sản phẩm**

**6.3. Kế toán chi phí thời kì**

***Tài liệu tham khảo chương 6:***

- Giáo trình "Kế toán quốc tế" - Đại học KTQD, Phần 2 Chương 6

**7. GIÁO TRÌNH**

- Giáo trình "Kế toán quốc tế" - Đại học KTQD biên soạn phát hành

- Hệ thống câu hỏi và bài tập môn học Kế toán quốc tế

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế

- Chế độ kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán Việt Nam

- Các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giáo viên trực tiếp giảng dạy

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối học kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 80% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG BỘ MÔN | *Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2017*  HIỆU TRƯỞNG |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính**

Tiếng Anh: **Practicing an financial audit**

Mã học phần: **KTKI 1116**  Tổng số tín chỉ: **03**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kiểm toán**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Kiểm toán tài chính 1

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần Thực hành Kiểm toán BCTC trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (từ lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán, đến kết thúc kiểm toán). Sinh viên sẽ làm quen với giấy tờ làm việc của kiểm toán viên, hồ sơ kiểm toán, cách thức kiểm toán các khoản mục cơ bản trong BCTC của doanh nghiệp. Học phần này giúp sinh viên bắt nhịp nhanh và tốt hơn khi đi thực tập và làm việc kiểm toán.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục tiêu của học phần Thực hành Kiểm toán BCTC là trang bị những kỹ năng cơ bản để sinh viên thực hiện kiểm toán BCTC doanh nghiệp. Sau khi học xong, sinh viên sẽ hiểu biết rõ hơn về giấy tờ làm việc của kiểm toán viên, hồ sơ kiểm toán, cách thực hiện thủ tục phân tích, kiểm tra các khoản mục cơ bản trong BCTC doanh nghiệp và cách đánh giá các phát hiện kiểm toán để hình thành ý kiến kiểm toán và lập Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần/Chương | Thời gian (38 tiết) | | |
| Tổng số | Giảng | Bài tập và Thảo luận |
| Chương 1: Lập kế hoạch kiểm toán | 6 | 2 | 4 |
| Chương 2: Kiểm toán tài sản | 6 | 2 | 4 |
| Chương 3: Kiểm toán nợ phải trả | 6 | 2 | 4 |
| Chương 4: Kiểm toán nguồn vốn chủ sở hữu và khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán | 4 | 2 | 2 |
| Chương 5: Kiểm toán Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | 8 | 2 | 6 |
| Chương 6: Kiểm toán các nội dung khác | 4 | 2 | 2 |
| Chương 7: Tổng hợp, kết luận, lập Báo cáo | 4 | 2 | 2 |
| Tổng | 38 | 14 | 24 |

CHƯƠNG 1: LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

*Lập kế hoạch kiểm toán là giai đoạn kiểm toán viên tìm hiểu đơn vị được kiểm toán để chấp nhận hay từ chối kiểm toán, đánh giá rủi ro để xác định nội dung và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần thực hiện, từ đó xây dựng kế hoạch và chương trình kiểm toán. Chương 1 giới thiệu về các mẫu biểu mà kiểm toán viên sử dụng trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán. Nội dung của từng mẫu biểu, các thủ tục mà kiểm toán viên thực hiện trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, các nội dung cần ghi chép và cách sắp xếp các mẫu biểu trong hồ sơ kiểm toán sẽ được giới thiệu với người học.*

**1.1 Xem xét chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng**

**1.2. Hợp đồng kiểm toán, kế hoạch kiểm toán và nhóm kiểm toán**

**1.3 Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động**

**1.4 Tìm hiểu chính sách kế toán và các chu trình kinh doanh quan trọng**

**1.5 Phân tích sơ bộ BCTC**

**1.6 Đánh giá chung về kiểm soát nội bộ và rủi ro gian lận**

**1.7 Xác định mức trọng yếu**

**1.8 Tổng hợp kế hoạch kiểm toán**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (2017) Chương trình kiểm toán mẫu: Kiểm toán Báo cáo tài chính, NXB Hồng Đức, Mục A.

- GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (Đồng Chủ biên, 2014) ***Giáo trình*** *K****iểm toán tài chính***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, chương 5

CHƯƠNG 2: KIỂM TOÁN TÀI SẢN

*Chương 2 giới thiệu về các mẫu biểu mà kiểm toán viên sử dụng khi kiểm toán các khoản mục tài sản trong Bảng Cân đối kế toán. Nội dung của từng mẫu biểu, các thủ tục mà kiểm toán viên thực hiện trong kiểm toán tài sản, các nội dung cần ghi chép và cách sắp xếp các mẫu biểu trong hồ sơ kiểm toán sẽ được giới thiệu với người học.*

**2.1 Kiểm toán tiền và các khoản tương đương tiền**

**2.2 Kiểm toán đầu tư tài chính**

**2.3 Kiểm toán phải thu khách hàng**

**2.4 Kiểm toán phải thu nội bộ và phải thu khác**

**2.5 Kiểm toán hàng tồn kho**

**2.6 Kiểm toán chi phí trả trước**

**2.7 Kiểm toán tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và bất động sản đầu tư**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (2017) ***Chương trình kiểm toán mẫu: Kiểm toán Báo cáo tài chính***, NXB Hồng Đức, Mục D.

- GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (Đồng Chủ biên, 2014) ***Giáo trình*** *K****iểm toán tài chính***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, chương 15, 11, 13, 9

CHƯƠNG 3: KIỂM TOÁN CƠ BẢN NỢ PHẢI TRẢ

*Chương 3 giới thiệu về các mẫu biểu mà kiểm toán viên sử dụng khi kiểm toán các khoản mục nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán. Nội dung của từng mẫu biểu, các thủ tục mà kiểm toán viên thực hiện trong kiểm toán nợ phải trả, các nội dung cần ghi chép và cách sắp xếp các mẫu biểu trong hồ sơ kiểm toán sẽ được giới thiệu với người học.*

**3.1 Kiểm toán khoản vay và nợ**

**3.2 Kiểm toán phải trả nhà cung cấp**

**3.3 Kiểm toán thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

**3.4 Kiểm toán các khoản phải trả người lao động**

**3.5 Kiểm toán chi phí phải trả**

**3.6 Kiểm toán phải trả nội bộ và phải trả khác**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (2017) ***Chương trình kiểm toán mẫu: Kiểm toán Báo cáo tài chính***, NXB Hồng Đức, Mục E.

- GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (Đồng Chủ biên, 2014) ***Giáo trình*** *K****iểm toán tài chính***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, chương 14

CHƯƠNG 4: KIỂM TOÁN NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

*Chương 4 giới thiệu về các mẫu biểu mà kiểm toán viên sử dụng khi kiểm toán các khoản mục vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính. Nội dung của từng mẫu biểu, các thủ tục mà kiểm toán viên thực hiện trong kiểm toán nguồn vốn chủ sở hữu, các nội dung cần ghi chép và cách sắp xếp các mẫu biểu trong hồ sơ kiểm toán sẽ được giới thiệu với người học.*

**4.1 Kiểm toán nguồn vốn chủ sở hữu**

**4.2 Kiểm toán cổ phiếu quỹ**

**4.3 Kiểm toán nguồn kinh phí và quỹ khác**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (2017) ***Chương trình kiểm toán mẫu: Kiểm toán Báo cáo tài chính***, NXB Hồng Đức, Mục F.

- GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (Đồng Chủ biên, 2014) ***Giáo trình*** *K****iểm toán tài chính***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, chương 14

Chương 5: Kiểm toán Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

*Chương 5 giới thiệu về các mẫu biểu mà kiểm toán viên sử dụng khi kiểm toán các khoản mục doanh thu, chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Nội dung của từng mẫu biểu, các thủ tục mà kiểm toán viên thực hiện trong kiểm toán doanh thu, chi phí, các nội dung cần ghi chép và cách sắp xếp các mẫu biểu trong hồ sơ kiểm toán sẽ được giới thiệu với người học.*

***5*.1 Kiểm toán doanh thu**

**5.2 Kiểm toán giá vốn hàng bán**

**5.3 Kiểm toán chi phí bán hàng**

**5.4 Kiểm toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

**5.5 Kiểm toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính**

**5.6 Kiểm toán thu nhập và chi phí khác**

**6.7 Kiểm toán lãi trên cổ phiếu**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (2017) ***Chương trình kiểm toán mẫu: Kiểm toán Báo cáo tài chính***, NXB Hồng Đức, Mục G.

­- GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (Đồng Chủ biên, 2014) ***Giáo trình*** *K****iểm toán tài chính***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, chương 16

CHƯƠNG 6: KIỂM TOÁN CÁC NỘI DUNG KHÁC

*Chương 6 giới thiệu về các mẫu biểu mà kiểm toán viên sử dụng khi kiểm toán các nội dung khác ngoài các khoản mục tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí trong Báo cáo tài chính. Nội dung của từng mẫu biểu, các thủ tục mà kiểm toán viên thực hiện trong kiểm toán các nội dung khác, các nội dung cần ghi chép và cách sắp xếp các mẫu biểu trong hồ sơ kiểm toán sẽ được giới thiệu với người học.*

**6.1 Kiểm toán các nội dung khác**

6.1.1 Kiểm tra tính tuân thủ pháp luật và các qui định có liên quan

6.1.2 Kiểm toán năm đầu tiên – số dư đầu năm

6.1.3 Soát xét giao dịch với bên liên quan

6.1.4 Kiểm tra các thông tin khác trong tài liệu có BCTC được kiểm toán

6.1.5 Soát xét thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và sai sót

**6.2 Các tài liệu khác**

6.2.1 Trao đổi với chuyên gia

6.2.2 Sử dụng công việc của kiểm toán viên nội bộ

6.2.3 Thủ tục kiểm toán khi khách hàng có sử dụng dịch vụ bên ngoài

**Tài liệu tham khảo của chương:**

- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (2017) ***Chương trình kiểm toán mẫu: Kiểm toán Báo cáo tài chính***, NXB Hồng Đức, Mục H

CHƯƠNG 7: TỔNG HỢP, KẾT LUẬN, LẬP BÁO CÁO

*Chương 7 giới thiệu về các mẫu biểu mà kiểm toán viên sử dụng khi tổng hợp kết quả kiểm toán, đánh giá các bằng chứng, đưa ra kết luận và lập Báo cáo kiểm toán. Nội dung của từng mẫu biểu, các thủ tục mà kiểm toán viên thực hiện trong giai đoạn kết thúc kiểm toán, các nội dung cần ghi chép và cách sắp xếp các mẫu biểu trong hồ sơ kiểm toán sẽ được giới thiệu với người học.*

**7.1 Tổng hợp kết quả kiểm toán**

**7.2 Soát xét, phê duyệt và phát hành báo cáo**

**7.3 Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán**

**7.4 Thư quản lý và các tư vấn khác cho khách hàng**

**7.5 Tài liệu do khách hàng cung cấp**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (2017) ***Chương trình kiểm toán mẫu: Kiểm toán Báo cáo tài chính***, NXB Hồng Đức, Mục B.

- GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (Đồng Chủ biên, 2014) ***Giáo trình*** *K****iểm toán tài chính***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, chương 7.

**7. GIÁO TRÌNH**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (Đồng Chủ biên, 2014) ***Giáo trình*** *K****iểm toán tài chính***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (2017) ***Chương trình kiểm toán mẫu: Kiểm toán Báo cáo tài chính***, NXB Hồng Đức.

- Alvin, A. Elder and Beasley et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA.

- Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) - ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia.

- Anthony et al. (2006) ***Management Control Systems***, Prentice Hall.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Bài thực hành giữa kỳ: 60%

+ Bài kiểm tra hiểu biết cuối kỳ (vấn đáp): 30%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày .... tháng ..... năm 2019* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa** | HIỆU TRƯỞNG  **PGS.TS Phạm Hồng Chương** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. **TÊN HỌC PHẦN**

**Tiếng Việt: Quản trị tài chính**

**Tiếng Anh: Financial Management**

**Mã học phần:**  **NHTC1102** **Số tín chỉ: 3**

2. **BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** **Tài chính Doanh nghiệp**

3. **ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** **Lý thuyết tài chính tiền tệ và Kế toán tài chính**

4. **MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần Quản trị Tài chính nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp: đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các ph­ương thức huy động vốn, cơ cấu vốn và chi phí vốn, các quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp: quản lý dòng tiền vào, ra, phân tích các chính sách tín dụng th­ương mại của doanh nghiệp, tác động của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp.

**5.** **MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, các kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp nh­ư: phân tích tài chính, lựa chọn nguồn tài trợ, phân tích và lựa chọn cơ cấu vốn tối ưu, đưa ra quyết định quản lý tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

***Mục tiêu lý thuyết:***

* Nắm được các khái niệm cơ bản về tài chính doanh nghiệp, so sánh được sự khác nhau của các loại hình doanh nghiệp trên khía cạnh quản trị tài chính, phân tích được các vấn đề cơ bản của quản trị tài chính doanh nghiệp
* Nắm được các nguyên tắc quản trị tài chính doanh nghiệp và hiểu được mục tiêu quản trị tài chính doanh nghiệp
* Hiểu rõ các khái niệm và đặc điểm về quản trị doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp
* Nắm được đặc điểm, phương pháp tính, và tác động của một số loại thuế (thuế Giá trị gia tăng, thuế Tiêu thụ đặc biệt, thuế Thu nhập Doanh nghiệp) đến doanh nghiệp
* Hiểu rõ khái niệm, cấu thành, và đặc điểm của các báo cáo tài chính, nắm được ý nghĩa của các chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính
* Hiểu được mục đích và các phương pháp phân tích tài chính của doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính và những thông tin liên quan
* Nắm được đặc điểm các phương thức huy động vốn của doanh nghiệp, quá trình lựa chọn nguồn tài trợ
* Năm được cách xác định chi phí vốn và xác định cơ cấu vốn tối ưu của doanh nghiệp;
* Hiểu được cách đánh giá hiệu quả khi thực hiện một dự án thông qua thẩm định tài chính dự án bằng các chỉ tiêu khác nhau
* Nắm được ý nghĩ và mô hình quản lý ngân quỹ doanh nghiệp
* Đưa ra các quyết định quản lý tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp như các phải khoản phải thu trong tín dụng thương mại, quản lý hàng tồn kho.

***Mục tiêu thực hành:***

* Biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng trong thực hành phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính và các thông tin liên quan
* Biết phân tích việc lựa chọn nguồn vốn, xác định chi phi vốn, đánh giá hiệu quả tài chính dự án, và các chính sách quản lý tài sản của doanh nghiệp.
* Thực hành đánh giá các chiến lược quản trị tài chính doanh nghiệp trong các quyết định huy động vốn, đầu tư, và các quyết định tài chính ngắn hạn.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương** | **Tổng số tiết** | **Trong đó** | | |
| **Lý thuyết** | **Thảo luận** | **Kiểm tra** |
| 1 | Tổng quan về Quản trị Tài chính Doanh nghiệp | 4 | 4 |  |  |
| 2 | Quản trị Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Doanh nghiệp | 6 | 4 | 2 |  |
| 3 | Phân tích tài chính Doanh nghiệp | 15 | 9 | 4 | 2 |
| 4 | Quản trị nguồn vốn của Doanh nghiệp | 8 | 6 | 2 |  |
| 5 | Quản trị đầu tư dài hạn của Doanh nghiệp | 6 | 4 | 2 |  |
| 6 | Quản trị tài sản của doanh nghiệp | 6 | 4 | 1 | 1 |
|  | **Cộng** | **45** | **31** | **11** | **3** |

CH­ƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

*Giới thiệu khái quát chương:* Chương 1 giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, bao gồm khái niệm doanh nghiệp, khái niệm tài chính doanh nghiệp, các nội dung cơ bản và mục tiêu của quản lý tài chính doanh nghiệp, vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp và các nguyên tắc trong quản trị tài chính doanh nghiệp. Sau khi học xong chương 1, sinh viên sẽ nắm bắt được những kiến thức cơ bản về các hoạt động cơ bản của quản trị tài chính doanh nghiệp.

**1.1. Doanh nghiệp**

1.1.1 Khái niệm và phân loại

1.1.2 Môi tr­ường hoạt động của doanh nghiệp

**1.2. Khái niệm tài chính doanh nghiệp**

**1.3. Cơ sở tài chính doanh nghiệp và các dòng tiền**

**1.4. Các nội dung cơ bản về quản lý tài chính doanh nghiệp**

**1.5. Mục tiêu quản lý tài chính doanh nghiệp**

**1.6. Vai trò quản lý tài chính doanh nghiệp**

**1.7. Nguyên tắc quản lý tài chính doanh nghiệp**

**1.8. Bộ máy quản lý tài chính**

**Tài liệu tham khảo chương:**

* *PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương I*
* *Richard A. Brealey, Stewart C. Myers and Alan J. Marcus (2011), Fundamentals of Corporate Finance, Sevent Edition, McGraw-Fill/Irwin Series in Finance, Insuarance and Real Estate*
* *Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield Jeffrey F. Jaffe (2003), Corporate Finance, The McGraw-Hill Companies*
* *Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning*
* *Eugene F. Brigham and Phillip R. Daves (2007), Intermediate Financial Management, Ninth Edition, Thomson South-Western*
* *Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13.*

CH­ƯƠNG II: QUẢN TRỊ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP

*Giới thiệu khái quát chương:* Chương 2 sẽ đề cập đến các kiến thức cơ bản về doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp thông qua cách trình bày về khái niệm doanh thu, chi phí, lợi nhuận. Bên cạnh đó, các nội dung chính về một số loại thuế tác động đến doanh nghiệp cũng được nghiên cứu như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp.

**2.1. Chi phí của doanh nghiệp**

2.1.1 Chi phí sản xuất và chi phí tiêu thụ sản phẩm

2.1.2 Chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

2.1.3 Chi phí hoạt động tài chính và chi phí hoạt động khác

**2.2. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập của doanh nghiệp**

2.2.1 Tiêu thụ sản phẩm và doanh thu tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp

2.2.2 Doanh thu của doanh nghiệp

**2.3. Lợi nhuận của doanh nghiệp**

2.3.1 Khái niệm lợi nhuận của doanh nghiệp

2.3.2 Phân phối lợi nhuận

**2.4 Một số loại thuế chủ yếu đối với doanh nghiệp**

2.4.1 Thuế giá trị gia tăng

2.4.2 Thuế tiêu thụ đặc biệt

2.4.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp

2.4.4 Một số loại thuế khác

***Tài liệu tham khảo chương:***

* *PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương II, III*
* *Richard A. Brealey, Stewart C. Myers and Alan J. Marcus (2011), Fundamentals of Corporate Finance, Sevent Edition, McGraw-Fill/Irwin Series in Finance, Insuarance and Real Estate*
* *Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield Jeffrey F. Jaffe (2003), Corporate Finance, The McGraw-Hill Companies*
* *Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning*
* *Eugene F. Brigham and Phillip R. Daves (2007), Intermediate Financial Management, Ninth Edition, Thomson South-Western*
* *Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.*
* *Thông tư 219/2013/TT-BTC: Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tang.*
* *Thông tư 78/2014/TT-BTC: Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành LuậtThuế thu nhập doanh nghiệp.*

CH­ƯƠNG III: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

*Giới thiệu khái quát chương:* Chương 3 sẽ tập trung vào giới thiệu các báo cáo tài chính chính của doanh nghiệp, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo ngân quỹ. Sau đó, phương pháp phân tích từng báo cáo tài chính sẽ được giới thiệu, giúp sinh viên có những kiến thức tổng quan để có thể đọc hiểu và phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp. Sau đó, Nội dung chương 3 cũng đề cập vào phân tích năm khía cạnh của doanh nghiệp, cụ thể là khả năng thanh toán, khả năng hoạt động, khả năng sinh lời, cơ cấu vốn và các chỉ tiêu thị trường của doanh nghiệp.

**3.1. Mục tiêu phân tích tài chính**

3.1.1 Phân tích tài chính đối với nhà quản trị

3.1.2 Phân tích tài chính đối với nhà đầu t­ư

3.1.2 Phân tích tài chính đối với ng­ười cho vay

**3.2. Thu thập thông tin sử dụng trong phân tích**

3.2.1 Bảng cân đối kế toán

3.2.2 Báo cáo kết quả kinh doanh

3.2.3 Ngân quỹ

**3.3. Phương pháp và nội dung phân tích**

3.3.1 Ph­ương pháp phân tích

3.3.2 Nội dung phân tích

**Tài liệu tham khảo chương:**

* *PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương III*
* *Richard A. Brealey, Stewart C. Myers and Alan J. Marcus (2011), Fundamentals of Corporate Finance, Sevent Edition, McGraw-Fill/Irwin Series in Finance, Insuarance and Real Estate*
* *Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield Jeffrey F. Jaffe (2003), Corporate Finance, The McGraw-Hill Companies*
* *Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning*
* *Eugene F. Brigham and Phillip R. Daves (2007), Intermediate Financial Management, Ninth Edition, Thomson South-Western*
* *Martin Fridson và Fernando Alvarez (2002), Financial Statement Analysis: A Practitioner’s Guide, Third Edition, Wiley Finance*
* *Chrles H. Gibson (2011), Financial Reporting and Analysis: Using Financial Accounting Information, The University of Toledo, Emeritus*
* *Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.*

CH­ƯƠNG IV: QUẢN TRỊ NGUỒN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP

*Giới thiệu khái quát chương:* Nội dung chính của chương 4 sẽ giới thiệu về các phương thức huy động vốn của doanh nghiệp, bao gồm hai phương thức chính là phương thức huy động vốn bằng vốn chủ sở hữu và phương thức huy động vốn bằng nợ. Sau đó, chương 4 sẽ giới thiệu về cách tính chi phí vốn của doanh nghiệp. Qua đó, doanh nghiệp sẽ nghiên cứu và tìm ra được cơ cấu vốn tối ưu cho mình.

**4.1. Tổng quan về vốn của doanh nghiệp**

**4.2. Các nguồn vốn của doanh nghiệp và phư­ơng thức huy động**

4.2.1 Nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp

4.2.2 Nợ và phư­ơng thức huy động nợ của doanh nghiệp

**4.3 Chi phí Vốn của doanh nghiệp**

4.3.1. Khái niệm chi phí vốn

4.3.2. Chi phí của các loại vốn

**4.4. Cơ cấu vốn của doanh nghiệp**

4.3.1 Mục tiêu cơ cấu vốn

4.3.2 Xác định cơ cấu vốn mục tiêu

**Tài liệu tham khảo chương:**

* *PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương IV, V*
* *Richard A. Brealey, Stewart C. Myers and Alan J. Marcus (2011), Fundamentals of Corporate Finance, Sevent Edition, McGraw-Fill/Irwin Series in Finance, Insuarance and Real Estate*
* *Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield Jeffrey F. Jaffe (2003), Corporate Finance, The McGraw-Hill Companies*
* *Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning*
* *Eugene F. Brigham and Phillip R. Daves (2007), Intermediate Financial Management, Ninth Edition, Thomson South-Western*

CH­ƯƠNG V: QUẢN TRỊ ĐẦU TƯ DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP

*Giới thiệu khái quát chương:* Chương 5 tập trung phân tích một trong ba quyết định quản trị tài chính của doanh nghiệp là quản trị đầu tư dài hạn của doanh nghiệp. Trong chương này, khái niệm về đầu tư và phân loại đầu tư sẽ được giới thiệu, giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quan về ý nghĩa và vai trò của đầu tư. Tiếp theo, chương 5 giới thiệu các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án và cách xác định luồng tiền, phân tích và đánh giá dự án.

**5.1. Đầu tư­ và vai trò của hoạt động đầu tư­ đối với doanh nghiệp**

5.1.1 Khái niệm

5.1.2 Phân loại đầu t­ư

5.1.3 ý nghĩa và các nhân tố ảnh hư­ởng tới quyết định đầu t­ư

**5.2. Các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án**

5.2.1 Chỉ tiêu giá trị hiện tại ròng

5.2.2 Chỉ tiêu tỷ lệ hoàn vốn nội bộ

5.2.3 Chỉ tiêu thời gian hoàn vốn

**5.3. Xác định luồng tiền của dự án**

5.3.1 Các luồng tiền của dự án

5.3.2 Báo cáo tài chính dự toán và ph­ương pháp xác định luồng tiền của dự án

5.3.3 Một số tr­ường hợp đặc biệt

**5.4. Phân tích và đánh giá dự án**

5.4.1 Đánh giá dự tính về NPV

5.4.2 Phân tích tình huống và các phân tích khác

5.4.3 Phân tích hoà vốn

**5.5. Đầu tư­ chứng khoán**

5.5.1 Đặc điểm của đầu t­ư chứng khoán

5.5.2 Vai trò của hoạt động đầu tư chứng khoán

5.5.3 Phân loại đầu t­ư chứng khoán

5.5.4 Phân tích, ra quuyết định đầu tư chứng khoán

**Tài liệu tham khảo chương:**

* *PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương VII*
* *Richard A. Brealey, Stewart C. Myers and Alan J. Marcus (2011), Fundamentals of Corporate Finance, Sevent Edition, McGraw-Fill/Irwin Series in Finance, Insuarance and Real Estate*
* *Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield Jeffrey F. Jaffe (2003), Corporate Finance, The McGraw-Hill Companies*
* *Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning*
* *Eugene F. Brigham and Phillip R. Daves (2007), Intermediate Financial Management, Ninth Edition, Thomson South-Western*

CH­ƯƠNG VI: QUẢN TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP

*Giới thiệu khái quát chương:* Chương này sẽ tập trung vào phân tích hoạt động quản lý tài sản của doanh nghiệp. Cụ thể, các phương thức quản lý tài sản ngắn hạn và quản lý tài sản dài hạn sẽ được giới thiệu, giúp cho sinh viên có thể nắm vững được từng phương pháp và áp dụng được trong thực tế.

**6.1. Quản lý tài sản ngắn hạn**

6.1.1 Khái niệm và phân loại tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp

6.1.2 Quản lý tài sản ngắn hạn

**6.2.Quản lý tài sản cố định và quỹ khấu hao**

6.2.1 Khái niệm và phân loại tài sản cố định của doanh nghiệp

6.2.2 Quản lý tài sản cố định

**Tài liệu tham khảo chương:**

* *PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương II, III*
* *Richard A. Brealey, Stewart C. Myers and Alan J. Marcus (2011), Fundamentals of Corporate Finance, Sevent Edition, McGraw-Fill/Irwin Series in Finance, Insuarance and Real Estate*
* *Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield Jeffrey F. Jaffe (2003), Corporate Finance, The McGraw-Hill Companies*
* *Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning*
* *Eugene F. Brigham and Phillip R. Daves (2007), Intermediate Financial Management, Ninth Edition, Thomson South-Western*

7. **GIÁO TRÌNH**

*PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.*

8. **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* *Richard A. Brealey, Stewart C. Myers and Alan J. Marcus (2011), Fundamentals of Corporate Finance, Sevent Edition, McGraw-Fill/Irwin Series in Finance, Insuarance and Real Estate*
* *Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield Jeffrey F. Jaffe (2003), Corporate Finance, The McGraw-Hill Companies*
* *Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning*
* *Eugene F. Brigham and Phillip R. Daves (2007), Intermediate Financial Management, Ninth Edition, Thomson South-Western*
* *Martin Fridson và Fernando Alvarez (2002), Financial Statement Analysis: A Practitioner’s Guide, Third Edition, Wiley Finance.*
* *Chrles H. Gibson (2011), Financial Reporting and Analysis: Using Financial Accounting Information, The University of Toledo, Emeritus*

9. **TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN**

* Số lần kiểm tra: 02 lần
* Điều kiện dự thi:

+ Tham dự ít nhất 75% thời gian học trên lớp.

+ Điểm bài kiểm tra định kỳ đạt từ 5 điểm trở lên (tính theo thang điểm 10/10)

+ Ngoài ra, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận

* Hình thức thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm kết hợp tự luận
* Cách tính điểm học phần:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Điểm số** | **Trọng số** | **Tổng điểm** |
| 1 | Điểm chuyên cần | W | 10% | 10%W (1) |
| 2 | Điểm kiểm tra (Bài kiểm tra nhỏ) | X | 10% | 10%X (2) |
| 3 | Điểm kiểm tra (Bài kiểm tra lớn) | Y | 20% | 20%Y (3) |
| 4 | Điểm thi cuối kỳ | Z | 60% | 60%Z (4) |
|  | **Điểm tổng kết học phần** |  |  | **(1)+(2)+(3)+(4)** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2015* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (đã ký) |  | HIỆU TRƯỞNG  (đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Tài chính công**

Tiếng Anh: **Public Finance**

Mã học phần: **NHCO1107** Số tín chỉ: 3

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** **Tài chính công**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế học**

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Tài chính công 2TC là học phần thuộc phần ***kiến thức chuyên ngành***, giảng dạy cho sinh viên ngoài ngành, nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tác động tài chính vĩ mô của Chính phủ, về chi tiêu công và đánh giá các chương trình chi tiêu công, về thuế và tác động của thuế, về ngân sách và quản lý NSNN, về nợ và quản lý nợ của Chính phủ..

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về tài chính công. Trên cơ sở đó, sau khi ra trường, họ có khả năng đảm nhận và hoàn thành tốt các công việc trong các cơ quan quản lý tài chính Nhà nước.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Nội dung*** | ***Tổng số***  ***tiết*** | ***Trong đó*** | | ***Ghi chú*** |
| ***Lý thuyết*** | ***Bài tập, thảo luận, kiểm tra*** |
| 1 | Chương 1:Tổng quan về tài chính công | 5 | 3 | 2 |  |
| 2 | Chương 2: Thuế và quản lý thuế | 9 | 5 | 4 |  |
| 3 | Chương 3: Ngân sách nhà nước | 4 | 3 | 1 |  |
| 4 | Chương 4: Hệ thống NSNN và phân cấp quản lý NSNN | 4 | 3 | 1 |  |
| 5 | Chương 5: Cân đối NSNN | 4 | 3 | 1 |  |
| 6 | Chương 6: Quản lý nợ công | 4 | 3 | 1 |  |
|  | **Cộng** | **30** | **20** | **10** |  |

CHƯƠNG I – TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

*Mục tiêu của chương nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tài chính công với các nội dung chủ yếu như quan niệm về tài chính công, nội dung và các lĩnh vực về tài chính công, đặc điểm của tài chính công. Ngoài ra, sinh viên cũng hiểu được vai trò của chính phủ trong việc thực hiện các chức năng của tài chính công. Sau chương này, sinh viên sẽ nhận biết vị trí quan trọng của tài chính công trong cấu trúc hệ thống tài chính, phân biệt được tài chính công với các hoạt động tài chính khác.*

* 1. **Những vấn đề chung về tài chính công**
     1. Quan niệm về tài chính công
     2. Nội dung và các lĩnh vực thuộc tài chính công
     3. Đặc điểm của tài chính công
     4. Hệ thống quản lý tài chính công
  2. **Vai trò của Chính phủ và tài chính công**
     1. Chính phủ với việc phân phối lại thu nhập và ổn định kinh tế vĩ mô
     2. Chính phủ với việc khai thác và sử dụng có hiệu quả những nguồn lực công cộng
     3. Độc quyền, cạnh tranh và tác động của chính phủ
     4. Những yếu tố ngoại sinh và tác động của chính phủ
     5. Chính phủ với việc cung cấp và sử dụng các hàng hoá, dịch vụ công cộng
     6. Chính phủ với việc cung cấp và sử dụng các hàng hoá khuyến dụng

**Tài liệu tham khảo Chương 1:**

* + Kinh tế học công cộng, NXBKHKT, 1995 (tác giả Joseph E.Stiglitz)
  + Giáo trình quản lý tài chính công, NXB tài chính – Hà nội 2005
  + Giáo trình quản lý thuế, Nguyễn thị Bất, NXB Thống kê 2002

CHƯƠNG II – THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ

*Mục tiêu của chương nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuế. Các kiến thức gồm khái niệm và đặc điểm của thuế, cơ sở thuế, thuế suất và cấu trúc thuế suất, phân loại thuế, phân tích được tác động của thuế trên thị trường cạnh tranh …Từ đó có thể vận dụng để đánh giá chính sách thuế .*

**2.1. Những vấn đề chung về thuế**

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm

2.1.2. Cơ sở thuế

2.1.3. Thuế suất và cấu trúc thuế suất

**2.2. Phân loại thuế**

2.2.1. Căn cứ vào tính chất của nguồn tài chính động viên vào NSNN

2.2.2. Căn cứ vào đối tượng đánh thuế

**2.3. Hệ thống thuế và tính chất của một hệ thống thuế tối ưu**

2.3.1. Hệ thống thuế

* + 1. Tính chất của một hệ thống thuế tối ưu
  1. **Phân tích tác động của thuế**

2.4.1. Tác động của thuế trong thị trường cạnh tranh

2.4.2. Tác động của thuế trong thị trường độc quyền

* 1. **Quản lý thuế**

2.5.1. Quản lý thuế tiêu dung

2.5.2. Quản lý thuế thu nhập

2.5.3. Quản lý thuế tài sản và thuế khác

**Tài liệu tham khảo Chương 2:**

* + Kinh tế học công cộng, NXBKHKT, 1995 (tác giả Joseph E.Stiglitz)
  + Giáo trình quản lý tài chính công, NXB tài chính – Hà nội 2005
  + Giáo trình quản lý thuế, Nguyễn thị Bất, NXB Thống kê 2002

CHƯƠNG III – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*Mục tiêu của chương giúp sinh viên nắm được lý thuyết chung về ngân sách nhà nước. Kết thúc chương, sinh viên sẽ có cái nhìn tổng quan về bản chất, vai trò của ngân sách nhà nước; nắm được các nội dung thu chi của NSNN, mục lục NSNN, năm ngân sách và chu trình ngân sách.*

**3.1. Bản chất kinh tế và vai trò của ngân sách Nhà nước**

3.1.1. Khái niệm và bản chất kinh tế của NSNN

3.1.2. Vai trò của NSNN

**3.2. Thu và cơ cấu thu NSNN**

3.2.1. Thu NSNN

3.2.2. Cơ cấu thu NSNN

**3.3. Chi và cơ cấu chi NSNN**

3.3.1. Chi NSNN

3.3.2. Cơ cấu chi NSNN

**3.4. Mục lục NSNN**

3.4.1. Ý nghĩa và các yêu cầu của mục lục NSNN

3.4.2. Nội dung của mục lục NSNN

**3.5. Năm ngân sách và chu trình NSNN**

3.5.1. Năm ngân sách nhà nước

3.5.2. Chu trình Ngân sách nhà nước

**Tài liệu tham khảo Chương 3:**

* + Kinh tế học công cộng, NXBKHKT, 1995 (tác giả Joseph E.Stiglitz)
  + Giáo trình quản lý tài chính công, NXB tài chính – Hà nội 2005
  + Giáo trình quản lý thuế, Nguyễn thị Bất, NXB Thống kê 2002
  + Luật ngân sách nhà nước
  + Tài liệu chuyên khảo “Ngân sách nhà nước” (tài liệu do bộ môn biên soạn)
  + Cân đối ngân sách tại trang web <http://www>. mof.gov.vn

CHƯƠNG IV – HỆ THỐNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*Mục tiêu của chương giúp sinh viên hiểu về hệ thống NSNN và phân cấp NSNN. Kết thúc chương, sinh viên có thể biết được các mô hình tổ chức hệ thống NSNN trên thế giới, phân tích và đánh giá thực trạng phân cấp NSNN ở Việt Nam qua các thời kỳ*

**4.1. Hệ thống ngân sách nhà nước.**

4.1.1. Cơ sở khoa học của việc hình thành hệ thống NSNN.

4.1.2. Nguyên tắc tổ chức hệ thống NSNN.

4.1.3. Cơ cấu tổ chức hệ thống Nhà nước.

**4.2. Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.**

4.2.1. Yêu cầu của phân cấp quản lý NSNN.

4.2.2. Nội dung phân cấp quản lý NSNN.

4.3. Phân cấp quản lý NSNN ở Việt Nam qua các thời kỳ.

**Tài liệu tham khảo Chương 4:**

* + Luật ngân sách nhà nước
  + Cân đối ngân sách tại trang web <http://www>. mof.gov.vn
  + Tài liệu chuyên khảo “Ngân sách nhà nước” (tài liệu do bộ môn biên soạn)
  + Giáo trình quản lý tài chính công, NXB tài chính – Hà nội 2005
  + Giáo trình quản lý thuế, Nguyễn thị Bất, NXB Thống kê 2002

CHƯƠNG V – CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*Mục tiêu của chương giúp sinh viên nắm được các lý thyết cơ bản về cân đối NSNN. Ngoài ra, sinh viên cũng hiểu được khái niệm, nguyên nhân, tác động và các giải pháp khắc phục thâm hụt NSNN. Kết thúc chương, sinh viên có thể vận dụng vào thực tiễn để đánh giá thực trạng thâm hụt NSNN ở Việt Nam.*

**5.1. Cân đối NSNN**

5.1.1. Khái niệm về cấn đối NSNN

5.1.2. Các lý thuyết về cấn đối NSNN

**5.2. Thâm hụt NSNN.**

5.2.1. Khái niệm và đo lường thâm hụt NSNN.

5.2.2. Nguyên nhân thâm hụt NSNN

5.2.3. Các tác động của thâm hụt NSNN.

5.2.4. Các giải pháp khắc phục thâm hụt NSNN.

5.2.5. Thâm hụt NSNN ở Việt Nam

**Tài liệu tham khảo Chương 5:**

* + Luật ngân sách nhà nước
  + Cân đối ngân sách tại trang web <http://www>. mof.gov.vn
  + Giáo trình quản lý tài chính công, NXB tài chính – Hà nội 2005
  + Giáo trình quản lý thuế, Nguyễn thị Bất, NXB Thống kê 2002
  + Tài liệu chuyên khảo “Ngân sách nhà nước” (tài liệu do bộ môn biên soạn)

CHƯƠNG VI - QUẢN LÝ NỢ CÔNG

*Mục tiêu của chương giúp sinh viên phân biệt các khái niệm nợ công, nợ quốc gia và nợ chính phủ. Từ đó biết các nguyên nhân phát sinh nợ và ảnh hưởng của nợ công. Sinh viên cũng biết được cơ cấu nợ công, cách thức và nội dung quản lý nợ công. Kết thúc chương sinh viên có thể liên hệ thực tế để đánh giá thực trạng quản lý nợ công ở Việt Nam, phân tích các bài học rút ra từ khủng hoảng nợ công của các nước trên thế giới.*

**6.1. Nợ quốc gia**

6.1.1. Khá niệm và phân loại nợ quốc gia

6.1.2. Phương pháp đánh giá tình trạng nợ nần của các quốc gia

**6.2. Nợ công**

6.2.1. Khái niệm và nội dung của nợ công

62.2. Nguyên nhân gia tăng nợ công

6.2.3. Tác động của nợ công

**6.3. Quản lý nợ công**

6.3.1. Khái niệm và ý nghĩa của quản lý nợ công

* + 1. Mục tiêu và phạm vi quản lý nợ
    2. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý nợ
    3. Phương thức và các công cụ quản lý nợ
    4. Nội dung quản lý nợ công

**Tài liệu tham khảo Chương 6:**

* + Giáo trình quản lý tài chính công, NXB tài chính – Hà nội 2005
  + Giáo trình quản lý thuế, Nguyễn thị Bất, NXB Thống kê 2002

**7. GIÁO TRÌNH:**

* + Tài chính công (dịch từ tiếng anh Public Finance)
  + Câu hỏi và bài tập Tài chính công, NXB Thống kê, 2006, Chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Bất.

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

* + Kinh tế học công cộng, NXBKHKT, 1995 (tác giả Joseph E.Stiglitz)
  + Giáo trình quản lý tài chính công, NXB tài chính – Hà nội 2005
  + Giáo trình quản lý thuế, Nguyễn thị Bất, NXB Thống kê 2002
  + Tài liệu chuyên khảo “Ngân sách nhà nước” (tài liệu do bộ môn biên soạn)
  + Luật Ngân sách nhà nước
  + Cân đối ngân sách tại trang web <http://www>. mof.gov.vn

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

Sinh viên đủ điều kiện dự thi nếu:

* + Tham dự ít nhất 75% thời gian học trên lớp.
  + Điểm bài kiểm tra định kỳ đạt từ 5 điểm trở lên (tính theo thang điểm 10/10).

Ngoài ra:

* + Tham gia đầy đủ vào các buổi thảo luận và làm bài tập.
  + Hình thức thi kết thúc học phần: thi tự luận
  + Cách tính điểm học phần:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Điểm số** | **Trọng số** | **Tổng điểm** |
| 1 | Điểm chuyên cần | X | 10% | 10%X (1) |
| 2 | Điểm kiểm tra (1 bài) | Y | 30% | 30%Y (2) |
| 3 | Điểm thi cuối kỳ | Z | 60% | 60%Z (3) |
|  | **Điểm tổng kết học phần** |  |  | **(1)+(2)+(3)** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2015* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (đã ký) |  | HIỆU TRƯỞNG  (đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

Tiếng Việt: **Chuyên đề kiểm toán**

Tiếng Anh: **Contemporary issues in auditing**

Mã học phần: **KTKI1118**  Tổng số tín chỉ: **03 (2, 1)**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kiểm toán**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Kiểm toán căn bản

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần Chuyên đề Kiểm toán giới thiệu với sinh viên về những vấn đề lớn đặt ra trong thực tiễn của ngành kiểm toán như đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết, hoạt động kiểm toán nhà nước nhằm hỗ trợ quản lý vĩ mô và phát triển bền vững, kiểm toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản, ... Học phần này giúp người học có thêm sự hiểu biết về thực tiễn các vấn đề đang đặt ra đối với ngành kiểm toán.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Mục tiêu của học phần Chuyên đề Kiểm toán là trang bị những kiến thức về các vấn đề thực tiễn đang đặt ra cho ngành kiểm toán, giúp người học hiểu về vai trò và công việc của kiểm toán trong nền kinh tế thị trường hội nhập, có quan điểm động về ngành kiểm toán.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần/Chương | Thời gian (30 tiết) | | |
| Tổng số | Giảng | Bài tập và Thảo luận |
| Chuyên đề 1: Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán | 7 | 4 | 3 |
| Chuyên đề 2: Kiểm soát chất lượng kiểm toán | 6 | 4 | 2 |
| Chuyên đề 3: Kiểm toán gian lận | 7 | 5 | 2 |
| Chuyên đề 4: Đặc điểm kiểm toán doanh nghiệp niêm yết và cổ phần hóa | 7 | 5 | 2 |
| Chuyên đề 5: Đặc điểm kiểm toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản | 6 | 4 | 2 |
| Chuyên đề 6: Kiểm toán nhà nước với hỗ trợ quản lý vĩ mô và phát triển bền vững | 5 | 3 | 2 |
| Tổng | 38 | 25 | 13 |

CHUYÊN ĐỀ 1: ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP KIỂM TOÁN

*Để bảo đảm chất lượng kiểm toán đáp ứng yêu cầu của người sử dụng, kiểm toán viên cần có năng lực chuyên môn tương xứng và đạo đức nghề nghiệp. Các giá trị đạo đức được phát huy giúp kiểm toán viên tuân thủ một cách tự giác hơn các qui định đối với hoạt động kiểm toán, thực hiện kiểm toán với năng lực chuyên môn cao mà kiểm toán viên có, từ đó bảo đảm chất lượng kiểm toán, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng, giảm thiểu các tổn thất cho xã hội. Chuyên đề 1 giới thiệu về vai trò của đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, các tình huống khó xử về đạo đức trong lĩnh vực kiểm toán, các qui định quốc tế và Việt Nam đối với đạo đức của kiểm toán viên.*

**1.1 Vai trò của đạo đức nghề nghiệp kiểm toán**

1.1.1. Khái niệm đạo đức nghề nghiệp kiểm toán

1.1.2 Tình huống khó xử về đạo đức trong ngành kiểm toán

**1.2. Qui định của quốc tế về đạo đức nghề nghiệp kiểm toán**

1.2.1. Qui định của IFAC đối với kiểm toán viên độc lập

1.2.2. Qui định của INTOSAI đối với kiểm toán viên nhà nước

1.2.3 Qui định của IIA đối với kiểm toán viên nội bộ

**1.3 Qui định về đạo đức nghề nghiệp kiểm toán ở Việt Nam**

1.3.1 Qui định đối với kiểm toán viên độc lập

1.3.1 Qui định đối với kiểm toán viên nhà nước

**Tài liệu tham khảo của chương:**

- Bộ Tài chính (2015) Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; trong Thông tư 70/2015/TT-BTC.

- Kiểm toán nhà nước (2016) Hệ thống chuẩn mực kiểm toán nhà nước, NXB Thống kê, Hà Nội

- Alvin, A. Elder and Beasley (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA, Chương 4.

- Leung et al. (2009) ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, Wiley, Chương 2.

- INTOSAI (2016) ISSAI 30 Code of Ethics, có tại: [www.intosai.org](http://www.intosai.org)

- IIA (2009) Code of Ethics, có tại: http://na.theiia.org

CHUYÊN ĐỀ 2: KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN

*Chất lượng kiểm toán có vai trò quan trọng với người sử dụng kết quả kiểm toán và với bản thân doanh nghiệp kiểm toán và nghề kiểm toán nói chung. Kiểm soát chất lượng kiểm toán do đó là vấn đề quan trọng không chỉ với bản thân doanh nghiệp kiểm toán, mà còn với nghề kiểm toán và cơ quan chức năng. Chuyên đề 2 giới thiệu về chất lượng kiểm toán, sự cần thiết kiểm soát chất lượng kiểm toán, các cấp độ của kiểm soát chất lượng kiểm toán.*

**2.1 Chất lượng kiểm toán và sự cần thiết kiểm soát chất lượng kiểm toán**

2.1.1 Khái niệm về chất lượng kiểm toán

2.1.2 Sự cần thiết kiểm soát chất lượng kiểm toán

**2.2 Các cấp độ của kiểm soát chất lượng kiểm toán**

2.2.1 Kiểm soát của cơ quan chức năng nhà nước

2.2.2 Kiểm soát của hiệp hội nghề nghiệp

2.2.3 Kiểm soát của tổ chức kiểm toán

**Tài liệu tham khảo của chương:**

-VACPA (2013) ***Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam***, NXB Tài chính, Hà Nội

-Kiểm toán nhà nước (2016) ***Hệ thống chuẩn mực kiểm toán nhà nước***, NXB Thống kê, Hà Nội

-Alvin Arens et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services: an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson.

CHUYÊN ĐỀ 3: KIỂM TOÁN GIAN LẬN

*Trong quá trình toàn cầu hóa và cạnh tranh gia tăng, gian lận ngày càng trở nên tinh vi hơn, phức tạp hơn, đa dạng hơn, khó phát hiện hơn và cũng gây thiệt hại lớn hơn đối với các bên hữu quan (stakeholders) và xã hội. Do đó, kỳ vọng về kiểm toán viên đối với gian lận cũng được đặt ra nhiều hơn. Chuyên đề 3 giới thiệu về bản chất của gian lận, hệ lụy của gian lận, những thách thức đặt ra đối với kiểm toán viên khi kiểm toán, và cách ứng xử của kiểm toán viên trong quá trình kiểm toán trước rủi ro có gian lận.*

**3.1. Bản chất và các loại gian lận**

3.1.1. Bản chất gian lận

3.1.2. Các loại gian lận

**3.2. Vai trò của kiểm toán viên đối với gian lận trong kiểm toán**

**3.3. Kiểm toán gian lận trong quy trình kiểm toán**

3.3.1. Đánh giá khả năng gian lận trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán.

3.3.2. Đánh giá khả năng gian lận trong giai đoạn thực hiện kế hoạch kiểm toán.

3.3.3 Đánh giá khả năng gian lận trong giai đoạn kết thúc kiểm toán

Tài liệu tham khảo của chương:

- Bộ Tài chính (2012) Chuẩn mực kiểm toán số 240, trong Thông tư số 214/2012/TT-BTC.

- Alvin Arens et al. (2014) ***Auditing and Assurance Services – an Integrated Approach***, 15th edition, Pearson, Chương 11

CHUYÊN ĐỀ 4: ĐẶC ĐIỂM KIỂM TOÁN DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT VÀ CỔ PHẦN HÓA

*Doanh nghiệp niêm yết có liên quan đến rất đông các nhà đầu tư nên chất lượng kiểm toán cần phải bảo đảm ở mức độ cao để hạn chế những thiệt hại xã hội cũng như duy trì được niềm tin của công chúng. Kiểm toán BCTC của doanh nghiệp niêm yết do đó có những yêu cầu cao hơn so với kiểm toán BCTC thông thường của doanh nghiệp chưa niêm yết. Bên cạnh đó, quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đặt ra những yêu cầu về ngăn ngừa nguy cơ thất thoát tài sản nhà nước khi cổ phần hóa, bảo đảm tính hợp lý của tiến trình cổ phần hóa… từ đó đòi hỏi kiểm toán có cách thức tiếp cận phù hợp với quá trình này. Chuyên đề 4 giới thiệu đặc điểm doanh nghiệp niêm yết và cổ phần hóa, đặc điểm kiểm toán doanh nghiệp niêm yết và cổ phần hóa nhằm đáp ứng yêu cầu huy động một cách hiệu quả các nguồn vốn xã hội cho doanh nghiệp.*

**4.1. Đặc điểm doanh nghiệp niêm yết và cổ phần hóa có ảnh hưởng đến kiểm toán**

**4.2. Đặc điểm kiểm toán**

4.2.1. Yêu cầu về chất lượng kiểm toán

4.2.2. Yêu cầu về chủ thể kiểm toán

4.2.3. Những nội dung đặc thù trong quy trình kiểm toán

**4.3 Hướng dẫn của INTOSAI đối với Kiểm toán nhà nước về kiểm toán cổ phần hóa**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

- Bộ Tài chính (2015) Thông tư 202/2015/TT-BTC về hướng dẫn niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

- Chính Phủ (2007) Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 về Chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần

- Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2015) ***Luật Kiểm toán nhà nước,*** có tại: www.luatvietnam.vn

- Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2011) ***Luật Kiểm toán độc lập***, có tại: www.luatvietnam.vn

- INTOSAI (1998) ISSAI 5210e Guidelines on Best Practice for the Audit of Privatisations, có tại: [www.issai.org](http://www.issai.org).

CHUYÊN ĐỀ 5: ĐẶC ĐIỂM KIỂM TOÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

*Dự án đầu tư xây dựng cơ bản có ý nghĩa quan trọng cần kiểm toán, do có khối lượng vốn đầu tư lớn, tác dụng xã hội nhiều, rủi ro dự án cao. Kiểm toán dự án để đánh giá tính hiệu năng, hiệu quả, tiết kiệm của dự án do đó là rất cần thiết trong bối cảnh cần tiết kiệm chi tiêu công nhưng vẫn phải đạt mục tiêu phát triển xã hội. Tuy nhiên, kiểm toán dự án đầu tư có nhiều khó khăn do tính chất phức tạp và đơn chiếc của dự án, đòi hỏi kiểm toán viên cần hiểu và xác định đúng mục tiêu, nội dung kiểm toán, lựa chọn các kỹ thuật kiểm toán phù hợp. Chuyên đề 5 giới thiệu về đặc điểm dự án và đặc điểm kiểm toán dự án đầu tư, có đề cập đến qui định pháp lý hiện hành (Chuẩn mực số 1000) về kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án đầu tư.*

5.1. Đặc điểm và phân loại dự án đầu tư xây dựng cơ bản có ảnh hưởng đến kiểm toán

5.1.1 Đặc điểm dự án

5.1.2 Phân loại dự án

5.2. Đặc điểm kiểm toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản

5.2.1. Kiểm toán dự toán dự án

5.2.2. Kiểm toán dự án trong quá trình thực hiện

5.2.3. Kiểm toán báo cáo quyết toán

Tài liệu tham khảo của chương:

- GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (Đồng Chủ biên, 2014) ***Giáo trình*** *K****iểm toán tài chính***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 17.

- Bộ Tài chính (2015) Chuẩn mực kiểm toán số 1000, trong Thông tư số 67/2015/TT-BTC.

CHUYÊN ĐỀ 6: KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỚI HỖ TRỢ QUẢN LÝ VĨ MÔ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

*Quản lý vĩ mô nói chung và quản lý tài chính công nói riêng gặp phải ngày càng nhiều áp lực về nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả và bền vững. Do đó, kiểm toán nhà nước cũng được kỳ vọng là sẽ đóng vai trò tích cực hơn vào quản lý vĩ mô và phát triển bền vững. Chuyên đề 6 giới thiệu quan điểm của INTOSAI và hoạt động của Kiểm toán nhà nước Việt Nam hướng đến mục tiêu hỗ trợ quản lý công và phát triển bền vững.*

**6.1 Quan điểm của INTOSAI về vai trò của kiểm toán nhà nước với hỗ trợ quản lý vĩ mô tốt và phát triển bền vững**

6.1.1. Quan điểm của INTOSAI

6.1.2. Các biện pháp được INTOSAI thực hiện để hiệu lực hóa quan điểm

**6.2 Hoạt động của Kiểm toán nhà nước Việt Nam với hỗ trợ quản lý công và phát triển bền vững**

6.2.1. Đẩy mạnh kiểm toán hoạt động với mục tiêu 3E

6.2.2. Đẩy mạnh kiểm toán dự toán

6.2.3 Tích cực tham gia vào kiểm toán các chủ đề mới của quản lý nhà nước và phát triển bền vững

**Tài liệu tham khảo của chương:**

- INTOSAI (2010) Strengthening External Public Auditing in INTOSAI Regions, có tại: www.intosai.org.

**7. GIÁO TRÌNH**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (Đồng Chủ biên, 2014) ***Giáo trình*** *K****iểm toán tài chính***, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2015) ***Luật Kiểm toán nhà nước,*** có tại: [www.luatvietnam.vn](http://www.luatvietnam.vn)

- Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2011) ***Luật Kiểm toán độc lập***, có tại: [www.luatvietnam.vn](http://www.luatvietnam.vn)

- Giáo trình Kiểm toán của các trường đại học (phần tổng quan hoặc lý luận chung về kiểm toán)

- Tạp chí Kiểm toán, Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán, Kế toán, Kinh tế và Phát triển, Phát triển Kinh tế….

- Bộ Tài Chính (2012) ***Thông tư 214/2012/TT-BTC về Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam***, Hà Nội.

- Alvin, A. Elder and Beasley et al. (2016) ***Auditing and Assurance Services - an Integrated Approach***, 16th edition, Pearson, USA.

- Leung, Coram, Cooper, Richardson (2009) - ***Modern Auditing and Assurance Services***, 4th edition, John Wiley & Son Australia.

- Anthony et al. (2006) ***Management Control Systems***, Prentice Hall.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:

+ Dự lớp: 10%

+ Bài thu hoạch cuối kỳ: 90%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2018* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  **PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa** | HIỆU TRƯỞNG  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Thuế**

Tiếng Anh: **Taxation**

Mã học phần: **NHCO1111**  Số tín chỉ: 3

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** **Tài chính công**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tài chính công**

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Học phần Thuế nghiên cứu những vấn đề về chính sách thuế, lý thuyết chung về quản lý thuế. Trên cơ sở đó nghiên cứu nội dung và các phương thức quản lý thích hợp đối với mỗi loại thuế hiện hành ở Việt Nam

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chính sách thuế hiện hành của VN, về quản lý thuế, nội dung và phương thức quản lý, vận hành đối với mỗi loại thuế nhằm giúp sinh viên có được hệ thống kiến thức toàn diện theo chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính công bậc đại học.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Nội dung*** | ***Tổng số***  ***tiết*** | ***Trong đó*** | | ***Ghi chú*** |
| ***Lý thuyết*** | ***Bài tập, thảo luận, kiểm tra*** |
| 1 | Chương 1: Tổng quan về thuế và quản lý thuế | 4 | 3 | 0 |  |
| 2 | Chương 2: Thuế tiêu dùng | 10 | 7 | 3 |  |
| 3 | Chương 3: Thuế thu nhập | 9 | 6 | 3 |  |
| 4 | Chương 4: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế khác | 7 | 4 | 3 |  |
|  | **Cộng** | **30** | **21** | **9** |  |

CHƯƠNG I – TỔNG QUAN VỀ THUẾ

*Thuế là khoản đóng góp có tính chất bắt buộc và là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước. Chương 1 cung cấp những thông tin cơ bản về hệ thống thuế, tập trung nhấn mạnh các yếu tố cấu thành một loại thuế. Từ đó xem xét những vai trò quan trọng của thuế đối với nền kinh tế.*

* 1. **Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế**
     1. Khái niệm và bản chất của thuế
     2. Đặc điểm của thuế
     3. Vai trò của thuế
  2. **Các yếu tố cấu thành một sắc thuế**
     1. Tên gọi của thuế
     2. Đối tượng nộp thuế
     3. Đối tượng chịu thuế
     4. Căn cứ và phương pháp tính thuế
     5. Thuế suất
     6. Các yếu tố khác
  3. **Phân loại thuế**

1.3.1. Căn cứ vào tính chất của nguồn tài chính động viên vào NSNN

1.3.2. Căn cứ vào đối tượng đánh thuế

**1.4. Tổ chức hệ thống bộ máy quản lý thuế**

1.4.1. Nguyên tắc tổ chức hệ thống bộ máy quản lý thuế

1.4.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan thuế

**1.5. Quản lý thuế ở Việt nam qua các thời kỳ**

1.5.1. Thời kỳ Pháp thuộc

1.5.2. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng 8 đến năm 1954

1.5.3. Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975

1.5.4. Giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1990

1.5.5. Giai đoạn từ năm 1990 đến nay

**Tài liệu tham khảo Chương 1:**

* Giáo trình Quản lý thuế, *NXB Thống kê*, 2002
* Câu hỏi và Bài tập Quản lý Thuế, *NXB Thống kê*, 2002
* Giáo trình Thuế, *Học viện Tài chính, 2010*

CHƯƠNG II – THUẾ TIÊU DÙNG

*Chương 2 giới thiệu khái quát lý thuyết chung về quản lý thuế TIÊU DÙNG. Đây là các loại thuế gián thu có đối tượng chịu thuế là hàng hóa dịch vụ. Trong nhóm thuế tiêu dùng gồm 3 loại thuế cơ bản được phân tích cô đọng nhằm hiểu bản chất và nguyên lý của nhóm thuế này. Bên cạnh đó nội dung chương cũng trình bày cụ thể về công tác quản lý thuế tiêu dùng. Trong đó tập trung chủ yếu về nội dung chính sách các loại thuế , tổ chức bộ máy quản lý và quy trình quản lý thuế.*

**2.1. Nguyên tắc chung trong quản lý thuế tiêu dùng**

2.1.1. Nguyên tắc ban hành văn bản pháp luật

2.1.2. Nguyên tắc quản lý thu các loại thuế tiêu dùng

**2.2. Thuế Giá trị gia tăng**

2.2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế GTGT

2.2.2. Quy định chung của thuế GTGT

2.2.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế GTGT

2.2.4. Khấu trừ, hoàn thuế GTGT

2.2.5. Tổ chức thực hiện

**2.3. Thuế Tiêu thụ đặc biệt**

2.3.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế TTĐB

2.3.2. Quy định chung của thuế TTĐB

2.3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế TTĐB

2.3.4. Hoàn thuế, khấu trừ, giảm thuế TTĐB

2.3.5. Tổ chức thực hiện

**2.4. Thuế môi trường**

2.4.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế môi trường

2.4.2. Quy định chung của thuế môi trường

2.4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế môi trường

2.4.4. Khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế môi trường

2.4.5. Tổ chức thực hiện

**Tài liệu tham khảo Chương 2:**

* Giáo trình Quản lý thuế, *NXB Thống kê*, 2002
* Câu hỏi và Bài tập Quản lý Thuế, *NXB Thống kê*, 2002
* Giáo trình Thuế, *Học viện Tài chính, 2010*
* Luật Quản lý thuế
* Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Thuế Giá trị gia tăng, thuế tiệu thụ đặc biệt, thuế môi trường

CHƯƠNG III – THUẾ THU NHẬP

*Chương 3 trình bày lý do ra đời thuế Thu nhập và lý thuyết chung về thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Nội dung chương nhấn mạnh về 2 Luật thuế Thu nhập và quy trình quản lý Thuế Thu nhập ở Việt Nam từ khi ra đời đến nay. So sánh mối quan hệ giữa thuế thu nhập với thuế tiêu dùng.*

**3.1. Cơ sở ra đời của thuế thu nhập**

**3.2. Nguyên tắc quản lý thuế thu nh**ập

3.2.1. Nguyên tắc ban hành văn bản pháp luật

3.2.2. Nguyên tắc quản lý thu các loại thuế thu nhập

**3.3. Mối quan hệ giữa thuế thu nhập và thuế tiêu dùng**

**3.4. Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

3.4.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế TNDN

3.4.2. Quy định chung của thuế TNDN

3.4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế TNDN

3.4.4. Đăng ký, kê khai, nộp thuế TNDN

3.4.5. Ưu đãi thuế TNDN

3.4.6. Tổ chức thực hiện

**3.5. Thuế Thu nhập cá nhân**

3.5.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế TNCN

3.5.2. Quy định chung của thuế TNCN

3.5.3. Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cư trú

3.5.4. Căn cứ tính thuế đối với cá nhân không cư trú

3.5.5. Đăng ký, kê khai, nộp thuế TNCN

3.5.6. Tổ chức thực hiện

**Tài liệu tham khảo Chương 3:**

* Giáo trình Quản lý thuế, *NXB Thống kê*, 2002
* Câu hỏi và Bài tập Quản lý Thuế, *NXB Thống kê*, 2002
* Giáo trình Thuế, *Học viện Tài chính, 2010*
* Luật Quản lý thuế
* Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân

**CHƯƠNG 4 – THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THUẾ KHÁC.**

**Tóm tắt Chương 4**

*Chương 4 Trình bày nội dung các chính sách thuế NK-NK và Thuế khác ngoài các nội dung chính sách thuế đã trình bày ở các chương trên và quy trình quản lý .*

**4.1. Thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu**

4.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế XK-NK

4.1.2. Nội dung thuế XK-NK

4.1.3. Quản lý thuế XK-NK

**4.2. Thuế môn bài**

4.2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế môn bài

4.2.2. Nội dung thuế môn bài

4.2.3. Quản lý thuế môn bài

**4.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**

4.3.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế SDĐPNN

4.3.2. Nội dung thuế SDĐPNN

4.3.3. Quản lý thuế SDĐPNN

**4.4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp**

4.4.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế SDĐNN

4.4.2. Nội dung thuế SDĐNN

4.4.3. Quản lý thuế SDĐNN

**4.5. Thuế tài nguyên**

4.5.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế tài nguyên

4.5.2. Nội dung thuế tài nguyên

4.5.3. Quản lý thuế tài nguyên

**4.6. Các hình thức thuế khác**

4.6.1. Thuế nhà thầu

4.6.2. Thuế khác

**Tài liệu tham khảo Chương 4:**

* Giáo trình Quản lý thuế, *NXB Thống kê*, 2002
* Câu hỏi và Bài tập Quản lý Thuế, *NXB Thống kê*, 2002
* Giáo trình Thuế, *Học viện Tài chính, 2010*
* Luật Quản lý thuế
* Các thông tư nghị định liên quan đến thuế

**7. GIÁO TRÌNH:**

* + Giáo trình Quản lý thuế, NXBTK năm 2002 (do bộ môn biên soạn)
  + Câu hỏi và bài tập Quản lý thuế, NXBTK năm 2002 (do bộ môn biên soạn).

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

* + Các luật, nghị định, thông tư về các chính sách thuế hiện hành của Việt nam
  + Giáo trình Thuế Nhà nước, học viện Tài chính.

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

Sinh viên đủ điều kiện dự thi nếu:

* + Tham dự ít nhất 75% thời gian học trên lớp.
  + Điểm bài kiểm tra định kỳ đạt từ 5 điểm trở lên (tính theo thang điểm 10/10).

Ngoài ra:

* + Tham gia đầy đủ vào các buổi thảo luận và làm bài tập.
  + Hình thức thi kết thúc học phần: thi tự luận
  + Cách tính điểm học phần:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Điểm số** | **Trọng số** | **Tổng điểm** |
| 1 | Điểm chuyên cần | X | 10% | 10%X (1) |
| 2 | Điểm kiểm tra (1 bài) | Y | 30% | 30%Y (2) |
| 3 | Điểm thi cuối kỳ | Z | 60% | 60%Z (3) |
|  | **Điểm tổng kết học phần** |  |  | **(1)+(2)+(3)** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2015* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (đã ký) |  | HIỆU TRƯỞNG  (đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: Ngân hàng thương mại

Tiếng Anh: Commercial Banking

Mã học phần: **NHTM1101** Số tín chỉ: **2**

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** **Ngân hàng thương mại**

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Lý thuyết tài chính tiền tệ 1.

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:** Môn học nghiên cứu

* Các vấn đề lý thuyết cơ bản về ngân hàng thương mại (các khái niệm, chức năng, lịch sử ra đời và phát triển)
* Các phương pháp tính lãi cơ bản trong ngân hàng
* Nguồn vốn của ngân hàng (các khoản mục trong nguồn vốn và quản lý lãi suất đối với vốn nợ)
* Tài sản của ngân hàng (các loại tài sản và quản lý tài sản).

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động ngân hàng thương mại. Cụ thể:

* SV hiểu và phân biệt được sự khác biệt về khái niệm giữa tổ chức tín dụng, ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, ngân hàng chính sách, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân
* SV nêu được các hoạt động cơ bản của ngân hàng, từ đó hiểu được các dịch vụ chủ yếu của ngân hàng hiện nay
* SV phân tích được các mốc cơ bản trong lịch sử hình thành và phát triển của ngân hàng nói chung và hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam nói riêng
* SV hiểu được các nội dung về nguồn vốn của ngân hàng bao gồm khái niệm, các hình thức huy động vốn
* SV hiểu được các nội dung về tài sản của ngân hàng bao gồm khái niệm, các loại tài sản và nội dung quản lý tài sản của ngân hàng
* SV hiểu được 2 phương pháp tính lãi cơ bản trong ngân hàng gồm lãi đơn và lãi gộp

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỔ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số tiết** | **Trong đó** | | **Ghi chú** |
| **Lý thuyết** | **Bài tập, kiểm tra, thảo luận** |
| 1 | Chương 1 | 7 | 5 | 2 |  |
| 2 | Chương 2 | 10 | 7 | 3 |  |
| 3 | Chương 3 | 7 | 5 | 2 |  |
| 4 | Chương 4 | 6 | 4 | 2 |  |
|  | **Cộng** | **30** | **21** | **9** |  |

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Nội dung của chương đề cập đến ( i) lịch sử hình thành và phát triển của ngân hàng và đưa ra khái niệm ngân hàng, cũng như các khái niệm liên quan khác về các loại tổ chức tín dụng; (ii) 3 chức năng của ngân hàng; (iii) các hoạt động cơ bản của ngân hàng; (iv) lịch sử phát triển và cấu trúc của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

**1.1 Quá trình hình thành và phát triển của ngân hàng**

1.1.1 Sự hình thành ngân hàng thư­­ơng mại

1.1.2 Sự phát triển của ngân hàng thương mại

1.1.3. Các khái niệm về ngân hàng

**1.2 Chức năng của ngân hàng thư­ơng mại**

1.2.1 Trung gian tài chính

1.2.2 Trung gian thanh toán

1.2.3 Tạo phương tiện thanh toán

**1.3 Hệ thống ngân hàng thương mại Việt nam**

1.3.1 Lịch sử phát triển

1.3.2 Cấu trúc

**Tài liệu tham khảo Chương 1:**

1. Frederic S.Miskin (1994), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
2. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, Hà Nội.
3. Peter S.Rose (2001), Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài chính, Hà Nội
4. Phan Thị Thu Hà (2013), Giáo trình Ngân hàng thương mại, NXB Thống kê, Hà Nội.
5. David Cox, 1997, “Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại”, NXB chính trị quốc gia;

CHƯƠNG II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH LÃI CƠ BẢN TRONG NGÂN HÀNG

Nội dung của chương đề cập đến (i) phương pháp tính lãi đơn gồm khái niệm, công thức; (ii) phương pháp tính lãi gộp gồm khái niệm, công thức; (iii) lãi suất tương đương và lãi suất tỷ lệ ; (iv) giá trị hiện tại và giá trị tương lai của chuỗi niên kim cố định.

**2.1. Lãi đơn**

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Công thức

**2.2. Lãi gộp**

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Công thức

2.2.3. Lãi suất tương đương và lãi suất tỷ lệ

**2.3. Chuỗi niên kim cố định**

2.3.1. Khái niệm và các yếu tố của chuỗi niên kim cố định

2.3.2. Giá trị tương lai của chuỗi niên kim cố định

2.3.3. Giá trị hiện tại của chuỗi niên kim cố định

**Tài liệu tham khảo chương 2:**

Mai Siêu (1996), Toán tài chính, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội.

CHƯƠNG III. NGUỒN VỐN VÀ QUẢN LÝ NGUỒN VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Nội dung của chương đề cập đến (i) các khoản mục nguồn vốn, (ii) đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng của từng khoản mục nguồn vốn

**3.1. Nguồn vốn của ngân hàng thương mại**

3.1.1. Vốn chủ sở hữu

3.1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của vốn chủ sở hữu

3.1.1.2 Vai trò của vốn chủ sở hữu

3.1.1.3 Các khoản mục của vốn chủ sở hữu

3.1.2. Vốn nợ

3.1.2.1 Khái niệm và phân loại vốn nợ

3.1.2.2 Các khoản mục trong vốn nợ

**3.2. Đặc điểm của các nguồn vốn trong ngân hàng**

3.2.1. Đặc điểm của vốn chủ sở hữu

3.2.2. Đặc điểm của vốn nợ

3.3. Quản lý nguồn vốn trong ngân hàng (*tập trung vào nội dung quản lý lãi suất đối với vốn nợ*)

**Tài liệu tham khảo Chương 3:**

1. Frederic S.Miskin (1994), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
2. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, Hà Nội.
3. Peter S.Rose (2001), Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài chính, Hà Nội
4. Phan Thị Thu Hà (2004), Giáo trình Ngân hàng thương mại, NXB Thống kê, Hà Nội.
5. David Cox (1997), “Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại”, NXB chính trị quốc gia;
6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014), Thông tư số 36/2014/TT-NHNN

CHƯƠNG IV. TÀI SẢN VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN

Nội dung của chương đề cập đến (i) các khoản mục tài sản, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng của từng khoản mục tài sản; (ii) quản lý tài sản.

**4.1. Tài sản của ngân hàng thư­ơng mại**

4.1.1 Ngân quĩ

4.1.2 Chứng khoán

4.1.3 Tín dụng

4.1.4 Các tài sản nội bảng khác

4.1.5 Các tài sản ngoại bảng

**4.2. Quản lý tài sản của ngân hàng thương mại**

4.2.1 Mục tiêu quản lý

4.2.2 Nội dung quản lý (đối với từng loại tài sản trong 4.1)

***Tài liệu tham khảo Chương 4:***

1. Frederic S.Miskin (1994), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
2. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, Hà Nội.
3. Peter S.Rose (2001), Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài chính, Hà Nội
4. Phan Thị Thu Hà (2004), Giáo trình Ngân hàng thương mại, NXB Thống kê, Hà Nội.
5. David Cox, 1997, “Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại”, NXB chính trị quốc gia;
6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014), Thông tư số 36/2014/TT-NHNN
7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2013), Thông tư số 02/2013/TT-NHNN
8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014), Thông tư số 09/2014/TT-NHNN

**7. GIÁO TRÌNH:**

Giáo trình Ngân hàng thương mại, Chủ biên: GS. TS Nguyễn Văn Nam, PGS.TS Phan Thị Thu Hà, xuất bản năm 2013

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Peter Rose, 2005, “Quản trị ngân hàng thương mại”, NXB Tài chính;

- F.Minskin, 2005, “Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính”;

- David Cox, 1997, “Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại”, NXB chính trị quốc gia;

- Ngân hàng Nhà nước Việt nam, 1996, “Ngân hàng Việt nam – quá trình xây dựng và phát triển”, NXB chính trị quốc gia;

- Các tài liệu, tạp chí, văn bản pháp luật có liên quan và các trang web chuyên ngành ngân hàng, tài chính

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

Sinh viên đủ điều kiện dự thi nếu:

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học trên lớp.

Ngoài ra:

- Tham gia đầy đủ vào các buổi thảo luận và làm bài tập.

- Hình thức thi kết thúc học phần: thi tự luận

- Cách tính điểm học phần:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Điểm số** | **Trọng số** | **Tổng điểm** |
| 1 | Điểm chuyên cần | X | 10% | 10%X (1) |
| 2 | Điểm kiểm tra (1 bài) | Y | 20% | 20%Y (2) |
| 3 | Điểm thi cuối kỳ | Z | 70% | 70%Z (3) |
|  | **Điểm tổng kết học phần** |  |  | **(1)+(2)+(3)** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2015* |
| TRƯỞNG BỘ MÔN  (đã ký) |  | HIỆU TRƯỞNG  (đã ký)  **GS.TS Trần Thọ Đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: **Kiểm toán tài chính 3**

Tiếng Anh: Financial Auditing 3

Mã học phần: KTKI1119 Số tín chỉ: 3

**2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** Kiểm toán

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC**: Kiểm toán tài chính 1, 2

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Kiểm toán tài chính là sự phát triển của Kiểm toán căn bản hướng vào một trong các loại hình kiểm toán cơ bản là kiểm toán báo cáo tài chính. Đối tượng cụ thể của loại hình kiểm toán này là thông tin tài chính của các đơn vị. Mục tiêu của kiểm toán tài chính nhằm xác minh thông tin trên các báo cáo tài chính dưới góc độ tính trung thực của các chỉ tiêu và sự tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các qui định có liên quan. Học phần Kiểm toán tài chính 3 giới thiệu mục tiêu kiểm toán và nội dung kiểm toán các phần hành cơ bản của Báo cáo quyết toán dự án đầu tư, Báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước; kiểm tra thông tin tài chính tương lai và các thông tin tài chính theo quy ước của bản cáo bạch; và soát xét thông tin tài chính.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Sau khi học xong, sinh viên hiểu được đặc điểm của Báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước và Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; có thể thực hiện các thủ tục kiểm toán với các nội dung cơ bản trong Báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước, Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Sinh viên cũng hiểu được những nội dung kiểm tra đối với thông tin tài chính tương lai, thông tin tài chính theo quy ước trong bản cáo bạch. Sinh viên cũng hiểu được yêu cầu của soát xét thông tin tài chính quá khứ và các vấn đề cần soát xét và quy trình soát xét.

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**PHÂN BỐ THỜI GIAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Nội dung*** | ***Tổng số***  ***tiết*** | ***Trong đó*** | | ***Ghi chú*** |
| ***Lý thuyết*** | ***Bài tập, thảo luận, kiểm tra*** |
| 1  2  3  4  5 | Chương 1: Kiểm toán thông tin tài chính theo quy ước trong bản cáo bạch  Chương 2: Kiểm tra thông tin tương lai  Chương 3: Soát xét thông tin tài chính  Chương 4: Kiểm toán Báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước  Chương 5: Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành | 5  5  8  10  10 | 3  3  5  7  7 | 2  2  3  3  3 |  |
|  | **Cộng** | **38** | **25** | **13** |  |

CHƯƠNG I – KIỂM TOÁN THÔNG TIN TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC TRONG BẢN CÁO BẠCH

*Thông tin tài chính theo quy ước trong Bản cáo bạch là thông tin tài chính minh họa ảnh hưởng của sự kiện hay giao dịch trọng yếu đến thông tin chưa điều chỉnh của đơn vị. Các thông tin này cũng cần được xác minh để bảo đảm độ tin cậy cho người sử dụng như thông tin trong Báo cáo tài chính. Chương 1 giới thiệu đặc điểm của thông tin tài chính quy ước trong Bản cáo bạch, đặc điểm và trình tự kiểm toán thông tin tài chính theo quy ước trong bản cáo bạch.*

**1.1 Đặc điểm của thông tin tài chính quy ước trong bản cáo bạch với vấn đề kiểm toán**

**1.2 Đặc điểm của kiểm toán thông tin tài chính quy ước trong bản cáo bạch**

**1.3 Trình tự kiểm toán**

1.3.1 Chấp nhận kiểm toán

1.3.2 Lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán

1.3.3 Hình thành ý kiến và lập báo cáo

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (2014) *Giáo trình Kiểm toán tài chính*, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 18

Bộ Tài chính (2015) Chuẩn mực số 3420, có trong: Hệ thống 10 chuẩn mực Việt Nam đợt 2, VACPA (2016), NXB Tài chính, Hà Nội

CHƯƠNG II – KIỂM TRA THÔNG TIN TÀI CHÍNH TƯƠNG LAI

*Thông tin tài chính tương lai là các thông tin tài chính dựa trên giả định về các sự kiện có thể xảy ra trong tương lai và các hành động mà đơn vị có thể thực hiện. Thông tin này được lập như công cụ quản lý nội bộ hoặc cung cấp cho bên thứ ba. Do sử dụng nhiều xét đoán chuyên môn nên các thông tin này mang tính chủ quan cao đòi hỏi kiểm toán viên có cách thức kiểm tra phù hợp. Chương 2 giới thiệu về mục đích của thông tin tài chính tương lai, mức độ bảo đảm và trình tự kiểm tra của kiểm toán viên đối với thông tin tài chính tương lai.*

**2.1 Mục đích của thông tin tài chính tương lai**

**2.2 Mức độ bảo đảm của kiểm toán viên về thông tin tài chính tương lai**

**2.3 Trình tự kiểm tra**

2.3.1 Chấp nhận kiểm toán

2.3.2 Tìm hiểu về hoạt động kinh doanh của đơn vị

2.3.3 Thực hiện các thủ tục kiểm tra

2.3.3 Báo cáo kết quả kiểm tra

**Tài liệu tham khảo của chương:**

Bộ Tài chính (2015) Chuẩn mực số 3400, có trong: Hệ thống 10 chuẩn mực Việt Nam đợt 2, VACPA (2016), NXB Tài chính, Hà Nội

Arens A. (2016) *Auditing and Assurance Services an Integrated Approach*, 16th edition, Pearson, Chapter 25

CHƯƠNG III – SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH QUÁ KHỨ

*Soát xét thông tin tài chính quá khứ là hoạt động bảo đảm có giới hạn nên có những khác biệt so với kiểm toán Báo cáo tài chính (là hoạt động bảo đảm hợp lý). Soát xét thông tin tài chính quá khứ đã trở nên ngày càng phổ biến trong thực tiễn do soát xét Báo cáo tài chính hàng quý đã được quy định bắt buộc với đơn vị niêm yết. Chương 3 giới thiệu về đặc điểm và trình tự soát xét Báo cáo tài chính quá khứ và soát xét thông tin tài chính giữa niên độ.*

**3.1 Soát xét Báo cáo tài chính quá khứ**

3.1.1 Đặc điểm của soát xét Báo cáo tài chính quá khứ

3.1.2 Trình tự soát xét Báo cáo tài chính quá khứ

3.1.3 Kiểm soát chất lượng

**3.2 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ**

3.2.1 Nguyên tắc chung của soát xét thông tin tài chính giữa niên độ

3.2.2 mục đích của soát xét thông tin tài chính giữa niên độ

3.2.3 hình thành hợp đồng soát xét

3.2.4 thủ tục soát xét

**Tài liệu tham khảo của chương:**

Bộ Tài chính (2015) Chuẩn mực số 2400 và 2410, có trong: Hệ thống 10 chuẩn mực Việt Nam đợt 2, VACPA (2016), NXB Tài chính, Hà Nội

Arens A. (2016) *Auditing and Assurance Services an Integrated Approach*, 16th edition, Pearson, Chapter 25

CHƯƠNG IV – KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*Kiểm toán Báo cáo quyết toán Ngân sách Nhà nước là nội dung quan trọng trong hoạt động của Kiểm toán Nhà nước, giúp xác minh tính trung thực của thông tin trong Báo cáo quyết toán, phục vụ quản lý tài chính công của Nhà nước theo mục tiêu tiết kiệm, hiệu quả và hiệu lực. Chương 4 giới thiệu về trình tự lập Báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước; đối tượng, mục tiêu và các nội dung trong kiểm toán Báo cáo quyết toán Ngân sách Nhà nước.*

**4.1 Trình tự lập Báo cáo quyết toán ngân sách với vấn đề kiểm toán ngân sách**

**4.2 Đối tượng và mục tiêu kiểm toán Báo cáo quyết toán Ngân sách Nhà nước**

4.2.1 Đối tượng kiểm toán Báo cáo quyết toán Ngân sách Nhà nước

4.2.2 Mục tiêu kiểm toán Báo cáo quyết toán Ngân sách Nhà nước

**4.3 Kiểm toán Báo cáo quyết toán thu ngân sách**

**4.4 Kiểm toán Báo cáo quyết toán chi ngân sách**

**4.5 Kiểm toán tính đúng đắn, hợp pháp Báo cáo quyết toán ngân sách**

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (2014) *Giáo trình Kiểm toán tài chính*, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 18

Kiểm toán nhà nước (2018) Quyết định 02/2018/QĐ-KTNN về Quy trình kiểm toán Báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước, có tại: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Ke-toan-Kiem-toan/Quyet-dinh-02-2018-QD-KTNN-Quy-trinh-kiem-toan-Bao-cao-quyet-toan-ngan-sach-nha-nuoc-402245.aspx

Arens A. (2016) *Auditing and Assurance Services an Integrated Approach*, 16th edition, Pearson, Chapter 26

CHƯƠNG V – KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

*Các dự án đầu tư có qui mô vốn lớn và có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế xã hội cũng như sự phát triển của doanh nghiệp nên cần bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả và tiết kiệm. Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án là một yêu cầu tất yếu. Tuy nhiên,do những quy định đặc thù trong quá trình thực hiện dự án và quyết toán nên kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành có những điểm đặc thù. Chương 5 giới thiệu về đặc điểm của dự án đầu tư và Báo cáo quyết toán dự án, mục tiêu và nội dung trong kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án.*

**5.1 Đặc điểm của dự án đầu tư với vấn đề kiểm toán**

**5.2 Đặc điểm Báo cáo quyết toán vốn đầu tư và Mục tiêu kiểm toán**

5.2.1 Đặc điểm Báo cáo quyết toán vốn đầu tư

5.2.2 Mục tiêu kiểm toán

**5.3 Nội dung và trình tự kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành**

5.3.1 Nội dung kiểm toán

5.3.2 Trình tự kiểm toán

**Tài liệu tham khảo của chương:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (2014) *Giáo trình Kiểm toán tài chính*, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 18

Bộ Tài chính (2015) Chuẩn mực số 1000, có trong: Hệ thống 10 chuẩn mực Việt Nam đợt 2, VACPA (2016), NXB Tài chính, Hà Nội

**7. GIÁO TRÌNH:**

GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – PGS. TS. Ngô Trí Tuệ (2014) *Giáo trình Kiểm toán tài chính*, NXB Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Chương 18

Arens A. (2016) *Auditing and Assurance Services an Integrated Approach*, 16th edition, Pearson, Chapter 26

VACPA (2016) *Hệ thống 10 chuẩn mực Việt Nam đợt 2*, NXB Tài chính, Hà Nội

**8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

Kiểm toán nhà nước (2018) Quyết định 02/2018/QĐ-KTNN về Quy trình kiểm toán Báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước, có tại: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Ke-toan-Kiem-toan/Quyet-dinh-02-2018-QD-KTNN-Quy-trinh-kiem-toan-Bao-cao-quyet-toan-ngan-sach-nha-nuoc-402245.aspx

**9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:**

- Điểm đánh giá của giảng viên: 10% (theo Quy định chung của Trường)

- Điểm kiểm tra: 20% (theo đề xuất của Bộ môn)

- Điểm thi hết học phần: 70% (theo đề xuất của Bộ môn)

*Hà Nội, ngày … tháng….. năm 2019*

TRƯỞNG BỘ MÔN HIỆU TRƯỞNG

1. Các Quyết định sau đây không còn hiệu lực từ ngày 1/6/2014: Quyết định số 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/6/2005; Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006; Quyết định số 02/2008/QĐ-NHNN ngày 15/01/2008. [↑](#footnote-ref-1)